**Tuần 1**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết: 1***

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM**

**TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa của giai đoạn VH-Nêu được chủ đề, những thành tựu của các thể loại qua các chặng đường phát triển.

Ảnhhưởng của hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa đến sự phát triển của văn học.Những đóng góp nổi bật của giai đoạn văn học 45-75,75 đến hết XX. Lý giải nguyên nhân của những hạn chế

- Những đặc điểm cơ bản, những thành tựu lớn của văn học Việt Nam từ cách mạng tháng tám năm 1945 đến năm 1975.

- Những đổi mới bước đầu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX..

- Năng lực đọc – hiểu các tác tác phẩm văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giai đoạn văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX so với các giai đoạn khác.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Sưu tầm tranh, ảnh về các tác giả, tác phẩm tiêu biểu văn học VN từ CMT8 đến hết thế kỉ XX.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 12 (tập 2), soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chiếu ngữ liệu trên màn hình chiếu

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

**- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn học văn học hiện đại Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:

1. Ai là tác giả của bài thơ Đồng chí:

a/ Xuân Diệu

b/ Tố Hữu

c/ Chính Hữu

d/ Phạm Tiến Duật

2/ Nguyễn Duy là tác giả của bài thơ nào sau đây:

a/ Mùa xuân nho nhỏ

b/ Ánh trăng

c/ Đoàn thuyền đánh cá

d/ Viếng Lăng Bác

**- HS** thực hiện nhiệm vụ:

**- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **Gợi ý trả lời: 1d;2b**

**- GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: trong chương trình Ngữ văn 9, các em đã học một số nhà thơ, nhà văn tiêu biểu trong văn học Việt Nam qua các thời kì kháng chiến chống Pháp ( như Chính Hữu), chống Mĩ và sau 1975 ( như bài Ánh trăng của Nguyễn Duy). Như vậy, văn học Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỉ XX có gì nổi bật?

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu** **Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng Tám 1945- 1975**

**a) Mục tiêu:** Tìm hiểu khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng Tám 1945- 1975

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV** cho HS tìm hiểu (qua trao đổi nhóm, hoặc cá nhân: HS thảo luận theo nhóm, chia thành 4 nhóm :( 5-7 phút)  **Nhóm 1:** *VHVN 1945 – 1975 tồn tại và phát triển trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào? Trong hoàn cảnh LS ấy vấn đề đặt lên hàng đầu và chi phối mọi lĩnh vực đời sống là gì?Theo em nhiệm vụ hàng đầu của văn học trong giai đoạn này là gì?Văn học giai đoạn 1945 đến 1975 phát triển qua mấy chặng?*  **Nhóm 2** *Từ HCLS đó, VH có những đặc điểm nào?Nêu và giải thích, chứng minh những đặc điểm lớn của văn học giai đoạn này?*  **Nhóm 3:** *Thế nào là khuynh hướng sử thi? Điều này thể hiện như thế nào trong VH?*  **Nhóm 4:** *VH mang cảm hứng lãng mạn là VH như thế nào? Hãy giải thích phân tích đặc điểm này của VH 45-75 trên cơ sở hoàn cảnh XH?*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  Kết quả mong đợi:  **Nhóm 1 trả lời, các nhóm khác bổ sung:**  Hoàn cảnh lịch sử :  - Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt & kéo dài suốt 30 năm.  - Điều kiện giao lưu văn hoá không tránh khỏi hạn chế. Sự tiếp xúc với văn hóa nước ngoài chủ yếu là Liên Xô (cũ) và Trung Quốc.  - Các chặng đường VH:  +Chặng đường từ năm 1945-1954:  +Chặng đường từ 1955-1964:  +Chặng đường từ 1965-1975:  **Nhóm 2****trả lời, các nhóm khác bổ sung:**  a. Một nền VH chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.  - Văn học được xem là một vũ khí phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng, nhà văn là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá.  - Văn học tập trung vào 2 đề tài lớn đó là Tổ quốc và Chủ nghĩa xã hội ( thường gắn bó, hoà quyện trong mỗi tác phẩm)=> Tạo nên diện mạo riêng cho nền Vh giai đoạn này.  b. Một nền văn học hướng về đại chúng.  - Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh và phục vụ vừa là nguồn cung cấp bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học.  - Nội dung, hình thức hướng về đối tượng quần chúng nhân dân cách mạng.  c. Một nền văn học mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn  **Nhóm 3 trả lời, các nhóm khác bổ sung:**  - Khuynh hướng sử thi thể hiện ở những phương diện sau:  . Đề cập đến những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và có tính chất toàn dân tộc.  . Nhân vật chính là những người đại diện cho tinh hoa khí phách, phẩm chất, ý chí của cộng đồng dân tộc, tiêu biểu cho lí tưởng cộng đồng hơn là khát vọng cá nhân  . Con người do vậy chủ yếu được khai thác ở khía cạnh bổn phận trách nhiệm công dân, ở tình cảm lớn, lẽ sống lớn.  . Lời văn sử thi thường mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng, hào hùng.  **Nhóm 4 trả lời, các nhóm khác bổ sung:**  - Cảm hứng lãng mạn: Là cảm hứng khẳng định cái Tôi đầy tình cảm cảm xúc và hướng tớ lí tưởng: tập trung miêu tả và khẳng định phương diện lí tưởng của cuộc sống mới, con người mới.Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM và hướng tới tương lai tươi sáng của dân tộc.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung:  *+ Thực hiện xuất sắc nhiệm vụ lịch sử; thể hiện hình ảnh con người Việt Nam trong chiến đấu và lao động.*  *+ Tiếp nối và phát huy những truyền thống tư tưởng lớn của dân tộc: truyền thống yêu nước, truyền thống nhân đạo và chủ nghĩa anh hùng.*  *+ Những thành tựu nghệ thuật lớn về thể loại, về khuynh hướng thẩm mĩ, về đội ngũ sáng tác, đặc biệt là sự xuất hiện những tác phẩm lớn mang tầm thời đại.*  *+ Tuy vậy, văn học thời kì này vẫn có những hạn chế nhất định: giản đơn, phiến diện, công thức…* | **I/ Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng Tám 1945- 1975:**  **1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:**  - Văn học vận động và phát triển dưới sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng  - Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt kéo dào suốt 30 năm.  - Điều kiện giao lưu văn hoá với nước ngoài bị hạn chế, nền kinh tế nghèo nàn chậm phát triển .  **2.Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu:**  **a. Chặng đường từ năm 1945-1954:**  - VH tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta  - Thành tựu tiêu biểu: Truyện ngắn và kí. Từ 1950 trở đi xuất hiện một số truyện, kí khá dày dặn.( D/C SGK).  **b. Chặng đường từ 1955-1964:**  - Văn xuôi mở rộng đề tài.  - Thơ ca phát triển mạnh mẽ.  - Kịch nói cũng có một số thành tựu đáng kể.( D/C SGK).  **c. Chặng đường từ 1965-1975:**  - Chủ đề bao trùm là đề cao tinh thần yêu nước, ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng.  - Văn xuôi tập trung phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động, khắc hoạ thành công hình ảnh con người VN anh dũng, kiên cường, bất khuất.( Tiêu biểu là thể loại Truyện-kí cả ở miền Bắc và miền Nam).  - Thơ đạt được nhiều thành tựu xuất sắc, thực sự là một bước tiến mới của thơ ca VN hiện đại  - Kịch cũng có những thành tựu đáng ghi nhận.( D/C SGK).  **d. Văn học vùng địch tạm chiếm:**  - Xu hướng chính thống: Xu hướng phản động ( Chống cộng, đồi truỵ bạo lực...)  - Xu hướng VH yêu nước và cách mạng : + Nội dung phủ định chế độ bất công tàn bạo, lên án bọn cướp nước, bán nước, thức tỉnh lòng yêu nước và tinh thần dân tộc...  + Hình thức thể loại gon nhẹ: Truyện ngắn, thơ, phóng sự, bút kí  - Ngoài ra còn có một sáng tác có nội dung lành mạnh, có giá trị nghệ thuật cao. Nội dung viết về hiện thực xã hội, về đời sống văn hoá, phong tục, thiên nhiên đất nước, về vẻ đẹp con người lao động...  **3. Những đặc điểm cơ bản của VHVN 1945-1975:**  a. Một nền VH chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.  b. Một nền văn học hướng về đại chúng.  c. Một nền văn học mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn  - Khuynh hướng sử thi được thể hiện trong văn học ở các mặt sau:  + **Đề tài:** Tập trung phản ánh những vấn đề có ý nghĩa sống còn của đất nước: Tổ quốc còn hay mất, tự do hay nô lệ.  **+ Nhân vật chính:** là những con người đại diện cho phẩm chất và ý chí của dân tộc; gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước; luôn đặt lẽ sống của dân tộc lên hàng đầu.  **+ Lời văn** mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng.  **+ Người cầm bút** có tầm nhìn bao quát về lịch sử, dân tộc và thời đại.  - Cảm hứng lãng mạn:  - Là cảm hứng khẳng định cái tôi dạt dào tình cảm hướng tới cách mạng  - Biểu hiện:  + Ngợi ca cuộc sống mới, con người mới,  + Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.  **🡪 Cảm hứng nâng đỡ con người vượt lên những chặng đường chiến tranh gian khổ, máu lửa, hi sinh.**  => Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn kết hợp hoà quyện làm cho văn học giai đoạn này thấm đẫm tinh thần lạc quan, tin tưởng và do vậy VH đã làm tròn nhiệm vụ phục vụ đắc lực cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc thống nhất đất nước. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu văn học VN từ sau 1975 đến hết TK XX**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được đặc điểm văn học VN

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS trình bày câu trả lời

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\* GV đặt câu hỏi:**  *1. Theo em hoàn cảnh LS của đất nước giai đoạn này có gì khác trước? Hoàn cảnh đó đã chi phối đến quá trình phát triển của VH như thế nào?*  *Những chuyển biến của văn học diễn ra cụ thể ra sao?*  *Ý thức về quan niệm nghệ thuật được biểu hiện như thế nào?*  *2. Theo em vì sao VH phải đổi mới? Thành tựu chủ yếu của quá trình đổi mới là gì? ( Câu hỏi 4 SGK)*  *Trong quan niệm về con người trong VH sau 1975 có gì khác trước?*  *Hãy chứng minh qua một số tác phẩm mà em đã đọc?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi***  1. Đại thắng mùa xuân năm 1975 mở ra một thời kì mới-thời kì độc lập tự do thống nhất đất đất nước-mở ra vận hội mới cho đất nước  -\2. Từ năm 1975-1985 đất nước trải qua những khó khăn thử thách sau chiến tranh.  - Từ 1986 Đất nước bước vào công cuộc đổi mới toàn diện, nền kinh tế từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, văn hoá có điều kiện tiếp xúc với nhiều nước trên thế giới, văn học dịch, báo chí và các phương tiện truyền thông phát triển mạnh mẽ...  => Những điều kiện đó đã thúc đẩy nền văn học đổi mới cho phù hợp với nguyện vọng của nhà văn, người đọc cũng như phù hợp quy luật phát triển khách quan của nền văn học.  - Từ sau 1975, thơ chưa tạo được sự lôi cuốn hấp dẫn như các giai đoạn trước. Tuy nhiên vẫn có một số tác phẩm ít nhiều gây chú ý cho người đọc (Trong đó có cả nhưng cây bút thuộc thế hệ chống Mĩ và những cây bút thuộc thế hệ nhà thơ sau 1975).  - Từ sau 1975 văn xuôi có nhiều thành tựu hơn so với thơ ca. Nhất là từ đầu những năm 80. Xu thế đổi mới trong cách viết cách tiếp cận hiện thực ngày càng rõ nét với nhiều tác phẩm của Nguyễn Mạnh Tuấn, Ma văn Kháng, Nguyễn Khải.  - Từ năm 1986 văn học chính thức bước vào thời kì đổi mới : Gắn bó với đời sống, cập nhật những vấn đề của đời sống hàng ngày. Các thể loại phóng sự, truyện ngắn, bút kí, hồi kí... đều có những thành tựu tiêu biểu.  - Thể loại kịch từ sau 1975 phát triển mạnh mẽ ( Lưu Quang Vũ, Xuân Trình...)  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II/ Văn học VN từ sau 1975- hết thế kỉ XX** .  1/ Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá VN từ sau 1975:  2/Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu của văn học sau 1975 đến hết thế kỉ XX:  =>Nhìn chung về văn học sau 1975  - Văn học đã từng bước chuyển sang giai đoạn đổi mới và vận động theo hướng dân chủ hoá,mang tính nhân bản và nhân văn sâu sắc.  - Vh cũng phát triển đa dạng hơn về đề tài, phong phú, mới mẻ hơn về bút pháp,cá tính sáng tạo của nhà văn được phát huy .  - Nét mới của VH giai đoạn này là tính hướng nội, đi vào hành trình tìm kiếm bên trong, quan tâm nhiều hơn đến số phận con người trong những hoàn cảnh phức tạp của đời sống.  - Tuy nhiên VH giai đoạn này cũng có những hạn chế: đó là những biểu hiện quá đà, thiếu lành mạnh hoặc nảy sinh khuynh hướng tiêu cực, nói nhiều tới các mặt trái của xã hội...  **III/ Kết luận**: ( Ghi nhớ- SGK)  - VHVN từ CM tháng Tám 1945-1975 hình thành và phát triển trong một hoàn cảnh đặc biệt, trải qua 3 chặng, mỗi chặng có những thành tựu riêng, có 3 đăc điểm cơ bản...  - Từ sau 1975, nhất là từ năm 1986, VHVN bước vào thời kì đổi mới, vận động theo hướng dân chủ hoá,mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc; có tính chất hướng nội, quan tâm đến số phận cá nhân trong hoàn cảnh phức tạp của cuộc sống đời thường, có nhiều tìm tòi đổi mới về nghệ thuật. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh

|  |  |
| --- | --- |
| ***Trước 1975:*** | ***Sau 1975*** |
| - Con người lịch sử.  - Nhấn mạnh ở tính giai cấp.  - Chỉ được khắc hoạ ở phẩm chất chính trị, tinh thần cách mạng  - Tình cảm được nói đến là t/c đồng bào, đồng chí, t/c con người mới  - Được mô tả ở đời sống ý thức | - Con người cá nhân trong quan hệ đời thường. (*Mùa lá rụng trong vườn*- Ma Văn Kháng, *Thời xa vắng*- Lê Lựu, *Tướng về hưu* – Nguyễn Huy Thiệp...)  - Nhấn Mạnh ở tính nhân loại. (*Cha và con và*...- Nguyễn Khải, *Nỗi buồn chiến tranh* – Bảo Ninh...)  - Còn được khắc hoạ ở phương diện tự nhiên, bản năng...  - Con người được thể hiện ở đời sống tâm linh. (*Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường, *Thanh minh trời trong sáng* của Ma Văn Kháng...) |

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:*

**Lập bảng so sánh:** Đổi mới trong quan niệm về con người trong văn học Việt Nam trước và sau năm 1975?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**-** Khuynh hướng sử thi:được thể hiện trong vh ở các mặt sau:

+ **Đề tài:** Tập trung phản ánh những vấn đề có ý nghĩa sống còn của đất nước: Tổ quốc còn hay mất, tự do hay nô lệ.

**+ Nhân vật chính:** là những con người đại diện cho phẩm chất và ý chí của dân tộc; gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước; luôn đặt lẽ sống của dân tộc lên hàng đầu.

**+ Lời văn** mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng.

**+ Người cầm bút** có tầm nhìn bao quát về lịch sử, dân tộc và thời đại

- Cảm hứng lãng mạn:Tuy còn nhiều khó khăn gian khổ, nhiều mất mác, hy sinh nhưng lòng vẫn tràn đầy mơ ước, vẫn tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước. Cảm hứng lãng mạn đã nâng đỡ con người VN vượt lên mọi thử thách hướng tới chiến thắng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV giao nhiệm vụ:* ***Tr/bày ngắn gọn về khuynh hướng sử thi và c/hứng lãng mạn của nền VHVN 1945 – 1975.***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

## 4. Hướng dẫn về nhà ( 1 phút)

- Phân tích, đánh giá các đặc điểm cơ bản, thành tựu và những hạn chế của VH giai đoạn 1975 đến hết thế kỷ XX.

- Chuẩn bị bài: Nghị luận về một tư tưởng đạo lí

**Tuần**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 3:***

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý;

- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một tư tưởng, đạo lý (luận đề)

- Nội dung, yêu cầu của bài văn NL về một tư tưởng, đạo lí.

- Các thức triển khai bài văn NL về một tư tưởng, đạo lí.

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực viết văn bản nghị luận xã hội ;

- Năng lực đọc – hiểu một văn bản nghị luận về một tư tưởng, đạo lý; hiện tượng đời sống.

- Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

* -Giáo án
* -Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
* -Những câu danh ngôn, những câu châm ngôn quen thuộc; những mẫu tin trên báo chí mang tính thời sự
* -Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
* -Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

+ Chuẩn bị SGK, vở ghi đầy đủ

+ Chuẩn bị phiếu trả lời câu hỏi theo mẫu.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

**- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm:** hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:

**1/ Đề văn nào dưới đây không thuộc loại nghị luận về một tư tưởng đạo lí?**

1. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu nói: Cái nết đánh chết cái đẹp
2. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu khẩu hiệu : Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình.

 c. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu nói : Làm người thì không nên có cái tôi...nhưng làm thơ thì không thể không có cái tôi.

 d. Qua bài thơ Vội vàng, anh(chị) có suy nghĩ như thế nào về quan niệm sống của nhà thơ Xuân Diệu?

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **c**

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Văn nghị luận nói chung, nghị luận về một tư tưởng, đạo lí nói riêng là kiểu bài chúng ta thường gặp trong đời sống hằng ngày, trên báo chí và các phương tiên truyền thông đại chúng khác. Hơn nữa, ở bậc THCS, chúng ta cũng đã nghiên cứu khá kĩ kiểu bài này; vậy bây giờ em nào có thể nhắc lại những nội dung cơ bản đã học ở lớp 9?

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

**a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về văn nghị luận

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  -Hướng dẫn HS luyện tập để biết cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí.  **- GV** dựa vào đề bài trong SGK và những câu hỏi gợi ý, hướng dẫn HS thảo luận hình thành lí thuyết.  **HS làm việc theo nhóm:** Đọc kĩ đề bài và câu hỏi, trao đổi thảo luận, ghi kết quả vào phiếu học tập (ý khái quát, ngắn gọn) và đại diện nhóm trình bày (3-5 phút)  -Cần tập trung thảo luận và nêu được thế nào là “sống đẹp”(Gợi ý: *Sống đẹp là sống có lí tưởng mục đích, có tình cảm nhân hậu, lành mạnh, có trí tuệ sáng suốt, hiểu biết rộng, có hành động tích cực=> có ích cho cộng đồng xã hội...); ngược lại là lối sống: ích kỉ, nhỏ nhen, hẹp hòi, vô trách nhiệm, thiếu ý chí nghị lực*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  Kết quả mong đợi:  **HS** dựa vào phần tìm hiểu đề để lập dàn ý:  A. Mở bài:  - Giới thiệu về cách sống của thanh niên hiện nay.  - Dẫn câu thơ của Tố Hữu.  B. Thân bài:  - Giải thích thế nào là sống đẹp?  - Các biểu hiện của sống đẹp:  *+ lí tưởng* (mục đích sống) đúng đắn, cao đẹp.  + *tâm hồn, tình cảm* lành mạnh, nhân hậu.  + *trí tuệ* (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt.  + *hành động* tích cực, lương thiện…  Với thanh niên, HS, muốn trở thành người *sống đẹp*, cần thường xuyên học tập và rèn luyện để từng bước hoàn thiện nhân cách.  C. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của sống đẹp.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  **GV bổ sung:**  - Như vậy, bài làm có thể hình thành 4 nội dung để trả lời câu hỏi cả Tố Hữu: lí tưởng đúng đắn; tâm hồn lành mạnh; trí tuệ sáng suốt; hành động tích cực.  - Với đề văn này, có thể sử dụng các thao tác lập luận như: giải thích (*sống đẹp*); phân tích (các khía cạnh biểu hiện của *sống đẹp*); chứng minh, bình luận (nêu những tấm gương người tốt, bàn cách thức rèn luyện để sống đẹp,; phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực,…). | **I. Tìm hiểu chung**  **I. Đề tài nghị luận về tư tưởng, đạo lí:** vô cùng phong phú, bao gồm các vấn đề:  - Về nhận thức (lí tưởng, mục đích sống).  - Về tâm hồn, tính cách (lòng yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, bao dung, độ lượng; tính trung thực, dũng cảm, chăm chỉ, cần cù, thái độ hoà nhã, khiêm tốn; thói ích kỉ, ba hoa, vụ lợi,…).  - Về các quan hệ gia đình (tình mẫu tử, tình anh em,…); về quan hệ xã hội (tình đồng bào, tình thây trò, tình bạn,…).  - Về cách ứng xử, những hành động của mỗi người trong cuộc sống,…  **II. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:**  *Đề bài*: Em hãy trả lời câu hỏi sau của nhà thơ Tố Hữu: Ôi*, Sống đẹp là thế nào, hỡi bạn ?*  ***a. Tìm hiểu đề:***  - Câu thơ viết dưới dạng câu hỏi, nêu lên vấn đề “sống đẹp” trong đời sống của mỗi người muốn xứng đáng là “con người” cần nhận thức đúng và rèn luyện tích cực.  - Để *sống đẹp*, mỗi người cần xác định: *lí tưởng* (mục đích sống) đúng đắn, cao đẹp; *tâm hồn, tình cảm* lành mạnh, nhân hậu; *trí tuệ* (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt; *hành động* tích cực, lương thiện…Với thanh niên, HS, muốn trở thành người *sống đẹp*, cần thường xuyên học tập và rèn luyện để từng bước hoàn thiện nhân cách.  - Dẫn chứng chủ yếu dùng tư liệu thực tế, có thể lấy dẫn chứng trong thơ văn nhưng không cần nhiều.  ***b. Lập dàn ý:*** |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV** hướng dẫn HS sơ kết, nêu hiểu biết về cách làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.  **- Hướng dẫn HS** củng cố kiến thức qua phần ghi nhớ trong SGK.  **-HS** nêu phương pháp làm bài qua phần luyện tập .  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:**  ***Ghi nhớ:*** (SGK).  1. Mở bài: Giới thiệu tư tưởng, đạo lí cần bàn luận, trích dẫn (nếu đề đưa ý kiến, nhận định).  2. Thân bài:  a. *Giải thích*, nêu nội dung vấn đề cần bàn luận. Trong trường hợp cần thiết, người viết chú ý giải thích các khái niệm, các vế và rút ra ý khái quát của vấn đề.  \* Lưu ý: Cần giới thiệu vấn đề một cách ngắn gọn, rõ ràng, tránh trình bày chung chung. Khâu này rất quan trọng, có ý nghĩa định hướng cho toàn bài.  b. *Phân tích* vấn đề trên nhiều khía cạnh, chỉ ra biểu hiện cụ thể.  c. *Chứng minh*: Dùng dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề.  d. *Bàn bạc* vấn đề trên các phương diện, khía cạnh: đúng- sai, tốt- xấu, tích cực- tiêu cực, đóng góp- hạn chế,…  \* Lưu ý: Sự bàn bạc cần khách quan, toàn diện, khoa học, cụ thể, chân thực, sáng tạo của người viết.  e. Khẳng định ý nghĩa của vấn đề trong lí luận và thực tiễn đời sống.  3. Kết bài: Liên hệ, rút ra bài học nhận thức và hoạt động về tư tưởng đạo lí (trong gia đình, nhà trường, ngoài xã hội) |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng lí thuyết vào làm bài tập

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Hướng dẫn HS luyện tập củng cố kiến thức**  -Yêu cầu HS đọc kĩ 2 bài tập trong SGK và thực hành theo các câu hỏi.  **Bài 2: GV** có thể đặt ra một số yêu cầu cụ thể cho HS:  a.Lập dàn ý  b.Viết thành bài văn nghị luận hoàn chỉnh  - GV cho HS chia nhóm thảo luận dàn ý sau đó định hướng trở lại để HS viết thành bài văn hoàn chỉnh  - GV kiểm tra, nhận xét, cho điểm một số bài làm của HS  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + Lần lượt đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý bổ sung ( nhóm sau không nhắc lại nội dung nhóm trước đã trình bày)  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  **Bài tập 1:**  **HS** làm việc cá nhân và trình bày ngắn gọn, lớp theo dõi, nhận xét bổ sung  + Vấn đề mà Nê- ru bàn luận là phẩm chất văn hoá trong nhân cách của mỗi con người.  + Có thể đặt tiêu đề cho văn bản là: “*Thế nào là con người có văn hoá?*” Hay “ *Một trí tuệ có văn hoá”*  + Tác giả đã sử dụng các thao tác lập luận: Giải thích (đoạn 1), phân tích (đoạn 2) , bình luận (đoạn 3)  + Cách diễn đạt rất sinh động: ( GT: đưa ra câu hỏi và tự trả lời. PT: trực tiếp đối thoại với người đọc tạo sự gần gũi thân mật. BL: viện dẫn đoạn thơ của một nhà thơ HI lạp vừa tóm lược các luận điểm vừa tạo ấn tượng nhẹ nhàng, dễ nhớ, hấp dẫn  **Bài tập 2: Hs về nhà làm dựa theo gợi ý SGK ( Lập dàn ý hoặc viết bài)**  - ***Mở bài:***  + Vai trò lí tưởng trong đời sống con người.  + Có thể trích dẫn nguyên văn câu nói của Lep Tônxtôi  - ***Thân bài***:  + Giải thích: lí tưởng là gì?  + Phân tích vai trò, giá trị của lí tưởng: Ngọn đèn chỉ đường, dẫn lối cho con người.  *Dẫn chứng: lí tưởng yêu nước của Hồ Chí Minh.*  + Bình luận: Vì sao sống cần có lí tưởng?  + Suy nghĩ của bản thân đối với ý kiến của nhà văn. Từ đó, lựa chọn và phấn đấu cho lí tưởng sống.  - ***Kết bài:***  + Lí tưởng là thước đo đánh giá con người.  + Nhắc nhở thế hệ trẻ biết sống vì lí tưởng.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II/ Luyện tập:**  **1. Bài tập 1:**  **2. Bài 2/ SGK/22:**  a. **Dàn ý:**  b. Viết văn bản: |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:

a. *Yêu cầu nội dung:* Tự học với học sinh hiện nay là rất cần thiết, bài văn cần có bốn ý sau:

1. Giải thích về “học” và “tự học”.

2. Đưa các lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định tự học đối với học sinh hiện nay là rất cần thiết.

3. Phê phán không tự học, dựa dẫm, ỷ lại,…

4. Rút ra bài học nhận thức và hành động từ việc tìm hiểu về tự học.

b. *Yêu cầu về thao tác nghị luận:* Thường sử dụng kết hợp các thao tác sau:

-  Thao tác trình bày luận điểm: Gồm hai thao tác diễn dịch và qui nạp (nên sử dụng diễn dịch).

-  Thao tác làm rõ luận điểm gồm: Thao tác giải thích để làm rõ nội dung ý kiến hay khái niệm ở đề bài. Thao tác phân tích để chia tách vấn đề thành nhiều khía cạnh, chỉ ra các biểu hiện cụ thể của vấn đề. Thao tác chứng minh để làm sáng tỏ vấn đề. Thao tác bình luận để khẳng định vấn đề. Thao tác bác bỏ để phê phán, phủ nhận khía cạnh sai lệch.

c.  *Yêu cầu về phạm vi tư liệu* (dẫn chứng):  Bài nghị luận xã hội chủ yếu lấy dẫn chứng trong thực tế đời sống.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Xác định 3 yêu cầu khi làm đề sau:** phát biểu ý kiến về vai trò của tự học đối với học sinh hiện nay.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

**c) Sản phẩm:** Kết quả của H

**LẬP DÀN Ý**

**I/. Mở bài:**

-  Nêu ý: Có người vào thư viện đọc sách, có người mua sách. Nhận định: Đọc sách có nhiều tác dụng.

**II/. Thân bài:**

1/. Nêu ví dụ từ đó giải thích: “Sách” là kho tàng tri thức, kĩ năng. “Đọc sách” là hoạt động tiếp thu tri thức, kĩ năng.

2/. Nêu các ví dụ và phân tích tác dụng của đọc sách:

-  Mở mang hiểu biết…

-  Bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm…

-  Có thêm nhiều kĩ năng…

-  Có tác dụng giải trí…

3/. Phê phán người không quí trọng sách, lười đọc, đọc không lựa chọn, không đúng lúc.

4/. Bài học:

-  Nhận thức tầm quan trọng của đọc sách.

-  Hành động: Đọc sách liên quan đến học tập. Còn cần đọc thêm sách khác. Biết chọn sách, đọc đúng lúc.

**III/. Kết bài:** Đánh giá chung tác dụng của đọc sách, mọi người cần đọc sách.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV giao nhiệm vụ:* Anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (không quá 400 từ) phát biểu ý kiến  về tác dụng của việc đọc sách.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)

- Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí ( Tìm hiểu đề, lập dàn ý, diễn đạt, vận dụng các thao tác lập luận để khẳng định hoặc bác bỏ

- Cần chú ý tiếp thu những quan niệm tích cực, tiến bộ và biết phê phán, bác bỏ những quan niệm sai trái, lệch lạc.

- Chuẩn bị bài: TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

**Tuần 2**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết: 4***

**TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**

**( PHẦN I – TÁC GIẢ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

- Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

- Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp, văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản của phong cách nghệ thuật HCM.

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

- Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả Hồ Chí Minh.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

* - Giáo án
* - Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
* - Hình ảnh , phim ảnh về Hồ Chí Minh
* - Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
* - Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

* -Đọc trước văn bản về tiểu sử và sự nghiệp văn học Hồ Chí Minh
* -Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
* -Đồ dùng học tập

- Sưu tầm tranh, ảnh Tranh, ảnh chân dung của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, khi Người hoạt động ở Pháp, khi là Chủ tịch nước, trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV TỔ CHỨC TRÒ CHƠI Ô CHỮ về chủ đề truyện Vợ nhặt để tạo không khí sôi động đầu giờ học.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về HCM bằng cách cho HS:

* Xem chân dung
* Xem một đoạn video clip về HCM
* Nghe một đoạn bài hát Viếng lăng Bác ( phỏng thơ Viễn Phương)

**- HS** thực hiện nhiệm vụ:

**- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng, người mở đường cho văn học cách mạng. Sự nghiệp văn học của Người rất đặc sắc về nội dung tư tưởng, phong phú đa dạng về thể loại và phong cách sáng tác. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu Tiểu sử- quan điểm sáng tác (10 phút).**

**a) Mục tiêu:** hiểu được tiểu sử, quan điểm sáng tác của HCM

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **\* Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tóm tắt những nét cơ bản nhất về tiểu sử.**  1. GV hướng dẫn HS tóm tắt những nét cơ bản nhất về tiểu sử.  - HS theo dõi SGK trả lời ngắn gọn ( chú ý những điểm mốc lớn)  *- Những nét chính trong cuộc đời Hồ Chí Minh?*  **Thao tác 2:** Hướng dẫn HS tìm hiểu quan điểm sáng tác nghệ thuật của HCM  - HS trao đổi nhóm và trả lời dựa theo mục a,b,c ( SGK)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  1.  a. Thời kì từ năm 1911-1941: Hoạt động cách mạng ở nước ngoài: tìm đường cứu nước, thành lập Đảng CSVN, chuẩn bị cho CMT8 năm 1945.  b. Từ năm 1941-1969 lãnh đạo nhân dân làm nên cuộc CMT8 thắng lợi- khai sinh ra Nước VN Dân chủ Cộng hòa. Lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mĩ và công cuộc xây dựng XHCN ở miền Bắc với tư cách Chủ tịch Nước VN Dân chủ Cộng hòa.  2.  **Nhóm 1:**  - Hồ Chí Minh coi văn học là vũ khí chiến đấu lợi hại, phụng sự đắc lực cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận.  **Nhóm 2:**  - Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học. Nhà văn cần tránh lối viết cầu kì xa lạ, chú ý phát huy cốt cách dân tộc, ngôn từ phải chọn lọc.  **Nhóm 3:**  - Khi cầm bút, Người bao giờ cũng xuất phát tù đối tượng ( *Viết cho* *ai?*) và mục đích tiếp nhận ( *Viết để làm gì?* ) để quyết định nội dung ( *Viết cái gì?* ) và hình thức (*Viết thế* *nào?* ) của tác phẩm.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | I. **Vài nét về tiểu sử:** (SGK)  1. Quê hương, gia đình, thời niên thiếu.  2. Quá trình hoạt động CM:  \* *Hồ Chí Minh là nhà yêu nước, nhà CM vĩ đại, là anh hùng giải phóng dân tộc của nhân dân VN và là nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào Quốc tế cộng sản, là danh nhân văn hóa thế giới.*  - *Mâu thuẫn và tính chất trào phúng của truyện*:  - *Đặc điểm của ngôn ngữ truyện*:  II. **Quan điểm sáng tác nghệ thuật** |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu sự nghiệp văn học của HCM**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được sự nghiệp văn học của HCM

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu **HS theo dõi SGK và dựa vào phần soạn bài trả lời ngắn gọn khái quát- chú ý làm rõ tính đa dạng phong phú trong sáng tác của Người.**   * *NAQ – HCM thường sáng tác theo những thể loại nào?*   *- Những tác phẩm tiêu biểu?*  *- Mục đích viết văn chính luận để làm gì?*  *- Dựa vào SGK hãy kể tên một số truyện và kí tiêu biểu của HCM?*  *- Tài năng nghệ thuật của HCM đối với thể loại này?*  *- Em hiểu biết gì về tập thơ NKTT cuả HCM? Nêu những nội dung chính của tập thơ?*  *Em có nhận xét gì về thơ HCM trước và sau CMT8?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  *1. Văn chính luận*:  - Tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925 ); Tuyên ngôn độc lập (1945);Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ( 1946 )  - Mục đích: đấu tranh chính trị nhằm tấn công trực diện kẻ thù , thể hiện những nhiệm vụ CM qua những chặng đường lịch sử .  - Nghệ thuật: Lí lẽ vững vàng xác đáng đầy sức thuyết phục, ngôn từ giản dị  *2. Truyện và kí*  - Nội dung : Vạch trần bản chất của bọn thực dân cướp nước và bọn tay sai bán bước, ca ngợi những người chiến sĩ CM kiên cường đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc .   * Nghệ thuật : Lối viết cô đọng, cột truyện sáng tạo, kết cấu độc đáo, mang màu sắc hiện đại nhẹ nhàng trào lộng của văn thông tấn, vừa sâu sắc đầy tính chiến đấu vừa tươi tắn hóm hỉnh   *3. Thơ ca:* Được in trong các tập :   * Tập thơ NKTT bằng chữ Hán sáng tác từ tháng 1942 đến tháng 1943 xuất bản năm 1960 * Thơ Hồ Chí Minh ( xb 1967 ) * Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh (xb 1990 ) * THƠ HỒ CHÍ MINH   Trước CM tháng 8 : Sáng tác nhiều bài thơ mộc mạc , giản dị để tuyên truyền đường lối  Sau CM tháng 8 : Bộc lộ nội niềm lo lắng vềvận mệnh non sông, động viên sức mạnh nhân dân  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  **GV bổ sung:**  NHẬT KÍ TRONG TÙ  - Hoàn cảnh sáng tác: Tập nhật kí bằng thơ được viết trong thời gian Bác bị giam cầm trong nhà tù Quốc dân đảng tại Quảng Tây Trung Quốc từ mùa thu năm 1942- mùa thu 1943 . Bác đã ghi lại những gì xảy ra trong nhà tù và trên đường áp giải từ nhà lao này đến nhà lao khác .  - Nội dung :  Tác phẩm thể hiện bức chân dung tt tự hoạ và tái hiện một cách chân thực và chi tiết bộ mặt tàn bạo của nhà tù Quốc dân đảng và một phần nào tình hình xã hội Trung Quốc những năm 1942-1943. Tác phẩm mang một giá trị phê phán sắc sảo , thâm thúy  -Tập thơ sâu sắc về tư tưởng , độc đáo đa dạng về bút pháp kết tin giá trị tư tưởng và nghệ thuật thơ ca của HCM . | **III. Di sản văn học**:  Sự nghiệp chính là sự nghiệp CM nhưng Người đã để lại một sự nghiệp vh to lớn.  *1. Văn chính luận*:  - Tác phẩm:  - Mục đích:  - Nghệ thuật:  *2. Truyện và kí*  - Nội dung :  -Nghệ thuật :  *3. Thơ ca*   * NHẬT KÍ TRONG TÙ   - Hoàn cảnh sáng tác:  - Nội dung :   * THƠ HỒ CHÍ MINH   -Trước CM tháng 8 :  -Sau CM tháng 8 :  => *Vừa mang màu sắc cổ điển, vừa mang tinh thần hiện đại , hình ảnh nhân vật trữ tình yêu nước , phong thái ung dung tự* *tại.* |

**Hoạt động 3: Hướng dẫn tìm hiểu** **về phong cách nghệ thuật của tác giả HCM**

**a) Mục tiêu:** hiểu được về phong cách nghệ thuật của tác giả HCM

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV nêu yêu cầu:**   * HS thảo luận nhóm và trình bày kết quả, lớp theo dõi SGK nhận xét bổ sung hình thành kiến thức * *Tại sao có thể nói phong cách vh của HCM vừa độc đáo vừa đa dạng?*   - HS phát biểu. GV nhận xét, nhấn mạnh những ý cơ bản.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + Lần lượt đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý bổ sung ( nhóm sau không nhắc lại nội dung nhóm trước đã trình bày)  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.   * **GV:** Độc đáo mà đa dạng :   Ngay từ nhỏ, HCM đã được sống trong không khí của văn chương cổ điển VN và TQ, của thơ Đường, thơ Tống… Trong thời gian hoạt động CM ở nước ngoài, sống ở Pa-ri, Luân Đôn, Oa-sinh-tơn, Ca-li-phoóc-ni-a, Hồng Kông… tiếp xúc và chịu ảnh hưởng tư tưởng nghệ thuật của nhiều nhà văn Âu. Mĩ và nền văn học phương Tây hiện đại.  \* **Nhóm 1**  - Văn chính luận :Ngắn gọn , tư duy sắc sảo , lập luận chặt chẽ , lý lẽ đanh thép , bằng chứng đầy sức thuyết phục , giàu tính luận chiến , đa dạng về bút pháp .  \* **Nhóm 2**  - Truyện và ký :Trí tưởng tượng phong phú , sáng tạo độc đáo về tình huống truyện, sự kết hợp hài hòa văn hóa phương Đông và phương Tây trong nghệ thuật trào phúng, giọng điệu lời văn linh hoạt hấp dẫn . Chất trí tuệ và tính hiện đại là nét đặc sắc trong truyện ngắn của Người .  \* **Nhóm 3**  Phong cách thơ đa dạng: Những bài thơ với mục đích tuyên truyền CM : Giản dị , mộc mạc, mang màu sắc dân gian vừa hiện đại. Nhiều bài thơ nghệ thuật : Viết theo hình thức cổ thi hàm súc, có sự kết hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giữa trữ tình và chiến đấu. | **IV. Phong cách nghệ thuật:**  Sáng tác nhiều thể loại Văn học, mỗi thể loại có những nét phong cách riêng độc đáo và hấp dẫn  - Văn chính luận :  - Truyện và ký :   * Thơ ca:   **III. Kết luận: ( Xem sách )**  - Văn thơ Hồ Chí Minh là di sản vô giá là một bộ phận gắn bó hữu cơ với sự nghiệp vĩ đại của Người. HCM quan niệm văn học là vũ khí sắc bén phục vụ cho sự nghiệp cách mạng .  - Phong cách nghệ thuật HCM độc đáo, đa dạng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:

- Bút pháp cổ điển được thể hiện qua cách miêu tả khung cảnh thiên nhiên, được miêu tả từ xa, được khắc hoạ bằng những nét chấm phá qua hình : cánh chim, chòm mây, không gian chiều tà, không nhằm ghi lại hình xác mà chỉ cốt truyền được linh hồn của tạo vật. Màu sắc cổ điển còn được thể ở phong thái ung dung của nhân vật trữ tình; ở thể thơ tứ tuyệt.

- Tinh thần hiện đại: thiên nhiên trong bài thơ không tĩnh lặng mà vận động một cách khoẻ khoắn,hướng tới sự sống, ánh sáng và tương lai. Nhân vật trữ tình không phải là ẩn sĩ mà là chiến sĩ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV nêu yêu cầu:

Bài tập 1: Đọc bài thơ *Chiều tối.* Phân tích:

- Bút pháp cổ điển

- Tinh thần hiện đại

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại tác phẩm** | **Tên tác phẩm chủ yếu** | **Thời điểm sáng tác** | **Giá trị cơ bản** |
| 1 | Văn chính luận | Các bài đăng trên các báo: Người cùng khổ, Nhân đạo, Đời sống thợ thuyền... Các tác phẩm: *Bản án chế độ thực dân Pháp (bằng tiếng Pháp); Tuyên ngôn Độc lâp, Lời kêu gọi kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, Di chúc (bằng tiếng Việt)* | Những năm 20,  1925  1945  1966  1969 | Tố cáo tội ác và bản chất của chủ nghĩa thực dân Pháp, kêu gọi đấu tranh, vận động cách mạng;  Tuyên ngôn khai sinh nước Việt Nam độc lâp;  Kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ bảo vệ độc lập, tự do cho Tổ quốc;  Những lời căn dặn cuối cùng để lại cho toàn Đảng, toàn dân.  Những áng văn chính luân mẫu mực, sáng suốt, sắc sảo, nồng nàn, súc tích. |
|  |  |  |  |  |
| 2 | Truyện và kí | Viết bằng tiếng Pháp trong thời gian hoạt động cách mạng ở Pháp (Tâp: Truyện và kí: Vi hành, Những trò lố...); bằng tiếng Việt (Nhât kí chìm tàu,Vừa đi đường vừa kể chuyện)... | Những năm 20  Những năm 30  Những năm 40, 50... | Cây bút văn xuôi tài năng, trí tưởng tượng phong phú, vốn văn hoá sâu rộng, trí tuệ sâu sắc và trái tim nồng nàn tinh yêu nước và cách mạng.  Chất trí tuệ và tính hiện đại.  Ngòi bút châm biếm vừa đầy tính chiến đấu vừa hóm hỉnh, tươi tắn. |
| 3 | Thơ ca | Nhật kí trong tù  Thơ Hồ Chí Minh  Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh | -1942-1943  - 1960  1967  1990 | Tâp thơ sâu sắc về tư tưởng, đôc đáo và đa dạng về bút pháp, kết tinh giá trị tư tưởng và nghệ thuật thơ Hồ Chí Minh.  Những bài thơ tuyên truyền giản dị, mộc mạc, đầy khí thế.  Những bài thơ cảm hứng nghệ thuât vừa cổ điển vừa hiện đại.  Nhân vật trữ tình mang nặng nỗi nước nhà mà vẫn ung dung tự tại, tin vào tương lai tất thắng của cách mạng và dân tộc. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV giao nhiệm vụ:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại tác phẩm | Tên tác phẩm chủ yếu | Thời điểm sáng tác | Giá trị cơ bản |
|  |  |  |  |  |

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

- Nhắc lại những quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh? Quan điểm ấy được Bác vận dụng như thế nào trong quá trình sáng tác?

- Bác sáng tác chủ yếu ở những thể loại nào?

- Những tác phẩm thơ văn của Người có ý nghĩa như thế nào đối với sự nghiệp cách mạng?

Chuẩn bị bài: **BÀI VIẾT SỐ 1 : NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

Tiết 5 – 6

Tuần 02

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BÀI VIẾT SỐ 1 : NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**- Kiến thức:** Vận dụng kiến thức và kĩ năng về văn nghị luận đã học để viết được bài nghị luận xã hội bàn về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

**- Kĩ năng:** Tiếp tục rèn luyện các kĩ năng tìm hiểu đề và các thao tác lập luận trong bài nghị luận xã hội như giải thích, phân tích, bác bỏ, so sánh, bình luận ...

**- Thái độ:** Nâng cao nhận thức về lí tưởng, cách sống của bản thân trong học tập và rèn luyện.

**II. Chuẩn bị của thầy và trò:**

**- GV:** bài soạn, câu hỏi kiểm tra

**- HS**: ôn tập về các thao tác nghị luận, giấy kiểm tra

**III. Tiến trình bài giảng:**

***1. Kiểm tra bài cũ:***

***2. Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò*** | ***Kiến thức cơ bản*** |
| HĐI. GV chép đề lên bảng. | I. Đề bài: Trong bài thơ “*Một khúc ca xuân*” (12/1977), Tố Hữu có viết:  *“ Nếu là con chim chiếc lá*  *Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh*  *Lẽ nào vay mà không có trả*  *Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”*  Anh (chị) hãy phát biểu ý kiến của mình về đoạn thơ trên. |
| II. Đáp án và thang điểm:   1. *Đáp án:*   \* Yêu cầu về kĩ năng: Biết cách làm bài văn nghị luận. Bài viết có bố cục rõ ràng, kết cầu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.  \* Yêu cầu về kiến thức : HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đáp ứng được những nội dung sau:   * Giải thích được ý nghĩa của đoạn thơ:   + *Nếu là*: cách nói giả định.  + *Con chim, chiếc lá:* những sinh linh nhỏ bé trong cõi đời. Tuy nhỏ bé nhưng khi đã hiện diện trên đời thì phải có trách nhiệm với đời. Nghĩa là “con chim phải hót, chiếc lá phải xanh”. Từ đó suy ra con người cũng vậy một khi đã sống, đã “vay” nhiều của xh thì phải biết “trả”. “Lẽ nào vay mà không có trả” là như vậy. Biết trả nợ xh đó là trách nhiệm của con người ở đời “sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”. Con người trong xh đâu phải chỉ là hưởng thụ mà còn phải biết cống hiến.   * Khẳng định quan niệm sống trong đoạn thơ là hoàn toàn xác đáng   + Quan niệm sống phải biết cống hiến của nhà thơ thể hiện một lẽ sống cao đẹp, vị tha của thanh niên trong thời đại Bác Hồ hiện nay.  + Là một thành viên sống trong cộng đồng xh, mỗi con người đều phải biết sống với nhau, sống có trách nhiệm với nhau. Vay nhiều của xh, ai cũng vậy đều phải ra sức trả món nợ ấy cho xh. Để trang trải món nợ đã vay ấy của xã hội, chúng ta phải biết cống hiến hết sức lực của mình  + Nếu mọi người đều như vậy, đất nước ta nhất định sẽ tiến lên văn minh, công bằng và giàu mạnh.   * Bàn luận mở rộng:   + Phê phán: những ai chỉ biết hưởng thụ, vị kỉ, vụ lợi, chỉ biết “vay” mà không biết “trả”, sống ở trên đời mà thiếu tinh thần trách nhiệm đối với cuộc đời.  + Trong tình hình hiện nay, mỗi một con người đều phải xác định đúng việc rèn luyện tu dưỡng của bản thân mình, luôn luôn biết sống vì mọi người, thấy được “sống là cho” đó là điều hạnh phúc.  + Là hs, ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường cần phải có ý thức sống vì mọi người, sống là cống hiến.   1. *Thang điểm:*   Điểm 9 - 10: Đáp ứng được yêu cầu nêu trên. Bài viết có cảm xúc, sáng tạo. Diễn đạt lưu loát, bố cục rõ ràng. Có thể mắc một vài sai sót nhỏ.  Điểm 7 – 8 : Nêu đủ ý, bài viết có cảm xúc, bố cục rõ ràng, sai không quá 3 loại lỗi về chính tả, ngữ pháp và dùng từ.  Điểm 5 - 6: Có thể thiếu 1 ý, bài viết có bố cục rõ ràng, diễn đạt tương đối sai không quá 5 loại lỗi chính tả, ngữ pháp và dùng từ.  Điểm 4: bài thiếu ý, diễn đạt không lưu loát, sai không quá 7 loại lỗi về chính tả, ngữ pháp, dùng từ.  Điểm 2-3 : Bài viết sơ sài, sai nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp, dùng từ.  Điểm 1:Bài viết không đề cập tới các ý trong đề hoặc lạc đề.  Điểm 0: Bỏ giấy trắng phần này. | |
| HĐII. Học sinh làm bài trong 45p. | |
| HĐIII. GV thu bài sau 45p | |

3. *Hướng dẫn soạn bài:* “Tuyên ngôn độc lập” – Hồ Chí Minh

* Bố cục của bản Tuyên ngôn
* Giá trị nội dung và nghệ thuật của bản tuyên ngôn

**Tuần 3**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết: 7,8***

**TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**

**( PHÂN II – TÁC PHẨM)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của văn nghị luận hiện đại.

Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản nghị luận Tuyên ngôn Độc lập - Hồ Chí Minh: các luận điểm - tư tường, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính.

Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp, văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản của phong cách nghệ thuật HCM.

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác phẩm Văn nghị luận hiện đại Việt Nam.

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

- Sưu tầm bức ảnh hoặc tốt nhất là đoạn băng quay cảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, ảnh ngôi nhà (và căn gác) số 48, phố Hàng Ngang, quân Hoàn Kiếm, Hà Nội, nơi Bác Hồ viết bản Tuyên ngôn Độc lập; bài hát Nắng Ba Đình (Bùi Công Kì), đoạn thơ của Tố Hữu trong *Theo chân Bác* (1970)... một số bài viết về Tuyên ngôn Độc lập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

**- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi sau:

*Những văn bản nào sau đây thuộc văn nghị luận mà em đã được học ở Ngữ văn 10 và 11:*

*a/ Hiền tài là nguyên khí của quốc gia ( Thân nhân Trung)*

*b/ Tựa Trích diễm thi tập ( Hoàng Đức Lương)*

*c/Một thời đại trong thi ca (Hoài Thanh)*

*d/Tôi yêu em ( Puskin)*

**- HS** thực hiện nhiệm vụ:

**- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **Gợi ý trả lời: a-b-c**

**- GV** nhận xét và dẫn vào bài mới:

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

**a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  1. **GV:** Cho HS đọc phần *Tiểu dẫn* (SGK) kết hợp với những hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi: *Bản tuyên ngôn ra đời trong hoàn cảnh của thế giới và Việt Nam như thế nào?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  - Thế giới:  + Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc: Hồng quân Liên Xô tấn công vào sào huyệt của phát xít Đức,  + Nhật đầu hàng Đồng minh  - Trong nước:  + CMTT thành công, cả nước giành chính quyền thắng lợi.  + Ngày 26 tháng 8 năm 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội  + Ngày 28 tháng 8 năm 1945: Bác soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập* tại tầng 2, căn nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội.  + Ngày 2 tháng 9 năm 1945: Bác đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh nước VNDCCH.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV:** Sự kiện này không chỉ là dấu mốc trọng đại trong trang sử đất nước mà còn trở thành nguồn cảm hứng dào dạt cho thơ ca:  *Hôm nay sáng mùng hai tháng chín*  *Thủ đô hoa vàng nắng Ba Đình*  *Muôn triệu tim chờ chim cũng nín*  *Bỗng vang lên tiếng hát ân tình*  (Tố Hữu)  Nói thêm về tình thế đất nước lúc bấy giờ:  - Miền Bắc: quân Tưởng mà đứng sau là Mĩ đang lăm le  - Miền Nam: quan Anh cũng sẵn sàng nhảy vào  - Pháp: dã tâm xâm lược VN lần thứ 2. *Trước tình hình như thế, theo em, đối tượng mà bản tuyên ngôn hướng đến là những ai? Bản tuyên ngôn được viết ra nhằm mục đích gì?*  - Một bản tuyên ngôn độc lập thường có ba phần: Mở đầu, nội dung và kết luận. Căn cứ vào tác phẩm, hãy đánh dấu vị trí từng phần và phát biểu khái quát nội dung mỗi phần? | **I. Tìm hiểu chung:**  *1. Hoàn cảnh sáng tác:*  - Thế giới:  - Trong nước:  *2. Mục đích sáng tác:*  \* Đối tượng:  - Tất cả đồng bào Việt Nam  - Nhân dân thế giới  - Các lực lượng ngoại bang nhân danh đồng minh diệt phát xít Nhật (Pháp, Mĩ , Anh, Trung Quốc….)  \* Mục đích:  - Công bố nền độc lập của dân tộc, khai sinh nước Việt Nam mới trước quốc dân và thế giới  - Cương quyết bác bỏ luận điệu và âm mưu xâm lược trở lại của các thế lực thực dân đế quốc.  - Bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc.  *3. Bố cục:*  - Phần 1: Từ đầu đến *“…không ai chối cãi được”*  🡪 Nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn độc lập.  - Phần 2: *“Thế mà, …. phải được độc lập”*  🡪 Tố cáo tội ác của thực dân Pháp, khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.  - Phần 3: Còn lại  🡪 Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ nền độc lập của dân tộc |

**Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  1. **GV:** Hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản.  Yêu cầu: **Rõ ràng, nhấn mạnh các ý quan trọng, giọng đanh thép, phẫn nộ, đau xót, tự hào, trang trọng, hùng hồn...phù hợp với từng đoạn**  2. **GV:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** *Cơ sở pháp lí của bản Tuyên ngôn độc lập này là gì?*  **Nhóm 2:** *- Theo em, việc Bác trích dẫn lời của hai bản tuyên ngôn này thể hiện sự khôn khéo như thế nào?- Việc trích dẫn này cũng thể hiện được sự kiên quyết như thế nào?*  **Nhóm 3:** *- Từ ý nghĩa trên, em hiểu được là Bác trích dẫn hai bản tuyên ngôn này nhằm mục đích gì?*  **Nhóm 4:** - *Theo em, việc Bác trích dẫn như vậy để từ đó suy rộng ra điều gì?*  - HS tiêpa nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  \* **Nhóm 1** **thảo luận và trả lời**  - Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mĩ làm cơ sở pháp lí:  + [*Tuyên ngôn độc lập*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tuy%C3%AAn_ng%C3%B4n_%C4%90%E1%BB%99c_l%E1%BA%ADp_Hoa_K%E1%BB%B3) của [Mỹ](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9):  *“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”*  + [Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tuy%C3%AAn_ng%C3%B4n_Nh%C3%A2n_quy%E1%BB%81n_v%C3%A0_D%C3%A2n_quy%E1%BB%81n&action=edit&redlink=1) của [Cách mạng Pháp](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1ch_m%E1%BA%A1ng_Ph%C3%A1p) năm [1791](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=1791&action=edit&redlink=1):  *“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.”*  \* **Nhóm 2** **thảo luận và trả lời**  Ý nghĩa:  + Vừa khôn khéo: Tỏ ra tôn trọng những tuyên ngôn bất hủ của cha ông kẻ xâm lược vì những điều được nêu là chân lí của nhân loại  + Vừa kiên quyết: Dùng lập luận *Gậy ông đập lưng ông* , lấy chính lí lẽ thiêng liêng của tổ tiên chúng để phê phán và ngăn chặn âm mưu tái xâm lược của chúng.  \* **Nhóm 3**  + Ngầm gửi gắm lòng tự hào tự tôn dân tộc: đặt ba cuộc cách mạng, ba bản tuyên ngôn, ba dân tộc ngang hàng nhau; đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa.  \* **Nhóm 4**  + Bác *suy rộng ra*, nâng lên thành quyền bình đẳng, tự do của các *dân tộc* trên thế giới  🡪 Đó là suy luận hợp lí, sáng tạo, là đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  **GV:** Khẳng định đóng góp lớn về tư tưởng của Bác ở phần này.  *Trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mĩ, Pháp nhằm đề cao giá trị tư tưởng nhân đạo và văn minh nhân loại, tạo tiền đề cho những lập luận tiếp theo. Từ quyền bình đẳng, tự do của con người, Hồ Chí Minh suy rộng ra về quyền đẳng, tự do của các dân tộc. Đây là một đóng góp riêng của Người vào lịch sử tư tưởng nhân loại.* | **II. Đọc – hiểu văn bản:**  1*. Nguyên lí chung về quyền bình đẳng, tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của con người và các dân tộc.*  - Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mĩ làm cơ sở pháp lí:  + [*Tuyên ngôn độc lập*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tuy%C3%AAn_ng%C3%B4n_%C4%90%E1%BB%99c_l%E1%BA%ADp_Hoa_K%E1%BB%B3) của [Mỹ](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9):  + [Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tuy%C3%AAn_ng%C3%B4n_Nh%C3%A2n_quy%E1%BB%81n_v%C3%A0_D%C3%A2n_quy%E1%BB%81n&action=edit&redlink=1) của [Cách mạng Pháp](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1ch_m%E1%BA%A1ng_Ph%C3%A1p) năm [1791](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=1791&action=edit&redlink=1):  - Ý nghĩa:  + Vừa khôn khéo:  + Vừa kiên quyết:  - Trích dẫn sáng tạo:  🡪 Hồ Chí Minh mở đầu bản tuyên ngôn thật súc tích, ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, cách trích dẫn sáng tạo để đi đến một bình luận khéo léo, kien quyết: “*Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”.*  **HẾT TIẾT 1** |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn.**

**a) Mục tiêu:** hiểu được cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  . **GV đặt câu hỏi:** *- Câu văn chuyển tiếp mở đầu đoạn 2 có tác dụng gì? HS trả lời cá nhân*  *- GV* **tổ chức cho HS thảo luận nhóm:**  **Nhóm 1:** *- Khi Pháp có luận điệu về công “khai hóa” nhân dân các nước thuộc địa, tác giả đã vạch rõ những tội ác nào mà thực dân Pháp đã gieo rắc trên đất nước ta suốt hơn 80 năm qua?- Nhà văn đã dùng những nghệ thuật nào để làm nổi bật những tội ác đó và để tăng cường sức mạnh tố cáo?*  **Nhóm 2:** - Khi Pháp kể công *“bảo hộ”,* bản tuyên ngôn lên án chúng điều gì?  *- Những hành động này của Pháp đã gây nên hậu quả gì trên nhân dân ta?*  *- Còn ta, ta đối xử với người Pháp như thế nào?*  **Nhóm 3:** - Khi Pháp muốn nhân danh Đồng minh để vào chiếm lại Đông Dương, Bác đã vạch trần những tội trạng gì của chúng? *Trong phần này, Bác còn nêu rõ quá trình nổi dậy giành chính quyền thắng lợi của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh như thế nào?*  ***Nhóm 4:*** *- Trong ba câu văn ngắn gọn “Một dân tộc… đọc lập”, Bác muốn khẳng định điều gì?*  *- Trong đoạn văn này, Bác đã tuyên bố điều gì?*  *- Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở hai hội nghị Tê – hê – răng và Cựu Kim Sơn, chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi điều gì?*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  \* **Nhóm 1**  - **Pháp kể công *“khai hóa”,* Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:**  + Về chính trị: *không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào, thi hành luật pháp dã man,* chia rẽ dân tộc, *tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*  + Về kinh tế: Cướp không ruộng đất, hầm mỏ; độc quyền in giấy bạc, xuất cảng, nhập cảng; đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí  + Văn hóa – xã hội – giáo dục: *lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc dân ta bằng rượu cồn , thuốc phiện*  🡪 Biệp pháp liệt kê + điệp từ *chúng* + lặp cú pháp + ngôn ngữ giàu hình ảnh + giọng văn hùng hồn đanh thép 🡪 nổi bật những tội ác điển hình, toàn diện, thâm độc, tiếp nối, chồng chất, khó rửa hết của thực dân Pháp.  \* **Nhóm 3**:  **Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ:**  + Chính pháp là kẻ phản bội lại Đồng minh, hai lần dâng Đông Dương cho Nhật.  + Không hợp tác với Việt Minh chống Nhật mà trước khi thua chạy, Pháp còn *“nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở* [*Yên Bái*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Y%C3%AAn_B%C3%A1i) *và* [*Cao Bằng*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Cao_B%E1%BA%B1ng)*.”*  *+ “Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa.”*  *+* Nêu rõ thắng lợi của cách mạng Việt Nam:  o *“Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.”*  o *“Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.”*  🡪 Bác bỏ luận điệu xảo trá, lên án tội ác dã man của Pháp, khẳng định vai trò của CM vô sản Việt Nam và lập trường chính nghĩa của dân tộc.  Từ những chứng cứ lịch sử hiển nhiên trên, bản tuyên ngôn nhấn mạnh các thông điệp quan trọng.  **Nhóm 4:**  ***- Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định:***  + Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị  + Dân ta đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay  + Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ  🡪 Sự ra đời của nước Việt Nam mới như một tất yếu lịch sử.  *-* Dùng từ ngữ có ý nghĩa phủ định tuyệt đối để *tuyên bố: “thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.”*  🡪 Không chịu sự lệ thuộc và xóa bỏ mọi đặc quyền của Pháp về nước Việt Nam  ***- Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng*** tại hai Hội nghị [Tê – hê - răng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tehran) và [Cựu Kim Sơn](http://vi.wikipedia.org/wiki/San_Francisco,_California) để buộc các nước Đồng minh: *“quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.”*  *-* Khẳng định về quyền độc lập tự do của dân tộc:  *“Một dân tộc …. độc lập!”*  🡪 Sự thật và nguyên tắc không thể chối cãi, phù hợp với thực tế, đạo lí và công ước quốc tế.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng | **II. Đọc–hiểu:**  *2. Cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn độc lập:*  a. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp:  - Câu mở đầu đoạn 2:  “*Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta.”*  - **Pháp kể công *“khai hóa”,* Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:**  + Về chính trị:  + Về kinh tế:  + Văn hóa – xã hội – giáo dục: 🡪 Biệp pháp nghệ thuật:  - **Pháp kể công “bảo hộ”, bản tuyên ngôn lên án chúng:**    - **Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ:**    b. **Khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc:**  - Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định  🡪 Sự ra đời của nước Việt Nam mới như một tất yếu lịch sử.  *-* Dùng từ ngữ có ý nghĩa phủ định tuyệt đối để *tuyên bố:*  *-* Khẳng định về quyền độc lập tự do của dân tộc:  *“Một dân tộc …. độc lập!”*  🡪 Sự thật và nguyên tắc không thể chối cãi, phù hợp với thực tế, đạo lí và công ước quốc tế.  => Kiểu câu khẳng định, điệp từ ngữ, song hành cú pháp… tạo nên âm hưởng hào hùng, đanh thép, trang trọng của đoản khúc anh hùng ca. |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu phần tuyên bố cuối cùng.**

**a) Mục tiêu:** hiểu được ý nghĩa phần tuyên bố cuối cùng

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***GV:*** - *Người tuyên bố với toàn thể nhân dân trên thế giới điều gì?*  *- Người còn nêu lên quyết tâm gì của dân tộc?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS: Đọc dẫn chứng và phát biểu.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  Kết quả mong đợi:  *-* Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: *“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập.”*  🡪 Những từ ngữ trang trọng: *“trịnh trọng tuyên bố”, “có quyền hưởng”, sự thật đã thành”* vang lên mạnh mẽ, chắc nịch như lời khẳng định một chân lí.  *-* Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc: *“Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”*  🡪 Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  **GV:** Lưu ý: trong bản tuyên ngôn, đây mới là đoạn văn tràn đầy khí phách dân tộc Việt Nam, thể hiện ý chí sắt đá nhất, yêu cầu hòa bình nhưng không sợ chiến tranh, sẵn sàng đón nhận phong ba bão táp | *3. Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc:*  *-* Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam:  *-* Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc:  🡪 Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc. |

**Hoạt động 4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những yếu tố thành công, mẫu mực của bản tuyên ngôn và ý nghĩa văn bản**

**a) Mục tiêu:** hiểu được nghệ thuật, nội dung đặc sắc của văn bản

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** đặt câu hỏi:  *- Em hãy chứng minh điều đó qua nhận xét về lập luận của bản tuyên ngôn?*  *- Bản tuyên ngôn được xây dựng bằng những lí lẽ như thế nào?*  *- Nhận xét về những dẫn chứng mà Bác đưa vào bản tuyên ngôn?*  *- Ngôn ngữ của bản tuyên ngôn thể được những tình cảm gì của Bác?*  - *Qua việc tìm hiểu, em có nhận* *xét gì về giá trị của bản "Tuyên ngôn độc lập"?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  Kết quả mon đợi:  Là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Bác:  - Lập luận: chặt chẽ, thống nhất từ đầu đến cuối (dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc)  - Lí lẽ: xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc.  - Dẫn chứng: xác thực, lấy ra từ sự thật lịch sử  - Ngôn ngữ: đanh thép, hùng hồn, chan chứa tình cảm, cách xưng hô bộc lộ tình cảm gần gũi.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | ***III. Tổng kết***  ***1. Nghệ thuật:*** Là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Bác:  - Lập luận:  - Lí lẽ:  - Dẫn chứng:  - Ngôn ngữ:  ***2 Ý nghĩa văn bản :***  - *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện lịch sử vô giá tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và khẳng định quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do ấy.  - Kết tinh lí tưởng đấu giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng độc lập, tự do.  - Là một áng văn chính luận mẫu mực. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:

ĐÁP ÁN

[1]='d'

[2]='c'

[3]='c'

[4]='d'

[5]='a'

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Câu hỏi 1:** [“Tuyên ngôn độc lập”](file:///C:\Users\Administrator\AppData\Roaming\Microsoft\AppData\Local\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2012-I\Vban%20tuyen%20ngon%20doc%20lap.htm)cùng kiểu loại văn bản nào sau đây của văn học Việt Nam ?  
a. Chiếu dời đô –Lý Công Uẩn   
b. Hịch tướng sỹ –Trần Quốc Tuấn   
c. Quân trung từ mệnh tập –Nguyễn Trãi      
d.Cả A, B và C.

**Câu hỏi 2:** Dòng nào chưa nói đúng về bối cảnh lịch sử khi Hồ Chí Minh viết “Tuyên ngôn Độc lập”?  
a. Cả nước đang tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân  
b. Thực dân Pháp đang rình rập muốn cướp nước ta một lần nữa.  
c. Phát xít Nhật đang thỏa thuận với thực dân Pháp để được trở lại thống trị Đông Dương.  
d. Các đế quốc Anh, Mĩ, Tàu Tưởng đều đang có ý định can thiệp vào Việt Nam

**Câu hỏi 3:** Hoàn cảnh ra đời cụ thể của “Tuyên ngôn Độc lập” là như thế nào?  
a. Ngày 19-8-1945, khi chính quyền Hà Nội về tay nhân dân, Hồ Chí Minh viết bản “Tuyên ngôn Độc lập”?  
b. Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh từ chiền khu Việt Bắc về tới Hà Nội, Hồ Chí Minh đã viết bản”Tuyên ngôn Độc lập”.  
c. Ngày 26-8-1945, Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội và tại căn nhà số 48 Hàng Ngang, Người đã soạn thảo bản “Tuyên ngôn Độc lập “.  
d. Ngày 02-9-1945, Hồ Chí Minh đã viết và cùng ngay ngày đó Người đọc bản”Tuyên ngôn Độc lập” tại Quảng trường Ba Đình trước hàng chục vạn đồng bào.

**Câu hỏi 4:** Đối tượng mà bản “Tuyên ngôn Độc lập” hướng tới là ai?

a. Toàn thể nhân dân Việt Nam.  
b. Nhân dân thế giới.  
c. Các đế quốc thực dân đang âm mưa xâm lược nước ta.  
d. Cả A ,B và C.

**Câu hỏi 5:** Dòng nào không nói đúng mục đích của bản  “Tuyên ngôn Độc lập”?

a. Ôn lại truyền thống quật cường chống ngoại xâm của dân tộc trong lịch sử mấy ngàn năm qua.  
b. Tuyên bố với toàn thế giới về chủ quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.  
c. Tranh luận nhằm bác bỏ lí lẽ xảo quyệt của bọn xâm lược trước dư luận quốc tế.  
d. Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các dư luận thế giới đối với cách mạng Việt Nam.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b) Nội dung:** HS làm bài tập và GV gọi 3-5 HS chấm điểm, chữa bài trước lớp.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

***Kết quả mong đợi từ HS***

Vì ngoài giá trị lịch sử lớn lao, bản TNĐL còn chứa đựng một tình cảm yêu nước thương dân nồng nàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tình cảm đó được bộc lộ qua các phương diện:

- Về lập luận: Mọi cố gắng trong lập luận của tác giả đều chủ yếu dựa trên lập trườngquyền lợi tối cao của các dân tộc nói chung của dân tộc ta nói riêng.

- Về lí lẽ: Sức mạnh của lí lẽ trong bản TN xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, và trên hết là dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc ta.

- Về bằng chứng:Những bằng chứng xác thực hùng hồn không thể chối cãi được cho thấy một sự quan tâm sâu sắc của Người đến vận mệnh dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.

- Về ngôn ngữ: Cách sử dụng từ ngữ chan chứa tình cảm yêu thương đối với nhân dân đất nước: ngay từ câu đầu tiên “Hỡi đồng bào cả nước!”; nhiều từ ngữ xưng hô gần gũi thân thiết “đất nước ta”, “nhân dân ta”, “nước nhà của ta”, “Những người yêu nước thương nòi của ta”...

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV giao nhiệm vụ:* ***Lí giải vì sao bản Tuyên ngôn Độc lập từ khi ra đời cho đến nay là một áng văn chính luận có sức lay động sâu sắc hàng chục triệu trái tim con người?***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

## Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)

*1. Củng cố:*

*-* Mục đích, đối tượng của bản TNĐL.

- Cơ sở pháp lí của bản TN

*2. Hướng dẫn tự học:*

- Nắm được nội dung bài học:

*+* Mục đích, đối tượng của bản TNĐL.

+ Cơ sở pháp lí của bản TN

3. Chuẩn bị bài: GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

**Tuần 3**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**Tiết 9**

**GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

- Có thói quen rèn luyện kĩ năng nói và viết nhằm đạt được sự trong sáng của Tiếng Việt.

- Kiến thức: Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong giao tiếp tiếng Việt

- Năng lực đọc - hiểu các văn bản liên quan đền nội dung giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ của cá nhân trong giao tiếp tiếng Việt

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

* - Giáo án
* - Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
* - Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
* - Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

- Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

**- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng cách đưa ra các ví dụ sau để học sinh xác địng cách dùng từ trong câu nào đúng/sai?

1/Tổng thống và *phu nhân*.

2/Chị là *phu nhân* chiều chồng, chăm con.

3/Báo *Thiếu niên nhi đồng*.

4/*Thiếu niên nhi đồng* lang thang cơ nhỡ.

5/Tổng thống và *vợ*.

6/Chị là *một người vợ* chiều chồng, chăm con.

7/Báo *Trẻ em*.

8/Trẻ em lang thang cơ nhỡ.

**- HS** thực hiện nhiệm vụ:

**- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **Gợi ý trả lời: 1-3-6-8**

**- GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: Đã là người Việt Nam thì bất cứ ai trong chúng ta cũng biết sử dung tiếng Việt trong công việc giao tiếp hàng ngày, nhưng sử dụng tiếng Việt như thế nào để đảm bảo sự trong sáng và đạt hiệu quả cao? Đó là điều chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu sự trong sáng của tiếng Việt**

**a) Mục tiêu:** Tìm hiểu sự trong sáng của tiếng Việt

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **\* GV đặt câu hỏi:**  *- HS trình bày suy nghĩ qua 1 số d/c cụ thể ( Giải thích nên hay không nên sử dụng các yếu tố nước ngoài, vì sao?*  *- Đọc và so sánh ba câu văn trong SGK, xác định câu nào trong sáng, câu nào không trong sáng? Vì sao?*  *- Qua đó theo em biểu hiện thứ nhất của trong sáng tiếng Việt là gì?*  *Có trường hợp tiếng Việt được sử dụng linh hoạt, sáng tạo, có sự biến đổi, lúc đó tiếng Việt có đảm bảo được sự trong sáng hay không? Hãy phân tích câu thơ của Nguyễn Duy và câu văn của chủ tịch Hồ Chí Minh để trả lời câu hỏi trên.*  *- Các từ ngữ dùng sáng tạo trong câu thơ của Nguyễn Duy là những từ nào? Chúng có nét nghĩa mới nào? Chúng được dùng theo biện pháp tu từ nào?*  *- Trong câu văn của Bác, từ “tắm” được dùng theo nghĩa mới là gì? Có phù hợp với quy tắc tiếng Việt hay không?*  *Nhận xét về các từ ngữ nước ngoài được sử dụng trong câu văn của SGK?*  *Trong sáng thì không cho phép pha tạp, vẩn đục. Vậy sự trong sáng của tiếng Việt có cho phép pha tạp của yếu tố ngon ngữ khác không? Qua ví dụ trên, em rút ra biểu hiện thứ hai của sự trong sáng của tiếng Việt là gì?*  - *Sự trong sáng của tiếng Việt có cho phép ta nói năng thô tục, bất lịch sự không? Phải nói năng, giao tiếp như thế nào?*  *- Phân tích tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói của các nhân vật trong đoạn hội thoại?*  *- Vậy theo em, sự trong sáng của tiếng Việt còn thể hiện ở phương diện nào?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  - Câu đầu: không trong sáng vì cấu tạo câu không đúng quy tắc (chuẩn mực) ngữ pháp tiếng Việt.  - Hai câu sau: đạt được sự trong sáng vì cấu tạo câu theo chuẩn mực ngữ pháp của tiếng Việt.  Trong câu thơ của Nguyễn Duy, các từ “*lưng, áo, con”* được dùng theo nghĩa mới nhưng vẫn theo quy tắc ẩn dụ.  Trong câu văn của Bác, từ “*tắm”* được dùng theo nghĩa mới và đặc điểm ngữ pháp mới. Nhưng đó vẫn là sự chuyển nghĩa nghĩa và đặc điểm ngữ pháp theo quy tắc của tiếng Việt.  Trong cả hai trường hợp, việc sử dụng linh họat, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt vì vẫn tuân theo quy tắc (chuyển nghĩa, chuyển tiểu loại) của tiếng Việt.  Câu văn có những từ ngữ nước ngoài được sử dụng không cần thiết vì tiếng Việt vẫn có những từ ngữ thay thế tương xứng.  🡪 Hiện tượng lạm dụng tiếng nước ngoài chỉ làm vẩn đục tiếng Việt.  HS: Tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói thể hiện ở cách xưng hô, thưa gửi, cách sử dụng từ ngữ:  o Cách xưng hô:  Ông giáo: *Cụ với tôi, ông với con*  🡪 thể hiện sự kính trọng, thân thiết gần gũi.  Lão Hạc: *Ông giáo, chúng mình, tôi với ông*  🡪 thể hiện sự tôn trọng của Lão Hạc đối với ông giáo  o Cách thưa gửi của Lão Hạc với ông giáo: *“ Vâng! Ông giáo dạy phải”*  🡪 Sự trân trọng, tin tưởng và có phần ngưỡng mộ của lão Hạc với ông giáo  o Các từ ngữ: trong sáng, rõ ràng, nhã nhặn, lịch sự  HS: Nêu thêm ví dụ:  o Trong các trường hợp khác nhau, dùng từ *chết* có thể thay thế bằng: *khuất núi, quy tiên, từ trần, về cõi vĩnh hằng...*  o Hoặc dùng các nói giảm:  - Có lẽ chị không còn trẻ lắm.  - Tôi hỏi thật không phải, chị đã có gia đình chưa?  - Bạn đừng giận thì mình mới nói.  - Mình hỏi câu này bạn đừng giận mình đấy...  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV:** Mở rộng vấn đề: Bên cạnh những lời văn mang tính lịch sự, có văn hoá, ta vẫn bắt gặp trong văn chương những lời nói không đảm bảo tính lịch sự, trong sáng của tiếng Việt. Ví dụ:  *“Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào đã đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này?”*  *(Chí Phèo – Nam Cao).*  Tại sao lại có điều đó? Bởi tác giả muốn nhân vật trực tiếp bộc lộ tính cách đối với người đọc qua chính những ngôn ngữ của mình. Lời nói của Chí Phèo trong trích đoạn trên là lời nói của Chí khi đã bị tha hoá trở thành một tên côn đồ, bặm trợn, một con quỷ dữ của làng Vũ Đại. | I. **Sự trong sáng của tiếng Việt:**  *1. Tìm hiểu ngữ liệu:*  *“Trong”:* có nghĩa là trong trẻo, không có chất tạp, không đục.  *“Sáng”:* là sáng tỏ, sáng chiếu, sáng chói, nó phát huy cái trong, nhờ đó phản ánh được tư tưởng và tình cảm của người Việt Nam ta, diễn tả trung thành và sáng tỏ những điều chúng ta muốn nói  **2.Biểu hiện của sự trong sáng của TV:**  - Thể hiện ở chuẩn mực và việc tuân thủ đúng chuẩn mực của tiếng Việt  + Phát âm theo chuẩn của một phương ngữ nhất định, chú ý cách phát âm ở phụ âm đầu, phụ âm cuối, thanh điệu.  + Tuân theo quy tắc chính tả, viết đúng phụ âm đầu, cuối, thanh điệu các từ khó.  + Khi nói viết phải dùng từ đúng nghĩa và đầy đủ các thành phần câu  + Những sự chuyển đổi, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng khi tuân thủ theo những quy tắc chung của tiếng Việt.  - Tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng, sử dụng tuỳ tiện, không cần thiết những yếu tố của ngôn ngữ khác.  - Tính văn hóa, lịch sự của lời nói |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu được trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *GV đặt câu hỏi: - Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, chúng ta phải có thái độ và tình cảm như thế nào đối với tiếng Việt?*  *- Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có hiểu biết về tiếng Việt hay không? Và là thế nào để có những hiểu biết về tiếng Việt?*  - *Về mặt hành động, để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mọi người cần sử dụng tiếng Việt như thế nào?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  -Cần có ý thức tôn trọng và yêu quý tiếng Việt, xem đó là *”thứ của cải vô cùng lâu đời và quí báu của dân tộc”*  - Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có những hiểu biết về tiếng Việt  (Cần có những hiểu biết cần thiết về các chuẩn mực của tiếng Việt: ngữ âm, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp)  - Hiểu biết đó không chỉ qua học tập ở trường, mà còn bằng tự học hỏi.  - Sử dụng tiếng Việt theo chuẩn mực và quy tắc, trong đó có các quy tắc chuyển hoá, biến đổi.  - Không lạm dụng tiếng nước ngoài làm vẩn đục tiếng Việt.  - Tránh những lối nói thô tục, thiếu văn hoá.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:**  1. Về thái độ, tình cảm:  2. Về nhận thức:  3. Về hành động: |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** hiểu được lí thuyết và vận dụng vào bài tập

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1: *Bài tập 1***- trang 33  *- Yêu cầu HS tìm những từ ngữ tiêu biểu mà tác giả dùng để miêu tả diện mạo hoặc tính cách nhân vật trong Truyện Kiều?*  **Nhóm 2: Bài tập 2-trang 34**  *Yêu cầu học sinh điền vào đoạn văn các dấu câu thích hợp để đoạn văn được trong sáng.*  **Nhóm 3: Bài tập 1. trang 44**  - Yêu cầu học sinh phân tích từng câu văn để tìm ra những câu văn *“trong sáng”* và những câu *“không trong sáng”?*  HS: Lần lượt phân tích các câu văn  **Nhóm 4: Bài tập 2. trang 45**  *- Yêu cầu học sinh phân tích để tìm ra những từ nước ngoài nào không nên sử dụng và thay thế bằng từ khác để đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt.*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  \* **Nhóm 1**  Các từ ngữ Nguyễn Du và Hoài Thanh nói về các nhân vật rất chuẩn xác vì miêu tả đúng diện mạo hoặc lột tả được tính cách nhân vật.  - Kim Trọng: *rất mực chung tình*  - Thuý Vân: *cô em gái ngoan*  - Hoạn Thư: *người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt*  - Thúc Sinh: *sợ vợ*  - Từ Hải: *chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao lạ*  - Tú Bà: màu da “*nhờn nhợt*”  - Mã Giám Sinh: “*mày râu nhẵn nhụi*”  - Sở Khanh: *chải chuốt dịu dàng*  - Bạc Bà, Bạc Hạnh: *miệng thề “xoen xoét”*  \* **Nhóm 2: Bài tập 2-trang 34**  “ *Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận – dọc đường đi của mình – những dòng nước khác . Dòng ngôn ngữ cũng vậy: một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì thời đại đem lại* .”  (Chế Lan Viên)  \* **Nhóm 3: Bài tập 1. trang 44**  - Câu *a* không trong sáng (có sự lẫn lộn giữa trạng ngữ *muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn* và chủ ngữ ) vì dùng thừa từ *đòi hỏi*.  - Các câu *b, c, d* viết đúng chuẩn ngữ pháp nên là những câu trong sáng.  \* **Nhóm 4:Bài tập 2. trang 45**  - Dùng từ *Tình nhân* thì thiên về việc nói đến con người hơn là ngày lễ  - Dùng từ *Valentine* là từ vay mượn nên không cần thiết.  🡪 Dùng từ (*ngày*) *Tình yêu* là đủ diễn đạt nội dung và sắc thái tình cảm. Không nhất thiết dùng từ nước ngoài.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Luyện tập**  ***Bài tập 1***- trang 33  **Bài tập 2. trang 34**  **Bài tập 1. trang 44**  **Bài tập 2. trang 45** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: Nêu được trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu HS trả lời: :** *Trình bày trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

Xoá đói giảm nghèo là nhiêm vụ **bức thiết** của huyện ta!.

- Gớm, lâu quá, hôm nay bác mới **quá bộ** đến nhà em!

- Hắn vốn có một **nhân thân** tốt, thế mà không hiểu tại sao lại bị vướng vào vòng lao lí

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu HS trả lời bài tập**

**Chỉ ra chỗ sai và cách sửa trong việc dùng từ ở các câu văn sau:**

-Xoá đói giảm nghèo là nhiêm vụ bức tử của huyện ta!.

- Gớm, lâu quá, hôm nay bác mới quá độ đến nhà em!

- Hắn vốn có một thân nhân tốt, thế mà không hiểu tại sao lại bị vướng vào vòng lao lí

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

## Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)

- Sự trong sáng của tiếng Việt.

- Phương diện biểu lộ sự trong sáng của TV.

- Sưu tầm những thành ngữ, tục ngữ, ca dao về lời ăn tiếng nói về sự học hỏi trong cách nói năng hàng ngày.

- Xem lại bài văn của chính mình và chữa những lỗi diễn đạt chưa trong sáng.

- Chuẩn bị bài: NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU,NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC.

**Tuần 4**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết: 10, 11***

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU,**

**NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC.**

**- Phạm Văn Đồng –**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của văn nghị luận hiện đại.

- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản nghị luận : các luận điểm - tư tường, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính.

- Những đánh giá vừa sâu sắc, mới mẻ, vừa có lí, có tình của Phạm Văn Đồng về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, giá trị của thơ văn Đồ Chiểu đối với đương thời và ngày nay.

- Nghệ thuật viết bài văn nghị luận: lí lẽ xác đáng, lập luận chặt chẽ, ngôn từ trong sáng, gợi cảm, giàu hình ảnh.

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác phẩm Văn nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

* - Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
* - Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
* - Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

- Chân dung Nguyễn Đình Chiểu, tranh ảnh về quê hương, ngôi mộ của Nguyễn Đình Chiểu; tác phẩm của Phạm Văn Đồng: Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

* -Đọc trước văn bản các tác phẩm để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
* -Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
* -Đồ dùng học tập

- HS sưu tầm một số bài thơ viết về Nguyễn Đình Chiểu của Lê Anh Xuân, Viễn Phương.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

-  **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:** Điền khuyết các câu sau:

a/ Nhân dân Nam Bộ gọi Nguyễn Đình Chiểu bằng cái tên thân mật là:…….Chiểu

b/ Chở bao nhiêu …..thuyền…….

Đâm………………bút……….

- **HS** thực hiện nhiệm vụ:

- **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- **GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: trong chương trình Ngữ văn 11, các em đã học về tác giả Nguyễn Đình Chiểu, bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Chạy giặc…*Để có cái nhìn khoa học về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của ông, hôm nay chúng ta tìm hiểu về bài nghiên cứu của ông Phạm Văn Đồng.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

**a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:*  **1. Tác giả**  - Đọc tiểu dẫn và trình bày những nét chính về tác giả PVĐ  - Dựa vào phần *Tiểu dẫn*, nêu những nét chính về tác giả?  *- Nêu hoàn cảnh ra đời của bài viết?*  - Bài viết ra đời trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ như thế nào? Bài viết được viết nhằm mục đích gì?  + Nội dung bao trùm văn bản  + Xđ các phần của vb theo thể loại, nêu nội dung từng phần  + Xđ các luận điểm chính trong mỗi phần và câu văn khái quát luận điểm đó  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  Kết quả mong đợi:  **1.** ***Hoàn cảnh, mục đích sáng tác:***  - 7/1963- Kỉ niệm 75 năm ngày mất NĐC.  - Hoàn cảnh năm 1963: Tình hình miền Nam có nhiều biến động lớn  + Mĩ tài trợ và can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh  + Phong trào đấu tranh chống Mĩ và tay sai nổi lên khắp nơi, tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi.  - Để tưởng nhớ NĐC; định hướng, điều chỉnh cách nhìn nhận, đánh giá về NĐC và thơ văn của ông; khơi dậy tinh thần yêu nước trong thời đại chống Mĩ cứu nước.  2. ***Bố cục:***  \* Luận đề: NĐC, ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc.  \* Bố cục  - Mở bài: NĐC, nhà thơ lớn của dân tộc cần phải được nghiên cứu, tìm hiểu và đề cao hơn nữa  - Thân bài  + Đoạn 1: NĐC – nhà thơ yêu nước  + Đoạn 2: Thơ văn yêu nước của NĐC- tấm gương phản chiếu ph phong trào chống TDP oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ.  + Đoạn 3: LVT, tác phẩm lớn nhất của NĐC, có ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian nhất là ở miền Nam  - Kết bài: Cuộc đời và sự nghiệp thơ văn NĐC- tấm gương sáng của mọi thời đại.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV chốt lại:** 🡪 Điều kiện để có một bài NLVH tốt:  o Có hiểu biết sâu rộng về văn học và các lĩnh vực khác  o Có quan niệm đúng đắn về thế giới cũng như đời sống con người. | **I/ Tìm hiểu chung:**  ***1/ Tác giả PVĐ:*** ( 1906-2000)  - Nhà CM, CT, NG lỗi lạc của cách mạng VN thế kỉ XX  - Nhà giáo dục, nhà lí luận vhoá vnghệ  ***2/ Văn bản:***  **a)** ***Hoàn cảnh, mục đích sáng tác:***  **b) *Bố cục:***  \* Luận đề:  \* Bố cục  - Mở bài:  - Thân bài  + Đoạn 1:  + Đoạn 2:  + Đoạn 3:  - Kết bài:  \* *Nhận xét kết cấu của vb*  - Không kết cấu theo trình tự thời gian  - Lí giải (do mục đích sáng tác) |

**Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản/ Tìm hiểu phần mở bài**

**a) Mục tiêu:** HS biết nội dung và ý nghĩa của văn bản

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản**  - Đọc diễn cảm vb theo định hướng, nhận xét cách đọc của bạn  - Xđ nội dung, ý nghĩa phần mở bài.  - Nhận xét cách nêu vấn đề  **Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** *- Tác giả mở đầu bằng một nhận định như thế nào, nêu lên điều gì?*  **Nhóm 2:** *Hiểu “lúc này” là thời điểm nào? Nhấn mạnh thời điểm ấy, Phạm Văn Đồng muốn nêu lên điều gì?*  **Nhóm 3:** *Sau đó, Phạm Văn Đồng đã dùng câu văn ẩn dụ để khẳng định điều gì về Nguyễn Đình Chiểu?*  **Nhóm 4:**  *- Em có nhận xét gì về cách đặt vấn đề của tác giả?*  *- Theo tác giả, những lí do nào làm “ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trên bầu trời văn nghệ của dân tộc?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  \* **Nhóm 1**  - Tác giả mở đầu bằng một nhận định khách quan có tính thời sự:  *“Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là vào lúc này”*  \* **Nhóm 2**  “*Lúc này*”: năm 1963, phong trào đấu tranh chống Mĩ – nguỵ của nhân dân miền Nam đang phát triển sôi sục, rộng khắp  🡪 Nhấn mạnh thời điểm ca ngợi nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu để khẳng định truyền thống chống ngoại xâm, động viên nhân dân cả nước vùng lên.  \* **Nhóm 3**  - Tác giả dùng nghệ thuật ẩn dụ để khẳng định tài năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu:  “*Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy”*  ***\* Nhóm 4***  - Tác giả nêu hai lí do khiến cho “ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc:  + Thứ nhất: Nhiều người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của truyện thơ *Lục Vân Tiên* và hiểu tác phẩm này khá thiên lệch về nội dung và nghệ thuật.  + Thứ hai: Người đọc biết rất ít về thơ văn yêu nước - một bộ phân quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  **GV** giải thích:  o *Nguyễn Đình Chiểu là ngôi sao có ánh sáng khác thường:* Nguyễn Đình Chiểu là một hiện tượng độc đáo, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có vẻ đẹp riêng không dễ nhận ra.  o *Phải chăm chú nhìn thì mới thấy:* phải cố gắng tìm hiểu và tìm hiểu kĩ, phải kiên trì nghiên cứu thì mới cảm nhận được vẻ đẹp riêng của nó.  o *Càng nhìn càng thấy sáng:* càng nghiên cứu, càng tìm hiểu kĩ ta sẽ càng thấy được cái hay của nó và càng khám phá ra được những vẻ đẹp mới | **II. Đọc – hiểu văn bản:**  1.Phần mở bài*: Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ lớn của dân tộc*  - Tác giả mở đầu bằng một nhận định khách quan có tính thời sự…  🡪 “*Lúc này*”: năm 1963,  - Tác giả dùng nghệ thuật ẩn dụ để khẳng định tài năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu:  🡪 Cách đặt vấn đề: đúng đắn, toàn diện và mới mẻ, như một định hướng để tìm hiểu về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.  - Tác giả nêu hai lí do khiến cho “ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc:  *⇒ Cách đặt vấn đề độc đáo: nêu vấn đề, lí giải nguyên nhân, định hướng tìm hiểu... 🡪 phong phú, sâu sắc* |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu phần thân bài**

**a) Mục tiêu:** HS biết nội dung và ý nghĩa của văn bản

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **+ GV đặt câu hỏi:**  **Nhóm 1:**  **+ Xđ các luận cứ của luận điểm 1; chỉ ra “ánh sáng khác thường” trong cuộc đời và quan niệm văn chương của NĐC; nhận xét về cách lập luận**  *- Tác giả đã giới thiệu những gì về con người nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu?*  *- Tác giả đã nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật nào khi giới thiệu về con người Nguyễn Đình Chiểu?*  **-Nhóm 2 :**  **+ Xđ các luận cứ của luận điểm 2; lí giải cách triển khai luận điểm của tác giả.**  - *Trong phần này, tác giả đã đưa ra những luận điểm và luận cứ như thế nào? Có tác dụng gì?*  *- Trong phần đầu của luận điểm 2, Phạm Văn Đồng đã tái hiện lại thời kì Nguyễn Đình Chiểu sống. Đó là thời kì như thế nào?*  *- Phạm Văn Đồng đã phân tích tác phẩm nào của Nguyễn Đình Chiểu để cho người đọc thấy được sự sáng tạo của Nguyễn Đình Chiểu? Sự sáng tạo đó là gì?*  *- Tác giả đã so sánh bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc với Bình Ngô đại cáo. So sánh như vậy để làm gì?*  *- Phạm Văn Đồng đã dẫn thêm bài thơ Xúc cảnh của Nguyễn Đình Chiểu nhằm mục đích gì?*  *- Trong luận điểm 2, Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu với trí tuệ, sự hiểu biết như thế nào? Nhận xét về cách viết của tác giả?*  **Nhóm 3:**  **+ Xđ nd ý kiến đánh giá của PVĐ về giá trị của tp LVT. Cách lập luận của tác giả**  - *Phạm Văn Đồng đã nêu lên lí do nào làm cho tác phẩm Lục Vân Tiên được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian?*  - *Khi bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm, Phạm Văn Đồng thừa nhận điều gì?*  *- Tác giả cũng đã khẳng định đó là những hạn chế như thế nào của tác phẩm Lục Vân Tiên? Vì sao?*  *- Việc nêu lên hạn chế trước rồi sau đó lí giải có tác dụng gì?*  *- Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “Truyện Lục Vân Tiên” trong mối quan hệ nào? Đó là cách xem xét như thế nào*?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  **HS trả lời nhóm với kết quả mong đợi:**  \* **Nhóm 1**  *- Con người:*  + Sinh ra trên đất Đồng Nai hào phóng  + Triều đình nhà Nguyễn cam tâm bán nước, nhân dân khắp nơi đứng lên đánh giặc cứu nước  + Bị mù, Nguyễn Đình Chiểu dùng thơ văn phục vụ chiến đấu  + Thơ văn ông ghi lại tâm hồn trong sáng và cao quý của ông và thời kì *khổ nhục nhưng vĩ đại* của dân tộc.  🡪 Tác giả không viết lại tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu mà nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật: *khí tiết của một người chí sĩ yêu nước, trọn đời phấn đấu hi sinh vì nghĩa lớn.*  *- Quan điểm sáng tác:*  + Thơ Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn mang tính chiến đấu, đánh thẳng vào giặc xâm lược và tôi tớ của chúng.  + Với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút còn là một thiên chức nên ông khinh miệt những kẻ lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa.  🡪 Quan niệm sáng tác thống nhất với con người Nguyễn Đình Chiểu: văn thơ phải là vũ khí chiến đâu sắc bén.  **-Nhóm 2 :**  **+ Xđ các luận cứ của luận điểm 2; lí giải cách triển khai luận điểm của tác giả.**  - *Trong phần này, tác giả đã đưa ra những luận điểm và luận cứ như thế nào? Có tác dụng gì?*  *- Trong phần đầu của luận điểm 2, Phạm Văn Đồng đã tái hiện lại thời kì Nguyễn Đình Chiểu sống. Đó là thời kì như thế nào?*  *- Phạm Văn Đồng đã phân tích tác phẩm nào của Nguyễn Đình Chiểu để cho người đọc thấy được sự sáng tạo của Nguyễn Đình Chiểu? Sự sáng tạo đó là gì?*  *- Tác giả đã so sánh bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc với Bình Ngô đại cáo. So sánh như vậy để làm gì?*  *- Phạm Văn Đồng đã dẫn thêm bài thơ Xúc cảnh của Nguyễn Đình Chiểu nhằm mục đích gì?*  *- Trong luận điểm 2, Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu với trí tuệ, sự hiểu biết như thế nào? Nhận xét về cách viết của tác giả?*  \* **Nhóm 2**  -Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng là *“ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”,* vì thơ văn ông đã *“làm sống lại phong trào kháng Pháp bền bĩ và oanh liệt của nhân dân Nam Bộ từ 1860 trở về sau”* 🡪 Vì nhà văn lớn, tác phẩm lớn khi phản ánh trung thành những đặc điểm bản chất của một giai đoạn lịch sử trọng đại.  + Là tấm gương phản chiếu thời đại nên sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là *lời ngợi ca những nghĩa sĩ nông dân dũng cảm và cũng là lời khóc thương cho những anh hùng thất thế, bỏ mình vì dân vì nước*  🡪 Phần lớn là những bài văn tế  + Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu mang tính chiến đấu vì đã xây dựng những hình tượng *“sinh động và não nùng”* về những con người *“suốt đời tận trung với nước, trọng nghĩa với dân, giữ trọn khí phách hiên ngang cho dù chiến bại”* và *“ngòi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu”:*  o Phân tích một tác phẩm tiêu biểu: *“Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”*  o So sánh với *“Bình Ngô đại cáo”* của Nguyễn Trãi: Bài cáo là khúc ca khải hoàn, bài văn tế là khúc ca của những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang  o Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đoá hoa, hòn ngọc rất đẹp như *“Xúc cảnh”*  o Đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những tên tuổi tài năng như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa.  **+ GV:** Mặt khác, bản chất của văn chương là sáng tạo. Văn chương đóng góp cho đời bằng những cái độc đáo, chưa từng thấy ở các tác phẩm trước đó hoặc cùng thời.  Phạm Văn Đồng không nhìn nhận Nguyễn Đình Chiểu với con mắt hoài cổ mà luôn nhìn từ trung tâm cuộc sống hôm nay. *Cách nhìn nhận như vậy là tác giả muốn cho người đọc thấy được điều gì?*  **Nhóm 3:**  **+ Xđ nd ý kiến đánh giá của PVĐ về giá trị của tp LVT. Cách lập luận của tác giả**  - *Phạm Văn Đồng đã nêu lên lí do nào làm cho tác phẩm Lục Vân Tiên được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian?*  - *Khi bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm, Phạm Văn Đồng thừa nhận điều gì?*  *- Tác giả cũng đã khẳng định đó là những hạn chế như thế nào của tác phẩm Lục Vân Tiên? Vì sao?*  *- Việc nêu lên hạn chế trước rồi sau đó lí giải có tác dụng gì?*  *- Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “Truyện Lục Vân Tiên” trong mối quan hệ nào? Đó là cách xem xét như thế nào*?  \* **Nhóm 3**  - Nêu nguyên nhân làm cho tác phẩm được xem là *“lớn nhất”* của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian:*“trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời, ca ngợi những con người trung nghĩa”*  - Bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm:  + Thừa nhận sự thật: *“Những giá trị luân lí mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi, ở thời đại chúng ta, theo quan điểm của chúng ta thì có phần đã lỗi thời”*, trong tác phẩm có những chỗ *“lời văn không hay lắm”* 🡪 trung thực, công bằng khi phân tích.  + Khẳng định bằng những lí lẽ và dẫn chứng xác thực: đó là những hạn chế *không thể tránh khỏi* và *không phải là chính yếu*:  o Hình tượng con người trong *“Lục Vân Tiên”* gần gũi với mọi thời, vấn đề đạo đức trong Lục Vân Tiên mang tính phổ quát xưa nay 🡪 *“gần gũi với chúng ta”*, *“làm cho chúng ta cảm xúc và thích thú”*  o Lối kể chuyện *“nôm na”* dễ nhớ, dễ truyền bá trong dân gian 🡪 người miền Nam say sưa nghe kể *“Lục Vân Tiên”*  🡪 Thủ pháp “đòn bẩy”: nêu hạn chế để khẳng định giá trị trường tồn của tác phẩm *“Lục Vân Tiên*  => Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của *“Truyện Lục Vân Tiên”* trong mối quan hệ mật thiết với đời sống nhân dân (quen thuộc với nhân dân, được nhân dân chấp nhận và yêu mến) 🡪 Đó là cơ sở đúng đắn và quan trọng nhất để đánh giá tác phẩm này.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Đọc–hiểu:**    *2.* Phần thân bài:  *a. Luận điểm 1*: **“Ánh sáng khác thường”** trongcon người và quan niệm sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu  *- Con người:*  🡪 Tác giả không viết lại tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu mà nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật: *khí tiết của một người chí sĩ yêu nước, trọn đời phấn đấu hi sinh vì nghĩa lớn.*  *- Quan điểm sáng tác:*    ⇒ Tác giả đã đưa ra luận điểm có tính khái quát cao, luận cứ bao gồm các lí lẽ và dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể, giúp người đọc hiểu rõ và sâu sắc vấn đề.  *b. Luận điểm 2*: **“Ánh sáng khác thường”** trongthơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu  *- Nêu bối cảnh thời đại Nguyễn Đình Chiểu cầm bút: “khổ nhục nhưng vĩ đại”*  *- Nêu nội dung chính thơ văn Nguyễn Đình Chiểu:*  o Phân tích một tác phẩm tiêu biểu: *“Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”*  🡪 Ta thấy được *tính chiến đấu và sự sáng tạo* trong việc xây dựng hình tượng *người anh hùng* hoàn toàn mới trong văn học – *nghĩa sĩ nông dân*  o So sánh với *“Bình Ngô đại cáo”* của Nguyễn Trãi: Bài cáo là khúc ca khải hoàn, bài văn tế là khúc ca của những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang  🡪 Khẳng định giá trị to lớn của bài văn tế.  o Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đoá hoa, hòn ngọc rất đẹp như *“Xúc cảnh”*  🡪 Tác giả không phân tích mà chỉ gợi ra để người đọc cảm nhận được sự phong phú trong thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu  o Đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những tên tuổi tài năng như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa...  🡪 Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu góp phần tạo nên diện mạo của văn học thời kì này và Nguyễn Đình Chiểu là lá cờ đầu, là ngôi sao sáng nhất của thơ văn yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX.  => Nhận xét:  + Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu bằng một *trí tuệ sáng suốt, hiểu biết sâu sắc* qua hệ thống *lập luận rõ ràng và chặt chẽ*, *dẫn chứng cụ thể và thuyết phục*  🡪 Giọng văn nghị luận không khô khan mà thấm đẫm cảm xúc  🡪 Con người hôm nay có điều kiện để *đồng cảm* với một con người đã sống hết mình vì dân tộc, thấu hiểu hơn những giá trị thơ văn của con người đó.  *c. Luận điểm 3*: **“Ánh sáng khác thường”** trong*truyện thơ Lục Vân Tiên*  - Nêu nguyên nhân làm cho tác phẩm được xem là *“lớn nhất”* của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian  - Bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm:  => Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của *“Truyện Lục Vân Tiên”* trong mối quan hệ mật thiết với đời sống nhân dân (quen thuộc với nhân dân, được nhân dân chấp nhận và yêu mến) 🡪 Đó là cơ sở đúng đắn và quan trọng nhất để đánh giá tác phẩm này. |

**Hoạt động 4: Tìm hiểu phần kết bài**

**a) Mục tiêu:** hiểu được nội dung, ý nghĩa phần kết bài

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV đặt câu hỏi:**  *- Tác giả đã khẳng định những gì về Nguyễn Đình Chiểu?*  *- Qua lời tổng kết đó, tác giả muốn rút ra bài học gì?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày.  - Khẳng định vẻ đẹp nhân cách và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc:*“Nguyễn Đình Chiểu là một chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta”.*  - Nhấn mạnh ý nghĩa và giá trị to lớn của cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là bài học cho mỗi con người:*“Đời sống ... tư tưởng”*  🡪 Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước, lá cờ đầu của thơ văn yêu nước, là người nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức => Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.*  **GV** chốt lại: o Vai trò của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng  o Vai trò to lớn của văn học đối với đời sống  o Tưởng nhớ đến Nguyễn Đình Chiểu, một con người anh dũng, một *“ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”* | *3. Phần kết bài:*  - Khẳng định vẻ đẹp nhân cách và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc  - Nhấn mạnh ý nghĩa và giá trị to lớn của cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là bài học cho mỗi con người:*“Đời sống ... tư tưởng”* |

**Hoạt động 5: Tổng kết**

**a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của văn bản.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV đặt câu hỏi:**  *- Tóm lại, qua bài văn nghị luận này, Phạm Văn Đồng muốn chúng ta hiểu thật đúng và thật sâu sắc những gì về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu?*  *- Đánh giá bài văn, có ý kiến cho rằng nó có cách lập luận thuyết phục nhưng hơi khô khan, ít hấp dẫn. Có đúng như vậy không? Vì sao?*  GV cho HS thảo luận cặp đôi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  **HS** tiến hành:  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  - Bố cục chặt chẽ, các luận điểm triển khai bám sát vấn đề trung tâm..  - Cách lập luận từ khái quát đến cụ thể, kết hợp cả diễn dịch, quy nạp và hình thức “đòn bẩy”.  - Lời văn có tính khoa học, vừa có màu sắc văn chương vừa khách quan; ngôn ngữ giàu hình ảnh.  - Giọng điệu linh hoạt, biến hoạt : khi hào sảng, lúc xót xa,…  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Tổng kết:**  1***) Nghệ thuật:***  - Bố cục :  - Cách lập :  - Lời văn :  - Giọng điệu :  ***2) Ý nghĩa văn bản:***  *Khẳng định ý nghĩa cao đẹp của cuộc đời và văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu: cuộc đời của một chiến sĩ phấn đấu hết mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; sự nghiệp thơ văn của ông là một minh chứng hùng hồn cho địa vị và tác dụng to lớn của văn học nghệ thuật cũng như trách nhiệm của người cầm bút đối với đất nước, dân tộc.* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: [1]='d' [2]='c' [3]='d'

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Câu hỏi 1:** **Trong phần mở đầu của bài văn “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc”,** [**Phạm Văn Đồng**](file:///C:\Users\Administrator\AppData\Roaming\Microsoft\AppData\Local\frntpg%206\Chan%20dung%20nha%20van%2012-Tap%20I\tieu%20su%20pham%20van%20dong.htm) **đã ví Nguyễn Đình Chiểu và thơ văn của ông với hình ảnh nào?**a. Ngôi sao chói sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc  
b. Ngôi sao lẻ loi trong bầu trời văn nghệ dân tộc  
c. Ngôi sao sáng cuối cùng trong bầu trời văn nghệ dân tộc thế kỉ XIX  
d. Ngôi sao có ánh sáng khác thường, càng nhìn càng thấy sáng

**Câu hỏi 2:** **Trong đoạn mở đầu bài văn, tác giả viết:” Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này”.”Lúc này” được nói tới ở đây là thời điểm nào?**a. Năm 1945     
b. Năm 1954  
c. Năm 1963  
d. Năm 1975

**Câu hỏi 3:** **Theo tác giả, vì sao” ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc?**a. Phần lớn độc giả mới chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của “Lục Vân Tiên”  
b. Còn hiểu “Lục Vân Tiên” khá thiên lệch về nội dung và về văn   
c. Còn ít biết tới thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu  
d. Cả A,B và C

-  **HS** thực hiện nhiệm vụ:

- **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

1/ Tác giả dùng nghệ thuật ẩn dụ để khẳng định tài năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu

2/ o *Nguyễn Đình Chiểu là ngôi sao có ánh sáng khác thường:* Nguyễn Đình Chiểu là một hiện tượng độc đáo, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có vẻ đẹp riêng không dễ nhận ra.

o *Phải chăm chú nhìn thì mới thấy:* phải cố gắng tìm hiểu và tìm hiểu kĩ, phải kiên trì nghiên cứu thì mới cảm nhận được vẻ đẹp riêng của nó.

o *Càng nhìn càng thấy sáng:* càng nghiên cứu, càng tìm hiểu kĩ ta sẽ càng thấy được cái hay của nó và càng khám phá ra được những vẻ đẹp mới

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:**

Trong phần mở đầu bài “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc”, ông Phạm Văn Đồng có viết ***: “Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt thường của chúng ta phải nhìn chăm chú thì mới thấy và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy.”***

1. Xác định biện pháp tu từ và ý nghĩa biện pháp tu từ đó trong văn bản trên.

3. Các từ ngữ: ***ánh sáng khác thường, nhìn chăm chú, càng nhìn càng thấy sáng*** có hiệu quả nghệ thuật như thế nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)

- Tác giả đánh giá rất cao ý nghĩa của bài "VTNSCG" qua đoạn văn nào? Tác giả đã bác bỏ những ý kiến hiểu chưa đúng về "Truyện Lục Vân Tiên" như thế nào?

- Mô hình hóa bố cục và lập sơ đồ hệ thống luận cứ, luận điểm của bài viết.

- Chuẩn bị bài: Đọc thêm: *Mấy ý nghĩ về thơ, Đô-xtôi-ép-xki.*

**Tuần 4**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết: 12***

**MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ – Nguyễn Đình Thi**

**ĐÔ-XTÔI-ÉP-XKI - *X. Xvai -gơ***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của văn nghị luận mang tính chất lí luận văn học và dạng bài chân dung văn học

- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản : các luận điểm - tư tường, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính.

- Nhận thức về các đặc trưng của thơ

- Cách lập luận chặt chẽ, diễn đạt có hình ảnh, giàu cảm xúc.

- Cuộc đời và tác phẩm của Đôn-xtôi-ép-xki là nguồn cổ vũ quần chúng lao động nghèo đoàn kết đứng lên lật đổ ách cường quyền.

- Nghệ thuật dựng chân dung văn học của Xvai-gơ.

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản lí luận văn học và chân dung văn học

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

- GV tìm đọc các tác phẩm của Nguyễn Đình Thi: Mấy vấn đề văn học (1956), các tâp thơ: Người chiến sĩ (l950), Bài thơ Hắc Hải (l959), Dòng sông trong xanh(l974), Tia nắng (l983)... các tác phẩm của Đô-xtôi-ép-xki: Thẳng ngốc, Anh em nhà Ka-ra-ma-dốp, Tội ác và trừng phạt, Bút kí dưới hầm chết,Những người bị quỉ ám... bài viết của Nguyễn Tuân về Đô-xtôi-ép-xki (Nguyễn Tuân tuyển tập, tập 2).

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

- Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** Tổ chức Trò chơi ô chữ liên quan đến hàm ý

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

GV trình chiếu hình ảnh về nhà thơ Nguyễn Đình Thi, Bài thơ *Việt Nam đất nước ta ơi, Khúc hát ru những em bé trên lưng mẹ,* chân dungnhà văn Xvaigo, Dotx. Yêu cần học sinh đọc một vài đoạn thơ của Nguyễn Đình Thi, nhận ra chân dung 2 tác giả;

**- HS** thực hiện nhiệm vụ:

**- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

**- GV** nhận xét và dẫn vào bài mới: trong chương trình Ngữ văn 9, các em đã học bài thơ *Khúc hát ru những em bé trên lưng mẹ*. Nguyễn Đình thi còn là nhà nghiên cứu phê bình văn học. Bên cạnh đó, SGK còn giới thiệu cho chúng ta đoạn trích về chân dung nhà văn nổi tiếng của nước Nga: Đxtoiepxki. Hôm nay chúng ta cùng đọc thêm hai tác giả này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm Mấy ý nghĩ về thơ**

**a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm, hiểu được nội dung và ý nghĩa văn bản.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Hướng dẫn đọc thêm văn bản "Mấy ý nghĩ về thơ"  Yêu cầu hs chú ý 3 đoạn đầu của bài trích để trả lời câu hỏi 1 (SGK).  - *Thế nào là “rung động thơ” và “làm thơ”?*  *- Nêu ngắn gọn những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ - hình ảnh thơ.*    *- Quan niệm về thơ của NĐT ngày nay còn giá trị không? Vì sao?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  + Rung động thơ: là khi tâm hồn ra khỏi trạng thái bình thường do có sự va chạm với thế giới bên ngoài và bật lên những tình ý mới mẻ.  + Làm thơ: là thể hiện những rung động của tâm hồn con người bằng lời nói (hoặc chữ viết )  **Những đặc điểm của ngôn ngữ - hình ảnh thơ:** Gồm  + Phải gắn với tư tưởng - tình cảm  + Phải có hình ảnh.( Vừa là hình ảnh thực, sống động, mới lạ về sự vật vừa chứa đựng cảm xúc thành thực  + Phải có nhịp điệu ( bên ngoài và bên trong, các yếu tố ngôn ngữ và tâm hồn)  -Việc nêu lên những vấn đề đặc trưng bản chất của thơ ca không chỉ có tác dụng nhất thời lúc bấy giờ mà ngày nay nó vẫn còn có giá trị bởi ý nghĩa thời sự, tính chất khoa học đúng đắn, gắn bó chặt chẽ với cuộc sống và thực tiễn sáng tạo thi ca.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tiểu dẫn:**  **1. Tác giả:**(SGK)  **2. Tác phẩm:**  **-** *Hoàn cảnh ra đời*: Cuộc kháng chiến chống Pháp bước sang năm thứ 3 và thu được những thắng lợi quan trọng, trong đó có sự góp phần tích cực của văn nghệ.  - *Mục đích sáng tác*: tác phẩm thể hiện một quan niệm đúng đắn về thơ nói chung, về thơ ca kháng chiến nói riêng; qua đó đáp ứng được yêu cầu thơ ca phục vụ kháng chiến, vừa nhấn mạnh và làm nổi bật đặc trưng bản chất của thơ ca.  **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Đặc trưng cơ bản nhất của thơ:**  - Đặc trưng cơ bản nhất của thơ là thể hiện tâm hồn con người.  -Quá trình ra đời của một bài thơ: Rung động thơ => Làm thơ  + Rung động thơ:  + Làm thơ:  **2. Những đặc điểm của ngôn ngữ - hình ảnh thơ:**  - Phải gắn với tư tưởng - tình cảm  - Phải có hình ảnh  - Phải có nhịp điệu .  **3. Nét đặc sắc về nghệ thuật:**  - Lập luận chặt chẽ.  - Văn giàu hình ảnh, cảm xúc.  **4. Giá trị của bài tiểu luận:** |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về văn bản Đô-xtôi-ép-xki**

**a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm, hiểu được nội dung và ý nghĩa văn bản.

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV hướng dẫn học sinh đọc văn bản  GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** - Đô-xtôi-ép-ki qua nét vẽ của X. Vai gơ là một con người có những nét gì đặc biệt về tính cách và số phận?  **Nhóm 2:** - *Tìm dẫn chứng về số phận bị vùi dập và sức lao động phi thường của Đô-xtôi-ép-xki ?*    **Nhóm 3:**  *-Hiệu quả của lối cấu trúc những hình ảnh trái ngược khi thể hiện chân dung Đô-xtôi-ép-xki?*  *- Từ câu “Cuối cùng …” đến hết đoạn trích, các biện pháp so sánh, ẩn dụ đều quy tụ về một thế giới như thế nào? Qua đó, X.Vaigơ muốn nói lên những gì về sứ mạng, về tầm vóc của Đôx-xtôi-ép-xki?*  **Nhóm 4:** *Tìm những câu văn chứng tỏ sức hút của nhân vật với tác giả và với cả nước Nga*.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  Kết quả mong đợi:  \* **Nhóm 1**  ***a. Hai thời điểm đối lập trong cuộc sống của Đô-xtôi-ép-xki:***  **- Thời điểm thứ nhất:** kiếp sống của kẻ lưu vong  **- Thời điểm thứ hai:** trở về Tổ quốc.Sau đó là cái chết  ***b. Những nét mâu thuẩn trong thiên tài Đô-xtôi-ép-xki:***  - Những tình cảm mãnh liệt trong cơ thể yếu đuối của một con bệnh thần kinh.  - Con người mang trái tim vĩ đại phải tìm đến những cơ hội "thấp hèn" để làm tròn khát vọng.  - Số phận vùi dập thiên tài nhưng thiên tài tự cứu vãn bằng lao động và cũng tự đốt cháy trong lao động- đó chính là sự hấp dẫn ở tính cách và số phận đầy ngang trái của Đô-xtôi-ép-xki.  \* **Nhóm 2**  -tờ séc cuối cùng, hiệu cầm đồ, phòng làm việc, châu Âu như một nhà ngục, cơn động kinh, tiền nợ, sống giữa đám người chấy rận...  *-"sứ mệnh đã hoàn thành*", trong "*tình cảm anh em của tất cả các giai cấp và tất cả các đẳng cấp của nước Nga*".  - Người lao động bị lưu đày biệt xứ, *"đau khổ một mình"* trở thành *"sứ giả của xứ sở mình"*, con người đầy mâu thuẩn và cô đơn mang lại cho đất nước "*một sự hoà giải"* và "*kiềm chế một lần cuối sự cuồng nhiệt của các mâu thuẩn thời đại ông"-* dù chỉ là lần cuối.  \* **Nhóm 3**  - ***Tương phản:*** cấu trúc câu, hoàn cảnh, tính cách ...  - ***So sánh, ẩn dụ***: cấu trúc câu , hình ảnh so sánh ẩn dụ có tính hệ thống .  - ***Bút pháp vẽ chân dung văn học*** : Gắn hình tượng con người trên khung cảnh rộng lớn.  =>Thể loại đứng ở ngả ba : *Tiểu sử -tiểu thuyết -chân dung văn học.*  🠚 Ngòi bút viết chân dung rất tài hoa giàu chất thơ trong văn xuôi chứng tỏ tấm lòng kính trọng của X.Xvai-gơ dành cho Đô-xtôi-ép-xkithật lớn lao biết chừng nào.  \* **Nhóm 4**  + Với sự thành kính xuất thần...ông báo trước sứ mệnh thiêng liêng của sự hòa giải nước Nga.  + Sự hứng khởi thật không giới hạn ,một vòng hào quang chói lọi bao quanh cái của người bị hành khổ này .  +...Giấc mơ thiêng liêng của Đô-xtôi-ép-xki được thực hiện trong đám tang của ông : sự đoàn kết của tất cả những người Nga .  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | II. ĐÔ - XTÔI – ÉP – XKI *(TRÍCH)*:  **I. Tiểu hiểu chung:**  1. **Tìm hiểu khái quát tiểu sử Đô-xtôi-ép-xki, X. Xvai-gơ**:  + **Đô-xtôi-ép-xki** là nhà văn lớn của nước Nga. Cuộc đời ông có nhiều thăng trầm, thay đổi quan điểm trong quá trình sáng tác và chuyển biến tư tưởng tình cảm. Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị..  + **X. Xvai-gơ** (SGK)  2. **Tóm tắt những ý chính của đoạn trích**  - ***Kiếp sống lưu vong***. (đoạn 1,2)  - ***Trở về Tổ quốc*** (phần còn lại)  3. **Thể loại:** chân dung văn học hay có thể gọi là truyện tiểu sử, truyện danh nhân.  - Đặc tính thể loại:  + Dựa trên cuộc đời thực nhưng có phần tiểu thuyết hoá.  + Chân dung văn học là một hình thức đứng giữa ba thể loại: tiểu sử- tiểu thuyết- phê bình văn học.  **II. Đọc hiểu văn bản:**  **1. Chân dung Đô-xtôi-ép-xki:**  ***a. Hai thời điểm đối lập trong cuộc sống của Đô-xtôi-ép-xki:***  **- Thời điểm thứ nhất:**  **- Thời điểm thứ hai:**  ***b. Những nét mâu thuẩn trong thiên tài Đô-xtôi-ép-xki:***  🠚 Nơi tận cùng của bế tắc, Đô-xtôi-ép-xki đã tỏa sáng cho vinh quang của Tổ quốc và dân tộc.  **2. Nghệ thuật viết chân dung văn học :**  - ***Tương phản:***  - ***So sánh, ẩn dụ***:  - ***Bút pháp vẽ chân dung văn học*** : |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:

**Câu 1:** Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

**Câu 2:** Câu: Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường.

**Câu 3:** Theo Nguyễn Đình Thi, nhà thơ dùng phương tiện/chất liệu là ngôn ngữ (lời và chữ) để thể hiện tình cảm,cảm xúc của mình

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 3:**

“*Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống, làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt. Bài thơ là những câu, những lời diễn lên, làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc. Ta nói truyền sang hình như người đọc chỉ đứng yên mà nhận. Nhưng kì thực, cái trạng thái tâm lí truyền sang ấy là người đọc tự tạo cho mình, khi nhìn những chữ, khi nghe những lời, khi mọi sợi dây của tâm hồn rung lên vì chạm thấy những hình ảnh, những ý nghĩa, những mong muốn, những tình cảm mà lời và chữ của bài thơ kéo theo đằng sau như vầng sáng xung quanh ngọn lửa.”*

(Nguyễn Đình Thi,Mấy ý nghĩ về thơ, Ngữ văn 12, tập một)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ chính của văn bản?

Câu 2: Chỉ ra câu văn nêu nội dung chính của văn bản?

Câu 3: Theo Nguyễn Đình Thi, nhà thơ dùng phương tiện/chất liệu nào để thể hiện tình cảm,cảm xúc của mình?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

## Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)

- Suy nghĩ của Nguyễn Đình Thi về thơ đem đến cho người đọc những định hướng trong học tập và nghiên cứu.

- Chân dung nhà văn Đô – xtoi - ép – xki đem đến cho độc giả một tấm gương lí tưởng về cuộc đời của một văn sĩ nhiệt tâm và đầy tài năng cống hiến. Một tấm gương quên mình vì lí tưởng nghệ thuật cao đẹp

- Qua đoạn trích, anh chị hiểu gì về Đô – xtoi - ép – xki ?

- Chuẩn bị bài: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

**Tuần 5**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết: 13***

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống;

- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống;

- Nội dung, yêu cầu của bài văn NL về một hiện tượng đời sống

- Các thức triển khai bài văn NL về một hiện tượng đời sống

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực viết văn bản nghị luận xã hội ;

- Năng lực đọc – hiểu một văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống

- Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

- Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc thông tin sau có trên trang báo điện tử:

# **Dễ bị hỏng mắt, mắc bệnh tâm thần… vì nghiện chơi Pokemon Go**

**(Nguồn: http://khampha.vn/tin-nhanh)**

Thông tin trên nêu ra hiện tượng gì?

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Đạy là hiện tượng xấu. Chơi **Pokemon Go để lại nhiều tác hại**

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Văn nghị luận nói chung, nghị luận về một hiện tượng đời sống nói riêng là kiểu bài chúng ta thường gặp trong đời sống hằng ngày, trên báo chí và các phương tiên truyền thông đại chúng khác. Hơn nữa, ở bậc THCS, chúng ta cũng đã nghiên cứu khá kĩ kiểu bài này; vậy bây giờ em nào có thể nhắc lại những nội dung cơ bản đã học ở lớp 9?

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu đề**

**a) Mục tiêu:** Biết cách tìm hiểu đề

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **Thao tác 1:**Tìm hiểu cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đạo lí  **GV** hướng dẫn HS thảo luận để biết cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.  a. Tìm hiểu đề:  - Đề bài yêu cầu bàn về hiện tượng gì?  **GV** cho HS thực hiện yêu cầu của câu hỏi 2 và trình bày.  Hỏi: Nên chọn những dẫn chứng nào?  -Cần vận dụng những thao tác lập luận nào?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  **1.** - Đề bài yêu cầu bày tỏ ý kiến: việc làm của anh Nguyễn Hữu Ân - vì tình thương *“dành hết chiếc bánh thời gian của mình”* chăm sóc cho hai người mẹ bị bệnh hiểm nghèo.  - Luận điểm:  + Việc làm của Nguyễn Hữu Ân: đã nêu một tấm gương về lòng hiếu thảo, vị tha, đức hi sinh của thanh niên.  + Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân là một hiện tượng sống đẹp, thế hệ ngày nay cần có nhiều tấm gương như Nguyễn Hữu Ân.  + Bên cạnh đó, còn một số người có lối sống ích kỉ, vô tâm, đáng phê phán, *“lãng phí chiếc bánh thời gian vào những việc vô bổ”.*  + Bài học: Tuổi trẻ cần dành thời gian tu dưỡng, lập nghiệp, sống vị tha để cuộc đời ngày một đẹp hơn.  - Dẫn chứng:  + Một số việc làm có ý nghĩa của thanh niên ngày nay tương tự như Nguyễn Hữu Ân: dạy học ở các lớp tình thương, giúp đỡ người tàn tật có hoàn cảnh neo đơn, tham gia phong trào tình nguyện…  + Một số việc làm đáng phê phán của thanh niên học sinh: bỏ học ra ngoài chơi điện tử, đánh bi a, tham gia đua xe…  - Thao tác nghị luận: phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | I. **Cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đạo lí:**  *1. Tìm hiểu đề:*  - Đề bài yêu cầu :  - Luận điểm:    - Dẫn chứng: |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu cách lập dàn ý**

**a) Mục tiêu:** HS biết cách lập dàn ý.

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS thảo luận để lập dàn ý.  **Nhóm 1:** *Phần mở bài cần nêu lên những gì? Giới thiệu về hiện tượng như thế nào?*  **Nhóm 2:** *Phần thân bài có những ý chính nào? Tại sao?*  **Nhóm 3:** *Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa gì, tiêu biểu cho phẩm chất nào của thanh niên ngày nay?*  **Nhóm 4:** *Em hãy đánh giá chung về những hiện tượng tương tự như hiện tượng Nguyễn Hữu Ân?*  *- Những hiện tượng nào cần phê phán*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  Kết quả mong đợi:  \* **Nhóm 1**  a. Mở bài:  - Giới thiệu hiện tượng Nguyễn Hữu Ân  - Trích dẫn đề văn, nêu vấn đề *“chia chiếc bánh mì của mình cho ai?”*  \* **Nhóm 2**  b. Thân bài:  - Tóm tắt hiện tượng:  - Phân tích hiện tượng:  - Bình luận:  - Phê phán:  - Kêu gọi:  \* **Nhóm 3**  Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với thanh niên, học sinh ngày nay:  + Hiện tượng này chứng tỏ thanh niên Việt Nam đã và đang phát huy truyền thống *Lá lành đùm lá rách*, tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau của cha ông xưa.  + Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân tiêu biểu cho lối sống đẹp, tình yêu thương con người của thanh niên ngày nay.  + Một số tấm gương tương tự.  \* **Nhóm 4**  + Đánh giá chung về hiện tượng: Đa số thanh niên Việt Nam có ý thức tốt với việc làm của mình, có hành vi ứng xử đúng đắn, có tấm lòng nhân đạo, bao dung. Không chỉ vì một số ít thanh niên có thái độ và việc làm không hợp lí mà đánh giá sai toàn bộ thanh niên.  + Phê phán:  Một vài hiện tượng tiêu cực *“lãng phí chiếc bánh thời gian”* vào những việc vô bổ, không làm được gì cho bản thân, gia đình, bạn bè, những người cần được quan tâm, chia sẻ.  + Kêu gọi:  Thanh niên, học sinh ngày nay hãy noi gương Nguyễn Hữu Ân để thời gian của mình không trôi đi vô ích.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | *2. Lập dàn ý:*  a. Mở bài:  b. Thân bài:  - Tóm tắt hiện tượng:  Nguyễn Hữu Ân đã dành hết thời gian của mình cho những người ung thư giai đoạn cuối.  - Phân tích hiện tượng:  Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với thanh niên, học sinh ngày nay:    - Bình luận:  + Đánh giá chung về hiện tượng:  + Phê phán:  + Kêu gọi:  Thanh niên, học sinh ngày nay hãy noi gương Nguyễn Hữu Ân để thời gian của mình không trôi đi vô ích.  c. Kết bài:  Bày tỏ suy nghĩ riêng của người viết đối với hiên tượng. |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu cách làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống**

**a) Mục tiêu:** hiểu cách làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV:** Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 2 và ghi nhớ nội dung bài học qua phần **Ghi nhớ** trong SGK.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  Kết quả mong đợi:  - Nghị luận đời sống: là bàn về một hiện tượng có ý nghĩa trong xã hội.  - Bài nghị luận cần:  + Nêu rõ hiện tượng  + Phân tích các mặt đúng – sai, lợi – hại  + Chỉ ra nguyên nhân  + Bày tỏ ý kiến, thái độ của người viết  - Ngoài việc vận dung các thao tác lập luận như phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận…, cần: diễn đạt sáng sủa, ngắn gọn, giản dị, nhất là phần nêu cảm nghĩ của riêng mình.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | *3. Cách làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống:*  - Nghị luận đời sống:  - Bài nghị luận cần:  - Ngoài việc vận dung các thao tác lập luận như phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận…, cần: diễn đạt sáng sủa, ngắn gọn, giản dị, nhất là phần nêu cảm nghĩ của riêng mình. |

**Hoạt động 4: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** vận dụng lí thuyết và làm bài tập.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** hướng dẫn, gợi ý cho HS giải bài tập.   * *- Lãnh tụ NAQ bàn về hiện tương gì trong đời sống?* * *- Tác giả đã sử dụng những thao tác lập luận nào? Nêu d.chứng và pt tác dụng của chúng?* * *- Nghệ thuật diễn đạt của văn bản?* * *- Rút ra bài học gì cho bản thân?*   Yêu cầu HS đọc lại văn bản trích của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và vận dụng các tri thức đã học để giải quyết các yêu cầu của bài tập  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  a. Trong văn bản trên, bàn về hiện tượng nhiều thanh niên, sinh viên Việt Nam du học nước ngoài dành quá nhiều thời gian cho việc chơi bời, giải trí mà chưa chăm chỉ học tập, rèn luyện để khi trở về góp phần xây dựng đất nước.  Hiện tượng ấy diễn ra vào những năm đầu của thế kỉ XX.  b. Tác giả đã sử dụng các thao tác lập luận:  + **Phân tích**: Thanh niên du học mãi chơi bời, thanh niên trong nước “*không làm gì cả*”, họ sống “*già cỗi*”, thiếu tổ chức, rất nguy hại cho tương lai đất nước...  + **So sánh:** nêu hiện tượng thanh niên, sinh viên Trung Hoa du học chăm chỉ, cần cù.  + **Bác bỏ**: “*Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: Họ không làm gì cả”.*  **c. Nghệ thuật diễn đạt của văn bản:**  - Dùng từ, nêu dẫn chứng xác đáng, cụ thể,  - Kết hợp nhuần nhuyễn các kiểu câu trần thuật, câu hỏi, câu cảm thán.  HS làm ở nhà.  - Thực trạng của vấn đề nghiện Ka-ra-ô-kê:  - Nguyên nhân hậu quả, tác hại Ka-ra-ô-kê:  - Giải pháp để làm giảm hiện tượng nghiện Ka-ra-ô-kê:  - Bài học về nhận thức, hành động:  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức => Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | III. LUYỆN TẬP: **Bài tập 1**:  a. Trong văn bản trên, bàn về hiện tượng :  b. Tác giả đã sử dụng các thao tác lập luận:  + **Phân tích**:  + **So sánh:**  + **Bác bỏ**:  **c. Nghệ thuật diễn đạt của văn bản:**  **d. Rút ra bài học cho bản thân:** Xác định lí tưởng, cách sống; mục đích, thái độ học tập đúng đắn.  **Bài tập 2**: HS tự làm ở nhà. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: 1D, 2A

**d) Tổ chức thực hiện:**

Đọc đọan văn sau :

*Thanh niên ta ai cũng biết là hiện nay có hơn hai nghìn thanh niên Trung Quốc trên đất pháp và độ hơn năm vạn ở Châu Âu và Châu Mĩ. Hầu hết những thanh niên ấy đều đã tốt nghiệp Hán văn và tất cả đang là sinh viên-công nhân. Còn chúng ta, thì chúng ta có những sinh viên được học bổng và những sinh viên thưởng, nhờ ơn Nhà nước hay tiền của cha mẹ (hại thay, hai nguồn ấy lại không bao giờ cạn cả), mà đang giành một nửa thời giờ vào việc...chơi bi-a, một nửa của nửa thì giờ còn lại để đến các chốn ăn chơi; số thì giờ còn lại, mà ít khi làm lắm, thì để váo trường đại học hoặc trường trung học. Nhưng sinh viên-công nhân Trung Quốc thì lại không có mục đích nào khác hơn là nhằm sự chấn hưng nền kinh tế nước nhà và họ theo châm ngôn : "Sinh sống bằng lao động của bản thân và vừa học hỏi vừa lao động" (Nguyễn Ái Quốc)*

***1. Trong đoạn văn trên,  tác giả bàn luận vấn đề gì ?***

a. Thanh niên, sinh viên Viêt Nam du học lãng phí thời gian vào những việc vô bổ   
b. Sinh viên -công nhân Trung Quốc với những nỗ lực tìm kiếm tri thức trên thế giới   
c.Hậu quả của sự lãng phí thời gian trong học tập của sinh viên Việt Nam   
d. Việc học tập và tu dưỡng của thanh niên Việt Nam khi đi du học ở nước ngoài

***2. Thái độ của tác giả khi bàn về hiện tượng trên như thế nào?***a. Xót xa, tiếc thương   
b. Phê phán , lên án   
c. Tôn vinh,tự hào

d. Đồng tình, ủng hộ

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**a. Giải thích:**

- Lối sống thực dụng là lối sống coi nặng giá trị vật chất, chạy đua theo những nhu cầu trước mắt, đặt lợi ích của bản thân lên trên tất cả, gần với sự ích kỉ, trục lợi. Lối sống thực dụng là một căn bệnh nguy hiểm có thể làm băng hoại đạo đức con người.

- Biểu hiện của lối sống thực dụng: sống buông thả, thờ ơ, hành xử thô bạo, vi phạm pháp luật nhà nước, coi trọng tiền bạc, xem nhẹ những giá trị đạo đức, nhân cách, tâm hồn. Ví dụ: hiện tượng chọn nghề theo thị hiếu xã hội mà không theo sở thích, khả năng của bản thân; bạo lực trong học đường…

**b. Phân tích, chứng minh tác hại, nguyên nhân của hiện tượng:**

- Tác hại của lối sống thực dụng: Lối sống thực dụng sẽ làm tha hóa con người, khơi dậy những ham muốn bản năng, cơ hội, chạy theo hưởng lạc, những lợi ích trực tiếp trước mắt, xa rời những mục tiêu phấn đấu. Trong quan hệ giữa người với người, những tình cảm lành mạnh bị thay thế bằng quan hệ vụ lợi, vật chất. Trong đời sống, họ vô trách nhiệm, bàng quan, vô cảm, không đấu tranh chống cái sai và cũng không ủng hộ cái đúng, cái tốt.

- Nguyên nhân của lối sống thực dụng: do ý thức của bản thân; do môi trường giáo dục còn chưa chú trọng đến đạo đức, nhân cách, kĩ năng sống; do gia đình thiếu sát sao, quan tâm; do xã hội chưa tổ chức được những hoạt động hữu ích thu hút giới trẻ,...

**c. Biện pháp khắc phục:**

-Sống phải có khát vọng, lí tưởng, có hoài bão, mục đích sống, động lực để phấn đấu. Nhất là tuổi trẻ phải biết biến ước mơ thành hành động cụ thể, năng động, dám nghĩ, dám làm, không uổng phí thời gian, loại bỏ lối sống ích kỉ, vượt qua cám dỗ đời thường.

- Gia đình, nhà trường và xã hội cần quan tâm hơn tới giáo dục, tạo động lực phấn đấu và thu hút, trọng dụng giới trẻ vào những việc làm có ích.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Viết một bài văn ngắn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về lối sống thực dụng đang làm băng hoại đạo đức của con người, đặc biệt là giới trẻ hiện nay.***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

## Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)

- Hãy nêu vắn tắt cách tìm hiểu đề và lập dàn ý đối với bài văn bàn về một hiện tượng đời sống?

- HS cần nắm lại: Cách làm bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.

- Chuẩn bị bài: PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC

**Tuần**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

**Tiết 14**

**PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Biết đọc - hiểu và viết một văn bản khoa học phù hợp với đặc điểm phong cách ngôn ngữ khoa học.

- Hiểu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ khoa học ; biết so sánh, phân biệt phong cách ngôn ngữ khoa học và các phong cách ngôn ngữ khác.

*-*Nắm được khái niệm ngôn ngữ khoa học, các loại văn bản khoa học thường gặp, các đặc trưng cơ bản của phong cách NNKH và đặc điểm về phương tiện ngôn ngữ trong PCNNKH;

- Sự lựa chọn các yếu tố ngôn ngữ trong quá trình soạn thảo các văn bản mang phong cách ngôn ngữ khoa học.

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

- Năng lực đọc - hiểu các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học ;

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

- Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

*Giải thích và sắp xếp các từ sau thuộc môn học nào trong chương trình phổ thông?*

a. Badơ:

b. Ẩn dụ:

c. Phân số thập phân:

d. Lực là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác.

**- HS** thực hiện nhiệm vụ:

**- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a. Badơ: hợp chất mà phân tử gồm có một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hi-đrô-xít. (Dùng trong văn bản khoa học hoá học).

b. Ân dụ: gọi tên sự vật, hiên tượng này bằng tên sự vật, hiên tượng khác có nét tương đồng với nó. (Dùng trong văn bản khoa học Ngữ văn).

c. Phân số thập phân: phân số mà mẫu là luỹ thừa của 10. (Dùng trong văn bản khoa học toán học).

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong cuộc sống thường ngày, ta được tiếp xúc và sử dụng nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau. Trong số đó có phong cách ngôn ngữ khoa học. Vậy phong cách ngôn ngữ khoa học là loại ngôn ngữ như thế nào? Nó có những đặc trưng gì? Tất cả sẽ được giải đáp trong bài học hôm nay.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học**

**a) Mục tiêu:** Biết về văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Yêu cầu 3 học sinh lần lượt đọc 3 đoạn trích từ 3 văn bản khoa học.  *- Ba đoạn trích trên đều nói về những vấn đề khoa học. Nhưng khác nhau về mức độ và phạm vi sử dụng như thế nào?*  *- Như vậy, các văn bản trên là thuộc những loại văn bản khoa học nào?*  *- Qua các ngữ liệu đã phân tích, em hiểu thế nào là ngôn ngữ khoa học?*  *- Ngôn ngữ khoa học tồn tại dưới những dạng nào? Nêu ví dụ một số loại văn bản khoa học của từng dạng?*  - HS thực hiện, trả lời theo đúng khái niệm ngôn ngữ khoa học đã nêu trong SGK  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  *1. Tìm hiểu ngữ liệu:*  *- Về mức độ:*  + Văn bản a: chuyên sâu  + Văn bản b: phù hợp với học sinh THPT  + Văn bản c: phổ cập  *- Về phạm vi sử dụng:*  + Văn bản a: những người có trình độ chuyên môn sâu  + Văn bản b: trong nhà trường  + Văn bản c: mọi người  *- Các loại văn bản khoa học:*  + Văn bản a: VBKH chuyên sâu  + Văn bản b: VBKH giáo khoa  + Văn bản c: VBKH phổ cập  *- Ngôn ngữ khoa học:* Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản khoa học, trong phạm vi giao tiếp về những vấn đề khoa học.  *- Các dạng:*  + Dạng viết: báo cáo khoa học, luận văn, luận án, SGK, sách phổ biến khoa học…  + Dạng nói: giảng bài, nói chuyện khoa học, thảo luận – tranh luận khoa học...  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học:**  *1. Tìm hiểu ngữ liệu:*  *- Về mức độ:*  *- Về phạm vi sử dụng:*  *- Các loại văn bản khoa học:*  2. Ngôn ngữ khoa học:  *- Ngôn ngữ khoa học:*  *- Các dạng:*  + Dạng viết:  + Dạng nói: |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc trưng của ngôn ngữ khoa học:**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu được đặc trưng của ngôn ngữ khoa học

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** đặc trưng của ngôn ngữ khoa học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- Học sinh** trao đổi nhóm, đại diện trả lời, lớp nhận xét, đối chiếu với phần trình bày ở bảng phụ của GV hoàn thiện kiến thức.  **Nhóm 1:**  *Dựa vào những tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, cho biết tính khái quát trừu tượng của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?*  **Nhóm 2:**  *Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính lí trí, logic của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?*  **Nhóm 3:**  *Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính khách quan, phi cá thể hoá của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  \* **Nhóm 1**  Tính khái quát, trừu tượng  Đặc trưng này biểu hiên rõ nhất ở các phương tiên ngôn ngữ, trước hết là các thuật ngữ khoa học.  Thuật ngữ là một bộ phận quan trọng trong vốn từ vựng của mỗi ngôn ngữ; nó có các đặc điểm:  Là lớp từ ngữ chuyên dùng để biểu thị các khái niêm khoa học, công nghệ và thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.  Thường mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niêm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.  Thuật ngữ có tính khái quát, trừu tượng cao và không có tính biểu cảm.  Do đó, khi giải thích hoặc hiểu được một thuật ngữ có thể coi là đã nắm được một đơn vị tri thức khoa học nào đó.  \* **Nhóm 2**  Việc dùng từ ngữ: các thuạt ngữ đơn nghĩa  Việc dùng câu: mỗi câu thường tương đương với một phán đoán lôgic, nghĩa là được xây dựng từ hai khái niêm khoa học trở lên theo một quan hê nhất định. Ví dụ: *Dao động là chuyển động có giới hạn trong không gian, lặp đi lặp lại nhiều lần quanh một vị trí cân bằng.*  \* **Nhóm 3**  Về từ ngữ: dùng các thuật ngữ đơn nghĩa; không dùng các từ ngữ đa nghĩa, thông tục hoặc không dùng từ ngữ với nghĩa chuyển có sắc thái biểu cảm khác nhau.  Về câu: thường chỉ mang thông tin khoa học thuần tuý với nghĩa tường minh, không dùng nghĩa hàm ẩn; cấu trúc câu thường đơn giản, rõ ràng.  Về đoạn văn, văn bản: thường mạch lạc, lớp lang theo đúng trình tự của nhận thức lôgic; không đòi hỏi phải dùng liên tưởng, tưởng tượng, hư cấu.+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **II. Đặc trưng của ngôn ngữ khoa học:**  *1. Tính khái quát, trừu tượng :*  - Ngôn ngữ khoa học dùng nhiều thuật ngữ khoa học: từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học.  - Kết cấu văn bản: mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể)  *2. Tính lí trí, logic:*  - Từ ngữ: chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ.  - Câu văn: chặt chẽ, mạch lạc, là 1 đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn.  - Kết cấu văn bản: Câu văn liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập luận logic.  *3. Tính khách quan, phi cá thể:*  - Câu văn trong văn bản khoa học: có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc  - Khoa học có tính khái quát cao nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân |

**Hoạt động 2: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** hiểu được lí thuyết và vận dụng vào bài tập.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **+ GV**  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** Bài tập 1:  *- Nội dung thông tin là gì ?*  *- Thuộc loại văn bản nào ?*  *- Tìm các thuật ngữ khoa học được sử dụng trong văn bản ?*  **Nhóm 2:** Bài tập 2:  *Cho ví dụ về đoạn thẳng và chia nhóm cho học sinh thảo luận các từ còn lại*  **Nhóm 3:** Bài tập 3 :  *Tính lí trí và logic của văn bản được thể hiện ở những phương diện nào?*  **Nhóm 4:** Bài tập 4 :  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  \***Nhóm 1**  Bài *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX*  - Nội dung thông tin:  + Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá  + Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu của từng giai đoạn  + Những đặc điểm cơ bản của văn học giai đoạn từ 1945 đến 1975 và 1975 đến hết thế kỉ XX.  - Thuộc loại văn bản: ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn, hoặc chuyên ngành Khoa học Ngữ văn  - Ngôn ngữ khoa học trong văn bản có nhiều đặc điểm:  + Dùng nhiều thuật ngữ khoa học.  + Kết cấu của văn bản mạch lạc, chặt chẽ: có hệ thống đề mục lớn nhỏ, các phần, các đoạn rõ ràng  \* **Nhóm 2**  Ví dụ: *Đoạn thẳng*  - Thông thường: là đoạn không cong queo, gãy khúc  - Toán học: Đoạn ngắn nhất nối hai điểm với nhau  \* **Nhóm 3**  - Thuật ngữ: *khảo cổ, người vượn, hạch đá, mảnh tước, rìu tay, di chỉ, công cụ đá…*  - Tính lí trí và logic thể hiện ở lập luận:  + Câu đầu: nêu lên luận điểm  + Các câu sau: nêu các luận cứ, cứ liệu thực tế  \* **Nhóm 4** ( trình bày đoạn văn)  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Luyện tập:**  **1. Bài tập 1:**  - Nội dung thông tin:    - Thuộc loại văn bản:  - Ngôn ngữ khoa học trong văn bản có nhiều đặc điểm:    **2. Bài tập 2:**  **3. Bài tập 3 :**  - Thuật ngữ:  - Tính lí trí và logic thể hiện ở lập luận:  4. Bài tập 4:  - Lưu ý: Cần đảm bảo:  + Nhất quán về nội dung: các câu đều tập trung vào chủ đề “sự cần thiết của việc bảo vệ môi trường sống” và phát triển, làm rõ chủ đề đó.  + Các câu liên kết với nhau và có quan hệ lập luận chặt chẽ.  + Mỗi câu, mỗi từ cần đúng về nghĩa, về phong cách khoa học.  - Đoạn văn: (Hoàn thiện ở nhà). |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:

1/Sự thiếu mạch lạc trong câu văn:

+ Câu què cụt, thiếu chủ ngữ hoặc lặp, thừa chủ ngữ

+ Không biết chấm câu, câu văn dài lê thê, “ý nọ xọ ý kia” hoặc rối ý

+ Câu văn “đầu Ngô mình Sở”, không phát triển theo một chủ đề nhất định, đầu cuối không tương ứng.

🡪 Yêu cầu của câu trong VBKH: mỗi câu tương ứng với một phán đoán logic, diên đạt một ý; mỗi từ chỉ biểu hiện một nghĩa

2/Sự thiếu mạch lạc trong đoạn văn, bài văn:

+ Ý của câu trước không ăn nhập với ý câu sau. Ý câu sau không phát triển được ý câu trước.

+ Ý của đoạn trước không liên kết với ý của đoạn sau

+ Bài văn: Phần mở đầu không định hướng cho phần lập luận. Phần lập luận không theo một trật tự logic nào. Luận điểm không rõ ràng, không được chứng minh; luận cứ không có cơ sở, phần lớn chỉ là bắt chước hoặc minh hoạ lẫn lộn. Phần kết luận không tóm tắt được những luận điểm đã trình bày.

🡪 Do thói quen nghĩ gì viết nấy, nghĩ đến đâu viết đến đó, không có một dàn ý chung cho cả văn bản, không có một nội dung tổng thể trước khi viết văn bản 🡪 Trái với phong cách của ngôn ngữ khoa học.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:Nêu những lỗi của cách diễn đạt không đúng phong cách khoa học trong các bài văn nghị luận:

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

1.  Đoạn văn thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học. Có hai dấu hiệu để nhận biết điều ấy: thứ nhất, nội dung của đoạn văn bàn về một vấn đề của văn học sử Việt Nam; thứ hai, trong đoạn văn, người viết sử dụng nhiều thuật ngữ khoa học.

2.  Các thuật ngữ khoa học xuất hiện trong đoạn văn: thể loại văn học, thơ, sử thi, truyện thơ dân gian, ca dao, dân ca, thơ cổ điển, văn xuôi, bút kí, tuỳ bút, truyện ngắn, tiểu thuyết.

3.  Kho tàng văn học dân tộc là tất cả các tác phẩm văn học thuộc mọi thể loại (kể cả văn học dân gian và văn học viết) có mặt trong nền văn học của nước ta từ xưa đến nay.

4.  Có thể đặt nhan đề cho đoạn văn là: vấn đề thể loại của nền văn học Việt Nam, hoặc Đặc điểm thể loại của nền văn học Việt Nam.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*Về mặt thể loại văn học, ở nước ta, thơ có truyền thống lâu đời. Sử thi của các dân tộc ở Tây Nguyên, của dân tộc Mường..., truyện thơ dân gian của các dân tộc Thái, Tày, Nùng,:., còn lưu truyền nhiều thiên bất hủ. Ca dao, dân ca, thơ cổ điển của người Việt thời phong kiến cũng để lại nhiều viên ngọc quý. Thơ hiện đại, trước cũng như sau Cách mạng tháng Tám 1945, đã góp vào kho tàng văn học dân tộc biết bao kiệt tác. Văn xuôi tiếng Việt ra đời muộn, gần như cùng với thế kỉ XX, nhưng tốc độ phát triển và trưởng thành hết sức nhanh chóng. Với các thể bút kí, tuỳ bút, truyện ngắn, tiểu thuyết, văn xuôi Việt Nam đã có thể sánh cùng với nhiều nền văn xuôi hiện đại của thế giới.*

1.   Hãy cho biết, đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì? Căn cứ vào đâu để nhận biết điều ấy?

2.   Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng những thuật ngữ khoa học nào?

3.   Anh (chị) hiểu thế nào là kho tàng văn học dân tộc?

4.   Đặt nhan đề cho đoạn văn trên.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)

- Các loại văn bản khoa học ?

- Các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ khoa học .

- Chuẩn bị bài: TRẢ BÀI SỐ I

**Tiết 15/Tuần 05**

**TRẢ BÀI VIẾT SỐ 1**

**RA ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 2 : NGHỊ LUẬN XÃ HỘI ( BÀI LÀM Ở NHÀ)**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**I. Mục tiêu cần đạt:**

- Kiến thức: Củng cố những kién thức và kĩ năng làm văn có liên quan đến bài làm

- Kĩ năng: Nhận ra được những ưu điểm và thiếu sót trong bài làm của mình về các mặt kiến thức và kĩ năng viết bài văn nói chung.

- Thái độ: Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm, khắc phục các thiếu sót trong bài văn sau.

**II. Chuẩn bị của thầy và trò:**

- GV: SGK, SGV, bài soạn, bài viết của hs

- HS: Vở soạn, sgk, bài viết của bản thân và của bạn

**III. Tiến trình bài giảng:**

***1. Kiểm tra bài cũ:***

- Thế nào là ngôn ngữ khoa học? Có các loại văn bản khoa học nào?

- Ngôn ngữ khoa học có những đặc trưng cơ bản nào?

***2. Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò*** | ***Kiến thức cơ bản*** |
| **HĐI. Hướng dẫn HS tìm hiểu đề**  - N*hắc lại đề bài của bài làm văn số 1 và xác định yêu cầu của đề bài về kĩ năng?*  - *Về hình thức của bài làm, chúng ta cần đáp ứng những yêu cầu gì?* | **I. Phân tích đề:**  *Trong bài thơ “Một khúc ca xuân” (12/1977), Tố Hữu có viết:*  *“ Nếu là con chim chiếc lá*  *Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh*  *Lẽ nào vay mà không có trả*  *Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”*  *Anh (chị) hãy phát biểu ý kiến của mình về đoạn thơ trên.*  \* Yêu cầu của đề:  - Kĩ năng: Biết cách làm bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.  - Nội dung: Quan niệm sống phải biết cống hiến  - Hình thức: Bài viết có bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp. |
| **HĐII. Hướng dẫn HS lập dàn ý**   * *Phần mở bài chúng ta cần đề cập đến những vấn đề gì?* * *Phần thân bài cần phải triển khai những ý nào?* * *Em hiểu như thế nào về nội dung của đoạn thơ?*   *- Quan niệm mà TH đưa ra có đúng không? có xác đáng không?*  *- Cần đưa ra những ý kiến của bản thân như thế nào về vấn đề hưởng thụ và cống hiến?* | **II. Lập dàn ý**  *1. Mở bài:*  - Khái quát về nội dung đoạn thơ: hưởng thụ và cống hiến  - Dẫn đoạn thơ của TH.  *2. Thân bài:*   * Giải thích được ý nghĩa của đoạn thơ:   + *Nếu là*: cách nói giả định.  + *Con chim, chiếc lá:* những sinh linh nhỏ bé trong cõi đời. Tuy nhỏ bé nhưng khi đã hiện diện trên đời thì phải có trách nhiệm với đời. Nghĩa là “con chim phải hót, chiếc lá phải xanh”. Từ đó suy ra con người cũng vậy một khi đã sống, đã “vay” nhiều của xh thì phải biết “trả”. “Lẽ nào vay mà không có trả” là như vậy. Biết trả nợ xh đó là trách nhiệm của con người ở đời “sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”. Con người trong xh đâu phải chỉ là hưởng thụ mà còn phải biết cống hiến.   * Khẳng định quan niệm sống trong đoạn thơ là hoàn toàn xác đáng   + Quan niệm sống phải biết cống hiến của nhà thơ thể hiện một lẽ sống cao đẹp, vị tha của thanh niên trong thời đại Bác Hồ hiện nay.  + Là một thành viên sống trong cộng đồng xh, mỗi con người đều phải biết sống với nhau, sống có trách nhiệm với nhau. Vay nhiều của xh, ai cũng vậy đều phải ra sức trả món nợ ấy cho xh. Để trang trải món nợ đã vay ấy của xã hội, chúng ta phải biết cống hiến hết sức lực của mình  + Nếu mọi người đều như vậy, đất nước ta nhất định sẽ tiến lên văn minh, công bằng và giàu mạnh.   * Bàn luận mở rộng:   + Phê phán: những ai chỉ biết hưởng thụ, vị kỉ, vụ lợi, chỉ biết “vay” mà không biết “trả”, sống ở trên đời mà thiếu tinh thần trách nhiệm đối với cuộc đời.  + Trong tình hình hiện nay, mỗi một con người đều phải xác định đúng việc rèn luyện tu dưỡng của bản thân mình, luôn luôn biết sống vì mọi người, thấy được “sống là cho” đó là điều hạnh phúc.  + Là hs, ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường cần phải có ý thức sống vì mọi người, sống là cống hiến. |
| **Hoạt động III: Giáo viên nhận xét về bài văn của học sinh.**  - *Từ những yêu cầu của đề bài, các em hãy cho biết các em đã làm được những gì và những gì chưa làm được trong bài làm của mình?* | **III. Nhận xét:**  *1. Ưu điểm:*  - Về kĩ năng: mét số biết vận dụng kiểu văn nghị luận  - Về kiến thức: xác định được các luận điểm cần thiết cho bài văn  - Bố cục: rõ rµng, đủ 3 phần  - Về diễn đạt: tương đối rõ ràng, biết vận dụng các phương tiện để liên kết câu và đoạn.  *2. Nhược điểm:*  - Đa số chưa xác địnhđược các luận điểm cần thiết.  - Bài viết thiếu dẫn chứng, chưa đủ sức thuyết phục.  - Còn sai nhiều lỗi chính tả, trình bày bẩn |
| **HĐ IV**.  GV trả bài và yêu cầu HS:  - Xem lại bài và đọc kĩ lời phê của GV.  - Tự sửa các lỗi về dùng từ, đặt câu, bố cục, liên kết.  - Trao đổi bài cho bạn để cùng nhau rút kinh nghiệm | |
| **HĐV. Đề bài viết số 2:**  Đề 1: *Hiện nay vẫn còn tình trạng trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống ở các thành phố, thị trấn. Nhưng đã và đang xuất hiện nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận các em về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp đỡ các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp.*  Anh (chị) hãy bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng đó.  Đề 2: *“Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động”*  Ý kiến trên của nhà văn Pháp M. Xi-xê-rông gợi cho anh (chị) những suy nghĩ gì về việc tu dưỡng và học tập của bản thân. | |

3. Củng cố: Giáo viên yêu cầu học sinh rút kinh nghiệm cho bài văn của mình.

4. Hướng dẫn tự học:

- Soạn bài mới: “Thông diệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS1.12.2003”

**Tuần 6**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 16, 17:***

**THÔNG ĐIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI PHÒNG CHỐNG AIDS,1.12.2003**

**(Cô - phi – An – na )**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nêu thông tin về tác giả, tác phẩm

Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản nhật dụng : các luận điểm - tư tường, cách lập luận chạt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính

-Thấy được tầm quan trọng và sự bức thiết của công cuộc phòng chống HIV/AIDS đối với toàn nhân loại và mỗi cá nhân.

- Nhận thức rõ trách nhiệm của các quốc gia và từng cá nhân trong việc sát cánh, chung tay đẩy lùi hiểm họa.

-Những suy nghĩ sâu sắc và cảm xúc chân thành của tác giả.

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác phẩm Văn bản nhật dụng

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh, video clip; những mẫu tin trên báo chí mang tính thời sự về phòng chống AIDS

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi :

1/GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn bản nhật dụng bằng cách nhắc lại các văn bản nhật dụng đã học ở THCS.

2/ Trình chiếu một vài hình ảnh về tranh cổ động tuyên truyền phòng chống AIDS ở Việt Nam và thế giới

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

**a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **\* GV đặt câu hỏi:**  *Qua đó em hãy cho biết phẩm chất, vị trí, vai trò và thái độ của Cô-phi An-nan đối với công cuộc chống đại dịch hiểm hoạ cho loại người?*  *Em hãy nêu vài nét về tác phẩm?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS** Tái hiện kiến thức và trình bày.  - Sau hơn nửa thế kỉ (1945-1997), Liên hiện quốc mới có một người thuộc châu Phi, da đen được bầu vào chức vụ Tổng thư kí. Đó không chỉ là chiến thắng của tinh thần bình đẳng, bình quyền giữa các dân tộc trên trái đất mà còn là sự thừa nhận những phẩm chất ưu tú của cá nhân Cô-phi An-nan.  - Được trao giải thưởng Nô- ben Hoà bình năm 2001 là sự ghi nhận những đóng góp to lớn của ông đối với việc xây dựng "*một thế giới được tổ chức tốt hơn và hoà bình hơn*". Giữa bề bộn những lo toan nhiều mặt cho đời sống nhân loại, ông vẫn không quên dành sự ưu tiên đặ biệt cho cuộc chiến chống đại dịch HIV/AIDS.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả: Cô-phi An-nan.**  **2. Tác phẩm:**  **-** Thông điệp này công bố hơn hai năm sau khi ông ra Lời kêu gọi hành động trước hiểm họa HIV/AIDS và tiến hành vận động thành lập Quỹ sức khoẻ và AIDS toàn cầu => Chứng tỏ quyết tâm bền bỉ của ông trong việc theo đuổi công cuộc đấu tranh chống lại mối hiểm nguy đang đe doạ toàn nhân loại.  - Thể loại: văn bản chính luận, nhật dụng |

**Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nội dung của thông điệp.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **HS:** Thảo luận về cách tổng kết tình hình phòng chống AIDS.  **Nhóm 1:** Tổng kết tình hình phòng chống HIV/ AIDS được thể hiện như thế nào qua bức thông điệp?  **Gợi ý:**  - Điểm tình hình ngắn gọn, đầy đủ, bao quát như thế nào?  - Cách đưa ra những dữ kiện, những con số của tác giả có khả năng tác động tới người nghe ra sao?  **Nhóm 2:**  *Nhiệm vụ cấp bách, quan trọng hàng đầu trong việc phòng chống AIDS.*    \* **Nhóm 3**  *- Kết thúc bản thông điệp, tác giả đặt ra vấn đề gì?*  \* **Nhóm 4**  *Trong lời kêu gọi mọi người phải nỗ lực … tg đặc biệt nhấn mạnh đến điều gì? Từ đó em cảm nhận gì về con người tg, về đặc sắc của bài văn?*  - HS tiêp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  Kết quả mong đợi:  **Nhóm 1:**  - Nhìn lại tình hình thực hiện phòng chống AIDS: đã có dấu hiệu về nguồn lực, ngân sách, chiến lược quốc gia về phòng chống AIDS song hành động của chúng ta còn quá ít so với yêu cầu thực tế.  - Cách tổng kết tình hình có trọng tâm: dịch HIV/AIDS vẫn đang hoành hoành khắp thế giới “có rất ít dấu hiệu suy giảm” do chúng ta chưa hoàn thành mục tiêu đề ra trong cam kết và với tiến độ như hiện nay chúng ta sẽ không đạt bất cứ mục tiêu nào vào năm 2005.  + Mỗi phút đồng hồ có 10 người nhiễm HIV/ AIDS.  + Đại dịch lây lan với tốc độ báo động ở phụ nữ, đang lan rộng ở khu vực Đông Âu, toàn châu Á, từ dãy Uran đến Thái Bình Dương…  \* **Nhóm 2**  - Phải nỗ lực nhiều hơn nữa để thực hiện cam kết của mình bằng nguồn lực và hành động cần thiết.  - Đừng có ai ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng lên bức rào ngăn cách giữa “chúng ta” với “họ”.  - Hãy sát cánh cùng tôi…  \* **Nhóm 3**  *Tôi cùng các bạn hãy đánh đổ các thành luỹ của sự im lặng, thờ ơ hoặc né tránh, sự kì thị và phân biệt đối xử đang vây quanh bệnh này để nói to lên lời tâm huyết, quyết tâm, để sát cánh chiến đấu đến cùng chống lại và chiến thắng hiểm hoạ HlV/AỈDS.*  \* **Nhóm 4**  - Tôi kêu gọi các bạn hãy cùng với tôi lên tiếng thật to và hãy dõng dạc về HIV/AIDS.  - Hãy cùng tôi giật đổ các thành lũy của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử đang vây quanh bệnh dịch này.  - Hãy sát cánh cùng tôi, bởi lẽ cuộc chiến chóng lại HIV/AIDS bắt đầu từ chính các bạn.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Đọc- hiểu văn bản:**  **1. Nội dung bản thông điệp:**  - HIV/ AIDS là nạn đại dịch gây tỉ lệ tử vong cao, tốc độ lây lan nhanh và chưa tìm ra thuốc đặc hiệu điều trị, trở thành hiểm hoạ cho đời sống nhân loại.  - Là người đứng đầu tổ chức quốc tế lớn nhất, Cô- phi An- nan kêu gọi các quốc gia và toàn thể nhân dân thế giới nhận thấy sự nguy hiểm của đại dịch này và tích cực chung tay góp sức ngăn chặn, đẩy lùi hiểm hoạ.  **2. Tổng kết tình hình phòng chống HIV/ AIDS:**  -Phần điểm tình hình: phân tích những mặt đã làm được, chưa làm được của quốc gia trong việc phòng chống đại dịch HIV/AIDS. Tác giả nêu cụ thể những mặt chưa làm được để gióng lên hồi chuông báo động về nguy cơ đại dịch HIV/AIDS.  -Phần điểm tình hình không dài nhưng giàu sức thuyết phục và lay động bởi tầm bao quát lớn, những số liệu cụ thể (mỗi phút có khoảng 10 người bị nhiễm HIV), chỉ ra những nguy cơ và nhất là bởi sự bộc lộ những tiếc nuối của tác giả vì có những điều lẽ ra phải làm được thì thực tế chúng ta chưa làm được,...  **3. Phần nêu nhiệm vụ cấp bách, quan trọng hàng đầu trong việc phòng chống AIDS**  - Phải nỗ lực thực hiện cam kết của mình bằng những nguồn lực và hành động cần thiết.  - Phải đưa vấn đề AIDS lên vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chính trị và hành động.  - Phải công khai lên tiếng về AIDS.  - Không được kì thị và phân biệt đối xử đối với những người sống chung với HIV/AIDS.  - Đừng để một ai có ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng lên các bức tường rào ngăn cách giữa “chúng ta” và “họ”.  - Trong thế giới AIDS khốc liệt này không có khái niệm “chúng ta” và “họ”. Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết. Có nghĩa là phải hành động để chống lại đại dịch AIDS đang đe dọa mọi người trên hành tinh này, không trừ một ai.  **4. Kết thúc: Lời kêu gọi phòng chống AIDS**  ⇒ *Chúng ta hãy tránh xa AIDS!*  “*Thậm chí …những người bị HIV/AIDS”* -> con người có trái tim nhân hậu, chan chứa yêu thương, một tấm lòng nhân đạo sâu sắc, ở ông có tầm nhìn sâu rộng đối với sự vận động không ngừng của sự sống, luôn quan tâm đến vận mệnh của loài người, là con người sống vì công việc, vì sự ổn định của toàn nhân loại |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\* GV đặt câu hỏi:**  *-Trước và sau khi có bản thông điệp, theo em thái độ của em,và mỗi người về HIVS có điều gì không?*  *-Bản thông điệp ra đời cách đây 5 năm, theo em nội dung của nó còn có giá trị không?*  *- Giải thích vì sao bài văn có sức thuyết phục mạnh mẽ người đọc?*  - HS tiêp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  **HS** dựa vào bài học và phần ghi nhớ trong SGK để tổng kết : Nghệ thuật  **GV** nhấn mạnh HS học tập An nan về kĩ năng viết VB nghị luận  - Cách trình bày chặt chẽ, lô gích cho thấy ý nghĩa bức thiết và tầm quan trọng đặc biệt của cuộc chiến chống lại HIV/AIDS;  - Bên cạnh những câu văn truyền thông điệp trực tiếp, có rất nhiều câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. Do đó, tránh được lối “hô hào” sáo mòn, truyền được tâm huyết của tác giả đến với người nghe, người đọc.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Cách trình bày chặt chẽ, lô gích …  - Bên cạnh những câu văn truyền thông điệp trực tiếp, có rất nhiều câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. …  **2. Ý nghĩa văn bản:**  Bản thông điệp là tiếng nói kịp thời trước một nguy cơ đe doạ cuộc sống của loài người, thể hiện thái độ sống tích cực, một tinh thần trách nhiệm cao, tình yêu thương nhân loại sâu sắc.Thông điệp giúp mọi người biết quan tâm tới hiện tượng đời sống đang diễn ra; biết chia sẻ, không vô cảm trước nổi đau của con người. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:

**a. *Nêu nội dung chính của đoạn văn?***

- Tác giả nêu nhiệm vụ, đề nghị mọi người phải nỗ lực phòng chống HIV/AIDS nhiều hơn nữa:

+ Ai cũng phải phòng chống HIV/AIDS.

+ Phòng chống HIV/AIDS là nhiệm vụ của chúng ta.

- Tác giả đề nghị mọi người không lẩn tránh trách nhiệm phòng chống HIV/AIDS ; không vội vàng phán xét đồng loại, không kì thị và phân biệt đối xử với những người đã mắc bệnh HIV/AIDS.

**b.** ***Đọc đoạn văn trên em hiểu “chúng ta” là đối tượng nào “họ” là đối tượng nào?***

Đọc văn bản cần hiểu *chúng ta* là từ chỉ những người hiện chưa bị lây nhiễm HIV ; *họ* là từ chỉ những bệnh nhân bị nhiễm HIV / AIDS.

**c**. ***Đọc đoạn văn trên em hiểu “im lặng” có nghĩa là gì? “công khai lên tiếng về AIDS” có nghĩa là gì?***

- Đọc văn bản cần hiểu *im lặng* là từ chỉ thái độ bàng quan, thờ ơ, vô cảm của con người trước đại dịch HIV/AIDS.

- C*ông khai lên tiếng về AIDS* là từ chỉ những thái độ và hành động tích cực của con người trong việc phòng chống HIV/AIDS.

**d.** ***Phân tích ý nghĩa của câu văn sau trong đoạn trên: Trong thế giới đó, im lặng…***

- Câu văn tạo ra mối tương quan giữa một bên là sự thờ ơ trước dịch HIV/AIDS và một bên là cái chết, để qua đó cho thấy sự tích cực chống lại HIV/AIDS, với loài người, là vấn đề có ý nghĩa sinh tử, tồn vong, sống hay không sống.

- Tác giả so sánh:Nếu ta thờ ơ trước đại dịch HIV/AIDS cũng có nghĩa là ta chấp nhận cái chết, sự hủy diệt sẽ đến với loài người.

**e.** ***Xét*** ***về phương thức biểu đạt đoạn văn trên thuộc loại văn bản nào?*** ***Vì sao?***

- Đây là văn bản nghị luận. Vì nội dung đề cập đến thái độ, quan điểm trước một vấn đề xã hội, cách lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục.

- Đây là văn bản nghị luận về vấn đề xã hội. Vì nội dung đề cập đến thái độ, quan điểm rõ ràng trước đại dịch HIV/AIDS, suy luận lô gic, chặt chẽ.

**g.** ***Theo anh (chị) thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc trong đoạn văn trên là gì?*** - Tác giả cảnh báo các nguy cơ của thái độ xa lánh, chia rẽ, phân biệt đối xử với những người nhiễm HIV/AIDS dẫn tới mục tiêu phòng chống HIV/AIDS của chúng ta sẽ không thể hoàn thành. Và chính bằng cách đó, C. An-nan đã cổ động nhiệt tình cho sự đối xử ấm áp, gần gũi đối với những người bị nhiễm HIV/AIDS.

- C. An-nan đã kêu gọi mọi người hãy đối xử bình đẳng, gần gũi đối với những người bị nhiễm HIV/AIDS vì đó là cách mà con người có thể chủ động phòng chống căn bệnh này có hiệu quả.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV giao nhiệm vụ:**

***Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi phía dưới***:

*... “Đó là lý do chúng ta phải công khai lên tiếng về AIDS. Dè dặt, từ chối đối mặt với sự thật không mấy dễ chịu này, hoặc vội vàng phán xét đồng loại của mình, chúng ta sẽ không đạt được tiến độ hoàn thành các mục tiêu đề ra, thậm chí chúng ta còn bị chậm hơn nữa, nếu sự kỳ thị và phân biệt đối xử vẫn tiếp tục diễn ra đối với những người bị HIV/AIDS. Hãy đừng để một ai có ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng lên các bức rào ngăn cách giữa “chúng ta” và “họ”. Trong thế giới khốc liệt của AIDS, không có khái niệm chúng ta và họ. Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết.”...*

(Trích *Thông điệp nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS, 1-12-2003* – Cô-phi An-nan )

***a***. Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

***b***. Đọc đoạn văn trên em hiểu “*chúng ta”* là đối tượng nào, *“họ”* là đối tượng nào?

***c.*** Đọc đoạn văn trên em hiểu “*im lặng*” có nghĩa là gì? *“công khai lên tiếng về AIDS”* có nghĩa là gì?

***d.*** Phân tích ý nghĩa của câu văn sau trong đoạn trên: *Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết.*

***e***. Xét về phương thức biểu đạt đoạn văn trên trên thuộc loại văn bản nào? Vì sao?

***g***. Theo anh (chị) thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc trong đoạn văn trên là gì?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

- Viết một bản báo cáo về tình hình phòng chống HIV/AIDS ở địa phương.

- Chuẩn bị bài: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ

**Tuần 6**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 18***

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;

- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về về một bài thơ, đoạn thơ;

- Sử dụng đúng phong cách ngôn ngữ văn học, diễn đạt trôi chảy để tạo lập văn bản nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;

- Hiểu mục đích, yêu cầu của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;

- Biết cách thức triển khai bài nghị luận về một tác phẩm thơ.

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực phân tích, so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Những ngữ liệu để hướng dẫn học sinh làm bài

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

- Đồ dùng học tập

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

**- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:

Đề bài nào sau đây thuộc kiểu bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ?  
a. Suy nghĩ về câu tục ngữ :"Lá lành đùm lá rách"  
b. Lòng nhân ái  
c. Cảm nhận của anh/ chị về bài thơ Đồng Chí (Chính Hữu)

d. Về những dòng sông bị ô nhiễm hiện nay.

**- HS** thực hiện nhiệm vụ:

**- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **Gợi ý trả lời: c**

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Ở chương trình Ngữ văn 9,10,11, các em đã từng nắm lí thuyết và thực hành những bài làm văn mà đối tượng chính là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ . Qua bài trắc nghiệm trên, chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn dạng bài nghị luận văn học này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu cách làm một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được cách làm một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Hướng dẫn tìm hiểu và lập dàn ý cho 2 đề bài trong SGK  Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1,3:**  -Học sinh đọc đề bài 1 trong SGK. Thảo luận nhóm ghi kết quả vào phiếu học tập, đại diện nhóm trả lời.  Gợi ý:  *- Khi tìm hiểu đề, ta cần xác định những vấn đề gì?*  *- Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh như thế nào?*  *- Vấn đề cần giải quyết, làm rõ trong bài viết là gì?*  *- Phần mở bài ta cần giới thiệu những gì?*  *- Phần thân bài ta cần làm rõ điều gì trước tiên?*  *- Vẻ đẹp của núi rừng trong đêm trăng khuya được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào? Gợi lên những điều gì?*  *- Hình ảnh nổi bật nhất trong bài thơ là hình ảnh gì?*  *- Nhân vật trữ tình trong bài thơ có gì khác hình ảnh ẩn sĩ trong thơ cổ?*  *- Vì sao lại nói bài thơ vừa có tính chất cổ điển, vừa hiện đại?*  *- Nêu nhận đinh chung về giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ?*  *- Khẳng định lại những giá trị bài thơ?*  **Nhóm 2,4:**  Tìm hiểu đề và lập dàn ý cho đề bài 2  Gợi ý:  *- Khi tìm hiểu đề trong đề bài này, ta cần xác định những vấn đề gì?*  *- Mở bài, ta cần giới thiệu điều gì? Có gì khác với cách giới thiệu về một bài thơ?*  *- Khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào trong 8 câu thơ đầu?*  *- Khí thế hiện lên như thế nào?*  *- Khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau) được diễn đạt bởi những thủ pháp nghệ thuật nào?*  *- Khí thế đó tạo nên điều gì cho bức tranh công cuộc kháng chiến chống Pháp?*  *- Hệ thống từ ngữ nào đã được vận dụng trong đoạn thơ?*  *- Nhà thơ còn vận dụng những biện pháp tu từ nào?*  *- Giọng thơ của đoạn thơ có âm hưởng như thế nào?*  *- Hãy nêu ý để chốt lại đoạn thơ?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  **Nhóm 1,3:**  a. Tìm hiểu đề:  - Hoàn cảnh ra đời:  + Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp  + Địa điểm là vùng chiến khu Việt Bắc.  + Lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến đầy gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của  nhân dân ta.  - Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:  + Từ phân tích vẻ đẹp của bức tranh phong cảnh Việt Bắc thấy được vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vẻ đẹp của thơ ca Hồ Chí Minh.  + Từ vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, của cuộc kháng chiến để thấy được vẻ đẹp tâm hồn Việt Nam – sự tất thắng của cuộc kháng chiến.  b. Lập dàn ý:  \* Mở bài:  - Giới thiệu bài thơ (hoàn cảnh sáng tác)  - Nhận định chung về bài thơ (Định hướng giải quyết)  \* Thân bài:  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc:  + Thủ pháp so sánh: *Tiếng suối trong như­ tiếng hát xa”*  🡪 tiếng suối cộng hưởng với tiếng người, tiếng đời tươi trẻ, vang vọng tràn đầy niềm tin  + Hình ảnh: *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*  🡪 Điệp từ *lồng*: tạo nên hình ảnh huyền ảo, lung linh, thơ mộng  => Cảnh vật mang vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng 🡪 tâm hồn yêu thiên nhiên của Bác.  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp tâm hồn thi nhân qua hình ảnh nhân vật trữ tình:  + Nổi bật giữa bức tranh thiên nhiên là người chiến sĩ nặng lòng lo *nỗi nước nhà*.  🡪 tấm lòng yêu nước sâu sắc của Bác.  + Khác với hình ảnh người ẩn sĩ lánh mình chốn thiên nhiên, xa lánh cõi trần  🡪 Tinh thần ung dung tự tại lo việc nước, tràn đầy sự lạc quan, kiên định và tất thắng  - Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ điển vừa hiện đại:  + Tính cổ điển: thể thơ Đường luật, những hình ảnh thiên nhiên *tiếng suối, trăng, cổ thụ, hoa*.  + Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình: thi sĩ - chiến sĩ, *lo nỗi nước nhà*, sự phá cách trong hai câu cuối (không tuân thủ luật đối)  - Nhận định giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ:  + Tư tưởng: Tình yêu thiên nhiên, đất nước sâu đậm  + Nghệ thuật: cổ điển và hiện đại  \* Kết bài:  - Sự hài hoà giữa tâm hồn nghệ sĩ và ý chí chiến sĩ: Mang cốt cách thanh cao, tấm lòng vì nước vì dân, khí chất ung dung của vị lãnh tụ  - Đây là một trong những bài thơ hay của Bác  **Nhóm 2,4:**  a. Tìm hiểu đề:  - Yêu cầu kiểu đề: phân tích một đoạn thơ.  - Yêu cầu về nội dung: Làm rõ hai vấn đề:  + Khí thế dũng mãnh và khí thế chiến thắng của quân ta trên khắp chiến trường  + Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ độc đáo của đoạn thơ  b. Lập dàn ý:  \* Mở bài:  - Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ.  - Nêu xuất xứ đoạn trích  - Trích dẫn nguyên văn đoạn trích  \* Thân bài:  - Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu):  + Nghệ thuật: Sử dụng từ láy (*rầm rập, điệp điệp trùng trùng*), so sánh (*Đêm đêm rầm rập như là đất rung*), hoán dụ (*mũ nan*), cường điệu (*bước chân nát đá*), đối lập (*Nghìn đêm thăm thẳm sương dày >< Đèn pha bật sáng như ngày mai lên)*  + Nội dung: Khí thế chiến đấu sôi động, hào hùng với nhiều lực lượng tham gia (dân công, bộ đội, binh chủng cơ giới), hình ảnh con đường bộ đội hành quân, dân công đi tiếp viện, đoàn quân ô tô quân sự nối tiếp nhau...  - Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau):  + Nghệ thuật: Điệp từ *vui*, biện pháp liệt kê các địa danh của mọi miền đất nước  + Nội dung: Tin vui chiến thắng đồn dập bay về, vì Việt Bắc là thủ đô, là đầu não của cuộc kháng chiến. Niềm vui của đất nước hoà cùng Việt Bắc tạo nên bức tranh kháng chiến thắng lợi toàn diện và toàn vẹn.  - Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật:  Rất điêu luyện trong việc sử dụng thể thơ lục bát  + Các từ láy, động từ (*rầm rập, rung, nát đá, lửa bay*), tính từ gợi tả (*Quân đi điệp điệp trùng trùng, Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan, Dân công đỏ đuốc từng đoàn, Nghìn đêm thăm thẳm sương dày, Đèn pha bật sáng*)...  + Các biện pháp tu từ: so sánh, hoán dụ, cường điệu, trùng điệp...  + Giọng thơ: âm vang, sôi nổi, hào hùng  *c. Kết bài:*  Đoạn thơ ngắn như thể hiện được không khí của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta một cách cụ thể, sinh động.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | I. **Cách làm một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:**  *1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý:*  Đề 1: Phân tích bài thơ "*Cảnh khuya*" của Hồ Chí Minh.  a. Tìm hiểu đề:  - Hoàn cảnh ra đời:  - Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:  b. Lập dàn ý:  \* Mở bài:  \* Thân bài:  - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi rừng Việt Bắc    - Phân tích nghệ thuật bài thơ: vừa có tính chất cổ điển vừa hiện đại:  + Tính cổ điển:  + Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình:  - Nhận định giá trị t­ư tưởng và nghệ thuật bài thơ:  + Tư tưởng:  + Nghệ thuật:  \* Kết bài:  *Thực hành đề 2 – SGK:*  Phân tích đoạn thơ trong bài "*Việt Bắc*" của Tố Hữu  a. Tìm hiểu đề:  - Yêu cầu kiểu đề:  - Yêu cầu về nội dung:  b. Lập dàn ý:  \* Mở bài:  - Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ.  - Nêu xuất xứ đoạn trích  - Trích dẫn nguyên văn đoạn trích  \* Thân bài:  - Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu):  + Nghệ thuật:  + Nội dung:  - Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau):  + Nghệ thuật:  + Nội dung:  - Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật:  *c. Kết bài:* |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu đối tượng và nội dung của bài nghị luận**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *GV đặt câu hỏi:*  Tìm hiểu đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ  *- Thế nào là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?*  *- Em có nhận xét gì về đối tượng nghị luận về thơ? Xuất phát từ điều này, chúng ta cần phải thao tác như thế nào khi nghị luận?*  *- Nội dung cơ bản của một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  - Đặc điểm : Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là trình bày ý kiến, nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ đó.  - Đối tượng: bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ... Cách làm: cần tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu, cấu tứ...  - Nội dung:  + Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ  + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ  + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | *2. Đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:*  - Đặc điểm :  - Đối tượng:  - Nội dung:  + Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ  + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ  + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ |

**Hoạt động 4: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** hiểu được lí thuyết và vận dụng vào làm bài tập.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Chia lớp làm 4 nhóm.  - Các nhóm thảo luận làm bài tập trong 15 phút.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.* | GV: Chia lớp làm 4 nhóm.  **- Các nhóm thảo luận làm bài tập trong 15 phút.** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:

ĐÁP ÁN

[1]='c'

[2]='d”

[3]='a'

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Câu hỏi 1:** Dòng nào dưới đây nêu không đúng nội dung thường có của một bài văn nghị luận về thơ?  
a. Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ.   
b. Bàn về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.  
c. Những sự kiện xung quanh sự ra đời của bài thơ   
d. Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ.

**Câu hỏi 2:** Thao tác nào dưới đây ít được sử dụng trong khi nghị luận về thơ?  
a. Thao tác phân tích   
b. Thao tác bình luận   
c. Thao tác chứng minh   
d. Thao tác bác bỏ.

**Câu hỏi 3:** Trong phần mở đầu của bài nghị luận về một bài thơ , cần phải đạt được yêu cầu gì?  
a. Giới thiệu một cách khái quát về bài thơ, đoạn thơ   
b. Trình bày được hoàn cảnh ra đời của bài thơ, đoạn thơ   
c. Nêu đánh giá của mình về bài thơ, đoạn thơ.  
d. Chỉ ra thành công nghệ thuật của mình về bài thơ, đoạn thơ.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**Tìm hiểu đề**

1. **Dạng đề :** Phân tích một bài thơ.
2. **Yêu cầu của đề:**

* Yêu cầu về nội dung : Làm rõ nội dung, nghệ thuật của bài thơ.
* Yêu cầu về thao tác : Phân tích là thao tác chính, cần kết hợp các thao tác khác như:

chứng minh, bình luận, so sánh…

* Yêu cầu về tư liệu : Tư liệu chính là những câu thơ trong bài thơ đã cho, tư liệu có liên quan để bổ sung cho ý phân tích.

**Lập dàn ý**

**I. Mở bài :** Giới thiệu tác giả Hồ Xuân Hương, dẫn vào bài thơ “Tự tình” (II). Nêu vấn đề: Bài thơ có giá trị sâu sắc về nội dung và nghệ thuật, trích bài thơ.

* 1. **Thân bài :**

1. **Khái quát :** Nêu xuất xứ, thể loại, hoàn cảnh sáng tác, bố cục bài thơ, nội dung chính của bài thơ.
2. **Phân tích nội dung, nghệ thuật bài thơ :** Các ý chính cần phân tích

**a. Hai câu đề :**

\* Phân tích:

* Câu 1: Khắc họa thời gian nghệ thuật : “đêm khuya”; từ láy “văng vẳng”; nghệ thuật lấy động tả tĩnh.
* Câu 2 : Đảo ngữ nhấn mạnh từ “trơ”; kết hợp từ độc đáo “cái hồng nhan”; đối lập cái cá nhân nhỏ bé với cái rộng lớn (“cái hồng nhan” đối với “nước non”).

\* Làm rõ : Bối cảnh không gian, thời gian và tâm trạng cô đơn, buồn tủi, bẽ bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình.

**b. Hai câu thực :**

\* Phân tích : Phép đối (câu 3 với câu 4); cụm từ “say lại tỉnh”; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (sự tương quan giữa hình ảnh vầng trăng và thân phận nữ sĩ).

\* Làm rõ : Gợi lên hình ảnh người phụ nữ trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa, cay đắng, với nỗi chán chường, đau đớn, ê chề.

**c. Hai câu luận:**

\* Phân tích : Phép đối (câu 5 với câu 6); phép đảo; động từ mạnh (“xiên ngang”, “đâm toạc”); nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

\* Làm rõ : cảnh thiên nhiên trong cảm nhận của người mang sẵn nỗi niềm phẫn uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương.

**d. Hai câu kết:**

\* Phân tích : Ngôn ngữ đời thường giản dị, tự nhiên; lặp từ; nghệ thuật tăng tiến.

\* Làm rõ : Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc – cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.

**e. Nghệ thuật cả bài thơ** : Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; tả cảnh ngụ tình; phép đối, đảo; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.

**III.** **Kết bài:**

Kết luận về nội dung, nghệ thuật và nêu ý nghĩa bài thơ.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV giao nhiệm vụ:**

Phân tích bài thơ “Tự tình” (II) của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

Hãy trình bày các bước làm bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?

-Hãy cho biết đối tượng và nội dung của một bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?

**Tuần 7**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 19, 20***

**TÂY TIẾN**

**(Quang Dũng)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

- Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

- Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội nhưng mĩ lệ, trữ tình và hình ảnh người lính Tây Tiến với vẻ đẹp hào hùng, hào hoa.

- Bút pháp lãng mạn đặc sắc, ngôn từ giàu tính tạo hình.

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

+ Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản.

+ Năng lực đọc – hiểu thơ hiện đại Việt Nam theo đặc điểm thể loại.

+ Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.

+ Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

* - Chân dung nhà thơ Quang Dũng, Hình ảnh về đoàn quân Tây Tiến, bài hát Tây Tiến ( Nhạc Phạm Duy)...
* - Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
* - Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm Tây Tiến bằng cách cho HS:

Xem chân dung Quang Dũng

Xem một đoạn bài hát Tây Tiến ( nhạc Phạm Duy), bài hát Đồng chí ( thơ Chính Hữu)

**- HS** thực hiện nhiệm vụ:

**- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Thơ kháng chiến chống Pháp 1946-1954 đã để lại thành tựu xuất sắc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt là đề tài người lính. Bên cạnh bài Đồng chí của nhà thơ Chính Hữu mà các em đã học trong chương trình Ngữ văn 9, ta thấy còn có một bài thơ rất thành công với cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng. Đó là bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**

**a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **\* GV đặt câu hỏi:**  *- Dựa vào phần tiểu dẫn, hãy nêu những nét khái quát về nhà thơ Quang Dũng và bài thơ Tây Tiến?*  - GV gọi HS đọc điễn cảm bài thơ- chú ý âm hưởng, sắc thái tình cảm, cảm xúc từng đoạn.  - Yêu cầu lớp theo dõi câu hỏi 1( SGK), tìm hiểu ý chính từng đoạn và mạch liên kết trong bài thơ?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  Kết quả mong đợi:   * Thành lập năm 1947, Quang Dũng là đại đội trưởng. * Nhiệm vụ : Phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt – Lào. * Địa bàn : Đồi núi Tây Bắc Bộ Việt Nam và Thượng Lào. * Thành phần : Sinh viên, học sinh, dân lao động thành thị thuộc mọi ngành nghề khác nhau. * Điều kiện sống :Gian khổ, thiếu thốn.   -Tinh thần: Hào hùng, lãng mạn – lạc quan, yêu đời.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  - Tên thật : Bùi Đình Diệm (1921 – 1988).   * Quê hương: Phượng Trì - Đan Phượng – Hà Tây. * Cuộc đời :   + Là người đa tài: Làm thơ, viết văn, vẽ tranh …  + Được biết nhiều với tư cách là nhà thơ.  + Phong cách sáng tác: vừa hồn nhiên vừa tinh tế, lãng mạn và hào hoa.  - Sáng tác chính: Mây đầu ô (1968), Thơ văn Quang Dũng (1988)  *2. Văn bản:*  *a. Hoàn cảnh sáng tác :*   * Trích tác phẩm “Mây đầu ô”. * Viết vào năm 1948 ở Phù Lưu Chanh (Hà Tây), khi Ông đã chuyển sang đơn vị khác và nhớ về đơn vị cũ là đoàn quân Tây Tiến. * Đặc điểm đoàn quân Tây Tiến   ***b.*** *Bố cục :*  - Phần 1: 🡪 Nhớ con đường hành quân trên cái nền thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ.  - Phần 2: 🡪 Nhớ kỉ niệm ấm áp tình quân dân và cảnh sông nước miền tây thơ mộng.  - Phần 3: 🡪 Nhớ hình tượng người lính Tây Tiến  - Phần 4: 🡪 Tấm lòng và sự gắn bó với Tây Tiến. |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản/ Tìm hiểu nỗi nhớ về những chặng đường hành quân của bộ đội Tây Tiến và khung cảnh núi rừng miền Tây.**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm nội dung, nghệ thuật đoạn thơ

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV gọi HS đọc bài  Yêu cầu giọng đọc: hùng tráng và tình cảm, chậm và đanh xen với mềm mại, dịu dàng, tuỳ theo từng đoạn, từng câu. Chú ý ngắt nhịp đúng một số câu độc đáo. Ví dụ: Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm; Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống, Sông Mã gầm lên / khúc độc hành...  - GV yêu cầu: Đọc đoạn 1 của bài thơ và nêu câu hỏi: *Bức tranh thiên nhiên và hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hiện ra như thế nào ở đoạn mở đầu?*  *- GV* Gợi mở cho HS phân tích làm rõ giá trị nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  GV bổ sung:  *( Từ láy: Khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút đều tả độ cao theo hướng nhìn lên trong cuộc hành trình.Khổ thơ là một bằng chứng về “Thi trung hữu hoạ”-> Gợi tả mặt dốc lồi lõm, nhấp nhô, khúc khuỷu, càng lên cao càng dựng đứng hun hút, thăm thẳm như lên đến đỉnh trời, chót vót chênh vênh giữa mây trời, như sắp chạm đến đỉnh trời!-> Gợi bao nỗi vất vả nhọc nhằn nhưng cũng không kém phần thú vị, tinh nghịch*)  ( *Tác giả tả thực về sự hi sinh mất mát: Gợi cảm giác cái chết như lẫn vào bức tranh chung của những gian khổ nhọc nhằn. Người chiến sĩ như đột ngột dừng chân trong cuộc hành trình của đơn vị. Câu thơ gợi một kí ức buồn trên những chặng đường hành quân của bộ đội TT)* | **II. Đọc–hiểu:**  1. **Đoạn 1 : Nỗi nhớ về những chặng đường hành quân của bộ đội Tây Tiến và khung cảnh núi rừng miền Tây.**  a. Hai câu thơ mở đầu:  “ Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!  Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi...”  - Hình ảnh “Sông Mã” như gợi thức nỗi nhớ ùa về trong tâm hồn nhà thơ.  - Nhớ “Chơi vơi” ( 2 thanh bằng, nhẹ, lan toả, không hình không khối)  b. Bức tranh thiên nhiên miền Tây vừa hùng vĩ, hiểm trở , hoang vu, nghiệt ngã vừa độc đáo thú vị:  - Cảnh vật hiện ra hùng vĩ, hiểm trở (Mở ra trong nhiều chiều không gian, thời gian)  + Nhiều tên đất lạ lẫm, gợi 1 vùng xa xôi, hẻo lánh:  + Nhiều đèo dốc hiểm trở:  *“ Dốc …………. mưa xa khơi...”*  => Sử dụng từ láy giàu chất tạo hình, gợi tả, gợi cảm, những câu thơ toàn thanh trắc ...=> Một bức tranh hoành tráng với tất cả sự hiểm trở và dữ dội, hoang vu và heo hút của núi rừng miền Tây  + Nhiều vẻ hoang dại, bí ẩn, khắc nghiêt: Với mưa rừng, “Sương lấp đoàn quân mỏi”, “Thác gầm thét”, “Cọp trêu người.”  - Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến trong đoạn thơ :  + Đó là những chiến sĩ anh hùng bất khuất không quản ngại vượt qua bao chặng đường gian khổ , bao nhiêu hi sinh mất mát lớn lao:  “ *Anh bạn dãi dầu không bước nữa*  *Gục lên súng mũ bỏ quên đời...”*  *=>* Nổi bật chất bi tráng  + Nhưng đó còn là những chàng trai hào hoa lãng mạn tinh nghịch với bao hăm hở khám phá, chinh phục.  - Hai câu kết đoạn thơ : “ *Nhớ ôi...nếp xôi”*=> Gợi không khí đầm ấm tình quân dân, như xua đi bao mệt mỏi của cuộc hành trình,tạo cảm giác êm dịu, ấm áp, chuẩn bị tâm thế cho đoạn sau |

**Hoạt động 3: Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản/ Tìm hiểu nỗi nhớ về tình kỉ niệm quân dân**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được nội dung, ý nghĩa đoạn thơ

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - **GV** nêu vấn đề: Đoạn thơ thứ 2 mở ra một thế giới thiên nhiên vả con người khác với đoạn 1. Hãy phân tích làm rõ?  **- GV** cho HS thảo luận nhóm, gọi đại diên trả lời.  **- GV** theo dõi, gợi mở, định hướng giúp các em cảm thụ được giá trị đoạn thơ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  GV bổ sung:Những cô gái Thái: dáng điệu e ấp, tình tứ trong bộ xiêm áo uốn lượn → như cô dâu trong tiệc cưới, là nhân vật trung tâm, là linh hồn của đêm văn nghệ.  - **Những người lính:**  + *Kìa em*: ngỡ ngàng, ngạc nhiên cả sự hân hoan, vui sướng trước vẻ đẹp của cô gái Tây Bắc  + Say mê âm nhạc với vũ điệu mang màu sắc của xứ lạ → Tâm hồn lãng mạn dễ kích thích, hấp dẫn. | **2. Nhớ về tình kỉ niệm quân dân:**  \* **4 câu đầu:** Gợi nhớ lại đêm liên hoan văn nghệ của đơn vị.  - “ *bừng*”: bừng tỉnh, bừng sáng: cả doanh trại bừng dậy, qua rồi cuộc sống gian khổ. Đó còn là sự bừng sáng của tâm hồn.  - "*hội đuốc hoa":*  →đêm liên hoan văn nghệ như một ngày hội.  → đuốc hoa :hoa chúc (T.Hán) :tiệc cưới→ Đêm liên hoan văn nghệ qua cái nhìn trẻ trung, tinh nghịch, yêu đời của người lính như một tiệc cưới.  - **Những cô gái Thái:**  - **Những người lính:**  => Bằng những nét bút mềm mại, tinh tế, tác giả đã vẽ nên đêm liên hoan văn nghệ diễn ra trong không khí ấm áp tình người, tưng bừng, nhộn nhịp có ánh sáng, màu sắc. Gợi nét lãng mạn, tình quân dân thắm thiết.  **\* 4 câu sau:**  - Dòng sông đậm màu sắc cổ tích, huyền thoại nổi bật lên dáng hình mềm mại của cô gái Thái trên chiếc thuyền độc mộc. Và như hoà hợp với con người, những bông hoa rừng cũng "*đong đưa*" làm duyên trên dòng nước lũ.  - Nghệ thuật: láy vắt dòng→ câu thơ trở nên mềm mại, uyển chuyển, níu kéo nhau.  → Thiên nhiên và con người như hoà vào nhau tạo thành bức tranh hữu tình.  \* Tóm lại: Bốn câu thơ đầu ngân nga như tiếng hát, như nhạc điệu cất lên từ tâm hồn ngây ngất, say mê của những người lính. Trong đoạn thơ sau, chất thơ và chất nhạc hoà quyện với nhau đến mức khó tách biệt.  HẾT TIẾT I |

**Hoạt động 4: Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản/ Tìm hiểu chân dung người lính Tây Tiến**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được nội dung, ý nghĩa đoạn thơ.

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  \* **Nhóm 1,3:**  - Hình ảnh đối lập giữa vật chất và tinh thần, bên ngoài và bên trong cho ta thấy một mặt tình trạng sức khoẻ tồi tệ của lính Tây Tiến vì sốt rét, vì thiếu đói, mặt khác càng cho thấy phẩm chất tinh thần phi thường của họ. Cách nói thậm xưng *dữ oai hùm* có phần cường điệu nhưng lại rất phù hợp với cảm hứng lãng mạn ngợi ca, phi thường hoá nhân vật trữ tình của tác giả.  -2 câu thơ tiếp theo tả tâm trạng của người lính Tây Tiến trong những đêm xa nhà, xa quê, xa nước trên đất bạn Lào. Trong giấc mơ, trong nỗi nhớ của những chàng trai thủ đô đầy mơ mộng, đa tình thì chuyện gửi mộng qua biên giới, chuyên mơ về một bóng hồng (kiều thơm) Hà Nội quê xa, cũng chẳng có gì lạ.  - Mắt trừng là cách nói cường điệu của bút pháp lãng mạn để chỉ tâm trạng băn khoăn, trằn trọc, khó ngủ vì nhớ quê, nhớ nhà, nhớ Hà Nội, nhớ người thương của họ.  - là tâm trạng chân thật của người lính xa nhà. Họ nghĩ và mông lung, quay quắt nhớ như vậy nhưng không hề nản chí, để rồi sáng ngày mai lại tiếp tục lao vào trận mới, sẵn sàng đón nhận hi sinh, chẳng hề tiếc tuổi thanh xuân (đời xanh) của mình.  \* **Nhóm 2,4:**  -Hình ảnh những nấm mồ lính nằm rải rác dọc biên giới hai nước cho thấy sự hi sinh thầm lặng và to lớn như thế nào của các tình nguyện quân Viêt Nam vì độc lập, tự do của đất nước Lào.  -Hai câu thơ cuối, bằng bút pháp lãng mạn, bằng cảm hứng bi tráng đã dựng lại cái chết, sự hi sinh oanh liệt của các chiến sĩ Tây Tiến. Hình ảnh áo bào thay chiếu cũng gần gũi với hình ảnh điển tích da ngựa bọc thây nhưng lại nói lên sự thật đau lòng. Người lính ra đi trong hoàn cảnh chiến trường khắc nghệt, thiếu thốn đến mức không có nổi một cỗ quan tài, một tấm chăn, manh chiếu bọc thi hài. Lúc sống mặc như thế nào thì lúc anh về đất đành vẹn nguyên quần áo ấy mà chôn.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  GV bổ sung: | **3. Chân dung người lính Tây Tiến:**  **a/ 4 câu đầu:**  - Bên ngoài: có vẻ kì dị, lạ thường: không mọc tóc, da xanh màu lá → chiến trường khắc nghiệt vì thiếu thốn, vì bệnh sốt rét đang hoành hành.=>GIAN KHỔ.  - Bên trong: dữ oai hùm, mắt trừng →thậm xưng thể hiện sự dũng mãnh. Bề ngoài thì lạ thường nhưng bên trong không hề yếu đuối, vẫn oai phong lẫm liệt ở tư thế “ *dữ oai hùm*”=>Ý CHÍ.  - Người lính Tây Tiến là những chàng trai lãng mạn, hào hoa với trái tim rạo rực, khao khát yêu đương: gởi mộng, mắt trừng=>LÃNG MẠN.  \* Càng gian khổ=> càng căm thù=> tạo thành ý chí + nhờ tâm hồn lãng mạn giúp người lính vẫn sống, vẫn tồn tại trong đạn bom khắc nghiệt.  **b/ 4 câu sau:**  - “ *Chiến trường....đời xanh*”: thái độ dứt khoát ra đi với tất cả ý thức trách nhiệm, không tính toán. Sẵn sàng hiến dâng tuổi thanh xuân cho đất nước  - *“ mồ viễn xứ”, “ áo bào thay chiếu”:* từ Hán Việt: nấm mồ của người chiến sĩ trở thành mộ chí tôn nghiêm.  *"áo bào":* cái chết sang trọng.  - Cái bi nâng lên thành hùng tráng bởi lí tưởng của người nằm xuống. Cái chết bi hùng, có bi nhưng không luỵ.  - Sông Mã: gợi điển tích Kinh Kha→khí khái của người lính. Cái chết đậm chất sử thi bi hùng bởi tiếng gầm của sông Mã.  \* Cả đoạn thơ là cảm hứng bi tráng về cuộc đời chiến đấu gian khổ, tư tưởng lạc quan và sự hi sinh gian khổ, anh dũng của người lính. |

**Hoạt động 5: Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản/ Tìm hiểu lời thề gắn bó với Tây Tiến và đồng đội**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + **GV** đặt câu hỏi:  ? Nhận xét âm điệu của 4 câu thơ cuối? nội dung ?  *? Cảm xúc của tác giả bộc lộ như thế nào qua bốn câu thơ cuối ?*  ?Tình cảm của tác giả như thế nào?  *“*Ai lên…về xuôi*”: Kỷ niệm không thể nào quên.*  *+ GV yêu cầu HS tổng kết*  *- HS tiếp nhận câu hỏi*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  - Bài thơ kết thúc bằng 4 câu thơ nói lời nhắn gửi mà như lời thề son sắt. Lời thề của những người lính Tây Tiến sau khi đã hoàn thành nhiêm vụ, trở về đất nước quê hương; thề với những đồng đội đã hi sinh trên đất bạn, thề với lòng mình, với quá khứ hào hùng.  -Cách nói *người đi không hẹn ước, hồn về Sẩm Nứa chẳng về xuôi, mùa xuân chia phôi thăm thẳm, "lên Tây Tiến..."* chính là thể hiên tâm trạng buồn thương, luyến nhớ, bâng khuâng khi nghĩ về một khoảng thời gian ăm ắp kỉ niêm, về những địa danh, về cuộc hành quân tiến về phía Tây lịch sử... giờ đây và mãi mãi suốt đời không thể nào quên.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng | **4. Lời thề gắn bó với Tây Tiến và đồng đội:**  - “Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy ...”=>thời điểm mơ mộng hào hùng một đi không trở lại.  - Câu kết “ Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi” thể hiện tinh thần “ một đi không trở lại” => Gợi không khí một thời đại ra đi kháng chiến “thà chết chớ lui” của tuổi trẻ VN trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc,  **III. Tổng kết:**  **1/ Nghệ thuật:**  - Cảm hứng và bút pháp lãng mạn.  - Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt,…  - Kết hợp chất hợp và chất họa.  ***2) Ý nghĩa văn bản :***  Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ luôn đồng hành trong trái tim và trí óc mỗi chúng ta. |

**Hoạt động 6: Hướng dẫn HS tổng kết**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được nội dung, ý nghĩa bài thơ

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS tổng kết nội dung và nghệ thuật bài thơ.  *- HS tiếp nhận câu hỏi*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng | **III. Tổng kết:**  **1/ Nghệ thuật:**  - Cảm hứng và bút pháp lãng mạn.  - Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt,…  - Kết hợp chất hợp và chất họa.  ***2) Ý nghĩa văn bản :***  Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ luôn đồng hành trong trái tim và trí óc mỗi chúng ta. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:

1B, 2C, 3C, 4A

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Câu hỏi 1:** Câu thơ : “Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm“ ngắt nhịp thế nào là phù hợp nhất với ý thơ?  
a. Nhịp 4/1/2  
b. Nhịp 2/2/1/2

c. Nhịp 2/2/3

d. Nhịp 4/3

**Câu hỏi 2:** Hai câu thơ “ Mắt trừng gửi mộng qua biên giới/*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”*  
a.   Chí khí của người lính Tây Tiến  
b. Đời sống tình cảm của lính Tây Tiến

c. Cái chí và cái tình của người lính

d. Lòng căm thù quân giặc và nỗi buồn nhớ về Hà Nội

**Câu hỏi 3:** Dòng nào chưa nói đúng về nội dung chính ở đoạn thơ  thứ 3 của bài Tây Tiến ?  
a.   Ngoại hình và đời sống nội tâm của người lính  
b. Cái tình và cái chí của người lính  
c. Sự giằng xé giữa lí tưởng cao đẹp và tình cảm sâu nặng của người lính  
d. Sự hi sinh kiêu hùng của người lính

**Câu hỏi 4:** Dòng nào không đúng nói về nội dung bốn câu thơ cuối đoạn ba của bài thơ Tây Tiến ?  
a. Nói về cái cốt cách đa tình của người lính Tây Tiến  
b. Thể hiện lí tưởng sống cao đẹp của người lính  
c. Diễn tả sự hi sinh cao cả , lẫm liệt của người lính  
d. Khẳng định sự bất tử của người lính đã hi sinh.

d/ Phần kết bài thiên về tổng kết, đánh giá vấn đề

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS:

1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng của tác giả : đó là nỗi nhớ những kỉ niệm về tình quân dân trong đêm liên hoan văn nghệ và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.

2/ Các từ “*xiêm áo*”, “*khèn*”,“*man điệu*”, “*e ấp*” có vai trò trong việc thể hiện những hình ảnh vẻ đẹp văn hoá miền núi và tâm trạng người lính Tây Tiến :

a/ Vẻ đẹp thể hiện bản sắc dân tộc, nhất là văn hoá miền núi. Đó là vẻ đẹp của các cô gái Tây Bắc trong trang phục lạ: ***xiêm áo***, vừa e thẹn, vừa tình tứ trong một vũ điệu lạ: ***man******điệu***, nhạc cụ lạ : ***khèn*,**dáng điệu lạ: ***e ấp****.*

b/ Tâm trạng người lính: vừa ngạc nhiên, vừa đắm say trong tiến khèn, điệu múa.Tâm hồn các anh vẫn phơi phới niềm lạc quan yêu đời, đầy ắp niềm vui và mộng mơ, quên đi bao nỗi nhọc nhằn, gian khổ.

3/ Câu thơ *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa* được sử dụng nghệ thuật đối lập. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ : gợi vẻ đẹp hoang sơ, vữa dữ đội, vừa thơ mộng của núi rừng, đồng thời thể hiện bút pháp “*thi trung hữu hoạ*” ( trong thơ có hoạ) của Qung Dũng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa,*

*Kìa em xiêm áo tự bao giờ*

*Khèn lên man điệu nàng e ấp*

*Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy*

*Có thấy hồn lau nẻo bến bờ*

*Có nhớ dáng người trên độc mộc*

*Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*”.

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng gì của tác giả?

2. Các từ “*xiêm áo*”, “*khèn*”,“*man điệu*”, “*e ấp*” có vai trò gì trong việc thể hiện những hình ảnh vẻ đẹp văn hoá miền núi và tâm trạng người lính Tây Tiến?

3. Câu thơ *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa* được sử dụng nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

- Vẻ đẹp của hình tượng người lính Tây Tiến : Hào hùng , hào hoa.

- Cảm hứng lãng mạn và chất bi tráng của bài thơ.

- Chuẩn bị bài: Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

**Tuần 27**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết:***

**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học;

- Xác đInh đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

- Mục đích, yêu cầu của bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

- Cách thức triển khai bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

**2. Năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực phân tích, so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

- Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

**- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng cách so sánh 2 đề bài sau

1. Đề bài: Cảm nhận của em về bài thơ Tây Tiến ( Quang Dũng)

2. Có ý kiến cho rằng thành công của bài thơ Tây Tiến là thể hiện cảm hứng lãng mạng. Hãy bình luận.

-  **HS** thực hiện nhiệm vụ:

-  **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: đề 1: chủ yếu cảm nhận nội dung và nghệ thuật bài thơ. Đề 2: chủ yếu bình luận cảm hứng lãng mạn của bài thơ.

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Như vậy, cùng ngữ liệu là bài thơ Tây Tiến nhưng yêu cầu của đề lại khác nhâu nên cách làm bài cũng khác nhau. Với đề 2, chúng ta sẽ tìm hiểu dạng bài nghị luận về 1 ý kiến bàn về văn học.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu đề**

**a) Mục tiêu:** Tìm hiểu hiểu đề và lập dàn ý.

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV** chia lớp thành 4 nhóm và tiến hành thảo luận các yêu cầu:  **+ Nhóm 1, 3 : Tìm hiểu đề 1, lập dàn ý**  Đề 1: Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai cho rằng: *“Nhìn chung văn học Việt Nam phong phú, đa dạng; nhưng nếu cần xác định một chủ lưu, một dòng chính, quán thông kim cổ, thì đó là văn học yêu nước”*  Hãy trình bày suy nghĩ của anh (chị) đối với ý kiến trên  **+ Nhóm 2, 4 :** Tìm hiểu đề 2, lập dàn ý  : Bàn về đọc sách, nhất là đọc các tác phẩm văn học lớn, người xưa nói:  *“Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ, lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân, tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài.”*  Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  **+ Nhóm 1, 3 : Tìm hiểu đề 1, lập dàn ý**  *1. Tìm hiểu đề:*  - Tìm hiểu nghĩa của các từ :  + *Phong phú, đa dạng*: có nhiều tác phẩm với nhiều hình thức thể loại khác nhau  + *Chủ lưu*: dòng chính (bộ phận chính), khác với phụ lưu, chi lưu  + *Quán thông kim cổ*: thông suốt từ xưa đến nay.  - Tìm hiểu ý nghĩa của câu:  + Văn học VN rất đa dạng, phong phú  + Văn học yêu nước là chủ lưu  - Thao tác: Giải thích, bình luận, chứng minh...  - Phạm vi tư liệu: Các tác phẩm tiêu biểu có nội dung yêu nước của VHVN qua các thời kỳ.  *2. Lập dàn ý:*  \* Mở bài: Giới thiệu câu nói của Đặng Thai Mai  \* Thân bài:  - Giải thích ý nghĩa của câu nói:  + Văn học Việt Nam rất phong phú và đa dạng (Đa dạng về số lượng tác phẩm, đa dạng về thể loại, đa dạng về phong cách tác giả).  + Văn học yêu nước là một chủ lưu, xuyên suốt.  - Bình luận, chứng minh về ý nghĩa câu nói:  + Đây là một ý kiến hoàn toàn đúng  + Văn học yêu nước là chủ lưu xuyên suốt lịch sử VH Việt Nam: Văn học trung đại ; Văn học cận – hiện đại.  + Nguyên nhân:   * Đời sống tư tưởng con người Việt Nam phong phú đa dạng * Do hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử VN thường xuyên phải chiến đấu chống ngoại xâm để bảo vệ đất nước.   + Nêu và phân tích một số dẫn chứng: *Nam quốc sơn hà, Cáo bình Ngô, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Tuyên ngôn độc lập …*  \* Kết bài: Khẳng định giá trị của ý kiến trên.  - Giúp đọc hiểu hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm văn học dân tộc.  - Biết ơn, khắc sâu công lao của cha ông trong cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước.  - Giữ gìn, yêu mến, học tập những tác phẩm văn học có nội dung yêu nước của mọi thời đại.  \* **Nhóm 2,4**  \* Thể loại: Nghị luận (giải thích – bình luận) một ý kiến bàn về văn học.  \* b. Nội dung:  - Tìm hiểu nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường.  + *Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ*: chỉ hiểu trong phạm vi hẹp  + *Lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân*: khi kinh nghiệm, vốn sống nhiều hơn theo thời gian thì tầm nhìn được mở rộng hơn khi đọc sách.  + *Tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài*: Theo thời gian, con người càng giàu vốn sống, kinh nghiệm và vốn văn hóa thì khả năng am hiểu khi đọc sách sâu hơn, rộng hơn.  - Tìm hiểu nghĩa của câu nói:  Càng lớn tuổi, có vốn sống, vốn văn hoá và kinh nghiệm… càng nhiều thì đọc sách càng hiệu quả hơn.  \* Phạm vi tư liệu: Thực tế cuộc sống  *2. Lập dàn ý:*  \* Mở bài: Giới thiệu ý kiến của Lâm Ngữ Đường.  \* Thân bài:  - Giải thích hàm ý của ba hình ảnh so sánh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường.  Khả năng tiếp nhận khi đọc sách (tác phẩm văn học) tùy thuộc vào điều kiện, trình độ, và năng lực chủ quan của người đọc.  - Bình luận và chứng minh những khía cạnh đúng của vấn đề:  + Đọc sách tùy thuộc vào vốn sống, vốn văn hóa, kinh nghiệm, tâm lý, của người đọc.  - Bình luận và bổ sung những khía cạnh chưa đúng của vấn đề:  + Không phải ai từng trải cũng hiểu sâu sắc tác phẩm khi đọc. Ngược lại, có những người trẻ tuổi nhưng vẫn hiểu sâu sắc tác phẩm (do tự nâng cao vốn sống, trình độ văn hóa, trình độ lý luận, ham học hỏi,…. )  + Ví dụ: Những bài luận đạt giải cao của các học sinh giỏi về tác phẩm văn học (tự học, ham đọc, sưu tầm sách, nâng cao kiến thức).  \* Kết bài: Tác dụng, giá trị của ý kiến trên đối với người đọc:  - Muốn đọc sách tốt, tự trang bị sự hiểu biết về nhiều mặt  - Đọc sách phải biết suy ngẫm, tra cứu.  + Ví dụ: Đọc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:   * Tuổi thanh niên: Có thể xem là câu chuyện về số phận đau khổ của con người. * Lớn hơn: Hiểu sâu hơn về giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm, hiểu được ý nghĩa xã hội to lớn của Truyện Kiều   \*Người lớn tuổi: Cảm nhận thêm về ý nghĩa triết học của Truyện Kiều.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu đề - lập dàn ý:**  ***1. Tìm hiểu đề 1:***  - Tìm hiểu nghĩa của các từ :  + *Phong phú, đa dạng*:  + *Chủ lưu*:  + *Quán thông kim cổ*:  - Tìm hiểu ý nghĩa của câu:  - Thao tác: Giải thích, bình luận, chứng minh...  - Phạm vi tư liệu:  *2. Lập dàn ý:*  \* Mở bài:  \* Thân bài:  - Giải thích ý nghĩa của câu nói:    - Bình luận, chứng minh về ý nghĩa câu nói:    \* Kết bài: Khẳng định giá trị của ý kiến trên.  ***2. Tìm hiểu đề 2:***  \* Thể loại:  \* b. Nội dung:  - Tìm hiểu nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường.  + *Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ*:  + *Lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân*:  + *Tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài*:  - Tìm hiểu nghĩa của câu nói:  Càng lớn tuổi, có vốn sống, vốn văn hoá và kinh nghiệm… càng nhiều thì đọc sách càng hiệu quả hơn.  \* Phạm vi tư liệu: Thực tế cuộc sống.  *2. Lập dàn ý:*  \* Mở bài:  \* Thân bài:  - Giải thích hàm ý của ba hình ảnh so sánh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường.  - Bình luận và chứng minh những khía cạnh đúng của vấn đề:  - Bình luận và bổ sung những khía cạnh chưa đúng của vấn đề:  \* Kết bài: |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về đối tượng nghị luận về một ý kiến bàn về văn học và cách làm kiểu bài này.**

**a) Mục tiêu:** HS hiểu được cách tìm hiểu về đối tượng nghị luận về một ý kiến bàn về văn học và cách làm kiểu bài này.

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***GV***đặt câu hỏi: *Từ các đề bài và kết quả thảo luận trên, đối tượng của bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học là gì?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  1. Đối tượng của một bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng: về văn học lịch sử, về lí luận văn học, về tác phẩm văn học…  2. Cách làm: Tùy từng đề để vận dụng thao tác một cách hợp lí nhưng thường tập trung vào:  + Giải thích  + Chứng minh  + Bình luận  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Bài học:**  1. Đối tượng của một bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng  2. Cách làm: Tùy từng đề để vận dụng thao tác một cách hợp lí nhưng thường tập trung vào:  + Giải thích  + Chứng minh  + Bình luận |

**Hoạt động 2: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để trả lời

**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV:** Hướng dẫn luyện tập  *Đề bài: Trình bày những suy nghĩ của anh chị đối với ý kiến của nhà văn Thạch Lam: " Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo vàthay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú hơn"*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  Kết quả mong đợi:  *1. Tìm hiểu đề:*  a. Thể loại: Nghị luận (Giải thích, bình luận, chứng minh) một ý kiến bàn về một vấn đề văn học.  b.Nội dung:  +Thạch Lam không tán thành quan điểm văn học thoát li thực tế:  Thế giới dối trá và tàn ác  + Khẳng định giá trị cải tạo xã hội và giá trị giáo dục của văn học  c.Phạm vi tư liệu:  -Tác phẩm Thạch Lam  -Những tác phẩm văn học tiêu biểu khác.  *2. Lập dàn ý:*  a. Mở bài:  - Giới thiệu tác giả Thạch Lam.  - Trích dẫn ý kiến của Thạch Lam về chức năng của văn học.  b.Thân bài:  - Giải thích về ý nghĩa câu nói:  Thạch Lam nêu lên chức năng to lớn và cao cả của văn học.  - Bình luận và chứng minh ý kiến:  + Đó là một quan điểm rất đúng đắn về giá trị văn học:   * Trứơc CM Tháng Tám: quan điểm tiến bộ. * Ngày nay: vẫn còn nguyên giá trị.   + Chọn và phân tích một số dẫn chứng (Truyện Kiều, Số đỏ, Chí Phèo, Hai đứa trẻ, Nhật ký trong tù...) để chứng minh 2 nội dung:   * Tác dụng cải tạo xã hội của văn học. * Tác dụng giáo dục con người.của văn học   c: Kết bài:  - Khẳng định sự đúng đắn và tiến bộ trong quan điểm sáng tác của Thạch Lam.  - Nêu tác dụng của ý kiến trên đối với người đọc:  +Hiểu và thẩm định đúng giá trị của tác phẩm văn học.  +Trân trọng, yêu quý và giữ gìn những tác phẩm văn học tiến bộ của từng thời kỳ.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  => Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Luyện tập: Bài tập 1/93:**  *1. Tìm hiểu đề:*  a. Thể loại:  b.Nội dung:  c.Phạm vi tư liệu:  *2. Lập dàn ý:*  a. Mở bài:  - Giới thiệu tác giả Thạch Lam.  - Trích dẫn ý kiến của Thạch Lam về chức năng của văn học.  b.Thân bài:  - Giải thích về ý nghĩa câu nói:  - Bình luận và chứng minh ý kiến:  c: Kết bài:  => Trước số phận bi thảm, trớ trêu của con người, tác giả bộc lộ sự đồng cả và lòng nhân hậu của mình. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:

***ĐÁP ÁN B***

**d) Tổ chức thực hiện:**

Cho đề văn:

    Có ý kiến cho rằng:”tâm hồn Nguyễn Trãi rất nhạy cảm,rất tinh tế. Ông nhìn ra cái đẹp ở những sự vật rất đỗi bình thường, từ đó làm nên những câu thơ hay, bất ngờ về cảnh vật quê hương”

Anh chi hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

Sau đây là một số cách lập ý để triển khai đề bài trên. Anh chị thấy cách lập ý nào phù hợp nhất?

a. **Dàn ý 1**

1.Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, tinh tế, luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp của thế giới xung quanh.

2. Thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện ra cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường

3.Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương

4.Những vần thơ hay, lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương ấy càng cho ta hiểu sâu sắc hơn về đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi.  
b. **Dàn ý 2**

1.Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm,rất tinh tế…

 a.Luơn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp, nét thơ mộng của thế giới xung quanh

     b.Đặc biệt thi hứng của Nguyễn Trãi cịn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện ra cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường

2. Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương

3.Những vần thơ hay, lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương ấy càng cho ta hiểu sâu sắc hơn về đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi  
c. **Dàn ý 3**

1. Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, rất tinh tế…

    a.Luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp, nét thơ mộng của thế giới xung quanh

    b. Đặc biệt thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện ra cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường

2. Những vần thơ hay, lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương ấy càng cho ta hiểu sâu sắc hơn về đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi

3.Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương

d.**Dàn ý 4**

1. Thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường

2.Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, rất tinh tế, luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp, nét thơ mộng của thế giới xung quanh

3. Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương

4. Những vần thơ hay,lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

**b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

*GV yêu cầu:* Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, Mác-xen Pruxt cho rằng:

*“Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới”.*

Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết về bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng, hãy làm rõ quan niệm nghệ thuật của Mác-xen Pruxt.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Nội dung** |
| **1** | Giới thiệu được vấn đề nghị luận và bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng. |
| **2** | **Giải thích ý kiến** |
|  | ***- Giải thích từ ngữ***  + *“Cuộc thám hiểm thực sự”*: Quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ và đầy bản lĩnh của nhà văn để sáng tạo nên tác phẩm đích thực.  + *“Vùng đất mới”*: Hiện thực đời sống chưa được khám phá (đề tài mới).  + *“Đôi mắt mới”*:Cái nhìn, cách cảm thụ con người và đời sống mới mẻ.  → Hàm ý câu nói: Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, điều cốt yếu là nhà văn phải có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo, giàu tính phát hiện về con người và đời sống.  ***- Bàn luận***  + Để tạo nên tác phẩm nghệ thuật đích thực, nhà văn phải có tài năng, tâm huyết, có bản lĩnh và phải biết lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ giống như*“cuộc thám hiểm thực sự”.* Nếu dấn thân vào*“vùng đất mới”* mà nhà văn không có cách nhìn, cách cảm thụ đời sống mới mẻ thì cũng không thể tạo nên tác phẩm nghệ thuật có giá trị đích thực.  + Dù viết về đề tài đã cũ nhưng bằng cái nhìn độc đáo, giàu tính khám phá, phát hiện, nhà văn vẫn thấu suốt bản chất đời sống, mang lại cho tác phẩm giá trị tư tưởng sâu sắc.  + Nếu nhà văn có*“đôi mắt mới”,* biết nhìn nhận con người và đời sống giàu tính khám phá, phát hiện lại tiếp cận với một*“vùng đất mới”*,thì sức sáng tạo của nhà văn và giá trị của tác phẩm càng độc đáo, càng cao. Vì thế, coi trọng vai trò quyết định của*“đôi mắt mới”* nhưng cũng không nên phủ nhận ý nghĩa của*“vùng đất mới”* trong thực tiễn sáng tác.  + Để có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo nhà văn phải bám sát vào hiện thực đời sống; trau dồi tài năng, bản lĩnh (sự tinh tế, sắc sảo...); bồi dưỡng tâm hồn (tấm lòng, tình cảm đẹp với con người và cuộc đời...); xác lập một tư tưởng, quan điểm đúng đắn, tiến bộ. |
| **4.** | **Phân tích, chứng minh** |
|  | ***- Bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng***  Khác với các thi sĩ cùng thời, khi viết về đề tài người lính (anh bộ đội Cụ Hồ) thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, Quang Dũng thể hiện một cách nhìn mới, một*“đôi mắt mới”*:  *+* Nhà thơ không né tránh hiện thực mà nhìn thẳng vào cuộc chiến khốc liệt để làm nổi bật những hi sinh, mất mát.  + Con đường Tây Tiến hiện ra vừa dữ dội, hùng vĩ vừa thơ mộng, mĩ lệ một thời.  + Bức tượng đài người lính Tây Tiến (xuất thân từ tầng lớp trí thức Hà Nội) hào hoa, lãng mạn, đậm tinh thần bi tráng.  ***- Đánh giá khái quát***  Nếu có*“đôi mắt mới”,* cách nhìn mới thì cho dù có viết về*“vùng đất cũ”* nhà văn vẫn tạo ra được những áng thơ, thiên truyện độc đáo, có giá trị, có phẩm chất và cốt cách văn học, có sức lay động lòng người, có khả năng sống mãi với thời gian. |
| **5.** | **Kết luận vấn đề** |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận về ý kiến bàn về văn học

- Chuẩn bị bài: Việt Bắc (Phần I: Tác giả)

**Tuần 8**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 22:***

**VIỆT BẮC (Phần I: Tác giả)**

**I. Mục tiêu :**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và lí giải hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Hiểu được những yếu tố ảnh hưởng hình thành hồn thơ Tố Hữu;

- Phân tích được mối quan hệ giữa chặng đường lịch sử với các chặng đường thơ của Tố Hữu;

- Nắm vững phong cách nghệ thuật của Tố Hữu.

**2. Năng lực:**

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

+ Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản.

+ Năng lực đọc – hiểu văn bản tác gia văn học;

+ Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về một nhà thơ đã từng xem là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt nam hiện đại.

+ Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về một tác gia văn học.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

* - Chân dung nhà thơ Tố Hữu, hình ảnh về Huế, bài hát Từ ấy, Mẹ Suốt…

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về Tố Hữu bằng cách cho học sinh tìm hiểu:  1/Ai là tác giả bài thơ Từ ấy?  a/ Chế Lan Viên  b/ Xuân Diệu  c/ Tố Hữu  d/ Hồ Chí Minh.  2/ Điền khuyết đoạn thơ sau trong bài Lượm của Tố Hữu:  Chú bé.......  ..........xinh xinh  Cái chân............  ............nghênh nghênh  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **Gợi ý trả lời: 1c;2: loắt choắt- cái xắc- thoăn thoắt- cái đầu**  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* So với các nhà thơ trước 1945 ( Huy Cân, Hàn Mặc Tử…), Tố Hữu đã sớm bắt gặp lí tưởng của Đảng. Để rối *Từ ấy* cho đến khi tạ thế ở tuổi 82, ông trở thành lá cờ đầu của thơ ca cách mạng VN hiện đại. Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp thơ ca của ông. | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về tiểu sử nhà thơ**  **a) Mục tiêu:** Biết được các thông tin về tiểu sử tác giả  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:*  *Cuộc đời của Tố Hữu có thể chia làm mấy giai đoạn?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**   * Ba giai đoạn:   - Thời thơ ấu: Tố Hữu sinh ra trong một gia đình Nho học ở Huế - mảnh đất thơ mộng, trữ tình còn lưu giữ nhiều nét văn hoá dân gian.  - Thời thanh niên: Tố Hữu sớm giác ngộ cách mạng và hăng say hoạt động, kiên cường đấu tranh trong các nhà tù thực dân  - Thời kỳ sau CM tháng Tám: Tố Hữu đảm nhiệm những cương vị trọng yếu trên mặt trận văn hoá văn nghệ, trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và nhà nước.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Vài nét về tiểu sử:**  - Thời thơ ấu:  - Thời thanh niên:  - Thời kỳ sau CM tháng Tám: |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về đường cách mạng, đường thơ của Tố Hữu.**  **a) Mục tiêu:** HS nắm được các chặng đường cách mạng gắn với chặng đường thơ của TH  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - **GV** cần nhấn mạnh bảy chặng đường đời của TH gắn liền với bảy chặng đường cách mạng và bảy tập thơ của TH ( nhất là 5 tập thơ đầu)  GV chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS thảo luận: Về nội dung chính của 5 tập thơ đầu.  -Nhóm 1: Tập ***Từ ấy***  - Nhóm 2: ***Tập Việt Bắc***  - Nhóm 3: Tập ***Gío lộng***  - Nhóm 4: ***Ra trận, Máu và hoa***  ***- Nhóm 5:* Một tiếng đờn** (1992 ), **Ta với ta**  ***- HS*** tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  -Nhóm 1: Tập ***Từ ấy***  **1. Từ ấy:** (1937- 1946)  - Niềm hân hoan của tâm hồn trẻ đang gặp ánh sáng lý tưởng cách mạng, tìm thấy lẽ sống và quyết tâm đi theo ngọn cờ của Đảng.  **- Gồm có 3 phần:** *Máu lửa*,  *Xiềng xích*, *Giải phóng*.  Nhóm 2: Tập ***Việt Bắc***  **2. Việt Bắc:** (1946- 1954)  - Tiếng hùng ca thiết tha về cuộc kháng chiến chống Pháp và con người kháng chiến.  - Thể hiện những tình cảm lớn.  Nhóm 3: Tập ***Gió lộng***  **3. Gió lộng**: (1955- 1961)  - Hướng về quá khứ để ghi sâu ân tình cách mạng- ngợi ca cuộc sống mới trên miền Bắc.  - Tình cảm thiết tha, sâu đậm với miền Nam ruột thịt.  -Nhóm 4: Tập **Ra trận**, **Máu và hoa**  **4.** **Ra trận** (1962- 1971), **Máu và hoa** ( 1972- 1977):  - Bản hùng ca về “Miền Nam trong lửa đạn sáng ngời”.  - Ghi lại chặng đường cách mạng đầy gian khổ, hi sinh, khẳng định niềm tin, niềm tự hào phơi phới khi “toàn thắng về ta”.  ***5.*Một tiếng đờn** (1992 ), **Ta với ta** (1999 ):  **-** Những suy tư, chiêm nghiệm mang tính phổ quát về con người, cuộc đời.  - Niềm tin vào lí tưởng và con đường cách mạng, tin vào chữ nhân luôn tỏa sáng trong mỗi tâm hồn con người.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Đường cách mạng, đường thơ:**  **1. Từ ấy:** (1937- 1946)  **2. Việt Bắc:** (1946- 1954)  **3. Gió lộng**: (1955- 1961)  **4.** **Ra trận** (1962- 1971), **Máu và hoa** ( 1972- 1977):  ***5.*Một tiếng đờn** (1992 ), **Ta với ta** (1999 ): | |
| **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu phong cách thơ Tố Hữu**.  **a) Mục tiêu:** hiểu được phong cách thơ Tố Hữu.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi:  - Phong cách thơ TH thể hiện ở những mặt nào?  - Tại sao nói thơ Tố Hữu mang phong cách ***trữ tình chính trị?***  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  Sau khi HS trả lời GV giải thích ***trữ tình chính trị*** thể hiện ở những điểm nào?  - Em chứng minh thơ Tố Hữu mang phong cách dân tộc đậm đà? | **II. Phong cách thơ Tố Hữu:**  **1.Về nội dung**: Thơ Tố Hữu mang phong cách trữ tình chính trị sâu sắc.  -Trong việc biểu hiện tâm hồn, thơ Tố Hữu luôn hướng tới cái ***ta*** chung  - Trong việc miêu tả đời sống, thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi.  - Những điều đó được thể hiện qua giọng thơ mang tính chất tâm tình, tự nhiên, đằm thắm, chân thành  **2. Về nghệ thuật**: Thơ Tố Hữu mang phong cách dân tộc đậm đà.  - Về thể thơ:  + Vận dụng thành công thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc  + Thể thất ngôn trang trọng mà tự nhiên  -Về ngôn ngữ: Dùng từ ngữ và cách nói dân gian, phát huy tính nhạc phong phú của tiếng Việt.  **IV. Kết luận:**  Thơ Tố Hữu là bằng chứng sinh động về sự kết hợp hài hoà hai yếu tố cách mạng và dân tộc trong sáng tạo nghệ thuật, sáng tạo thi ca. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: ĐÁP ÁN  [1]='a' [2]='d' [3]='b' [4]='d' [5]='c'  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** Thông tin nào sau nay về [Tố Hữu](file:///C:\Users\Administrator\AppData\Roaming\Microsoft\AppData\Local\frntpg%206\Chan%20dung%20nha%20van%2012-Tap%20I\chuyen%20tohuu.htm) là chưa chính xác? a. Trong giai đoạn 1930- 1935 ông từng là thành viên của phong trào Thơ mới  b. Năm 1938 ông trở thành đảng viên của Đảng cộng sản và năm 1939 bị bắt giam ở nhiều nhà tù ở miền Trung.  c. Nhiều năm liền ông phụ trách công tác văn hóa văn nghệ của Đảng và từng là Ủy viên Bộ chính trị Đảng cộng sản Việt Nam. d. Ông qua đời năm 2002.  **Câu hỏi 2:** “Máu lửa”, “Xiềng xích”, “Giải phóng” là: a. .Tên ba bài thơ của Tố Hữu. b. Tên ba phần trong tập thơ Máu và hoa. c. Tên ba phần trong tập thơ Ra trận. d. Tên ba phần trong tập thơ Từ ấy  **Câu hỏi 3:** Bài thơ nào sau đây của Tố Hữu không nằm trong tập thơ Việt Bắc? a. Cá nước.  b. Mẹ Tơm.   c. Lên Tây Bắc  d. Lượm  **Câu hỏi 4:** Nội dung chính của tập thơ Việt Bắc là: a. Bản hùng ca của cuộc kháng chiến chống Pháp. b. Kết tinh những tình cảm lớn của con người Việt Nam kháng chiến. c. Ngợi ca công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc d. Cả A và B.  **Câu hỏi 5:** Cảm xúc nổi bật nhất của tập thơ “Gió lộng” của Tố Hữu là: a. Tiếng hát say mê lí tưởng cách mạng, sự xả thân vì lí tưởng của người chiến sĩ cộng sản. b.Ca ngợi hình ảnh nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp. c.Niềm vui, tự hào, tin tưởng ở công cuộc xây dựng cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và tình cảm với miền Nam, ý chí thống nhất Tổ quốc.  d.Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS trả lời câu hỏi: *Trình bảy đặc sắc nghệ thuật đoạn trích Ông già và biển cả*  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  Trả lời:  1/ Nội dung chính của văn bản : Vị trí của nhà thơ Tố Hữu trong thơ ca yêu nước và cách mạng, đồng thời lí giải sự tác động của lịch sử, văn hoá, xã hội đã làm nên hồn thơ Tố Hữu trong tập thơ *Từ ấy.*  2/Biện pháp tu từ về từ trong câu văn: ẩn dụ (*bắc chiếc cầu nối* gợi sự gắn kết)  Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó: Tạo hình ảnh cụ thể để khẳng định đóng góp của Tố Hữu qua tập thơ Từ ấy, nhất là đóng góp về hình thức nghệ thuật. 3/*Nhân vật trữ tình* là hình tượng người trực tiếp thổ lộ suy nghĩ, cảm xúc, tâm trạng trong tác phẩm. Nhân vật trữ tình không có diện mạo, hành động, lời nói, quan hệ cụ thể như nhân vật tự sự và kịch. Nhưng nhân vật trữ tình cụ thể trong giọng điệu, cảm xúc, trong cách cảm cách nghĩ. Qua những trang thơ, ta như gặp tâm hồn người, tấm lòng người.   4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :  - Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;  - Nội dung : từ *quan niệm cao đẹp về lí tưởng sống* của nhà thơ Tố hữu, thí sinh liên hệ đến lí tưởng sống của tuổi trẻ: Lí tưởng sống là mục đích tốt đẹp mà mỗi con người muốn hường tới và mong mỏi đạt được. Người có lí tưởng sống cao đẹp sẽ luôn suy nghĩ và hành động đúng để hoàn thiện mình hơn, đóng góp công sức bản thân, đem lại hạnh phúc cho mình, gia đình, xã hội, đất nước. Phê phán những người không có lí tưởng sống. Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.  **d) Tổ chức thực hiện:**  *- GV giao nhiệm vụ:*  Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:  *Tố Hữu là nhà thơ có vị trí rất quan trọng trong nền văn học cách mạng Việt Nam. Trong thơ Tố Hữu, cái Tôi trữ tình, trẻ trung, sôi nổi và đầy nhiệt huyết là cái Tôi gắn với cách mạng, cái Tôi mang trong mình lí tưởng cộng sản. Với tập thơ Từ ấy, Tố Hữu đã bắc chiếc cầu nối giữa hình thức thơ mới với thơ ca yêu nước và cách mạng. Giữa lúc các nhà thơ mới còn băn khoăn, còn đắm mình trong nỗi buồn đau, cô đơn tuyệt vọng, thì Tố Hữu với* Từ ấy *đã cất lên khúc hát ngợi ca lí tưởng cách mạng và tự tin khẳng định sự đúng đắn của con đường mình đã chọn.* Từ ấy *thể hiện tâm trạng háo hức, tràn đầy niềm tin và hi vọng của người cộng sản trẻ tuổi.*  *Đặt bài thơ vào hoàn cảnh xã hội, chính trị, văn hoá thời điểm nó ra đời mới hiểu và lí giải được những cung bậc cảm xúc mãnh liệt của nhân vật trữ tình. Bài thơ ra đời vào thời kì cách mạng Dân tộc dân chủ 1936- 1939. Năm 1930, Đảng Cộng sản ra đời, lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Tố Hữu thuộc lớp thanh niên sớm được giác ngộ cách mạng. Và người thanh niên với trái tim tuổi hai mươi đang căng đầy sự sống đã đến với cách mạng bằng niềm phấn khích của người vừa tìm thấy con đường lí tưởng của đời mình. Nhân vật trữ tình của bài thơ là người cộng sản trẻ tuổi với quan niệm cao đẹp về lí tưởng sống, lí tưởng cộng sản.*  *( Trích* Đọc hiểu văn bản Ngữ văn 11*- Nguyễn Trọng Hoàn)*  1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên ?  2/ Xác định biện pháp tu từ về từ trong câu văn *Với tập thơ Từ ấy, Tố Hữu đã bắc chiếc cầu nối giữa hình thức thơ mới với thơ ca yêu nước và cách mạng.* Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó là gì?  3/ Văn bản trên nhiều lần nhắc đến *nhân vật trữ tình.*  *Nhân vật trữ tình* là gì ?   4/ Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ *về lí tưởng sống* của tuổi trẻ trong cuộc sống.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)  Nhắc lại các chặng đường thơ và phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu. |
| - Chuẩn bị bài: ***Luật thơ*** |

**Tuần 10**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết:***

**DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được một số kiến thức ban đầu về luật thơ như: quy tắc về câu, tiếng, vần, nhịp, thanh... của một số thể thơ truyền thống (lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn luật Đường)

- Hiểu các nhân tố chi phối luật thơ tiếng Việt và luật thơ của một số thể thơ tiêu biểu đã học.

- Hệ thống hoá và nắm được những vấn đề chủ yếu liên quan đến luật thơ VN: Vai trò của tiếng và các bộ phận của tiếng đối với luật thơ, các thể thơ phổ biến thuộc truyền thống và hiện đại, biểu hiện cụ thể của luật thơ các thể thơ thường gặp

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong quá trình xác định luật thơ

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ của cá nhân về luật thơ.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Toàn bộ văn bản thơ đã học

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  **-** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng câu hỏi sau:  Qua các bài học về thơ từ trước đến nay, anh/chị hãy cho biết một số thể thơ truyền thống của dân tộc, một số thể thơ Đường luật và một số thể thơ hiện đại? Mỗi thể thơ cho 1 ví dụ.  - **HS** thực hiện nhiệm vụ:  **- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **a.** Thơ dân tộc: Lục bát, song thất lục bát, hát nói ( Ví dụ:…)  b. Đường luật: Ngũ ngôn, thất ngôn ( Ví dụ:…)  c. Hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi,…( Ví dụ:…)  Giáo viên giới thiệu vào bài: *Ở chương trình Ngữ Văn THCS và THPT, các em đã từng học nhiều văn bản thơ. Như vậy, cơ sở nào để xác định thể thơ? Việc xác định đó có tác dụng gì trong quá trình làm bài nghị luận về một bài thơ? Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về Luật thơ để làm sáng tỏ điều đó.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số nét khái quát về luật thơ**  **a) Mục tiêu:** Hiểu được một số nét khái quát về luật thơ.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** yêu cầu học sinh dựa vào SGK và trả lời câu hỏi:  *- Nêu ngắn gọn lí thuyết dựa theo SGK*  *- Nêu các thể thơ được sử dụng trong văn chương Việt Nam?*  *- Luật thơ hình thành trên cơ sở nào?*  *- Yếu tố nào đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành luật thơ?*  *- Vì sao “tiếng” có vai trò quan trọng trong sự hình thành luật thơ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp…trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung:  *Sự hình thành luật thơ:*  Dựa trên các đặc trưng ngữ âm của tiếng Việt:  \* Tiếng là đơn vị có vai trò quan trọng:  - Số tiếng trong câu tạo nên thể thơ  - Vần của tiếng → hiệp vần (mỗi thể thơ có vị trí hiệp vần khác nhau).  - Thanh của tiếng → hài thanh  - Tiếng là cơ sở để ngắt nhịp (mỗi thể thơ có cách ngắt nhịp khác nhau).  => Số tiếng, vần, thanh của tiếng và ngắt nhịp là cơ sở để hình thành luật thơ  \* Số dòng trong bài thơ, quan hệ của các dòng thơ về kết cấu, về ý nghĩa cũng là yếu tố hình thành luật thơ | **I. Khái quát về luật thơ**  *1. Khái niệm:*  Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp…trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định  *2. Các thể thơ:*  a. Thơ dân tộc: Lục bát, song thất lục bát, hát nói  b. Đường luật: Ngũ ngôn, thất ngôn  c. Hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi,…  *3. Sự hình thành luật thơ:*  Dựa trên các đặc trưng ngữ âm của tiếng Việt:  \* Tiếng là đơn vị có vai trò quan trọng:  - Số tiếng :  - Vần của tiếng :  - Thanh của tiếng :  - Tiếng là cơ sở để ngắt nhịp (mỗi thể thơ có cách ngắt nhịp khác nhau).  \* Số dòng trong bài thơ, quan hệ của các dòng thơ về kết cấu, về ý nghĩa cũng là yếu tố hình thành luật thơ | |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu luật thơ của một số thể thơ truyền thống.**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được luật thơ của một số thể thơ truyền thống  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** *Thể lục bát:*  **Nhóm 2:** *Thể song thất lục bát:*  Cho hs rút ra luật thơ của thể song thất lục bát qua 4 dòng thơ sau:  *“ Ngòi đầu cầu/ nước trong như lọc,*  *Đường bên cầu/ cỏ mọc còn non.*  *Đưa chàng/ lòng dặc/ dặc buồn,*  *Bộ khôn/ bằng ngựa, thủy khôn/ bằng thuyền”*  **Nhóm 3:** *Các thể ngũ ngôn Đường luật*  Cho học sinh tự rút ra luật thơ của thể thơ ngũ ngôn bát cú qua bài thơ sau:  *MẶT TRĂNG*  *Vằng vặc/ bóng thuyền quyên*  *Mây quang/ gió bốn bên*  *Nề cho/ trời đất trắng*  *Quét sạch/ núi sông đen*  *Có khuyết/ nhưng tròn mãi*  *Tuy già/ vẫn trẻ lên*  *Mảnh gương/ chung thế giới*  *Soi rõ:/ mặt hay, hèn*  Cho hs tự rút ra luật thơ của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt qua bài thơ sau:  *ÔNG PHỖNG ĐÁ*  *Ông đứng làm chi/ đó hỡi ông?*  *Trơ trơ như đá/, vững như đồng*  *Đêm ngày gìn giữ/ cho ai đó?*  *Non nước đầy vơi/ có biết không?*  **Nhóm 4:** *Các thể thất ngôn Đường luật:*  + GV: Cho hs tự rút ra luật thơ của thể thất ngôn bát cú qua bài thơ sau:  *QUA ĐÈO NGANG*  *Bước tới Đèo Ngang/ bóng xế tà*  *Cỏ cây chen đá/, lá chen hoa*  *Lom khom dưới núi/, tiều vài chú,*  *Lác đác bên sông/, chợ mấy nhà.*  *Nhớ nước đau lòng/, con quốc quốc,*  *Thương nhà mỏi miệng/ cái gia gia.*  *Dừng chân đứng lại/, trời, non, nước,*  *Môt mảnh tình riêng/, ta với ta*  **Nhóm 5:** Thơ mới  - Yêu cầu cho biết nguồn gốc của thơ mới  Cho hs xác định thể thơ, số dòng, gieo vần từ đó rút ra mối quan hệ giữa thơ truyền thống và thơ hiện đại  *TIẾNG THU*  *Em không nghe mùa thu*  *Dưới trăng mờ thổn thức?*  *Em không nghe rạo rực*  *Hình ảnh kẻ chinh phu*  *Trong lòng người cô phụ?*  *Em không nghe rừng thu*  *Lá thu rơi xào xạc,*  *Con nai vàng ngơ ngác,*  *Đạp trên lá vàng khô?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời lần lượt từng câu hỏi  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  \* **Nhóm 1**  *Thể lục bát:*  - Số tiếng: Câu 6 - câu 8 liên tục  - Vần:  + Tiếng thứ 6 hai dòng  + Tiếng thứ 8 dòng bát với tiếng thứ 6 dòng lục  - Nhịp: Chẵn, dựa vào tiếng có thanh không đổi (2, 4, 6 → 2/2/2)  - Hài thanh:  + Tiếng 2 (B), tiếng 4 (T), tiếng 6 (B).  + Đối lập âm vực trầm bổng ở tiếng 6, 8 dòng bát  \* **Nhóm 2**  *Thể song thất lục bát:*  - Số tiếng: 2 dòng 7, dòng 6 - dòng 8 liên tục  - Vần:  + Cặp song thất: tiếng 7 - tiếng 5 hiệp vần vần T  + Cặp lục bát hiệp vần B, liền  - Nhịp: 2 câu thất 3/4 ; lục bát 2/2/2  - Hài thanh: song thất: tiếng 3 linh hoạt B/T  \* **Nhóm 3**  *Các thể ngũ ngôn Đường luật*  a. Ngũ ngôn tứ tuyệt:  b. Ngũ ngôn bát cú:  - Số tiếng: 5, số dòng: 8  - Vần: độc vận, vần cách  - Nhịp: 2/3  - Hài thanh: Có sự luân phiên B-T hoặc niêm B - B, T - T ở tiếng thứ 2,4  \* **Nhóm 4**  a. Thất ngôn tứ tuyệt:  - Số tiếng: 7, số dòng: 4  - Vần: vần chân, độc vận, vần cách  - Nhịp: 4/3  - Hài thanh: theo mô hình trong sgk.  b. Thất ngôn bát cú:  - Số tiếng: 7, số dòng: 8 (4 phần: đề, thực, luận, kết).  - Vần: vần chân, độc vận ở các câu 1, 2, 4, 6, 8  - Nhịp: 4/3  - Hài thanh: theo mô hình trong sgk.  **\* Nhóm 5.** *Các thể thơ hiện đại:*  - Ảnh hưởng của thơ Pháp  - Vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống vừa có sự cách tân  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **II. Luật thơ của một số thể thơ truyền thống**  *1. Thể lục bát:*  - Số tiếng:  - Vần:  - Nhịp:  - Hài thanh:    *2. Thể song thất lục bát:*  - Số tiếng:  - Vần:  - Nhịp:  - Hài thanh:  *3. Các thể ngũ ngôn Đường luật*  a. Ngũ ngôn tứ tuyệt:  b. Ngũ ngôn bát cú:  - Số tiếng:  - Vần:  - Nhịp: 2/3  - Hài thanh:  *4. Các thể thất ngôn Đường luật:*    a. Thất ngôn tứ tuyệt:  - Số tiếng:  - Vần:  - Nhịp:  - Hài thanh:  b. Thất ngôn bát cú:  - Số tiếng:  - Vần:  - Nhịp:  - Hài thanh:  *5. Các thể thơ hiện đại:*  - Ảnh hưởng của thơ Pháp  - Vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống vừa có sự cách tân |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** HS vận dụng lí thuyết vào làm bài tập  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **+ Nhóm 1, 2: Làm câu a.**  **+ Nhóm 3, 4: Làm câu b.**  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời lần lượt từng câu hỏi  - HS: Tiến hành thảo luận trong 3 phút, đại diện từng nhóm lên bảng viết lại  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  **Nhóm 1, 2:**  a. Hai câu song thất:  - Gieo vần: “*Nguyệt, mịt*”: Tiếng thứ 7 và tiếng thứ 5  → vần lưng  - Ngắt nhịp: 3/4  - Hài thanh: Tiếng thứ 3: “ *thành, Tuyền*”: đều là tiếng B  **Nhóm 3, 4**  Thể thất ngôn Đường luật:  - Gieo vần: *“xa, hoa, nhà”:* Tiếng cuối câu 1, 2, 4 → vần chân, vần cách ( hoa – nhà).  - Ngắt nhịp: 4/3  - Hài thanh: Tiếng thứ 2, 4, 6 tuân thủ đúng luật hài thanh của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt:  + Tiếng thứ 2 các dòng:  suối, lồng, khuya, ngủ  T B B T  + Tiếng thứ 4 các dòng:  như, thụ, vẽ, lo  B T T B  + Tiếng thứ 6 các dòng:  hát, lồng, chưa, nước  T B B T  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  - GV: Nhận xét, bổ sung, cho hs rút ra sự khác nhau về gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh của 2 câu thơ 7 tiếng trong thể song thất lục bát với thể | | **III. Luyện tập**  Phân biệt cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh:  a. Hai câu song thất:  b. Thể thất ngôn Đường luật:  - Gieo vần:  - Ngắt nhịp:  - Hài thanh: |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** Luật thơ không được biểu hiện ở quy tắc nào sau đây ? a. Quy tắc gieo vần b.  Quy tắc ngắt nhịp c. Quy tắc tu từ  d.Quy tắc hài thanh.  **Câu hỏi 2:** Các thể thơ Việt Nam được phân chia thành mấy loại lớn? a. Hai loại. b. Ba loại c. Bốn loại d. Năm loại  **Câu hỏi 3:** Thể thơ nào sau đây **không** phải là thể thơ dân tộc truyền thống? a. Thể thơ văn xuôi  b. Thể lục bát  c.Thể song thất lục bát  d. Thể hát nói  **Câu hỏi 4:** Thể thơ nào sau đây thể hiện sự Việt hoá thể thơ  luật Đường? a. Thể thất ngôn xen lục ngôn b. Thể ngũa ngôn bát cú  c. Thể thất ngôn tứ tuyệt  d. Thể ngũ ngôn tứ tuyệt  **Câu hỏi 5:** Thể thơ nào sau đây được coi là thể thơ hoàn toàn mới ở Việt Nam ? a. Thể thơ hai tiếng  b. Thể thơ bốn tiếng c. Thể thơ tám tiếng d. Thể thơ tự do và thơ văn xuôi  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  Biết vận dụng luật thơ để phân tích  **d) Tổ chức thực hiện:**  *- GV giao nhiệm vụ:*  **Phân tích Luật thơ đoạn thơ thứ ba “Tây tiến đoàn binh…khúc độc hành” trong bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng.**  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)  - Khái niệm luật thơ .  - Luật thơ của một số thể thơ truyền thống  - Tìm và phân loại các bài thơ học trong chương trình ngữ văn 12 theo các thể thơ. |
| - Chuẩn bị bài: TRẢ BÀI VIẾT SỐ 2 |

**Tiết 24/Tuần 08**

**TRẢ BÀI VIẾT SỐ 2**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

- Kiến thức: Củng cố những kién thức và kĩ năng làm văn có liên quan đến bài làm

- Kĩ năng: Nhận ra được những ưu điểm và thiếu sót trong bài làm của mình về các mặt kiến thức và kĩ năng viết bài văn nói chung.

- Thái độ: Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm, khắc phục các thiếu sót trong bài văn sau.

**II. CHUẨN BỊ CỦA THẦY VÀ TRÒ:**

- GV: SGK, SGV, bài soạn, bài viết của hs

- HS: Vở soạn, sgk, bài viết của bản thân và của bạn

**III. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG:**

***1. Kiểm tra bài cũ:***

- Thế nào là luật thơ? Trong bài thơ, tiếng có vai trò như thế nào, nêu cụ thể?

- Xác định số câu, số tiếng, cách gieo vần, ngắt nhịo, cách hài thanh trong bài thơ Cảnh khuya (Hồ Chí Minh)?

***2. Bài mới:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò*** | ***Kiến thức cơ bản*** |
| **HĐI. Hướng dẫn học sinh phân tích đề.**  **\* GV đặt câu hỏi:**  *- Khi phân tích một đề bài, ta cần phân tích những gì?*  *- Bài viết cần theo thể loại nào, sử dụng những thao tác lập luận nào?*  *- Dẫn chứng ta có thể lấy từ đâu?*  **- HS thảo luận, trả lời.** | *Đề bài : Tình thương là hạnh phúc của con người.*  I. Phân tích đề:  - Nội dung vấn đề: Ý nghĩa và tác dụng của lối sống có tình thương.  - Thể loại và thao tác nghị luận: nghị luận xã hội: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ…  - Phạm vi tư liệu:  + Tấm gương của những con người sống có tình thương  + Những danh ngôn, ca dao, tục ngữ… nói về ý nghĩa của lối sống có tình thương |
| **HĐII. Hướng dẫn học sinh lập dàn ý.**  **\* GV đặt câu hỏi:**  *- Mở bài ta có thể giới thiệu những ý nào?*  - Luận điểm 1 là gì?  - Thế nào là *tình thương*?  - Thế nào là *Hạnh phúc*?  - *Tình thương là hạnh phúc của con người?*  *- Luận điểm 2 là gì?*  *- Tình thương được biểu hiện như thế nào trong phạm vi gia đình?*  *- Trong xã hội, lối sống có tình thương được biểu hiện như thế nào? Có những câu ca dao, tục ngữ nào nói về lối sống có tình thương?*  **- HS thảo luận, trả lời.**  *- Trong lịch sử, có những tấm gương tiêu biểu nào nêu cao lối sống có tình thương?*  *- Luận điểm 3 là gì?*  *- Ta cần phê phán lối sống như thế nào?*  *- Luận điểm 4 là gì?*  *- Qua câu nói, ta có thể rút ra bài học gì cho bản thân?*  *- Phần kết bài ta có thể trình bày những ý nào?*  *- Nêu lên lời kêu gọi, nhắc nhở cho mọi người?* | II. Xây dựng dàn ý:  1. Mở bài:  - Hạnh phúc là một khái niệm tinh thần trừu tượng. Tùy theo vai trò, vị trí của từng cá nhân, từ giai cấp trong xã hội mà có những quan niệm khác nhau về hạnh phúc.  - Nhân dân ta quan niệm: *Tình thương là hạnh phúc của con người.*  2. Thân bài:  a. Giải thích câu nói: *Tình thương là hạnh phúc của con người.*  *- Tình thương:* là tình cảm nồng nhiệt làm cho gắn  nhau để chia sẻ, thông cảm, đùm bọc lẫn nhau.  + Như vậy là thỏa mãn mọi ý nguyện, đã được hưởng sung sướng, hạnh phúc mà tình thương mang lại.  b. Phân tích để khẳng định, chứng minh các biểu hiện, ý nghĩa của tình thương:  - Trong phạm vi gia đình:  + Cha mẹ yêu thương con cái, chấp nhận bao vất vả, cực nhọc, hi sinh bản thân để nuôi dạy con cái nên người. Con cái ngoan ngoãn, trưởng thành, cha mẹ coi đó là hạnh phúc nhất của đời mình.  + Trong đời người có nhiều nỗi khổ, nhưng con cái không nên danh nên phận hoặc hư hỏng là nỗi đau lớn nhất của cha mẹ.  + Con cái biết nghe lời dạy bảo của cha mẹ, biết đem lại niềm vui cho cha mẹ, đó là hiếu thảo, là tình thương và hạnh phúc.  + Tình thương yêu, sự hòa thuận giữa anh em, giữa cha mẹ và con cái tạo nên sự bền vững của hạnh phúc gia đình.  - Trong phạm vi xã hội:  + Tình thương chân thành là cơ sở của tình yêu đôi lứa.  + Tình thương là truyền thống đạo lí: *Thương người như thể thương thân*; tạo nên sự gắn bó chặt chẽ trong quan hệ cộng đồng giai cấp, dân tộc.  *“Bầu ơi thương lấy bí cùng*  *Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”*  *“Một miếng khi đói bằng một gói khi no”*  *“Lá lành đùm lá rách”*  *“Nhiễu điều phủ lấy giá gương*  *Người trong một nước phải thương nhau cùng”*  + Tình thương mở rộng, nâng cao thành tình yêu nhân loại.  - Những tấm gương sáng trong lịch sử coi *Tình thương là hạnh phúc của con người:*  + Vua Trần Nhân Tông trong một chuyến đi thăm quân sĩ đã cởi áo bào khoát cho một người lính giữa đêm đông lạnh giá.  + Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cùng chia sẻ ngọt bùi, cùng vào sinh ra tử với tướng sĩ dưới quyền trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên – Mông, giành thắng lợi vẻ vang cho dân tộc.  + Người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi suốt đời đeo đuổi lí tưởng vì dân vì nước, gác sang một bên những oan ức, bất hạnh của riêng mình.  + Người thanh niên Nguyễn Tất Thành xuất phát từ lòng yêu nước thương dân trong tình cảnh nô lệ nên đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Phương châm sống đúng đắn của Người là: *Mình vì mọi người*. Bác luôn lấy tình yêu thương con người làm mục đích và hạnh phúc cao nhất của cuộc đời mình.  c. Phê phán, bác bỏ:  Lối sống thờ ơ, vô cảm, thiếu tình thương, không biết quan tâm, chia sẻ, đồng cảm và giúp đỡ người khác…  d. Liên hệ bản thân:  Rút ra bài học về phương châm sống xứng đáng là con người có đạo đức, có nhân cách và hành động vì tình thương.  3. Kết bài:  - Tình thương là lẽ sống cao cả của con người. Tình thương vượt lên trên mọi sự khác biệt giữa các dân tộc trên thế giới.  - Để tình thương thực sự trở thành hạnh phúc của con người, mỗi chúng ta phải vươn lên chống đói nghèo, áp bức bất công, chiến tranh phi nghĩa… để góp phần xây dựng một thế giới hòa bình thịnh vượng… |
| **Hoạt động III: Giáo viên nhận xét về bài văn của học sinh.**  - *Từ những yêu cầu của đề bài, các em hãy cho biết các em đã làm được những gì và những gì chưa làm được trong bài làm của mình?* | III. Nhận xét chung:  *1. Ưu điểm:*  - Về kĩ năng: một số biết vận dụng kiểu văn nghị luận  - Về kiến thức: xác định được các luận điểm cần thiết cho bài văn  - Bố cục: rõ ràng, đủ 3 phần  - Về diễn đạt: tương đối rõ ràng, biết vận dụng các phương tiện để liên kết câu và đoạn.  *2. Nhược điểm:*  - Đa số chưa xác định được các luận điểm cần thiết.  - Bài viết thiếu dẫn chứng, chưa đủ sức thuyết phục.  - Còn sai nhiều lỗi chính tả, trình bày bẩn |
| **HĐIV. Hướng dẫn học sinh chữa những lỗi tiêu biểu trong bài viết.**  - Nêu các lỗi mà học sinh thường gặp trong bài văn của mình.  - Đưa ra những câu văn sai phổ biến, yêu cầu học sinh sữa chữa.  - HS: Lần lượt sửa những lỗi sai. | IV. Sửa lỗi bài viết:  \* Các lỗi thường gặp cần tránh:  - Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí.  - Sự kết hợp các thao tác lập luận chưa hài hoà, chưa phù hợp với từng ý.  - Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém.  - Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ, viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp  \* Một số lỗi phổ biến:  *- Chẳng lẽ những việc như vậy chúng ta không làm được hay sao, có chăng là chúng ta không chịu làm.*  🡪 Cách viết khẩu ngữ, đề nghị sửa lại: Những việc như vậy chúng ta có thể làm được.  *- Là một học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường, em hứa sẽ cố gắng tu dưỡng đạo đức.*  🡪 Cách diễn đạt không phù hợp với bài văn nghị luận. Đề nghị: bỏ cả câu.  *- Luôn quan tâm chăm sóc em út.*  🡪 Câu thiếu chủ ngữ. Đề nghị sửa lại: Chúng ta phải quan tâm chăm sóc em mình |

***3. Củng cố****:*

- Xem lại bài và đọc kĩ lời phê của GV.

- Tự sửa các lỗi về dùng từ, đặt câu, bố cục, liên kết.

- Trao đổi bài cho bạn để cùng nhau rút kinh nghiệm

***4. Hướng dẫn tự học:***

- Chuẩn bị bài tiếp theo: *Việt Bắc*

- Câu hỏi:

+ Tìm những vẻ đẹp của cảnh và người Việt Bắc.

+ Màu sắc dân tộc thể hiện qua những yếu tố nào trong đoạn trích *“Việt Bắc”*

**Tuần 9**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 25, 26:***

**VIỆT BẮC (trích)**

**(Tố Hữu)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và lí giải hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của vở kịch.

- Khúc hồi tưởng ân tình về Việt Bắc trong những năm cách mạng và kháng chiến gian khổ; bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến; bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.

- Tính dân tộc đậm nét: thể thơ lục bát; kiểu kết cấu đối đáp; ngôn ngữ, hình ảnh đậm sắc thái dân gian, dân tộc.

**2. Năng lực:**

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

+ Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản.

+ Năng lực đọc – hiểu thơ hiện đại Việt Nam theo đặc điểm thể loại.

+ Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.

+ Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

* - Chân dung nhà thơ Tố Hữu, Hình ảnh về Việt Bắc,

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác phẩm Việt bắc bằng cách cho HS:  1.Xem hình ảnh về Việt Bắc ( cây đa Tân Trào, mái đình Hồng Thái , chiến dịch Điện Biên Phủ…)  2. Nghe một đoạn bài hát đối giao duyên trong dân ca tình yêu  Yêu cầu HS đoán hình biết nội dung, nghe nhạc biết hình thức đối đáp trong dân ca tình yêu.  **- HS** thực hiện nhiệm vụ:  **- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Nếu ở lớp 11 các em đã được học bài thơ Từ ấy thì hôm nay các em sẽ được tìm hiểu một bài thơ thứ hai của Tố Hữu trong chương trình, bài thơ được xem là đỉnh cao trong thơ ca chống Pháp 1954. Đó là bài Việt Bắc. | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  1. **GV đặt câu hỏi:**  - Em cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu? Theo em hoàn cảnh ra đơi đã chi phối đến sắc thái tâm trạng âm hưởng gịong điệu trong bài thơ như thế nào?  - Vị trí đoạn trích?  - Dựa theo kết cấu đối đáp, tìm bố cục?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **Phần hai: Tác Phẩm (2 tiết)**  **I.Tìm hiểu chung:**  **1. Hoàn cảnh sáng tác: ( SGK)**  => Chính hoàn cảnh sáng tác đã chi phối tạo nên một sắc thái tâm trạng đặc biệt đầy xúc động, bâng khuâng da diết trong bài thơ. Cách chọn kết cấu theo lối đối đáp cũng là để thể hiện sắc thái đó.  **2.Vị trí:** Thuộc phần I ( Bài thơ gồm 2 phần:  - Phần 1: Tái hiện những kỉ niệm cách mạng và kháng chiến.  - Phần 2: Gợi viễn cảnh tươi sáng của đất nước và ca ngợi công ơn của đảng Bác Hồ đối với dân tộc.  **3. Bố cục đoạn trích :** 2 phần  + Lời nhắn gửi của người ở lại  + Lời đáp của người ra đi – ân tình sâu nặng với Việt Bắc.  **4.** Sắc thái tâm trạng:  - Hoàn cảnh sáng tác tạo nên một sắc thái tâm trạng đặc biệt:  *“Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”*  🡪 đầy xúc động, bâng khuâng không nói nên lời.  - Đây cũng là cuộc chia tay của những người từng gắn bó:  *“Mười lăm năm ấy, thiết tha mặn nồng”*  🡪 có biết bao kỷ niệm ân tình thuỷ chung.  - Chuyện ân tình cách mạng được Tố Hữu thể hiện khéo léo như tâm trạng của tình yêu đôi lứa.  5. Kết cấu :  - Diễn biến tâm trạng được tổ chức theo lối đối đáp giao duyên trong ca dao - dân ca: bên hỏi, bên đáp, người bày tỏ, người hô ứng.  - Hỏi và đáp điều mở ra bao nhiêu kỷ niệm về cách mạng và kháng chiến gian khổ mà anh hùng, bao nỗi niềm nhớ thương.  - Thực ra, bên ngoài là đối đáp, còn bên trong là lời độc thoại, là biểu hiện tâm tư tình cảm của chính nhà thơ, của những người tham gia kháng chiến | |
| **Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản/ Tìm hiểu 8 câu thơ đầu**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản.  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  Nhóm 1+2: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật 4 câu đầu.  Nhóm 3+4: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật 4 câu sau.**Lời hỏi của người ở lại gợi lên những kỉ niệm gì?**  **?** *Hãy tìm những chi tiết gợi nhớ một thời gian khổ? Ptích.*  ***?*** *Theo em chọn chi tiết nào để gợi nhớ đến tình đồng bào?*  ***?*** *Nghệ thuật của câu thơ bên ?*  - HS tiếp nhận câu hỏi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  \* **Nhóm 1+2**  **4 câu đầu:** Lời của nhân dân VBắc:  - Mình- ta: hai đại từ, hai cách xưng hô quen thuộc của ca dao như một khúc giao duyên đằm thắm → tạo không khí trữ tình cảm xúc.  - Mình- ta đặt ở đầu câu thơ tạo cảm giác xa xôi, cách biệt, ở giữa là tâm trạng băn khoăn của người ở lại.  - Câu 4 gợi tình cảm cội nguồn, nhớ núi nhớ nguồn là nhớ đến Việt Bắc- ngọn nguồn của cách mạng.  - Từ “*nhớ*” lặp lại 4 lần làm tăng dần nỗi nhớ về cội nguồn, nhớ về vùng đất đầy tình nghĩa.  =>4 câu đầu tạo thành 2 câu hỏi rất khéo: 1 câu hỏi về không gian, 1 câu hỏi về thời gian, gói gọn một thời cách mạng, một vùng cách mạng.  \* **Nhóm 3+4** :Tiếng lòng người ra đi:  - Người Việt Bắc hỏi "*thiết tha*", người ra đi nghe là "*tha thiết*" => sự hô ứng về ngôn từ tạo nên sự đồng vọng trong lòng người.  -“*bâng khuâng*”, "*bồn chồn*"=>tâm trạng vấn vương, không nói nên lời vì có nhiều kỉ niệm với Việt Bắc.  - “ *Áo chàm đưa buổi phân li*  *Cầm tay nhau /biết/ nói gì hôm nay*”  + Nhịp thơ đang đều đặn, uyển chuyển đến đây thay đổi ngập ngừng thể hiện tâm trạng bối rối.  + Hoán dụ gợi hình ảnh quen thuộc người dân VB và diễn tả tình cảm tha thiết sâu nặng của đồng bào Việt Bắc đối với cán bộ về xuôi.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  ***GV bổ sung:***  -Những hình ảnh: “*suối lũ*”, “*mưa nguồn*”, “*mây mù*”, “*miếng cơm chấm muối*”⇒ Đây là những hình ảnh rất thực gợi được sự gian khổ của cuộc kháng chiến, vừa cụ thể hoá mối thù của cách mạng đối với thực dân.  - Chi tiết “*Trám bùi....để già*” → diễn tả cảm giác trống vắng gợi nhớ quá khứ sâu nặng. Tác giả mượn cái thừa để nói cái thiếu.  - “*Hắt hiu...lòng son*” → phép đối gợi nhớ đến mái tranh nghèo. Họ là những người nghèo nhưng giàu tình nghĩa, son sắt, thuỷ chung với cách mạng.  - "*Mình đi, mình có nhớ mình*"→ ý thơ đa nghĩa một cách thú vị. Cả kẻ ở, người đi đều gói gọn trong chữ "mình" tha thiết. Mình là một mà cũng là hai, là hai nhưng cũng là một bởi sự gắn kết của cách mạng, của kháng chiến.  => Chân dung một Việt Bắc gian nan mà nghĩa tình , thơ mộng, rất đối hào hùng trong nỗi nhớ của người ra đi. | | **II. Đọc–hiểu:**  ***1. Tám câu thơ đầu:*** ***Khung cảnh chia tay và tâm trạng của con người.***  ***a. Bốn câu trên:*** Lời ướm hỏi, khơi gợi kỉ niệm về một giai đoạn đã qua, về không gian nguồn cội, tình nghĩa; qua đó, thể hiện tâm trạng của người ở lại.  - Câu hỏi ngọt ngào, khéo léo “mười lăm năm” cách mạng gian khổ hào hùng, cảnh và người VB gắn bó nghĩa tình với những người kháng chiến; đồng thời khẳng định tấm lòng thủy chung của mình: Tố Hữu đã khơi rất sâu vào nguồn mạch đạo lý ân nghĩa thủy chung của dân tộc để thể hiện tình cảm cách mạng. M­ười lăm năm ấy là trở về với cội nguồn những năm tiền khởi nghĩa sâu nặng biết bao ân tình.  - Nghĩa tình của kẻ ở- người về được biểu hiện qua các đại từ mình- ta quen thuộc trong thơ ca dân gian gắn liền với tình yêu đôi lứa, cách xưng hô: mình- ta tạo nên sự thân mật, gần gũi. Điệp từ nhớ, láy đi, láy lại cùng với lời nhắn nhủ “mình có nhớ ta”, “mình có nhớ không” vang lên day dứt khôn nguôi.  - Các từ thiết tha, mặn nồng thể hiện bao ân tình gắn bó.  **b. *Bốn câu thơ tiếp:*** Tiếng lòng người về xuôi bâng khuâng lưu luyến.  - Tuy không trả lời trực tiếp câu hỏi của người ở lại nhưng tâm trạng bâng khuâng, bồn chồn, cùng với cử chỉ ‘cầm tay nhau” xúc động bồi hồi đã nói lên tình cảm : chưa xa đã nhớ, sự bịn rịn luyến lưu của người cán bộ với cảnh và người Việt Bắc.  - Lời hỏi của người ở lại đã khéo nhưng câu trả lời còn khéo léo hơn thế. Không phải là câu trả lời có hay không mà là những cử chỉ. Câu thơ bỏ lửng “cầm tay…” diễn tả thái độ nghẹn ngào không nói lên lời của người cán bộ giã từ Việt Bắc về xuôi.  - Hình ảnh “áo chàm”- nghệ thuật hoán dụ, trang phục quen thuộc của người dân Việt Bắc. Rất có thể đó là hình ảnh thực, nhưng cũng có thể là hình ảnh trong tưởng tượng của người cán bộ kháng chiến để rồi mỗi lần hình ảnh áo chàm bay về trong tâm trí của người cán bộ là mỗi lần bao nỗi nhớ thân thương lại dội về.  => khúc dạo đầu của bản tình ca về nỗi nhớ.  **c. 12 câu tiếp:**  ***\*Việt Bắc gợi nhớ một thời gian khổ:***  -Những hình ảnh: “*suối lũ*”, “*mưa nguồn*”, “*mây mù*”, “*miếng cơm chấm muối...*  ***\* Gợi nhớ tình đồng bào:***  - Chi tiết “*Trám bùi....để già*” →  - “*Hắt hiu...lòng son*” →   * "*Mình đi, mình có nhớ mình*"→   HẾT TIẾT I |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu phần còn lại**  **a) Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật đoạn thơ  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **1. GV đặt câu hỏi:**  ***-*** *Câu thơ đầu sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng?*  ***-*** *Người ra đi đáp lại lời băn khoăn của người Việt Bắc như thế nào?*  - HS tiếp nhận câu hỏi.  **2. Hướng dẫn HS thảo luận nhóm, phát hiện ra vẻ đẹp về bức tranh thiên nhiên 4 mùa- trong nỗi nhớ của người về xuôi.**   * Nhóm 1 cảm nhận về mùa đông. * Nhóm 2 cảm nhận về mùa xuân. * Nhóm 3 cảm nhận về mùa hạ. * Nhóm 4 cảm nhận về mùa thu.   *Hình ảnh con người hiện nên trong 4 mùa ấy ra sao?*  *Em có cảm nhận gì về cách miêu tả giữa thiên nhiên và con người?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  **Trả lời cá nhân:**  - Phép điệp mình- ta: xoắn xuýt hoà quyện vào nhau→ tình cảm thuỷ chung, sâu nặng, bền chặt.  - Đáp lại lời băn khoăn của người việt Bắc: "*Mình đi, mình lại nhớ mình*" …  - Khẳng định tình nghĩa dạt dào không bao giờ vơi cạn: "*Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu*"  **Nhóm 1 trình bày:**   * Mùa đông: màu xanh bạt ngàn của núi rừng, điểm lên nét đỏ tươi của hoa chuối.   **Nhóm 2 trình bày:**   * Mùa xuân với hoa mơ trắng xoá.   **Nhóm 3 trình bày:**   * Mùa hè với màu vàng của rừng phách: Ve kêu trong rừng phách đổ lá; Ve kêu là cho rừng phách trút lá.   **Nhóm 4 trình bày:**  Mùa thu với ánh trăng huyền ảo trải đầy khắp núi rừng.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **2. . Phần còn lại:** Lời của người cán bộ về xuôi:  ***a. Lời đáp lại của người ra đi:*** Mình- ta đã có sự chuyển hoá.  - Phép điệp mình- ta: xoắn xuýt hoà quyện vào nhau.  - Đáp lại lời băn khoăn của người việt Bắc: "*Mình đi, mình lại nhớ mình*" một câu trả lời chắc nịch.  - Khẳng định tình nghĩa dạt dào không bao giờ vơi cạn: "*Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu*"  => Tình nghĩa của người cán bộ về xuối đối với nhân dân Việt Bắc sâu đậm, không phai nhạt theo thời gian.  ***b. Nhớ cảnh và nhớ người:***  \* Nhớ day dứt, cồn cào như nhớ người yêu: nhớ khoảnh khắc thiên nhiên đẹp, nhớ những bếp lửa nhà sàn đón đợi người thương, nhớ những nẻo đường kháng chiến, nhớ đời sống cần lao, nhớ những sinh hoạt kháng chiến, những lớp bình dân học vụ, nhớ những âm thanh rất đặc trưng của miền núi.  \* Bộ tranh tứ bình về 4 mùa Việt Bắc: có lẽ đẹp nhất trong nỗi nhớ về Việt Bắc.  - Thiên nhiên:  + Chữ "*rừng*" xuất hiện trong tất cả các dòng lục→ cảnh thiên nhiên chốn núi rừng Việt Bắc.  + Mỗi bức tranh vẽ một mùa với màu sắc chủ đạo.  => Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, phong phú, sinh động, thay đổi theo thời tiết, theo mùa.  - Con người bình dị, cần cù: *người đi làm nương rẫy, người đan nón, người hái măng, ấn tượng nhất là tiếng hát ân tình, thuỷ chung…*bằng những công việc tưởng chừng nhỏ bé của mình nhưng họ đã góp phần tạo nên sức mạnh vĩ đại của cuộc kháng chiến.  + Từ ***nhớ*** lặp lại → giọng thơ ngọt ngào, sâu lắng.  =>Ứng với mỗi bức tranh thiên nhiên là hình ảnh con người làm cho bức tranh ấm áp hẳn lên. Tất cả ngời sáng trong tâm trí nhà thơ. |
| **Hoạt động 4: Tìm hiểu Khung cảnh và vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến:**  **a) Mục tiêu:** Hiểu được nội dung, nghệ thuật đoạn thơ  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** yêu cầu: HS đọc diễn cảm 4 đoạn còn lại với giọng điệu phù hợp: nhanh hơn, chắc khoẻ, hào sảng, ngẫm nghĩ, tự hào (đoạn cuối).  **GV đặt câu hỏi:**   * *Nhận xét về vai trò của VB?* * *Không khí chiến đấu được miêu tả như thế nào?* * *Những địa danh được nêu lên liên tiếp trong những câu cuối đoạn nói lên điều gì?*   - **HS** tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  Theo dòng hồi tưởng, người đọc được sống lại những giây phút của cuộc kháng chiến với không gian rộng lớn, những hoạt động tấp nập, sôi động được vẽ bằng bút pháp của những tráng ca. Cảnh Việt Bắc đánh giặc được miêu tả bằng những bức tranh rộng lớn, kì vĩ.  Trong đoạn thơ cuối, hình ảnh và vai trò lịch sử của Viêt Bắc đã được khắc sâu như thế nào?  Hình ảnh Cụ Hồ và mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào được nhắc lại nhằm dụng ý nghê thuật gì?  + Việt Bắc là quê hương của cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, là đầu não của cuộc kháng chiến, nơi hội tụ tình cảm, suy nghĩ, niềm tin và hi vọng của mọi người Việt Nam yêu nước..  + Việt Bắc là chiến khu kiên cường, nơi nuôi dưỡng bao sức mạnh đấu tranh, nơi khai sinh những địa danh mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc.  *- “Ở đâu u ám quân thù,*  *………………………………*  *Quê hương Cách mạng dựng nên cộng hoà”*  + Khẳng định Việt Bắc là nơi có *“Cụ Hồ sáng soi*”, có “*Trung ương chính phủ luận bàn việc công”*  + Khẳng định niềm tin yêu của cả nước với Việt Bắc bằng những vần thơ mộc mạc, giản dị mà thắm thiết nghĩa tình.  Hình ảnh cuối đoạn: Cụ Hồ, mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào được nhắc lại để hồi đáp câu hỏi cuối cùng của người ở lại; mặt khác, khẳng định vai trò vị trí lịch sử của chiến khu Viêt Bắc, quê hương cách mạng dựng nên nhà nước dân chủ cộng hoà đầu tiên ở Viêt Nam và Đông Nam Á; vị trí và vai trò lịch sử không nơi nào thay thế được..  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  *Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.* | | ***c. Khung cảnh và vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến:***  **\* Hai mươi hai câu tiếp theo** nói về cuộc kháng chiến anh hùng:  ***“Nhớ khi giặc đến giặc lùng***  ***………………..***  ***Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng”***  - Trong hoài niệm bao trùm có ba mảng thống nhất hòa nhập đó là: **nỗi nhớ thiên nhiên- nỗi nhớ con người cuộc sống ở Việt Bắc- nỗi nhớ về cuộc chiến đấu anh hùng chống TDP xâm lược.**  **+**  Rừng núi mênh mông hùng vĩ trở thành bạn của ta, chở che cho bộ đội ta, cùng quân và dân ta đánh giặc.  + Chiến khu là căn cứ vững chắc, đầy nguy hiểm với quân thù.  + Nghệ thuật so sánh, nhân hoá: ***núi giăng…luỹ sắt, rừng che, rừng vây…***  + Những cái tên, những địa danh ở chiến khu Việt Bắc: ***phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, Cao- Lạng…***vang lên đầy mến yêu, tự hào, cũng trở thành nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến về xuôi.  - Không khí chiến đấu sôi nổi hào hùng, khí thế hừng hực trào sôi:  + Sức mạnh của quân ta với các lực lượng bộ đội, dân công… sự hợp lực của nhiều thành phần tạo thành khối đoàn kết vững chắc.  + Các từ: ***Rầm rập, điệp diệp, trùng trùng…***thể hiện khí thế dồn dập.  + Hình ảnh người chiến sĩ được gợi lên qua chi tiết giàu chất tạo hình: ***“ánh sao đầu mũ bạn cùng mũ nan”->*** ánh sáng của sao dẫn đường, ánh sáng của niềm tin, của lí tưởng.  + Thành ngữ **“Chân cứng đá mềm”** đã được nâng lên thành một bước cao hơn “***bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”.***  + Chiến công tưng bừng vang dội khắp nơi: **Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên, đèo De, núi Hồng…** Niềm vui chiến thắng chan hoà bốn phương: ***Vui từ…vui về…vui lên…***  + Đoạn thơ ngập tràn ánh sáng: ***ánh sao, ánh đuốc, ánh đèn pha…*** như ánh sáng của niềm tin tưởng, niềm vui tràn ngập.  + Nhịp thơ dồn dập gấp gáp, ấm hưởng hào hùng náo nức tạo thành khúc ca chiến thắng  **\* Mười sáu câu cuối đoạn:** Vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến:  + Việt Bắc là quê hương của cách mạng, là căn cứ địa vững chắc, …  + Việt Bắc là chiến khu kiên cường….  *- “Ở đâu u ám quân thù,*  *………………………………*  *Quê hương Cách mạng dựng nên cộng hoà”*  + Khẳng định Việt Bắc là nơi có *“Cụ Hồ sáng soi*”, có “*Trung ương chính phủ luận bàn việc công”*  + Khẳng định niềm tin yêu của cả nước với Việt Bắc … |
| **Hoạt động 5: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV:** Em hãy chứng minh đoạn trích thể hiện nghệ thuật đậm đà tính dân tộc?  **?**Sau khi học xong về nội dung và nghệ thuật , em rút ra chủ đề đoạn trích?  GV đặt câu hỏi HS tổng kết trên hai mặt nghệ thuật và nội dung  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  - Thể thơ lục bát:  - Lối đối đáp, cách xưng hô *mình – ta tạo nên sự phân đôi – thống nhất trong tâm trạng của chủ thể trữ tình:*  + Trong tiếng Việt, từ “mình”: chỉ bản thân ( ngôi thứ nhất) hoặc chỉ đối tượng giao tiếp( ngôi thứ hai). Trong đoạn thơ, chủ thể được dùng ở ngôi thứ hai 🡺 phân đôi. Nhưng cũng có lúc chuyển hóa: Vừa là chủ thể ( bản thân), vừa là đối tượng giao tiếp ( người khác) 🡺 Thống nhất:  “ Mình đi, mình có nhớ mình . . .  Mình đi, mình lại nhớ mình . . .”  + Như vậy,**lời hỏi, lời đáp trong đoạn thơ thực chất là lời độc thoại của tâm trạng** ( phân thân) 🡺Tác dụng: Tâm trạng của chủ thể trữ tình được bộc lộ đầy đủ hơn.,  - Ngôn từ mộc mạc, giàu sức gợi,…  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng | | **III/Tổng kết**  1***) Nghệ thuật:***  Bài thơ đậm đà tính dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu:  ***2) Ý nghĩa văn bản:***  **Bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến; bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.** |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- GV giao nhiệm vụ:**  **Câu hỏi 1: *Thông tin nào sau đây đây là đúng về bài thơ*** [**"Việt Bắc"**](file:///C:\Users\Administrator\AppData\Roaming\Microsoft\AppData\Local\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2012-I\Viet%20Bac.htm)***?*** a. Là bài thơ mở đầu của tập thơ "Việt Bắc". b. Là bài thơ nằm ở phần mở đầu của tập thơ "Việt Bắc". c. Nằm ở phần giữa của tập thơ "Việt Bắc". d.Nằm ở phần cuối của tập thơ "Việt Bắc".  **Câu hỏi 2: *Bài thơ "Việt Bắc" có đặc điểm gì?* .** a. Là bài thơ dài nhất trong tập thơ "Việt Bắc" b. Là bài thơ lục bát duy nhất trong tập thơ "Việt Bắc" c. Là bài thơ duy nhất trong tập thơ "Việt Bắc" viết về hình ảnh Bác Hồ d. Là bài thơ thể hiện rõ nhất cái tôi nhân danh cộng đồng, dân tộc, cách mạng trong thơ Tố Hữu.  **Câu hỏi 3: *Bài "Việt Bắc" mang đặc điểm nào sau đây?*** a. Trữ tình-đạo đức b. Sử thi-trữ tình c. Sử thi-đạo đức d. Cả A, B và C  **Câu hỏi 4: *Nội dung chính của bài thơ "Việt Bắc" là gi****?* a. Ca ngợi cuộc kháng chiến hào hùng của dân tộc. b. Khúc hát ca ngợi tình cảm, ân tình, thuỷ chung của các chiến sĩ ta đối với nhân dân Việt Bắc. c. Khúc hát ngợi ca tình đồng chí, đồng đội trong kháng chiến. d. Khúc hát ngợi ca con người và cảnh sắc núi rừng Việt Bắc.  **Câu hỏi 5: *Dòng nào sau đây chưa đúng với bài thơ "Việt Bắc"?*** a. Bài thơ sử dụng lối kết cấu quen thuộc của ca dao dân ca – theo lối đối đáp của mình – ta. b.Hình thức là đối thoại, nhưng là sự phân thân của cái "tôi" trữ tình để bộc lộ tâm trạng đầy đủ sâu sắc. c.Giọng thơ có nét gần với hát ru – ngọt ngào, nhịp nhàng, thấm đựơm nghĩa tình. d.Các hình ảnh thơ đầy tính sáng tạo, mới lạ và đậm chất triết lý.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng nhớ thương, lưu luyến, bồi hồi xúc động của *mình* và *ta*. *Mười lăm năm ấy* là khoảng thời gian kể từ khởi nghĩa Bắc Sơn năm 1940 đến chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954. Gợi nhớ *Mười lăm năm ấy* vì đó là khoảng thời gian Việt Bắc là căn cứ cách mạng, thời gian gắn bó lâu dài, có tình cảm tha thiết, sâu nặng giữa nhân dân Việt bắc với cán bộ kháng chiến.  2. Ý nghĩa tu từ của từ láy *thiết tha*  gợi tâm trạng thương nhớ của ngườ ở lại. Các từ láy *tha thiết ,*  *bâng khuâng , bồn chồn* gợi tâm trạng tả tâm trạng của người cán bộ: nhớ, buồn vì phải chia tay với Việt Bắc, nơi đã gắn bó suốt “***mười lăm năm***” với bao “***đắng cay ngọt bùi***”. Những người cán bộ cũng hồi hộp, không yên trong lòng vì sắp được trở về quê hương sau thời gian dài xa cách.  3. Hình ảnh *áo chàm*  sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ để chỉ người Việt Bắc. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp hoán dụ: gợi tâm trạng lưu luyến trong giây phút chia tay giữa nhân dân Việt Bắc với cán bộ kháng chiến.  4. Cách ngắt nhịp của câu thơ *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay* lạ ở chỗ từ nghịp bình thường 2/2/2/2, Tố Hữu chuyển sang nhịp 3/3/2. Hiệu quả nghệ thuật của cách ngắt nhịp : gợi tâm trạng bịn rịn, xúc động đến nghẹn ngào không nói nên lời trong giây phút chia tay của người cán bộ kháng chiến.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:**  “*Mình về mình có nhớ ta*  *Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng*  *Mình về mình có nhớ không*  *Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?*  *Tiếng ai tha thiết bên cồn*  *Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi*  *Áo chàm đưa buổi phân li*  *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay*...”  Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:  1. Đoạn thơ trên thể hiện tâm trạng gì của *mình* và *ta*? *Mười lăm năm ấy* là khoảng thời gian nào ? Tại sao gợi nhớ *Mười lăm năm ấy ?*,  2. Nêu ý nghĩa tu từ của các từ láy trong đoạn thơ?  3. Hình ảnh *áo chàm*  sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó ?  4. Cách ngắt nhịp của câu thơ *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay* có gì lạ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của cách ngắt nhịp đó.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)  - Việt Bắc là khúc ân tình cách mạng. Thiên nhiên Việt Bắc thơ mộng trữ tình, con người Việt Bắc thủy chung, gần gũi, giản dị… Tất cả khắc sâu trong lòng nhà thơ. |
| - Chuẩn bị bài: ***Phát biểu theo chủ đề.*** |

**Tuần 9**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 27:***

**PHÁT BIỂU THEO CHỦ ĐỀ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Biết chuẩn bị đề cương để diễn thuyết một vấn đề trước tập thể ; biết phát biểu một vấn đề theo chủ đề .

Hiểu ý kiến của những người tham gia, biết điều chỉnh, bổ sung ý kiến của mình, biết cách biểu thị sự tán đồng hay tranh luận, bác bỏ một cách co` văn hoá

- Hiểu được yêu cầu, cách thức phát biểu theo chủ đề.

- Khái quát về phát biểu theo chủ đề.

- Những yêu cầu của phát biểu theo chủ đề.

**2. Năng lực:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong quá trình phát biểu

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ của cá nhân về vấn đề cần phát biểu

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Những tình huống được đưa ra để HS phát biểu…

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  ***GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng câu hỏi sau:***  Anh/ chị hãy phát biểu ý kiến của mình sau khi đọc văn bản sau:  *Người nghiện Pokemon Go hay bất kỳ game online nào lâu ngày sẽ làm đầu óc hỏng dần, giống như ổ cứng máy vi tính đã lưu hết dữ liệu thì không còn khả năng lưu thêm để tiếp tục làm việc. Không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, người nghiện game còn dễ trở thành gánh nặng cho xã hội nếu sa đà vào các trò chơi mà không chịu làm việc, kéo theo đó là nảy sinh các tệ nạn xã hội. Trò chơi không phải là xấu, mà trách nhiệm đầu tiên là người chơi phải biết có chừng mực, tỉnh táo, đừng để trò chơi đó làm ảnh hướng đến sức khỏe của bản thân.*  **( Ý kiến của Bác sĩ Thái Duy Thành (Khoa Thần kinh, Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội)(http://laodongthudo.vn/pokemon-go-tro-choi-ao-tac-hai-that-11-8-2016)**  **- HS** thực hiện nhiệm vụ:  **- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **phát biểu theo chủ đề hậu quả của nghiện trò chơi Pokemon Go**  Sau khi học sinh phát biểu miệng, giáo viên giới thiệu vào bài: *Trong cuộc sống, chúng ta thường phát biểu theo chủ đề cho trước hoặc phát biểu theo kiểu ngẫu hứng nhằm thể hiện nhận thức, tư tưởng, tình cảm, quan điểm của cá nhân trước những vấn đề mang tính xã hội, văn học…Để cho việc phát biểu đạt kết quả tốt đẹp, hôm nay chúng ta chuyển sang tìm hiểu chủ đề về PHÁT BIỂU THEO CHỦ ĐỀ* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: GV hướng dẫn HS các bước chuẩn bị phát biểu.**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV** cho HS đọc lại chủ đề phát biểu trong SGK và hướng dẫn học sinh thực hiện các bước:  1. Xác định nội dung  *- Em hãy xác định chủ đề phát biểu, các nội dung cần phát biểu theo chủ đề đó?*  *- Theo em, nên tập trung nội dung nào nhiều hơn? Vì sao?*  *- Dự kiến đề cương gồm mấy phần?*  *- Hãy lập đề cương với nội dung: “Khắc phục tình trạng đi ẩu, nguyên nhân chủ yếu của TNGT” ?*  2. GV hướng dẫn HS lập đề cương phát biểu  **HS lập đề cương theo hướng dẫn, gợi ý của GV.**  - Phần mở đầu: Giới thiệu tình trạng gia tăng TNGT hiện nay và hậu quả nghiêm trọng của nó.Trong đó đi ẩu là một trong những nguyên nhân gây TNGT.  - Nội dung:  + Thế nào là đi ẩu.  + Những biểu hiện của đi ẩu.  + Những TNGT do đi ẩu.  + Các biện pháp chống hành vi đi ẩu.  - Kết luận:  + Đi ẩu là nguyên nhân gây ra nhiều vụ TNGT.  + Kêu gọi mọi người hãy chấp hành đúng luật GT, chấm dứt hành vi phóng nhanh vượt ẩu nhằm bảo đảm ATGT.  - Giáo viên giảng thêm:  + Đề cương chỉ là hệ thống ý, không viết thành văn, sắp xếp thật lôgích.  + Nội dung phát biểu phải đúng trọng tâm, không lặp lại ý của người khác.  + Thái độ, cử chỉ đúng mực, lịch sự; giọng nói phải phù hợp với nội dung và cảm xúc.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  Kết quả mong đợi:  \* Chủ đề phát biểu:  - Những hậu quả nghiêm trọng của tai nạn giao thông đối với cs con người  - Nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông  - Những giải pháp góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông:  + Tuyên truyền ý thức tự giác chấp hành luật giao thông cho mọi người.  + Phối kết hợp các cấp chính quyền trong việc xử lí những người cố tình vi phạm luật giao thông  + Tăng cường công tác gd về luật ATGT trong nhà trường.  \* Nên phát biểu tập trung vào nội dung thứ ba vì đó là trọng tâm của chủ đề được mọi người chú ý và bộc lộ những suy nghĩ riêng của người phát biểu.  \* Chuẩn bị nội dung:  - Đọc kỹ chủ đề của cuộc hội thảo.  - Xác định những nội dung cụ thể của chủ đề.  - Chọn nội dung tiêu biểu để phát biểu.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV bổ sung:  Ngoài *việc chuẩn bị đề cương, để có thể phát biểu theo chủ đề một cách chủ động và hiệu quả, cần:*  - Xác định đúng nội dung cần phát biểu:  + Chủ đề của buổi hội thảo.  + Những nd chính của chủ đề  + Lựa chọn nd cần phát biểu  - Dự kiến đề cương phát biểu:  + Mở đầu: Giới thiệu chủ đề phát biểu  + Nội dung phát biểu: Xác định nd sẽ phát biểu theo trình tự hợp lí.  + Kết thúc: Kquát lại nd đã phát biểu và nhấn mạnh nd chính. | | **I. Các bước chuẩn bị phát biểu**  *1. Xác định nội dung cần phát biểu.*  \* Chủ đề phát biểu:  - Những hậu quả nghiêm trọng của tai nạn giao thông đối với cs con người  - Nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông  - Những giải pháp góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông:  \* Nên phát biểu tập trung vào nội dung thứ ba vì đó là trọng tâm của chủ đề được mọi người chú ý và bộc lộ những suy nghĩ riêng của người phát biểu.  \* Chuẩn bị nội dung:  *2. Dự kiến đề cương phát biểu.*  \*Chọn nội dung phát biểu phù hợp.  \* Lập đề cương theo nội dung đã chọn: “Khắc phục tình trạng đi ẩu, nguyên nhân chủ yếu của TNGT”  \* Bố cục đề cương:  - Mở bài: Giới thiệu khái quát nội dung.  - Thân bài: Trình bày hệ thống ý trong nội dung.  - Kết bài: Lời kết thúc và cảm ơn.  Ngoài ra người phát biểu còn phải:  - Tìm hiểu thêm về đối tượng tham gia hội thảo.  - Lắng nghe và học tập phong cách của những người đã phát biểu trước đó.  - Dự kiến giọng điệu, cử chỉ khi phát biểu.  - Hình dung trước một số tình huống để chủ động giải quyết.  *3. Các bước chuẩn bị phát biểu*  - Xác định đúng nội dung cần phát biểu:  - Dự kiến đề cương phát biểu: |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS cách phát biểu ý kiến**  **a) Mục tiêu:** Tổ chức tìm hiểu cách phát biểu ý kiến  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** Cho HS trình bày bài phát biểu trước lớp.  Cho cả lớp nhận xét, bổ sung và rút ra cách phát biểu theo chủ đề. (Phần ghi nhớ trong SGK)  - HS tiếp nhận câu hỏi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  - Giới thiệu khái quát nội dung sẽ phát biểu,  - Trình bày nội dung theo đề cương đã dự kiến.  - Kết thúc và nói lời cảm ơn.  \* Cách phát biểu theo chủ đề:  - Lựa chọn nội dung phát biểu phù hợp với chủ đề.  - Dự kiến nội dung chi tiết và sắp xếp thành đề cương.  - Có thái độ, cử chỉ, giọng nói: đúng mực, lịch sự, phù hợp với nội dung và cảm xúc.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Phát biểu ý kiến.**  - Giới thiệu khái quát nội dung sẽ phát biểu,  - Trình bày nội dung theo đề cương đã dự kiến.  - Kết thúc và nói lời cảm ơn.  \* Cách phát biểu theo chủ đề: | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** HS vận dụng lí thuyết vào làm bài tập.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1,3:** *Bài tập 1:*  *Dựa vào gợi ý trong sgk và hướng dẫn của GV, HS chọn nội dung cần trình bày và lập đề cương phát biểu.*  **Nhóm 2,4:** *Bài tập 2:*  GV hướng dẫn HS lập đề cương và trình bày ý kiến trước lớp.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  - GV tổng hợp các ý kiến, nhận xét và chốt lại những ý cơ bản  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  \* **Nhóm 1,3**  HS xác định trong 4 ý kiến theo chủ đề, những ý kiến nào chưa phù hợp và nêu ý kiến phản bác.  Nếu tán đồng với ý kiến nào thì hãy phân tích sâu sắc ý kiến đó đồng thời trình bày quan niệm riêng của mình về hạnh phúc.  **Nhóm 2,4:**  - Vào đại học là ước mơ, là nguyện vọng chính đáng của HS, thanh niên.  - Tuy nhiên không phải vào đại học là cách lập thân duy nhất. Sau khi tốt nghiệp THPT, HS có thể không theo học đại học mà có thể theo học ở các trường dạy nghề, tuỳ theo năng lực, sở trường của mình.  - Điều đáng nói là trong xã hội ngày nay, mọi người sẽ luôn luôn được học tập suốt đời.Vì vậy học sinh, thanh niên sẽ có nhiều cơ hội tiếp tục học tập để nâng cao trình độ, nếu các em có ý chí, nghị lực, biết vươn lên trong cuộc sống..\*  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Luyện tập**  *Bài tập 1:*  *Bài tập 2:*  Dựa vào gợi ý trong sgk và hướng dẫn của GV, HS chọn nội dung cần trình bày và lập đề cương phát biểu. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** Để chuẩn bị cho bài phát biểu theo chủ đề, cần chú ý điểm nào sau đây? a. Lựa chọn nội dung phát biểu phù hợp với chủ đề chung b. Cần phải dự kiến được nội dung chi tiết bài phát biểu  c. Nội dung bài phát biểu phải sắp xếp thành đề cương  d.Cả 3 ý trên đều đúng  **Câu hỏi 2:** Dòng nào chưa chính xác khi nói về những điều cần chú ý trong khi tiến hành bài phát biểu theo chủ đề? a. Cần có thái độ lịch sự . b. Cần có cử chỉ đúng mực  c. Cần chú ý tới nội dung bài phát biểu là có thể thành công  d. Điều khiển giọng nói phù hợp với nội dung và cảm xúc  **Câu hỏi 3:** Theo em nên chọn dàn ý nào sau đây để phát biểu trong buổi thảo luận về chủ đề :"Tuổi trẻ phải sống đẹp" a. Dàn ý I :      -Sống như thế nào là sống đẹp      -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp      -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào  b. Dàn ý II:      -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp      -Sống như thế nào là sống đẹp      -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào  c. Dàn ý III:      -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào      -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp      -Sống như thế nào là sống đẹp         d. Dàn ý IV:      -Nêu những quan niệm sống không đẹp      -Vì sao tuổi trẻ phải biết sống đẹp      -Tuổi trẻ hôm nay nên sống đẹp như thế nào  **Câu hỏi 4:** Trong buổi thảo luận theo chủ đề : Nói không với tiêu cực trong học tập và thi cử, một số học sinh đã phát biểu theo những hệ thống ý khác nhau. Theo em, hệ thống ý nào là phù hợp, logic nhất? a.Hệ thống ý I :      - Những hiện tượng tiêu cực nào đang tác động đến người học sinh?      -Hậu quả của những hành vi ấy      - Chống lại sự tiêu cực trong học tập và thi cử cần phải làm gì ?  b. Hệ thống ý II :      - Hậu quả của những hành vi tiêu cực trong học tập và thi cử ?      -Những hiện tượng tiêu cực nào đang tác động đến người học sinh?      - Chống lại sự tiêu cực trong học tập và thi cử cần phải làm gì ?  c. Hệ thống ý III:      - Những hiện tượng tiêu cực nào đang tác động đến người học sinh?      -Chống lại sự tiêu cực trong học tập và thi cử cần phải làm gì ?      - Hậu quả của những hành vi tiêu cực trong học tập và thi cử ? d. Hệ thống ý IV:      - Những hiện tượng tiêu cực nào đang tác động đến người học sinh?      - Nguồn gốc của những hành vi ấy?      - Hậu quả của những hành vi tiêu cực trong học tập và thi cử ?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  Sức hấp dẫn của Tuyên ngôn Độc lập thể hiện ở hai phương diện: ý nghĩa lịch sử và giá trị văn học. HS tham khảo một số ý cụ thể sau đây để triển khai bài viết:  I/Mở bài  -Giới thiệu về hoàn cảnh ra đời của Tuyên ngôn Độc lập.  -Nêu vấn đề: Tuyên ngôn Độc lập có sức hấp dẫn đặc biệt bởi ý nghĩa lịch sử và giá trị văn học của nó.  II/Thân bài  1.Về ý nghĩa lịch sử của Tuyên ngôn Độc lập:  + Là một văn kiện lịch sử quan trọng, Tuyên ngôn Độc lập đã tổng kết một thời kì đau thương nhưng vô cùng anh dũng trong cuộc đấu tranh giành độc lập và khẳng định mạnh mẽ quyền độc lập, tự do của nước Việt Nam mới.  + Tuyên ngôn Độc lập đã khẳng định được vị thế của dân tộc Việt Nam - một dân tộc nhỏ bé nhưng có lòng yêu nước, ý chí tự cường và tinh thần chiến đấu ngoan cường trước toàn thế giới.  + Tuyên ngôn Độc lập là niềm tự hào, khích lệ đối với toàn thể nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ và các thế hệ mai sau về quyền tự do, độc lập và tinh thần sẵn sàng chiến đấu, hi sinh để bảo vệ quyền tự do, độc lập ấy.  2.Về giá trị văn học: Tuyên ngôn Độc lập là áng văn nghị luận bất hủ với lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, ngôn ngữ hùng hồn.  + Mở đầu bản tuyên ngôn, Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn những "lời bất hủ" trong bản Tuyên ngôn Độc lập của Mĩ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791, tạo căn cứ pháp lí vững chắc về quyền độc lập của dân tộc Việt Nam.  + Để đập tan những luận điệu của thực dân Pháp về việc Việt Nam là thuộc địa và Pháp có quyền quay trở lại Việt Nam, bản tuyên ngôn đã đưa ra những lí lẽ đanh thép, những bằng chứng không thể chối cãi để tố cáo tội ác xâm lược của thực dân Pháp,  khẳng định bản chất phản động, đi ngược lại với chủ trương chống phát xít của thực dân Pháp ở Đông Dương, đồng thời khẳng định vai trò của Việt Minh trong cuộc chiến đấu chống phát xít Nhật.  + Bản tuyên ngôn vang lên với giọng điệu hào sảng, tràn đầy niềm tin, thể hiện ý chí, quyết tâm bảo vệ quyền độc lập, tự do của cả một dân tộc.  III/Kết bài  -Khẳng định tác động lớn lao của bản Tuyên nạôn Độc lập đối với lịch sử Việt Nam thế kỉ XX và vị trí của tác phẩm trong di sản văn học dân tộc.  -Nêu những ấn tượng sâu sắc của bản thân về tác phẩm.**d) Tổ chức thực hiện:**  **GV giao nhiệm vụ:**  **Dự kiến đề cương và phát biểu theo chủ đề sau:**  Sức hấp dẫn của bản Tuyên ngôn Độc lập (Hồ Chí Minh).  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)  *1. Dặn dò:*  Muốn có một bài phát biểu theo chủ đề đạt hiệu quả và thuyết phục người phát biểu cần chuẩn bị kĩ từ khâu lựa chọn nội dung, dự kiến đề cương chi tiết đến cử chỉ, thái độ, phong cách trình bày phù hợp với chủ đề.  *2.Hướng dẫn tự học:* Hoàn thiện bài tập 1 theo hướng dẫn :  - Nêu ý kiến phản bác các quan niệm sai lầm về hạnh phúc:  - Tán đồng một ý kiến và phân tích sâu sắc phần ý kiến đó.  - Phát biểu quan niệm riêng của mình về hạnh phúc. |
| - Chuẩn bị bài: Đất nước (Trích Mặt đường khát vọng).Đọc thêm: - Đất nước. |

**Tuần 10**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiế 28. 29t:***

**Đất nước (Trích Mặt đường khát vọng).**

Đọc thêm: - Đất nước.

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Cảm nhận được những suy tư sâu sắc của nhà thơ về đất nước và trách nhiệm của mỗi người đối với quê hương, xứ sở. Hiểu được sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất chính luận và trữ tình, sự vận dụng các chất liệu văn hóa và văn học dân gian, sự phong phú, linh hoạt của giọng điệu thơ.

**2. Năng lực:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong quá trình phát biểu

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ của cá nhân về vấn đề cần phát biểu

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Ảnh chân dung Nguyễn Khoa Điềm, Nguyễn Đình Thi (phóng to); tâp trường ca *Mặt đường khát vọng* và một số tâp thơ của Nguyễn Khoa Điềm.

- Sưu tầm một số câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ có liên quan đến những câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm.

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

- Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng cách tổ chức điền khuyết các câu thơ đã được học và làm bài trắc nghiệm nhanh:  1. Mặt trời của……thì nằm trên…….  Mặt trời của……...em nằm trên.........  2. Nguyễn Khoa Điềm là tác giả của bài thơ nào sau đây?  a/ Vội vàng  b/ Mẹ và quả  c/ Đò Lèn  d/ Theo chân Bác.  **- HS** thực hiện nhiệm vụ:  **- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **1.**  **Bắp-đồi- Mẹ-Lưng**  **2. Phương án b.**  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* *30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho các nhà thơ Việt Nam hiện đại sáng tác. Cùng viết về chủ đề Đất nước, thơ chống Pháp có bài Đất nước của Nguyễn Đình Thi; thơ chống Mĩ tiêu biểu có Trường ca Mặt đường khát vọng của Nguyễn Khoa Điềm.Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu 2 tác phẩm này.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **a) Mục tiêu:** nắm được các thông tin về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** nêu yêu cầu:  *- Dựa vào phần Tiểu dẫn, hãy tóm tắt những thông tin về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của tác giả?*  - Xác định bố cục?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  *-* ***GV:*** nhận xét sau đó nhấn mạnh những thông tin chủ yếu về tiểu sử, phong cách thơ.  ***\*GV Tích hợp kiến thức lịch sử*** *để hướng dẫn học sinh tìm hiểu quê hương nhà thơ, chiến trường Trị Thiên năm 1971.*  **- Kiến thức lịch sử:** Để phát triển phong trào cách mạng ở Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, tháng 4 năm 1966, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định tách Trị - Thiên ra khỏi khu V, thành lập Khu ủy Trị - Thiên - Huế bao gồm Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên và thành phố Huế đặt dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.  **\* GV** Tích hợp kiến thức Lí luận văn học để hướng dẫn học sinh tìm hiểu phong cách sáng tác của nhà thơ, thể loại Trường ca  ***\*GV đọc cho HS đoạn văn ghi lại lời của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm để hướng dẫn HS tìm hiểu cảm hứng sáng tác:*** *Tôi viết chương này trong những ngày mưa triền miên sau Tết. Đó là thời kỳ máy bay Mỹ đánh phá dữ dội. B52 dội bom liên tục, làm cho mọi thứ tối tǎm mù mịt. Chúng tôi ngồi trong hầm và viết, cảm xúc được cộng hưởng bởi tiếng bom nổ, bởi khói bom và mưa rừng. Có khi viết xong, một trận bom làm cho bản thảo bay tung tóe, lượm lại trang còn trang mất, lại ngồi viết tiếp. Tôi viết rất nhanh, như cảm xúc đã dồn tụ một cách mãnh liệt giờ chỉ việc tuôn chảy ra thôi. Tôi viết về những điều giản dị của chính tôi, về tuổi trẻ và các bạn bè đang tranh đấu ở trong thành phố. Nên nhân vật của tôi là anh và em. Đó là lời đằm thắm của một người con trai nói với một người con gái. Chúng tôi, mỗi người có một số phận khác nhau nhưng đều gắn kết trong một số phận chung là số phận Đất nước. Đất nước với các nhà thơ khác là của những huyền thoại của những anh hùng, nhưng với tôi là của những con người vô danh, của nhân dân.* | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tiểu sử tác giả :**  **a. Cuộc đời:**  - Sinh ra trong một gia đình trí thức, giàu truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng.  - Học tập và trưởng thành trên miền Bắc, tham gia chiến đấu và hoạt động văn nghệ ở miền Nam.  **b. Tác phẩm chính: (SGK)**  **c. Phong cách sáng tác :**  - Giàu chất suy tư , xúc cảm dồn nén .  - Giọng thơ trữ tình chính luận .  **2. “Trường ca mặt đường khát vọng”:**  **a. Hoàn cảnh sáng tác:** Hoàn cảnh sáng tác : Hoàn thành ở chiến khu Trị -Thiên 1971 .  **b. Đoạn trích:**  **- Xuất xứ: “Đất nước”** Trích chương V của trường ca.  **- Bố cục văn bản** : Hai phần  + Phần I : 42 câu đầu : Đất nước được cảm nhận từ nhiều phương diện lịch sử văn hoá dân tộc, chiều sâu của không gian, chiều dài của thời gian.  + Phần II: 47 câu cuối : Tư tưởng cốt lõi, cảm nhận về đất nước : Đất nước của Nhân dân .   * Thể loại :Trường ca   (Trường ca là một tác phẩm được viết bằng thơ trên phương thức kết hợp nhuần nhuyễn hai yếu tố tự sự và trữ tình, có tính hoành tráng về cả phương diện nội dung, tư tưởng và cấu trúc nghệ thuật tác phẩm, được nhà thơ viết nên bằng một dung lượng cảm hứng mạnh mẽ, cảm xúc tuôn trào gắn liền với những chấn động lớn lao của lịch sử, của dân tộc và thời đại.) | |
| **Hoạt động 2: : Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản/ Đất nước được cảm nhận ở phương diện lịch sử văn hoá dân tộc.**  **a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được nội dung, nghệ thuật bài thơ  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV đặt câu hỏi:**  *- ĐN gắn liền với những văn hoá gì của dân tộc?*  *- ĐN trưởng thành như thế nào?*  ***\*GV Tích hợp kiến thức Văn học dân gian, lịch sử thời Vua Hùng, phong tục của dân tộc để hướng dẫn học sinh tìm hiểu 9 câu thơ đầu.***  -Nhận xét về cách sử dụng những chất liệu văn hóa, văn học dân gian của Nguyễn Khoa Điềm?  - HS dựa vào phần đầu của đoạn trích để xác định các phương diện cảm nhận ĐN.  - HS chú ý 2 câu đầu của đoạn trích để xác định.  - HS tiếp nhận câu hỏi.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  Kết quả mong đợi:  Nhà thơ không chỉ ra một bài nào cụ thể, không trích nguyên văn những câu trọn vẹn mà chỉ dẫn ra, gợi ra một vài hình ảnh, từ ngữ tiêu biểu, để từ đó mở ra cho người đọc những trường liên tưởng sâu rộng về đời sống dân tộc qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước  -Nguyễn Đình Thi🡪cảm nhận đất nước ở những đường nét hoành tráng của không gian, với giọng điệu ngợi ca đầy tự hào  - HS xác định những không gian địa lí được thể hiện ở phần đầu.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  **Kiến thức văn hoá dân gian:**  - Truyện cổ dân gian: Cổ tích Trầu cau, truyền thuyết Thánh Gióng;  - Tục ngữ: miếng trầu là đầu câu chuyện; Miếng trầu nên dâu nhà người  - Ca dao: Muối ba năm…Gừng chín tháng…  -Thành ngữ: Một nắng hai sương  - HS Tìm những chi tiết, hình ảnh thể hiện nền văn hóa của dân tộc.  - HS dựa vào lịch sử ***thời Vua Hùng*** để trả lời: Ăn trầu là phong tục cổ truyền của người Việt. Tương truyền có từ thời Hùng Vương và gắn liền với một câu chuyện cổ tích nổi tiếng: Chuyện Trầu Cau.  -GV trích hai đoạn thơ của Nguyễn Đình Thi và Chế Lan Viên để HS so sánh nhận ra điểm mới trong cách tiếp cận đất nước của Nguyễn Khoa Điềm  ***\*GV Tích hợp kiến thức Làm Văn học ( thao tác lập luận so sánh) hướng dẫn học sinh tìm hiểu nét mới về cảm nhận ĐN ở 9 câu thơ đầu.***  ***GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt ( chiết tự, liệt kê), vận dụng ca dao…để hướng dẫn HS tìm hiểu ĐN được cảm nhận trên phương diện không gian và thời gian*** | | **II. Đọc hiểu văn bản :**  \* Phần 1: Nêu lên cách cảm nhận độc đáo về quá trình hình thành, phát triển của đất nước; từ đó khơi dậy ý thức về trách nhiệm thiêng liêng với nhân dân, đất nước.  **1. Đất nước được cảm nhận bằng chiều dài của thời gian, chiều rộng của không gian và chiều sâu của lịch sử văn hoá dân tộc.**  **a. Cội nguồn đất nước :**  - “Khi ta lớn lên”- “Đất nước đã có rồi”  (Quá khứ ) (Hiện tại )  => Giọng thơ nhẹ nhàng, âm hưởng đầy quyến rũ đã đưa ta về với cội nguồn của đất nước : Một đất nước vừa cụ thể vừa huyền ảo đã có từ rất lâu đời.  **b. Sự cảm nhận đất nước ở phương diện lịch sử - văn hoá :**  - Đất nước được cảm nhận gắn liền với nền văn hoá lâu đời của dân tộc:  + Câu chuyện cổ tích, ca dao.  + Phong tục của người Việt: ăn trầu, bới tóc(nét đẹp tình nghĩa, vẻ đẹp thuần phong, mĩ tục; Vẻ đẹp nhân hậu của người phụ nữ VN.)  - Đất nước lớn lên đau thương vất vả cùng với cuộc trường chinh không nghỉ ngơi của con người:  + Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, gắn với hình ảnh cây tre- biểu tượng cho sức sống bất diệt của dân tộc.  + Cái kèo, cái cột, hạt gạo: Biểu tượng cho c/s giản dị, gắn liền với nền văn minh lúa nước, lao động vất vả.  - Đất nước gắn liền với những con người sống ân tình thuỷ chung. (Gừng cay, muối mặn: -> Lối sồng thủy chung, đậm tình nghĩa.)  => Hình ảnh, từ ngữ giàu sức liên tưởng, gợi cảm. Ngôn từ đậm chất d/gian, sử dụng nhiều thành ngữ, cdao.  - Từ ngữ “ĐN” được viết hoa -> Tình cảm yêu thương, trân trọng.  - Giong thơ: thâm trầm, trang nghiêm, tha thiết trữ tình, gợi quá trình sinh ra và lớn lên, trưởng thành của ĐN.  => ĐN gắn liền với nền văn hóa lâu đời. ĐN gần gũi thân thương gắn bó với đời sống c/ng VN.  \*Đất nước được hình thành từ những gì bé nhỏ, gần gũi, riêng tư trong cuộc sống của mỗi con người. |
| **Hoạt động3: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản/ Đất nước được cảm nhận bằng chiều dài của thời gian, chiều rộng của không gian và chiều sâu của lịch sử văn hoá dân tộc.**  **a) Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật bài thơ  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** Tổ chức thảo luận nhóm  ***Nhóm 1****: Xác định không gian nghệ thuật để cảm nhận về ĐN thể hiện trong đoạn thơ: Đất là nơi anh…nỗi nhớ thầm.*Tác giả sử dụng nghệ thuật như thế nào trong 4 câu thơ?  ***Nhóm 2****: Xác định không gian nghệ thuật để cảm nhận về ĐN thể hiện trong đoạn thơ: Đất là nơi con chim…dân mình đoàn tụ.*Tác giả sử dụng nghệ thuật như thế nào trong đoạn thơ?  ***Nhóm 3****: Xác định thời gian nghệ thuật để cảm nhận về ĐN thể hiện trong đoạn thơ: Lạc Long Quân…Mai này..mơ mộng..*Tác giả sử dụng nghệ thuật như thế nào trong đoạn thơ?  ***Nhóm 4****: Phân tích 4 câu cuối: Em ơi em...muôn đời.*- Tác giả suy nghĩ như thế nào về trách nhiệm của mình đối với ĐN?  ***GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt ( phép điệp, giọng thơ chính luận và trữ tình),*** để hướng dẫn HS tìm hiểu trách nhiệm đối với Đất Nước  ***GV Tích hợp kiến thức Giáo dục công dân lớp 10(*** bài CÔNG DÂN VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC) để hướng dẫn học sinh tìm hiểu trách nhiệm đối với Đất Nước.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  **Đại diện nhóm 1 trả lời:**  - Không gian gần gũi ( sinh hoạt, học tập và làm việc ..)( Nơi anh đến trường,.. nơi em tắm)  - Tình yêu đôi lứa: kỉ niệm hò hẹn, nhớ nhung“..đánh rơi chiếc khăn… nhớ thầm”  (Lối chiết tự đầy ý nhị vừa mang tính cá thể vừa hết sức táo bạo , tác giả đã định nghĩa đất nước thật độc đáo). =>Là sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng.  **Đại diện nhóm 2 trả lời:**  - không gian rộng lớn, tráng lệ hùng vĩ của núi cao, biển cả. (Thiên nhiên: Núi sông, rừng biển hùng vĩ, tráng lệ “hòn núi bạc,.. Nước, ..biển khơi)  - Không gian sinh tồn của dân tộc qua nhiều thế hệ “..nơi dân mình đoàn tụ”  **Đại diện nhóm 3 trả lời:**   * **Thời gian quá khứ:**   + Nhớ Lạc Long Quân..  + Cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ   * Thời gian hiện tại:   +Trong anh và em hôm nay…  + Sự gắn bó giữa cá nhân với cộng đồng  -Thời gian tương lai:  +Mai này con ta lớn lên...  + Tháng ngày mơ mộng: hi vọng về một ngày nước nhà thống nhất, hoà bình  **Đại diện nhóm 4 trả lời:**  **.** Điệp ngữ “*phải biết”* => giọng thơ **chính luận**.  **.** Âm điệu “*em ơi em”*=> **trữ tình** thiết tha.  **.** Dùng từ “*hoá thân”*(# hi sinh): hiến dâng, hoà nhập, sống còn vì đất nước => sâu sắc, giàu ý nghĩa.  - giọng thơ lại chân thành, tha thiết, là sự tự ý thức về trách nhiện của mình với đất nước: phải yêu thương, san sẻ, và khi cần phải biết hi sinh cho đất nước  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  **Tích hợp GDCD:** Suy ngẫm của tác giả về trách nhiệm của thế hệ mình với ĐN, bản thân thấy được trách nhiệm của cá nhân với đất nước trong giai đoạn hiện nay… | | **c. Sự cảm nhận đất nước ở phương diện chiều sâu của không gian:**  - Không gian gần gũi ( sinh hoạt, học tập và làm việc ..)( Nơi anh đến trường,.. nơi em tắm)  - Tình yêu đôi lứa: kỉ niệm hò hẹn, nhớ nhung“..đánh rơi chiếc khăn… nhớ thầm”  (Lối chiết tự đầy ý nhị vừa mang tính cá thể vừa hết sức táo bạo , tác giả đã định nghĩa đất nước thật độc đáo). =>Là sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng.  - Đất nước còn là không gian rộng lớn, tráng lệ hùng vĩ của núi cao, biển cả. (Thiên nhiên:Núi sông, rừng biển hùng vĩ, tráng lệ “hòn núi bạc,.. Nước, ..biển khơi)  - Không gian sinh tồn của dân tộc qua nhiều thế hệ “..nơi dân mình đoàn tụ”  => ĐN là những gì gần gũi thân quen gắn bó với cuộc sống mỗi người lại vừa mênh mông rộng lớn.  **d. Sự cảm nhận ĐN ở phương diện chiều dài thời gian** : ĐN được cảm nhận từ quá khứ với huyền thoại “ Lạc Long Quân và Âu Cơ” cho đến hiện tại với những con người không bao giờ quên nguồn cội dân tộc, truyền thuyết Hùng Vương và ngày giỗ Tổ .  **e. Suy ngẫm của tác giả về trách nhiệm của thế hệ mình với ĐN** : phải biết hi sinh để bảo vệ đất nước.  - ĐN hiện lên vừa thiêng liêng sâu xa , lớn lao vừa gần gũi thân thiết với sự sống mỗi người. Đất nước là sự hòa quyện không thể tách rời giữa cá nhân và cộng đồng dân tộc. Vì thế mỗi người phải có trách nhiệm với đất nước.  - Nghệ thuật:  **.** Điệp ngữ “*phải biết”* => giọng thơ **chính luận**.  **.** Âm điệu “*em ơi em”*=> **trữ tình** thiết tha.  **.** Dùng từ “*hoá thân”*(# hi sinh): hiến dâng, hoà nhập, sống còn vì đất nước => sâu sắc, giàu ý nghĩa.  **.** Lời thơ giản dị nhưng mang ý nghĩa sâu xa.  => Ý thơ mang tính chất tâm sự nhiều hơn là kêu gọi, giáo huấn nên sức truyền cảm rất mạnh.  *.* |
| **Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản/ Phần 2 bài thơ**  **a) Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật bài thơ  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***\*GV Tích hợp kiến thức địa lí, văn học dân gian*** *để hướng dẫn học sinh tìm hiểu danh lam thắng cảnh trải dài từ Bắc và Nam nhằm khẳng định sự hoá thân của Nhân dân vào dáng hình Đất nước*  **GV đặt câu hỏi:**  *- Phần sau của đoạn thơ tập trung làm nổi bật tư tưởng ĐN của nhân dân. Tư tưởng ấy đã quy tụ mọi cách nhìn nhận và đưa đến những phát hiện và mới của tg về địa lí lịch sử và văn hoá của ĐN như thế nào?*  *+ Tg đã cảm nhận đất nước qua những địa danh , thắng cảnh nào?*  *+ Những địa danh gắn với cái gì , của ai?*  *- Vì sao có thể nói qua cách cảm nhận ấy, ĐN vừa thiêng liêng vừa gần gũi?*  *+ Vì sao khi nói về bốn nghìn năm lịch sử của ĐN, tác giả không điểm tên các triều đại cùng bao nhân vật anh hùng trong sử sách ( như Nguyễn Trãi trong Bình Ngô Đại Cáo đã nhắc đến: Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần…)? Đối tượng mà tác giả muốn nhắc đến là ai? Vì sao tác giả lại nhắc đến họ? (Họ là những con người như thế nào?)*  - Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp cấu trúc : *Họ giữ ... Họ truyền ...Họ gánh ...Họ đắp đập ?*  - HS liên hệ với tác phẩm “ Bình Ngô đại cáo” để lí giải.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  - Hòn Vọng Phu: ở Đồng Đăng, Lạng Sơn, Thanh Hoá...  - hòn Trống Mái là núi đá nhỏ trên biển Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hoá  ***-Chín mươi chín con voi*** : đứng từ trên núi Hi Cương- nơi có đền thờ các vua Hùng- trông ra có những quả đồi thấp hơn như chín mươi chín con voi quây quần hướng về núi Hi Cương.  - Núi Bút non Nghiên : Là núi có hình cây bút và nghiên mực ở Quảng Ngãi   - Những con rồng ...dòng sông xanh thẳm : là truyền thuyết về sông Cửu Long với 9 cửa sông đổ ra biển trên 2 nhánh sông Tiền và sông Hậu  - Con cóc, con gà...: Là tên của một trong vô số hòn núi nổi lên trên mặt biển có hình con coc, con gà,... ở Vịnh Hạ Long  - Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm : Là tên những người có công với dân, với nước đãn thành những sơn danh, địa danh ở Nam bộ :  + Bà Đen : Tên ngọn núi Bà Đen ở Tây Ninh  +Bà Điểm : Tên một đia danh ở Hóc Môn - thành phố HCM- HS liên hệ, phát hiện các danh lam, thắng cảnh.  - Lối sống, cội nguồn, truyền thống.  +Nhìn vào bốn nghìn năm ĐN , tác giả không kể các triều đại mà nhấn mạnh đến những con người vô danh  + Đây là điểm mới mẻ của NKĐ  + một mặt tiếp tục thể hiện sự khám phá mới mẻ, độc đáo của nhà thơ về Đất Nước trong bề rộng không gian địa lí và tầng sâu của những truyền thống văn hoá, tạo nên sự thống nhất trong cách thể hiện Đất Nước  - mặt khác còn khẳng định nhân dân chính là lực lượng đông đảo vừa kiến tạo bảo tồn, lưu giữ truyền thống giàu tình nghĩa, giàu tình yêu thương, cần cù lao động- đó là những giá trị văn hoá tinh thần cao quý của Đất Nước.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  ***\*GV Tích hợp kiến thức Làm Văn học*** *( thao tác lập luận so sánh) hướng dẫn học sinh tìm hiểu nét mới về tư tưởng Đất Nước nhân dân*  ***\*GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt****( Cách dùng đại từ, phép điệp, động từ) hướng dẫn học sinh tìm hiểu nét mới về tư tưởng Đất Nước nhân dân* | | **2.** Phần 2: tư tưởng *“Đất nước của Nhân dân”* được thể hiện qua ba chiều cảm nhận về đất nước.  ***a. Đất nước do nhân dân sáng tạo ra :*** Tg cảm nhận ĐN qua những địa danh thắng cảnh gắn với cuộc sống tính cách số phận của nhân dân. (Từ không gian địa lí)  - Tình nghĩa thuỷ chung thắm thiết (núi Vọng Phu, hòn trống mái)  + Vợ nhớ chồng 🡪núi vọng phu  + Vợ chồng yêu nhau 🡪hòn trống mái  - Sức mạnh bất khuất (Chuyện Thánh Gióng) : Gót ngựa ThánhGióng🡪 Ao đầm để lại  - Cội nguồn thiêng liêng (hướng về đất Tổ Hùng Vương): Chin mươi chín con voi 🡪dựng đất tổ Hùng Vương  - Truyền thống hiếu học (Cách cảm nhận về núi Bút non nghiêng)  - Hình ảnh đất nước tươi đẹp (Cách nhìn dân dã về núi con Cóc, con Gà , dòng sông)  => ĐN hiện lên vừa gần gũi vừa thiêng liêng.  🡪 Cảnh quan thiên nhiên gắn liền với đời sống, tâm hồn, lịch sử dân tộc.  - Từ đó, tác giả đi đến một kết luận mang tính khái quát:  *“ Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi*  *…*  *Những cuộc đời đã hoá núi sông ta.”*  🡪 Theo tác giả: Những thắng cảnh đẹp, những địa danh nổi tiếng khắp mọi miền của đất nước đều do nhân dân tạo ra, đều kết tinh của bao công sức và khát vọng của nhân dân, của những con người bình thường, vô danh.  - Nghệ thuật liệt kê, điệp từ đã khẳng định nhân dân là đối tượng quan trọng nhất tạo nên dáng hình đất nước |
| **Hoạt động 5: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản/ Phần 2 bài thơ**  **a) Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật đoạn thơ  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** Tổ chức thảo luận nhóm  ***Nhóm 1****: Chỉ ra các bài ca dao được sử dụng trong 2 câu thơ:Dạy anh biết...lặn lội.*  ***Nhóm 2****: Chỉ ra các bài ca dao được sử dụng trong 2 câu thơ:Biết trồng tre...dài lâu*  ***Nhóm 3****: Phân tích nội dung, nghệ thuật 4 câu thơ cuối*  **Tích hợp kiến thức văn hoá dân gian, nhất là ca dao**  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  **Đại diện nhóm 1 trả lời:**   * Tác giả vận dung 2 bài ca dao :   +Yêu em từ thuở trong nôi  +Cầm vàng mà lội qua sông  **Đại diện nhóm 2 trả lời:**   * Tác giả vận dung 2 bài ca dao : Thù này ắt hẳn còn lâu/ Trồng tre nên gậy gặp đâu đánh què.   **Đại diện nhóm 3 trả lời:**  -   Nhiều yếu tố ngoại lai đã được Việt hoá để góp phần xây đắp nên nền văn hoá Việt Nam (Ôi những dòng sông bắt nước từ đâu / Mà khi về Đất Nước mình thì bắt lên câu hát) và văn hoá Việt Nam luôn có sự thống nhất trong sự đa dạng (Người đến hát khi chèo đò, kéo thuyền vượt thẩc / Gợi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi)  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | ***b. Đất nước là do nhân dân chiến đấu và bảo vệ :*** Nhìn vào bốn nghìn năm ĐN mà nhấn mạnh đến những con người vô danh (Từ thời gian lịch sử)  - Họ đã sống và đã chết / giản dị và bình tâm …  - Họ đã làm nên đất nước => Họ chính là nhân dân, những người anh hùng vô danh , bình dị…  - Đại từ “Họ” đặt đầu câu + nhiều động từ “giữ, truyền, gánh”  🡪 Vai trò của nhân dân trong việc giữ gìn và lưu truyền văn hoá qua các thế hệ.  ***c. Đất nước là do nhân dân gìn giữ và lưu truyền***  - Nhân dân đã gìn giữ và lưu truyền cho thế hệ sau mọi giá trị tinh thần và vật chất => Nhân dân chính là người làm nên đất nước  =>Đất nước là của nhân dân, của ca dao thần thoại=> Đây là một định nghĩa giản dị mà độc đáo.  ***d. Đóng góp của nhân dân :* Tg chọn 3 dẫn chứng để nói về truyền thống của nhân dân** (Từ bản sắc văn hóa).  + Lãng mạn, chung thủy say đắm trong tình yêu. (Yêu em từ thuở trong nôi . )  + Quí trọng tình nghĩa(Biết quý công...)  + Quyết liệt trong căm thù và sẵn sàng chiến đấu (biết trồng tre ...)  => Sự phát hiện thú vị, cái nhìn mới mẻ và độc đáo của tg về ĐN trên các phương diện địa lí, lịch sử, văn hoá với nhiều ý nghĩa mới : Muôn vàn vẻ đẹp của ĐN đều là kết tinh của bao công sức và khát vọng của nhân dân , của những con người vô danh , bình dị. Khẳng định đất nước của nhân dân.  - Kết thúc đoạn thơ là hình ảnh dòng sông với những điệu hò:  *“Ơi những dòng sông bắt nước từ đâu*  *...............................................................*  *Gợi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi”*  🡪 như muốn kéo dài thêm giai điệu ngân nga với nhìêu cung bậc của bản trường ca về Đất Nước. |
| **Hoạt động 6: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật bài thơ  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** đặt câu hỏi:  *Trình bày thành công nghệ thuật và ý nghĩa văn bản?*  *- Cách cảm nhận về đất nước có gì mới mẻ?*  *-Về ngôn ngữ, đoạn thơ chủ yếu khai thác chất liệu nào?*  *- Em hãy nêu chủ đề của đoạn trích?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **III. Tổng kết:**  **1/ Nghệ thuật :**  - Sử dụng chất liệu văn hóa dân gian: ngôn từ, hình ảnh bình dị, dân dã, giàu sức gợi.  - Giọng điệu thơ biến đổi linh hoạt.  - Sức truyền cảm lớn từ sự hòa quyện của chất chính luận và chất trữ tình.  ***2/* Ý nghĩa văn bản:**  Một cách cảm nhận mới về đất nước, qua đó khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc, tự hào về nền văn hóa đậm đà bản sắc Việt Nam. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**  Câu hỏi 1: Khổ thơ sau gợi ra điều gì?  *“Ôi ! Những cánh đồng quê chảy máu*  *Dây thép gai đâm nát trời chiều*  *Những đêm dài hành quân nung nấu*  *Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu”*  a. Hình ảnh Đất nước bị giặc tàn phá về đời sống vật chất. b. Hình ảnh Đất nước bị giặc chà đạp về đời sống tinh thần. c. Hình ảnh Đất nước kiên cường và nghĩa tình. d. Cả A, B và C  Câu hỏi 2: Ý kiến nào sau đây về bài thơ “Đất nước” là **chưa** chính xác? a. Bài thơ đã dựng lên một tượng đài Đất nước gắn liền với lịch sử cách mạng Việt Nam. b. Ngôn ngữ trong bài thơ rất giàu tính truyền thống, gần gũi với ca dao dân ca. c. Hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa khái quát cao, mang đậm lối tư duy và màu sắc hiện đại. d. Tác phẩm như một bản giao hưởng với tiết tấu từ khoan thai dìu dặt đến hối hả trào sôi.  Câu hỏi 3: Với câu thơ “ *Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn* ” Nguyễn Khoa Điềm chủ yếu muốn thể hiện điều gì? a. Ca ngợi những người bà nhân từ mang hồn của dân tộc. b. Thể hiện hình ảnh bà  c. Nhắc lại truyện cổ tích trầu cau.  d. Gợi ra một phong tục đẹp – một nét văn hóa đẹp của Đất Nước.       Câu hỏi 4: Dòng nghĩa chủ yếu của câu thơ “ Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn ” là gì? a. Ca ngợi tình yêu chung thủy của cha mẹ. b.  Thể hiện một nét đẹp của đạo lí dân tộc là tình nghĩa thủy chung. c. Thể hiện niềm biết ơn sâu sắc đối với người cha, người mẹ..  d.Nhắc nhớ về những câu ca dao yêu thương tình nghĩa:  *“Muối ba năm muối đang còn mặn*  *Gừng chín tháng gừng hãy còn cay*  *Đôi ta nghĩa nặng tình dày*  *Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa”…*                     Và                 *“Tay nâng chén muối đĩa gừng*  *Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau”*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.  1. Ý chính của đoạn thơ trên : Bức tượng đài về đất nước  2. Trong đoạn thơ, tác giả sử dụng mỗi câu thơ đều 6 tiếng với cách ngắt nhịp đều đặn, dồn dập tạo bức tượng đài đất nước cân đối, hài hoà, chắc chắn, bền vững với thời gian.  3. Viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về bức tượng đài của đất nước qua đoạn thơ.  Đàm bảo các nội dung :  -Đất nước có lòng căm thù giặc sâu sắc ( câu 1)  -Đất nước có sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc ( câu 2)  -Đất nước đau thương ( câu 3)  -Đất nước đi từ bóng tối ra ánh áng, từ nô lệ đến tự do ( câu 4)  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:**  *Súng nổ rung trời giận dữ*  *Người lên như nước vỡ bờ*  *Nước Việt Nam từ máu lửa*  *Rũ bùn đứng dậy sáng loà./.*  *(****Đất nước*** *-* Nguyễn Đình Thi, *Ngữ văn 12,*  Tập một, NXB Giáo Dục, Việt Nam, 2013, tr.125)  Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:  1. Nêu ý chính của đoạn thơ trên ?  2. Tại sao trong đoạn thơ, tác giả sử dụng mỗi câu thơ đều 6 tiếng ?  3. Viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về bức tượng đài của đất nước qua đoạn thơ.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)  - Hình ảnh đất nước được thể hiện như thế nào trong chín câu thơ đầu đoạn trích?  - Tư tưởng *“Đất nước của Nhân dân”* được thể hiện tập trung trong những câu thơ nào? Trình bày cảm nhận của anh (chị) về những câu thơ đó.  - “Đất nước”, một đóng góp đáng nể của Nguyễn Đình Thi cho nền thi ca dân tộc. |
| - Chuẩn bị bài: **THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGỮ ÂM** |

**Tuần 11**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 31***

**THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGỮ ÂM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Biết phép tutừ ngữ âm trong văn bản .

Phương thức cơ bản trong một số phép tu từ ngữ âm

-Phương thức cơ bản trong một số phép tu từ ngữ âm (tạo nhịp điệu và âm hưởng cho câu; điệp âm, điệp vần , điệp thanh)

- Tác dụng nghệ thuật của những phép tu từ ngữ âm nói trên.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan các biện pháp tu từ ngữ âm;

- Năng lực đọc – hiểu các tác tác phẩm văn học có sử dụng các biện pháp tu từ ngữ âm;

- Năng lực trình bày, phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ ngữ âm;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các biện pháp tu từ ngữ âm;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận có sử dụng các biện pháp tu từ ngữ âm;

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Những ngữ liệu có sử dụng các biện pháp tu từ ngữ âm, cú pháp

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - **GV** giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi trải nghiệm sau:  Trong bài thơ *Đây mùa thu tới,*nhà thơ Xuân Diệu có viết: *Những luồng run rẩy rung rinh lá.*  Trong bài thơ *Việt bắc,* nhà thơ Tố Hữu có viết: *Nhớ cô em gái hái măng một mình.*  Em hãy chỉ ra tài năng sử dụng phụ âm của các nhà thơ trong các câu thơ trên  -  **HS** thực hiện nhiệm vụ:  - **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  +*Những luồng run rẩy rung rinh lá:* phụ âm r được điệp lại 4 lần  **+***Nhớ cô em gái hái măng một mình.:*phụ âm m được điệp lại 3 lần  Từ đó, giáo viên giới thiệu vào bài: *Chúng ta đã thực hành biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ ( Ngữ văn 10). Trong bài học hôm nay, chúng ta tiếp tục thực hành một số phép tu từ ngữ âm, như 2 câu thơ trên đã thể hiện phép tu từ ngữ âm ( điệp âm) nhằm tạo hiệu quả nghệ thuật .* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu vè tạo nhịp điệu và âm hưởng thích hợp**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu vè tạo nhịp điệu và âm hưởng thích hợp  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** yêu cầu HS hoạt động nhóm (từng bàn) thảo luận bài tập 1  **Bài tập 1:** đoạn văn trích đọc trong "Tuyên ngôn độc lập" của Hồ Chí Minh.  -Sự phối hợp nhịp ngắn và nhịp dài trong đoạn văn.  *Giáo viên đọc đoạn văn, phát hiện và nhận xét về cách ngắt nhịp.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn,* SGK.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  Bài tập 1:  -Đoạn văn gồm bốn nhịp (hai nhịp dài trước, hai nhịp ngắn sau) phối hợp với nhau để diễn tả nội dung của đoạn:  +Hai nhịp dài thể hiện lòng kiên trì và ý nghĩa quyết tâm của dân tộc ta trong việc đấu tranh vì tự do (gan góc) với một thời gian dài (hơn 80 năm nay, mấy năm nay).  +Hai nhịp ngắn khẳng định dứt khoát và đanh thép về quyền tự do và độc lập của dân tộc ta (phải được).  -Kết thúc ba nhịp đầu là các thanh bằng không dấu với ba âm tiết mở (nay, nay, do) tạo ra âm hưởng ngân vang, lan xa. Kết thúc nhịp thứ bốn là một thanh trắc với một âm tiết kép (lập) tạo ra sự lắng đọng trong lòng người đọc (người nghe).  -Nhịp điệu và sự phối hợp âm thanh cùng với phép lặp cú pháp (một dân tộc đó…), lặp từ ngữ (dân tộc đã gan góc, nay phải được) đã tạo ra âm hưởng hùng hồn đanh thép cho lời tuyên ngôn.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | I. **Tạo nhịp điệu và âm hưởng thích hợp.**  Bài tập 1:  -Đoạn văn gồm bốn nhịp (hai nhịp dài trước, hai nhịp ngắn sau) phối hợp với nhau để diễn tả nội dung của đoạn:  +Hai nhịp dài :  +Hai nhịp ngắn :  -Kết thúc ba nhịp đầu :  -Nhịp điệu và sự phối hợp âm thanh cùng với phép lặp cú pháp (một dân tộc đó…), lặp từ ngữ (dân tộc đã gan góc, nay phải được) : |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu tác dụng gợi hình tượng của biện pháp điệp phụ âm đầu trong các câu thơ.**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu tác dụng gợi hình tượng của biện pháp điệp phụ âm đầu trong các câu thơ.  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** yêu cầu HS hoạt động theo nhóm, trả lời các bài tập và nhân xét của các nhóm còn lại.  **Nhóm 1:** Bài tập 1a.  **Nhóm 2:** Bài tập 1b  **Nhóm 3:** Bài tập 2a.  **Nhóm 4:** Bài tập 2b.  *Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc bài thơ và đoạn thơ đã cho. Xác đinh vần và nhận xét về tác dụng của biện pháp điệp vần.*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  **Kết quả mong đợi:**  \* **Nhóm 1**  *"Dưới quyên trăng quyên đã gọi hè*  *Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông"*  Âm đầu (l) được lặp lại bốn lần gợi ra những hình tượng bông hoa lựu đỏ lấp ló trên cành những đốm lửa lập loè. ánh lửa đó như đang phát sáng lung linh lập loè trên ngọn cây.  \* **Nhóm 2**  " Làn ao long lánh bóng trăng loe"  -Câu thơ cũng xuất hiện 4 lần phụ âm đầu "l" - Sự cộng hưởng của 4 lần lặp lại tạo nên hình tượng bóng trăng lấp lánh và phát tán cả không gian rộng lớn trên mặt ao phản chiếu của mặt nước …  \* **Nhóm 3**  Trong bài "Thu điếu" của Nguyễn Khuyến, vần "eo" là vần chủ đạo (xuất hiện 5 lần trong thơ). Điều đó góp phần khắc hoạ hình tượng mùa thu yên tĩnh, trong trẻo ở làng quê Bắc Bộ - đồng thời cũng bộc lộ một tâm hồn thơ thanh khiết đắm say với thiên nhiên của nhà thơ.  \* **Nhóm 4**  Trong đoạn thơ của Tố Hữu, vần "ang" xuất hiện 7 lần. Đây là vần chứa một nguyên âm rộng và âm tiết thuộc loại nửa mở (kết thúc bằng phụ âm mũi). Vần "ang" vì vậy gợi cảm giác rộng mở và chuyển động thích hợp với sắc thái miêu tả sự chuyển động mùa (từ mùa đông sang mùa xuân).  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Điệp âm, điệp vần, điệp thanh.**  1.Bài tập 1:  a. *"Dưới quyên trăng quyên đã gọi hè*  *Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông"*  Âm đầu (l) được lặp lại bốn lần :  b. " Làn ao long lánh bóng trăng loe"  2. Bài tập 2:  a. Trong bài "Thu điếu" của Nguyễn Khuyến, vần "eo" là vần chủ đạo …  b. Trong đoạn thơ của Tố Hữu, vần "ang" xuất hiện 7 lần. … | |
| **Hoạt động 2: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** học sinh rút ra nhận xét về phạm vi sử dụng của các phép tu từ ngữ âm đã thực hành  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV:** Từ việc tìm hiểu các văn bản trên, GV hướng dẫn HS tổng kết bài học.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Tổng kết:**  - Phép tu từ tạo nhịp điệu và âm hưởng thường được dùng trong văn xuôi nhất là văn chính luận.  - Phép tu từ tạo nhịp điệu điệp thanh thường được sử dụng nhiều trong thơ ca. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: **1b,2c**  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**  **Câu hỏi 1:** Phép tu từ ngữ âm chủ yếu nào đã được tác giả sử dụng ở hai dòng thơ sau:                      “Sương nương theo trăng ngừng lưng trời                        Tương tư nâng lòng lên chơi vơi…”                                                            (Xuân Diệu)  a. Điệp phụ âm đầu.   b.  Điệp vần. c. Điệp thanh.  d.Biến nhịp.  **Câu hỏi 2:** Nhà thơ Tố Hữu đã sử dụng phép điệp phụ âm đầu ở câu thơ nào sau đây? a. “Nắng chói sông Lô hò ô tiếng hát/Chuyến phà dào dạt bến nước Bình Ca”. b. “Thông reo bờ suối rì rào/Chim chiều chíu chít ai nào kêu ai” c.  “Lá vàng đang đỏ ngọn cây/Sếu giang mang lạnh đang bay ngang trời” d.  “Chân trời lui mãi lan lan rộng/Hi vọng tràn lên đồng mênh mông…”  **Câu hỏi 3:** Trích dẫn thơ nào sau đây sử dụng biện pháp tu từ ngữ âm? a. “lơ thơ tơ liễu buông mành/ Con oanh học nói trên cành mỉa mai”  b. “Tài cao phận thấp chí khí uất/Giang hồ mê chơi quên quê hương” c. Nỗi niềm chi rứa Huế ơi!/ Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên…”. d. Cả A, B và C.  **Câu hỏi 4:** Biện pháp tu từ ngữ âm chủ yếu nào được sử dụng ở đoạn thơ sau:                       “Trên dòng Hương Giang                        Em buông mái chèo…                        Trời trong veo                       Nước trong veo…”                                                                                    (Tố Hữu) a. Điệp phụ âm đầu.  b. Điệp vần. c. Biến nhịp.   d. Điệp thanh.  **Câu hỏi 5:** Cho 2 câu thơ: *Dưới trăng quyên đã gọi hè/ Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông* được tác giả sử dụng hình thức nghệ thuật gì ? a. Điệp vần b. Điệp âm c. Điệp thanh d. Cả 3 ý kiến trên.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:**  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **Điệp vần:** Đoạn thơ tạo ra một âm hưởng du dương, thanh thoát bởi một loạt các tiếng (có chứa vần) như "tan, tràn, đàn" đều có âm chính là nguyên âm "a" bổng/sáng (vang sáng).  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:**  **Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật phép tu từ ngữ âm đoạn thơ sau:**  *Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan*  *Đường bạch dương sương trắng nắng tràn*  *Anh đi nghe tiếng người xưa vọng*  *Một giọng thơ ngâm một giọng đàn*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)  **-**Sưu tầm thêm ngữ liệu về phép điệp âm điệp vần, điệp thanh trong ca dao, câu đối, thơ  **-**So sánhđể nhận ra sự giống nhau và khác nhau giữa các phép điệp âm, điệp vần, điệp thanh với phép điệp từ ngữ và kết cấu ngữ pháp đã học ở lớp 10. |
| - Chuẩn bị bài: Viết bài số 3: NLVH |

**TIẾT 32-33/TUẦN 11**

**BÀI VIẾT SỐ 3**

**(NLVH)**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA**

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình học kì 1, môn Ngữ văn lớp 12.

- Đề kiểm tra bao quát một số nội dung kiến thức, kĩ năng trọng tâm của chương trình Ngữ văn 12 học kì 1 theo các nội dung Văn học, Làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

*Cụ thể, đề kiểm tra nhằm đánh giá trình độ học sinh theo các chuẩn sau:*

**- Đọc văn:**

+ Nhớ và hiểu được những kiến thức cơ bản về tác phẩm.

**- Làm văn:**

+ Nắm vững thao tác lập luận phân tích.

+ Phân tích được một đoạn thơ.

**II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA**

Hình thức : tự luận.

Cách tổ chức kiểm tra: cho học sinh làm trong 90 phút.

**III. THIẾT LẬP MA TRẬN**

- Liệt kê tất cả các chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình môn Ngữ văn lớp 12, học kì.

- Chọn các nội dung cần đánh giá và thực hiện các bước thiết lập ma trận đề kiểm tra (theo các bước như minh họa ở trên).

- Xác định khungma trận.

**MA TRẬN ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 3- MÔN NGỮ VĂN 12**

**THỜI GIAN 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tên**  **chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Cộng** |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| **Chủ đề *1***  **Đọc hiểu**  - Văn bản trong hoặc ngoài chương trình | - Nhận biết được thể loại, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ … | - Hiểu được nội dung, ý nghĩa của các biện pháp tu từ, chi tiết, sự kiện, thông tin, … trong văn bản. | - Đánh giá về nội dung và hình thức của văn bản theo quan điểm cá nhân. |  |  |
| *Số câu:*  *Số điểm:*  *Tỉ lệ:* | *Số câu:1*  *Số điểm:1,0*  *Tỉ lệ:10%* | *Số câu :1*  *Số điểm:1,0*  *Tỉ lệ:10%* | *Số câu :1*  *Số điểm:1,0*  *Tỉ lệ:10%* | *Số câu :0*  *Số điểm:0*  *Tỉ lệ:0* | *Số câu: 3*  *Số điểm:3*  *Tỉ lệ:30%* |
| **Chủ đề *2***  **Nghị luận văn học( Tây Tiến, Việt Bắc)** | - Nhận biết những nét chính về tác giả, tác phẩm.  - Xác định được vấn đề cần cảm nhận, bàn luận, phạm vi dẫn chứng, các thao tác lập luận cơ bản. | - Hiểu được đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng thẩm mĩ…trong tác phẩm.  - Lí giải được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của tác phẩm theo đặc trưng thể loại, mối quan hệ giữa văn học và đời sống, phong cách nghệ thuật tác giả. | - Vận dụng kiến thức văn học và kĩ năng tạo lập văn bản để viết một bài nghị luận văn học về một trích đoạn, một ý kiến văn học, … | - Bày tỏ được cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm của cá nhân về vấn đề cần bàn luận.  - Liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn cuộc sống. |  |
| *Số câu:* | 1 | | | | *Số câu :1* |
| *Số điểm:*  *Tỉ lệ:* |  | | | | *Số điểm:7*  *Tỉ lệ:70%* |
| **Tổng số câu:**  **Tổng số điểm:**  **Tỉ lệ** | ***TS câu: 1*** | ***TS câu :1*** | ***TS câu :1*** | ***TS câu:2*** | **Tổng số câu: 4**  **Tổng số điểm:10,0**  **Tỉ lệ: 100%** |

**IV. BIÊN SOẠN ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 3**

**ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 3 - LỚP 12**

**MÔN NGỮ VĂN CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN**

**THỜI GIAN LÀM BÀI : 90 PHÚT**

**Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 3 :

*…Nay ở trong thơ nên có thép*

*Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

( Trích Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”-Hồ Chí Minh)

Câu 1. Một bạn học sinh cho rằng văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học. Ý kiến đó đúng hay sai? Vì sao? (1,0đ)

Câu 2. Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ trong câu: “Nay ở trong thơ nên có thép”.(1,0đ)

Câu 3. Văn bản trên giúp anh/chị nhận biết nội dung gì liên quan đến quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh?(1,0đ)

**Phần II. Làm v**ă**n (7,0** đ**i**ể**m)**

Phân tích đoạn thơ sau: *Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm*

*……………………………………………*

*Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.*

(Trích *Tây Tiến*- Quang Dũng)

Từ đó, bình luận ngắn gọn cảm hứng lãng mạn thể hiện qua đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung.

**HƯỚNG DẪN CHẤM, BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần | Câu | Nội dung | Điểm |
| I |  | ĐỌC HIỂU | **3.0** |
| 1 | - Ý kiến sai ( 0.25)  - Lí giải:( 0.75)  + Văn bản là hai câu thơ trích trong tác phẩm *Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”* của Hồ Chí Minh. Trong đó, nhà thơ đã dùng ngôn ngữ giàu tính biểu cảm, hình tượng đa nghĩa và mang màu sắc cá thể hoá cao độ;  +Trong khi đó, văn bản khoa học được sử dụng trong lĩnh vực khoa học, mang tính khái quát trừu tượng, tính lí trí, lô gích và tính phi cá thể. Như vậy, văn bản này không phải là văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học, mà là văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. | 1,0 |
| 2 | -Biện pháp tu từ trong câu: “Nay ở trong thơ nên có thép”: ẩn dụ (*thép)(0,5)*  -Hiệu quả nghệ thuật: Biện pháp tu từ ẩn dụ làm cho câu thơ gợi hình ảnh cụ thể, khẳng định tính chiến đấu của thơ ca và văn học nghệ thuật *(0,5)* | 1,0 |
| 3 | Văn bản trên giúp nhận biết nội dung liên quan đến quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh: Hồ Chí Minh coi văn học là một vũ khí chiến đấu lợi hại, phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận. | 1,0 |
| II |  | LÀM VĂN | **7,0** |
|  |  | Phân tích đoạn thơ trích từ “*Tây Tiến*” – Quang Dũng. Bình luận ngắn gọn cảm hứng lãng mạn thể hiện qua đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung. |  |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận | 0,5 |
| Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. |  |
| b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận | 0,5 |
| Phân tích đoạn thơ trích từ “*Tây Tiến*” – Quang Dũng. Bình luận ngắn gọn cảm hứng lãng mạn thể hiện qua đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung. |  |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác phân tích, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng. | 5,0 |
| c.1/ Giới thiệu về tác giả, tác phẩm; nêu vấn đề cần nghị luận | *1,00* |
| c.2/ Phân tích nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ:  - Đoạn thơ trong bài Tây Tiến là hồi ức của nhà thơ về con đường hành quân dữ dội mà thơ mộng, người lính Tây Tiến can trường, hào hoa.  *+ Về nội dung(2.0)*  ++Bốn câu đầu: thiên nhiên hiện ra với mọi sắc độ khắc nghiệt, dữ dội hoặc mênh mang của nó. Con đường hành quân nhiều dốc. Người lính vượt dốc chịu đựng gian khổ nhưng tâm hồn lại thanh thản, nhẹ nhàng ( *dẫn thơ – phân tích )*  ++Hai câu tiếp: Hiểm nguy không chỉ là núi cao dốc thẳm, không chỉ là mưa lũ thác ngàn mà còn có tiếng gầm của cọp beo nơi rừng thiêng nước độc, nơi đại ngàn hoang vu.( *dẫn thơ – phân tích )*  ++Hai câu tiếp: nói đến sự hy sinh của đồng đội trên những chặng đường hành quân .( *dẫn thơ – phân tích )*  ++Hai câu cuối: Nhớ hình ảnh người lính khi dừng chân ở Mai Châu ( *dẫn thơ – phân tích )*  - Cả đoạn thơ :  + Bức tranh thiên nhiên núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội, bí hiểm mà thơ mộng, trữ tình.  +Hình ảnh người lính trên chặng đường hành quân đầy gian nan, nguy hiểm; tuy vất vả, hi sinh nhưng vẫn ngang tàng, trẻ trung, lãng mạn.  ***+* *Về nghệ thuật:****(0,50):* thể thơ thất ngôn mang đậm chất nhạc và chất thơ, kết hợp hài hoà giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn; ngôn ngữ giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu; biện pháp tu từ đặc sắc… | *2,50* |
| c.3/ Bình luận ngắn gọn cảm hứng lãng mạn thể hiện qua đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung  - Giải thích: Cảm hứng lãng mạn trong văn học được hiểu là xu thế vươn lên, vượt lên trên thực tại khách quan bằng cảm xúc chủ quan của người nghệ sĩ, thể hiện những khát vọng mạnh mẽ hướng về những vẻ đẹp khác lạ trong thế giới của mơ ước, tưởng tượng, ở tương lai hay quá khứ.  - Sự thể hiện cảm hứng lãng mạn trong đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung: thể hiện trên hai phương diện: nội dung cảm hứng (hình tượng thiên nhiên; hình tượng người lính Tây Tiến); nghệ thuật thể hiện (bút pháp tương phản, giọng điệu trữ tình và bi tráng của tác phẩm,...).  -Bình luận ý nghĩa:  +Cảm hứng lãng mạn giúp tác giả khắc hoạ vẻ đẹp hào hùng, hào hoa, sự hi sinh bi tráng của người lính Tây Tiến cùng vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng của thiên nhiên miền Tây, tạo nên một tác phẩm độc đáo trong thơ ca thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.  + Cảm hứng lãng mạn và sự thể hiện phong cách của tác giả: nét hồn nhiên, tinh tế, vẻ đẹp hào hoa, phóng khoáng, đậm chất lãng mạn của hồn thơ Quang Dũng. | *1,50* |
| d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận. 0,5 | |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. 0,5 | |
| ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm. | |

**Tuần 12**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 34, 35***

**Đọc thêm Dọn về làng.**

**Tiếng hát con tàu**

**Đò Lèn**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

- Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

- Nỗi thống khổ của nhân dân và tội ác của TDP, niềm vui của nhân dân khi quê hương được giải phóng.

- Ngôn ngữ , hình ảnh thơ có những đặc sắc riêng, vừa sinh động, vừa cụ thể, thể hiện cách cảm nhận riêng của người dân miền núi. ( Dọn về làng)

- Cảm nhận được khát vọng về với nhân dân và đất nước với những kỷ niệm sâu nặng nghĩa tình trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhà thơ.

- Thấy được những đặc sắc nghệ thuật thơ Chế Lan Viên: sáng tạo hình ảnh, liên tưởng phong phú, bất ngờ, cảm xúc gắn với suy tưởng. ( Tiếng hát con tàu)

- Cảm nhận được tình cảm tri ân sâu sắc pha nỗi xót xa ân hận muộn màng của nhà thơ đối với người bà đã khuất.

- Hiểu được những nét riêng của Nguyễn Duy trong cách nhìn về quá khứ, về tuổi thơ cũng như trong cách thể hiện những cảm nhận về người bà lam lũ tảo tần giàu yêu thương. (Đò Lèn)

**2. Năng lực:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến 03 văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản văn học (thơ trữ tình)

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả , tác phẩm **3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  **\* GV:**  + Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  + Nhìn hình đoán tác giả  + Lắp ghép tác phẩm với tác giả  +Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả  - **HS** thực hiện nhiệm vụ:  -  **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Để minh chứng cho đặc điểm cơ bản của trước và sau năm 1975, hôm nay chúng ta cùng đọc thêm 3 bài thơ: Dọn về làng- Tiếng hát con tàu- Đò Lèn.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về bài “Dọn về làng”**  **a) Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Tác giả**  **GV đặt câu hỏi:** *Phần Tiểu dẫn trình bày nội dung gì? Nêu tóm tắt những điều cần lưu ý*  **2. Tác phẩm**   * **GV đặt câu hỏi:**   Xác định chủ đề của bài thơ?  Nêu những nội dung cơ bản của tác phẩm?  Nhận xét gì về tội ác của giặc?  Niềm vui của dân khi được giải phóng thể hiện qua những chi tiết nào?  Nhận xét chung về nghệ thuật?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  1. Nông Quốc Chấn (tên khai sinh là Nông Văn Quỳnh).  - Sinh năm:1923 Quê: Cốc Đán - Ngân Sơn- Bắc Cạn. Là nhà thơ dân tộc Tày.  - Từng giữ nhiều chức vụ quan trọng: Chủ tịch Hội văn học khu Việt Bắc,Thứ trưởng Bộ Văn Hoá thông tin - Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.  \* Sự nghiệp: Tiếng ca người Việt Bắc(1959). Suối và biển(1984)…  \*Tác phẩm: - Viết về quê hương tác giả trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp đau thương mà anh dũng. Bài thơ được trao giải nhì tại Đại hội liên hoan Thanh niên sinh viên thế giới tại Béc-lin.  Đại diện nhóm trả lời theo sự chuẩn bị ở nhà:  **H/s** khác nêu hình ảnh minh hoạ -> h/s khái quát bình luận chung: *khát vọng tự do của dân tộc ta.*  *2.* - Chạy hết núi lại khe, cay đắng đủ mùi -> Cách diễn đạt cụ thể của người miền núi về nỗi thống khổ của mình.  + Tội ác của giặc:   * …Giặc Tây lại đến lùng * Từng cái lán nó đốt đi trơ trụi…   Khoét sâu vào mối thù với quân xâm lược. Thể hiện nhận thức tỉnh táo của người dân: biết được âm mưu của kẻ thù, biết nén đau thương để vượt lên nỗi đau khổ của chính mình.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **Bài "Dọn về làng".**  **I. Tìm hiểu chung.**  1. Tác giả:  2. Tác phẩm:  **II. Đọc hiểu văn bản:**  1. Chủ đề: Miêu tả cuộc sống gian khổ của nhân dân Cao Bắc Lạng và tội ác dã man của giặc Pháp Đồng thời thể hiện niềm vui khi quê hương được giải phóng.  2. Nội dung:  a Nỗi thống khổ của nhân dân và tội ác của giặc  b. Niềm vui của dân khi được giải phóng:  - Hôm nay …………cười vang  …………………………………  Mờ mờ khói bếp bay lên mái nhà lá  -> Niềm vui ấy không của riêng ai (nhân dân, bộ đội, tất cả mọi người… và nhất là nhân vật trữ tình).  3. Nghệ thuật:  - Cách nói sinh động cụ thể- hình ảnh gần gũi… | |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu chung về bài “Tiếng hát con tàu”**  **a) Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **Thao tác 1:** Tim hiểu tác giả, tác phẩm  **1. Tác giả**  **GV đặt câu hỏi:** HS đọc tiểu dẫn nêu vài nét chính về tác giả Chế Lan Viên?  **2. Tác phẩm**   * **GV đặt câu hỏi:** * Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ? * Em hiểu như thế nào về nhan đề bài thơ? Thực tế có con tàu đi Tây Bắc không? * Vậy con tàu có ý nghĩa như thế nào? Tây Bắc có ý nghĩa gì? * Từ đó rút ra ý nghĩa của lời đề từ. * Nên tìm hiểu bài thơ theo bố cục như thế nào?   **Thao tác 2:** Đọc – hiểu văn bản  **Nhóm 1:** Hai khổ đầu tác giả thể hiện nội dung gì? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng?  \* **Nhóm 2**  Nét độc đáo của khổ 5 là gì? Biện pháp nghệ thuật gì?  Ý nghĩa của khổ 5?  \* **Nhóm 3**  Những con người Tây Bắc hiện lên như thế nào?  Tình quân dân được thể hiện trong đoạn thơ như thế nào?  \* **Nhóm 4**  Phân tích những câu thơ mang đậm tính triết lí trong bài thơ?  *- Khi ta ở chỉ là nơi đất ở*  *Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn.*  *-Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương*  **Thao tác 3:** Tổng kết nội dung, nghệ thuậ văn bản  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  **1.**  - Thơ Chế Lan Viên nóng hổi tính thời sự, giàu chất sử thi, chất anh hùng ca và chất chính luận, có vẻ đẹp trí tuệ độc đáo.  - Phong cách thơ Chế Lan Viên độc đáo: có vẻ đẹp trí tuệ, khai thác triệt để những tương quan đối lập, giàu chất suy tưởng, triết lí với thế giới hình ảnh đa dạng, phong phú, đầy sáng tạo.  **2. Nhóm 1:**  - Thủ pháp phân thân, hàng loạt câu hỏi tu từ róng riết:  *… Anh đi chăng? Anh có nghe…? Tàu gọi anh đi sao chửa ra đi?*  - Nhiều hình ảnh đối lập, giọng thơ giục giã, hối thúc, trăn trở  - Tác giả vừa kêu gọi mọi người vừa tự phê, tự vấn trên con đường về với tổ quốc, nhân dân, về với cội nguồn sáng tạo của người nghệ sĩ.  \* **Nhóm 2**  \* Viết về kháng chiến, về nhân dân bằng lòng biết ơn sâu xa:  + Hàng loạt hành ảnh so sánh:  - “*Kháng chiến 10 năm qua // ngọn lửa…nghìn năm sau…soi đường”*  - “*Con gặp lại ND// nai về suối cũ*  *// cỏ đón giêng hai*  *// chim én gặp mùa*  *// trẻ thơ…gặp sữa*  *// chiếc nôi…tay đưa…”*  →Về với nhân dân là về với những gì thân thuộc, gần gũi nhất, về với ngọn nguồn thiết yếu của sự sống trong sự che chở cưu mang,về với niềm vui, niềm hạnh phúc từng khao khát chờ mong.( *Trong trẻo, ngọt lành,ấm áp, bình yên* )  \* Gợi kỷ niệm với nhân dân trong kháng chiến:  - Chi tiết cụ thể chân thực, gợi cảm  + những hình ảnh liên tưởng bất ngờ gợi bao hình ảnh đẹp mới lạ  - Cách xưng hô thân thiết ruột thịt, ấm áp tình cảm.  - Những từ nữ chỉ thời gian gợi sự hi sinh thầm lặng, lớn lao  →Lòng biết ơn sâu sắc gắn bó chân thành với những xúc động thấm thía của những người kháng chiến đối với nhân dân, đất nước.  \* **Nhóm 4**  -TY là kết tinh cao độ của những kỉ niệm và sự gắn bó máu thịt với Tây Bắc cũng là với kháng chiến, với đất nước.  - Những câu thơ cô đúc như những châm ngôn,triết lí nhưng không khô khan mà từ quy luật của tình cảm, của trái tim, được cảm nhận bằng trái tim.  - Kết hợp cảm xúc và suy tưởng, nâng cảm xúc suy tưởng lên thành những suy ngẫm triết lí- đó là thành công của đoạn thơ, cũng là nét đặc sắc trong thơ CLV.  **3. - Nghệ thuật** : bài thơ thể hiện những nét chính trong phong cách thơ CLV: sự sáng tạo hình ảnh mới lạ, liên tưởng phong phú bất ngờ, cảm xúc gắn với suy tưởng triết lí Tổng kết:  **- Ý nghĩa văn bản :** Bài thơ thể hiện khát vọng, niềm hân hoan trong tâm hồn nhà thơ khi trở về với nhân dân với đất nước cũng là tìm về với ngọn nguồn nuôi dưỡng sự sáng tạo nghệ thuật của hồn thơ.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | Bài TIẾNG HÁT CON TÀU  **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả: Chế Lan Viên (1920 - 1989):**  **2. Tác phẩm:** Rút từ tập*“Ánh sáng và phù sa”.*  - Bài thơ được gợi cảm hứng từ một sự kiện lịch sử những năm 1958- 1960: cuộc vận động đồng bào miền xuôi xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc.  **II. Hướng dẫn đọc thêm:**   1. **Lời đề từ:**   - Con tàu: biểu tượng cho khát vọng ra đi.  - Tây Bắc:vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa biểu tượng cho miền đất xa xôi của Tổ quốc.  => Đến với nhân dân, với Tây Bắc chính là trở về với lòng mình, với tình cảm sâu nặng, gắn bó.  **2**. Sự trăn trở và lời mời gọi lên đường (Hai khổ đầu)  3. Kỉ niệm về với nhân dân trong 10 năm kháng chiến (Chín khổ thơ tiếp):  - Đoạn thơ kết lại bằng những câu thơ đậm chất triết lí và những kỉ niệm về tình yêu, về người con gái Tây bắc: Không chỉ thể hiện nỗi nhớ về một tình yêu mà còn là những suy ngẫm triết lí về quy luật của tình yêu:  4. Khúc hát lên đường sôi nổi, mê say (Bốn khổ cuối):  - Điệp từ., điệp ngữ, láy lại… Âm hưởng sôi nổi.  - Hình ảnh thơ phong phú, biến hóa sáng tạo, chủ yếu là những hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng  → Khao khát, bồn chồn, giục giã lên đường sôi nổi, mê say đáp lại lời mời gọi của hai khổ thơ đầu.  **B. Nghệ thuật** :  **C/ Ý nghĩa văn bản :** |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu chung về bài “Đò lèn”**  **a) Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Tác giả, tác phẩm**  **GV đặt câu hỏi:**  - Đọc tiểu dẫn và tóm tắt ý chính.  - Những nét chính về tác giả?  - Đặc điểm thơ Nguyễn Duy?  - Hoàn cảnh sáng tác bài thơ? Chủ đề, bố cục?  **2. Đọc – hiểu văn bản**  - **Nhóm 1** thảo luận phần 1.  - Kỉ niệm về tuổi thơ bên bà ntn?  - Nhận xét về tính cách nhân vật trữ tình?  - Ý nghĩa “ trong suốt, hư- thực”  **Nhóm 2** thảo luận về hình ảnh của bà ngoại?  - Liên hệ với hình ảnh bà trong những bài thơ mà em biết?  Vd: + Bên kia sông Đuống- Hoàng Cầm.  + Bếp lửa- Bằng Việt.  - Nhận xét về từ thập thững?  **-Nhóm 3**. Thảo luận về sự thức tỉnh khi đã trưởng thành của nhân vật trữ tình?  - Ý nghĩa khổ thơ cuối?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:**  1. - Nguyễn Duy Nhuệ (1948-), quê :Đông Vệ – Tp Thanh Hoá  - Từng trải qua tuổi thơ lam lũ, sớm mồ côi và thiếu tình mẹ nhưng bù lại cậu bé được sống trong tình yêu thương của bà ngoại.  - Nguyễn Duy nhập ngũ, tham gia kháng chiến, gắn bó với nhân dân, đất nước, những khó khăn gian khổ đã hun đúc lên trong ông sự cương trực, mạnh mẽ, trĩu nặng suy tư mà thắm thiết tình nghĩa.  - Thơ Nguyễn Duy bộc lộ rõ nét một thế giới nội tâm có bản sắc, một nhà thơ của vẻ đẹp đời thường. Ông nhạy cảm với những buồn, vui, nhọc nhằn của người dân, đặc biệt là người thân bởi ông ít có điều kiện đền đáp họ.  - Thơ ông mang hơi hướng ca dao, thâm trầm trong triết lí, hồn nhiên và hóm hỉnh, khoẻ khoắn của người lao động.  \* Tác phẩm:  - Viết tháng 9-1983, khi ông có dịp trở về quê, sống trong những kí ức buồn vui thời thơ ấu.  - Đò Lèn là địa danh, quê ngoại ông.  2. Đọc – hiểu văn bản  \* **Nhóm 1**  Kí ức tuổi thơ của tác giả.  -Thời thơ ấu hiện lên sinh động, chân thực.Tác giả không che giấu sự hiếu động của mình qua những trò tinh nghịch của đứa trẻ vùng nông thôn nghèo. + Say mê với trò chơi con trẻ:  - Câu cá ở cống Na, bắt chim sẻ trên vành tai tượng Phật, theo bà đi chợ níu váy bà sợ lạc, ăn trộm nhãn chùa Trần.  - Thích chơi đền cây Thị, chân đất đi đêm xem lễ đền Sòng.  \* **Nhóm 2**  -Hình ảnh Bà ngoại: Bà hiện về cùng khung cảnh thân thiết của quê hương.  + Mò cua xúc tép, đi gánh chè xanh Ba Trại, buôn bán ngược xuôi.  + Khi Quán Cháo, khi Đồng Giao: những miền đất xa xôi, hẻo lánh, đòn gánh trên vai, bà tần tảo buôn bán ngược xuôi, nơi đâu cũng in dấu chân bà.  - “Thập thững”: là từ láy vừa tạo hình vừa biểu cảm diễn tả sự khó nhọc, bước đi xiêu vẹo, không tự chủ, đường gập ghềnh mà sức người đã kiệt, đêm đông gió rét.  \* **Nhóm 3**  - Tác giả lẫn lộn giữa hai bờ hư- thực, bởi hư là tiên, phật, thánh, thần (thế giới cổ tích) , thực là sự vất vả, lam lũ, khổ cực của bà.  + 2 từ “trong suốt” biểu hiện sự thơ ngây, trong trẻo của trẻ thơ.Yêu bà nhưng không thương bà, vô tâm trước vất vả của bà bởi thơ ngây, hồn nhiên.  - Chiến tranh, nhà bà bay mất, quê hương bị tàn phá: Đền Sòng bay, bay tuốt cảhôi.  Nuối tiếc đến xót xa, cay đắng.  - Tình cảm của nhà thơ khi nghĩ về bà ngoại:  + Thấu hiểu nỗi cơ cực, tần tảo, tình yêu thương của bà .Thể hiện tình yêu thương, sự tôn kính, lòng tri ân sâu sắc đối với bà.  + Sự ân hận, ngậm ngùi , xót đau muộn màng :  “Khi tôi biết thương bà thì đã muộn  Bà chỉ còn một nấm cỏ thôi”  - Khổ thơ cuối đánh dấu bước trưởng thành của người cháu. ý thức cá nhân bộc lộ chân thành, tha thiết vừa là sợi dây vô hình nối quá khứ với hiện tại, nối con người đang sống hôm nay với người đã khuất, nối cá nhân với cội nguồn của mình.  - Khổ thơ là bài học thấm thía: đừng tự ru mình trong những ảo ảnh ngọt ngào, sống giữa cuộc đời hãy tỉnh táo, không thể thơ ngây.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | *.* **BÀI ĐÒ LÈN**  **I . Tìm hiểu chung:**  1. Tác giả.  2. Tác phẩm.  a. Hoàn cảnh sáng tác.  b. Bố cục: 2 phần.  - Phần 1. 5 khổ đầu- Kỉ niện về tuổi thơ bên bà ngoại.  - Phần 2. còn lại - nỗi đau khi bà qua đời và sự thức tỉnh của cháu.  **II/ Đọc thêm :**  1/ Kí ức tuổi thơ của tác giả.  => Tất cả đều gắn với từng địa danh cụ thể, kỉ niệm ngọt ngào và hạnh phúc biết bao.  2. Kỉ niệm về người bà & sự hối hận chân thành, sâu sắc nhưng muộn màng.  3. Những đặc sắc trong cách thể hiện của ND trong thi đề viết về tình bà cháu:  - Sử dụng thủ pháp đối lập :  + Đối lập giữa cái tinh nghịch vô tư của người cháu với cái cơ cực, tần tảo của người bà.  + Đối lập giữa hoàn cảnh đói kém, chiến tranh ác liệt, hoàn cảnh gia đình đau thương với cái đơn chiếc, già nua tội nghiệp của người bà.  + Đối lập giữa cái vĩnh hằng của vũ trụ với cái ngắn ngủi, hữu hạn của cuộc đời con người.  - Sử dụng phép so sánh đối chiếu :  + Giữa cái hư và cái thực; giữa bà với Tiên , Phật, thánh thần => tương đồng  + Giữa thần thánh với bà đặt trong một bối cảnh chiến tranh  - Giọng điệu: thành thực, thẳng thắng.  **4. Ý nghĩa văn bản :** Bài thơ để lại nhiều dư vị trong tâm hồn, chạm đến cõi sâu kín và thường nhật trong cuộc sống tình cảm của mỗi con người. Dường như ND vừa nói hộ vừa nhắc nhở cho nhiều người về lẽ sống ở đời, đặc biệt là thái độ sống của mỗi người trong hiện tại đối với những gì gần gũi nhất trong cuộc sống của mình. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tên tác phẩm** | **Đề tài** | **Chủ đề** | **Giá trị nội dung** | **Giá trị nghệ thuật** | | *Dọn về làng* |  |  |  |  | | Tiếng hát con tàu |  |  |  |  | | Đò Lèn |  |  |  |  |   *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  1. Ý chính của đoạn thơ : Về với Tây Bắc là về với kỉ niệm kháng chiến. Đó là niềm khát khao mãnh liệt và niềm hạnh phúc lớn lao khi trở về với nhân dân cùng với những kỉ niệm sâu nặng đầy tình nghĩa trong những năm kháng chiến.  2. Ý nghĩa từ “máu rỏ” : gợi giá trị to lớn của đau thương, mất mát, hi sinh thầm lặng của bao người, “chín trái đầu xuân ” gợi thành quả lao động . Nơi máu rỏ là nơi trái chín, nơi đau thương, hi sinh là nơi sự sống sinh sôi, nảy nở nhờ quá trình lao động bền bỉ, hăng say . Điều đó gợi sức sống bất diệt của vùng đất kháng chiến, của con người Việt Nam.  3. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh ở đoạn thơ thứ 2 : Nhà thơ so sánh kháng chiến như ngọn lửa . Cuộc kháng chiến đã đi qua Mười năm nhưng sức ấm nóng vẫn còn lan toả đến Nghìn năm sau. Kháng chiến trở thành ngọn đuốc soi đường đi cho dân tộc và cho Con- nhà thơ cách mạng.- tìm về lại với Mẹ-Nhân dân.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**  **1.** Trên Tây Bắc! Ôi mười năm Tây Bắc   *Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng   Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất   Nay rạt rào đã chín trái đầu xuân.     Ơi kháng chiến! Mười năm qua như ngọn lửa   Nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường,   Con đã đi nhưng con cần vượt nữa   Cho con về gặp lại mẹ yêu thương.*  Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:  1. Nêu ý chính của đoạn thơ?  2. Nêu ý nghĩa từ “máu rỏ”, “chín trái đầu xuân ” trong đoạn thơ.  3. Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh ở đoạn thơ thứ 2 ?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)  - Sau khi đọc hiểu bài thơ, hãy trình bày các hiểu của em về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của 3 bài thơ?  - Chú ý những nét đặc sắc trong phong cách thơ của mỗi tác giả.  - Chú ý vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của 3 bài thơ ( Phần tri thức đọc- hiểu ) |
| - Chuẩn bị bài: Thực hành một số phép tu từ cú pháp. |

**Tuần 12**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 36:***

**THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ CÚ PHÁP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Biết phép tutừ cú pháp trong văn bản .

Phương thức cơ bản trong một số phép tu từ cú pháp

Phân tích tác dụng của phép tu từ cú pháp trong văn bản

- Phép lặp cú pháp **:**

**-** Phép liệt kê

-Phép chêm xen :

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan các biện pháp tu từ cú pháp;

- Năng lực đọc – hiểu các tác tác phẩm văn học có sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp;

- Năng lực trình bày, phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ cú pháp;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các biện pháp tu từ cú pháp;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận có sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp;

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Những ngữ liệu có sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng cách cho HS nhận xét biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau trong bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu:  *Của ong bướm này đây tuần tháng mật*  *Này đây hoa của đồng nội xanh rì*  *Này đây lá của cành tơ phơ phất*  *Của yến anh này đây khúc tình si.*  - **HS** thực hiện nhiệm vụ:  - **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: đoạn thơ sử dụng phép liệt kê: tuần tháng mật- hoa của đồng nội-lá của cành tơ-khúc tình si  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Như vậy, ngoài biện pháp tu từ ngữ âm mà chúng ta đã thực hành tiết trước, còn có biện pháp tu từ cú pháp. Chúng ta cùng thực hành biện pháp tu từ này. | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tổ chức thực hành phép lặp cú pháp, phép liệt kê, chêm xen**  **a) Mục tiêu:** Hệ thống hóa kiến thức  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** tổ chức thảo luận nhóm:  **Nhóm 1,2:** **Bài thực hành** **Phép lặp cú pháp** :  Dựa vào ngữ liệu đưa ra trong SGK, HS cho biết những câu nào có phép lặp cú pháp ? Kết cấu cú pháp đó là như thế nào ? Tác dụng (hiệu quả nghệ thuật) như thế nào ?  **Nhóm 3:**Tổ chức thực hành phép liệt kê.  HS đọc các ngữ liệu, phân tích hiệu quả của phép lặp cú pháp phối hợp với phép liệt kê trong 2 đoạn văn.  - **HS** ôn tập lại những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ trên cơ sở câu hỏi và những gợi ý của GV.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  Kết quả mong đợi:  \* **Nhóm 1,2:**  1. Bài thực hành 1  a) Bốn câu vừa lặp từ ngữ, vừa lặp cú pháp là :  *- “Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật chứ không phải thuộc địa của Pháp”..*  Hiệu quả nghệ thuật : mang tính khẳng định, nhấn mạnh, lời văn hài hoà, nhịp nhàng, bổ sung cho nhau.  b) Đoạn thơ  + Câu 1 và 2 : CN - là - của chúng ta  + Câu 3, 4,5 : CN - Vn  c) Đoạn thơ : Câu 1-3-5 Nhấn mạnh nỗi nhớ và kỷ niệm.  2. Bài thực hành 2 :  GV yêu cầu HS so sánh hiện tượng lặp kết cấu cú pháp ở những ngữ liệu trong bài thực hành 1 và bài thực hành 2 để chỉ ra điểm giống và khác nhau về hiện tượng lặp cú pháp.  Bài thực hành 2  + Giống nhau : đăng đối, nhịp nhàng, cân xứng.  + Khác nhau :  - Ngữ liệu 1 : Lặp giữa những câu khác nhau.  - Ngữ liệu 2 : Lặp cú pháp ngay trong một câu tạo sự đối lập.  3. Bài thực hành 3 :  Tìm 3 câu văn hoặc thơ có dùng phép lặp cú pháp trong văn học lớp 12  Bài thực hành 3  *Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét*  (Tiếng hát con tàu - Chế Lan Viên)  *Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa*  (Tiếng hát con tàu - Chế Lan Viên)  *Dữ dội và dịu êm*  *ồn ào và lặng lẽ*  (Sóng - Xuân Quỳnh)  \* **Nhóm 3**  Hiệu quả của phép lặp cú pháp phối hợp với phép liệt kê trong 2 đoạn văn :  - Lời văn nhịp nhàng  - Chỉ ra từng biểu hiện cụ thể, sự tiếp nối liên tục tạo sức lôi cuốn, hấp dẫn.  \* **Nhóm 4**  1. Bài thực hành 1  - Vị trí : nằm giữa hoặc cuối  - Vai trò ngữ pháp : chú giải (phụ chú).  - Dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy.  - Nói rõ thêm bổ sung thông tin, bộc lộ một thái độ, cảm xúc  2. Bài thực hành 2  Đoạn văn cần đảm bảo :  - Nội dung ý nghĩa.  - Các câu có liên kết chặt chẽ.  - Sử dụng câu có thành phần chêm xen.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | I. **Phép lặp cú pháp**  1. Bài thực hành 1  a) Bốn câu vừa lặp từ ngữ, vừa lặp cú pháp là :  *- “Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật chứ không phải thuộc địa của Pháp”..*  b) Đoạn thơ  + Câu 1 và 2 :  + Câu 3, 4,5 :  c) Đoạn thơ :  2. Bài thực hành 2  + Giống nhau :  + Khác nhau :  - Ngữ liệu 1 :  - Ngữ liệu 2 :  3. Bài thực hành 3  **II. Phép liệt kê**  Bài thực hành :  Hiệu quả của phép lặp cú pháp phối hợp với phép liệt kê trong 2 đoạn văn…  **III. Phép chêm xen**  1. Bài thực hành 1  - Vị trí :  - Vai trò ngữ pháp :  - Dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy.  - Nói rõ thêm bổ sung thông tin, bộc lộ một thái độ, cảm xúc  2. Bài thực hành 2  Đoạn văn cần đảm bảo : |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** Các biện pháp tu từ cú pháp chủ yếu tạo hiệu quả gì sau đây ? a. Nhấn mạnh ý nghĩa một thông báo b. Nhấn mạnh một phần trong thông báo c. Thể hiện các tình thái khác nhau d.Cả A , B và C  **Câu hỏi 2:** Các trích dẫn sau chủ yếu sử dụng biện pháp tu từ cú pháp nào ?          “Ăn thì ăn những miếng ngon        Làm thì chọn việc cỏn con mà làm”                                              (Ca dao)                “ Đau lòng kẻ ở , người đi  Lệ rơi thấm đá , tơ chia rũ tằm”    (Nguyễn Du)              “ Người đi một nửa hồn tôi mất              Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ”                                         (Hàn Mặc Tử) a. Phép liệt kê . b. Phép lặp cú pháp  c. Phép dùng câu bị động d. Cả A ,B và C  **Câu hỏi 3:** Các trích dẫn sau đây chủ yếu sử dụng biện pháp tu từ cú pháp nào ?  - Đến rừng . Gió hôm nay đứng hẳn , chỉ có bóng cây che một chút mát trên những bộ mặt bết tro đen và mồ hôi .(Lê Khâm)  - Tôi nghĩ đến sức mạnh của thơ . Chức năng và vinh dự của thơ (Phạm Hổ )  -  Hắn không còn kinh rượu nhưng cố uống cho thật ít . Để cho khỏi tốn tiền …(Nam Cao)  - Huấn đi về trạm máy . Một mình , trong đêm . (Nguyễn Thị Ngọc Tú) a. Dùng câu bị động . b. Phép lặp cú pháp . c. Tách bộ phận của câu ra thành câu riêng . d. Cả A ,B và C.  **Câu hỏi 4:** Các trích dẫn sau đều cùng sử dụng biện pháptu từ cú pháp nào ?                         “ Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa”                         “Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sỏ”                         “Xanh om cổ thụ tròn xoe tán”                         “Trắng xoá tràng giang phẳng lặng tờ …”                                                       ( Hồ Xuân Hương)                          “Đã tan tác những bóng thù hắc ám                            Đã sáng lại trời thu tháng Tám”                                                           (Tố Hữu)               “ Vinh quang thay sự điên cuồng của những người dũng cảm”!                                                               (Gorki) a. Nhấn mạnh các thành phần câu (đảo ngữ) b. Dùng câu đặc biệt . c. Phép liệt kê  d. Phép điệp ngữ.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS   * **Chỉ ra phép liệt kê:** câu cá, đi chợ. bắt chim sẻ, trộm nhã   **Hiệu quả: làm sống lại thế giới tuổi thơ tinh nghịch, hồn nhiên, vô tư.d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**  *Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật phép liệt kê trong đoạn thơ sau trích từ bài thơ Đò Lèn ( Nguyễn Duy)*  *Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá*  *Níu váy bà đi chợ Bình Lâm*  *bắt chim sẻ ở vành tai Phật*  *và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 10 PHÚT)**  -Tìm thêm ngữ liệu về các phép tu từ cúa pháp trong các văn bản văn học trong SGK Ngữ Văn 12.  -So sánh phép lặp cú pháp với phép điệp âm, vần, thanh hay điệp từ ngữ để thấy sự giống nhau và khác nhau giữa chúng. |
| - Chuẩn bị bài: SÓNG |

**Tuần 13**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 37:***

**SÓNG**

***- Xuân Quỳnh -***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác, phong cách nghệ thuật

Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật kết cấu, xây dựng hình ảnh, nhịp điệu và ngôn từ của bài thơ.

-Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng "Sóng"

-Đạc sắc trong nghệ thuật xây dựng hình tượng ẩn dụ, giọng thơ tha thiết, sôi nổi, nồng nàn, nhiều suy tư, trăn trở.

**2. Năng lực:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thơ Sóng

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập ( thảo luận nhóm, trình bày 1 phút…)

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản

-Năng lực đọc - hiểu tác phẩm trữ tình;

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp của bài thơ.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Hình ảnh về Biển, về nhà thơ Xuân Quỳnh , video ngâm bài thơ Sóng

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  **\* GV:**  +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)  + Chuẩn bị bảng lắp ghép  + Nghe 1 đoạn trong bài hát *Thuyền và biển* liên quan đến tác giả  - HS thực hiện nhiệm vụ:  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  ***Vào bài:***Trong những ngày chống Mĩ cứu nước, một gương mặt thơ nữ xuất hiện với giọng thơ dịu dàng, đằm thắm, khát khao mãnh liệt về tình yêu , về hạnh phúc đời thường. Tác giả đó chính là nhà thơ Xuân Quỳnh và bài thơ *Sóng* mà chúng ta sẽ tìm hiểu hôm nay. | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu tác giả, tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **\* GV đặt câu hỏi:** Dựa vào Tiểu dẫn, hãy giới thiệu đôi nét về tác giả XQ ?  *Trình chiếu các đoạn clip về XQ*  **\* GV đặt câu hỏi:**  *? Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ?*  *? Hãy xác định đề tài của bài thơ?*  *? Bài thơ của Xuân Quỳnh có phải chỉ nói về sóng biển ?*  - **HS** tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  Kết quả mong đợi:  + HS đọc mục Tiểu dẫn, nêu cảm nhận về cuộc đời và phong cách thơ Xuân Quỳnh.  Xuân Quỳnh là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mĩ... thơ Xuân Quỳnh... về văn học nghệ thuật.  Bài thơ Sóng:  Kết quả chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền, Thái Bình (cuối 1967), đưa vào tập thơ Hoa dọc chiến hào - tập thơ riêng đầu tiên của Xuân Quỳnh (1968).  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Tác giả:**  - Cuộc đời bất hạnh; luôn khao khát tình yêu, mái ấm gia đình và tình mẫu tử.  - Đặc điểm hồn thơ: tiếng nói của người phụ nữ giàu yêu thương, khao khát hạnh phúc đời thường, bình dị; nhiều âu lo, day dứt, trăn trở trong tình yêu.  **2. Tác phẩm:**  **a. Hoàn cảnh sáng tác :**  - Được viết tại biển Diêm Điền (Thái Bình) năm 1967.  **b. Đề tài và chủ đề:**  - Đề tài: Tình yêu.  - Chủ đề: Mượn hình tượng sóng để diễn tả tình yêu của người phụ nữ. Sóng là ẩn dụ cho tâm hồn người phụ nữ đang yêu. |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu văn bản/ Tìm hiểu khổ 1 và 2**  **a) Mục tiêu:** Học sinh nắm được nội dung, nghệ thuật đoạn thơ  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV** lưu ý khi đọc: nhịp thơ khá đều đặn và biến đổi: 3/ 2; 2/1/2, 2/3... giọng thơ suy tư, chiêm nghiêm và không kém phần băn khoăn, day dứt và nồng nhiệt, chân thành.  + GV cùng 3- 4 HS đọc toàn bài; nhân xét kết quả đọc.  + **GV đặt câu hỏi cho khổ 1, 2:**   * *Những tính từ dữ dội và dịu êm, ồn ào và lặng lẽ nói lên điều gì? của cái gì? nghĩa đen và nghĩa bóng (ẩn dụ)* * *Vì sao câu trên là sông? câu dưới là sóng?* * *Quan niêm về tình yêu gắn liền với sông và sóng có ý nghĩa gì?* * *Khổ thơ thứ hai, nêu nhận xét gì mới về sóng và về tình yêu tuổi trẻ?*   **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  Kết quả mong đợi:  - Các đặc điểm trái ngược và thống nhất của sóng theo không gian, theo thời gian.  - Đó cũng là tính khí thất thường, rắc rối của những cô gái mới lớn khi sắp bắt đầu một mối tình. Đó là quy luật của sóng nước, sóng biển cũng là quy luật tâm lí của thiếu nữ.  - Cách mở đầu bài thơ bằng nhận xét mô tả trực tiếp những đặc tính của thiên nhiên - những phẩm chất và quy luật của con người khiến người đọc ngỡ ngàng, ngạc nhiên và thú vị.  + Sông và sóng chứ không phải sóng và sóng vì đó là nguyên bản của tác giả.  -Hơn nữa, sóng sông khác sóng biển. Có ra đến biển, có gặp sóng trên biển lớn mới trải hết mọi cung bậc của sóng .  - Nhận xét về sóng: đó là quy luật vận động của tình yêu, của muôn đời, vĩnh hằng.  - Cũng như khát vọng tình yêu mãi mãi rung động, xao xuyến, bồi hồi trái tim tuổi trẻ. Nhận xét được nói lên thẳng thắn, mạnh bạo và chân thành.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Đọc - hiểu văn bản :**  **1/Sóng và em – những nét tương đồng:**  **a. Sóng là đối tượng để nhận thức tình yêu:**  - Khổ 1:  + Tiểu đối: *Dữ dội - dịu êm; ồn ào - lặng lẽ*  🡪 mở đầu bằng 4 tính từ: Miêu tả trạng thái đối lập của sóng và liên tưởng đến tâm lí phức tạp của người phụ nữ khi yêu (khi sôi nổi, mãnh liệt khi dịu dàng, sâu lắng).  + Phép nhân hoá:  “Sông - không hiểu mình”  “Sóng - tìm ra bể”  🡪 Con sóng mang khát vọng lớn lao: Nếu “sông không hiểu nổi mình” thì sóng dứt khoát từ bỏ nơi chật hẹp để “tìm ra tận bể”, tìm đến nơi cao rộng, bao dung.  => Hành trình “tìm ra tận bể” của sóng cúng chính là quá trình tự khám phá, tự nhận thức, chính bản thân, khát khao sự đồng cảm, đồng điệu, chủ động trong tình yêu.  - Khổ 2:  + Quy luật của sóng: *Sóng: ngày xưa, ngày sau: vẫn thế*  🡪 sự trường tồn của sóng trước thời gian: vẫn dạt dào, sôi nổi.  + Quy luật của tình cảm:  “Khát vọng tình yêu - bồi hồi trong ngực trẻ”  🡪 Tình yêu là khát vọng lớn lao, vĩnh hằng của tuổi trẻ và nhân loại.  => Xuân Quỳnh đã liên hệ tình yêu tuổi trẻ với con sóng đại dương. Cũng như sóng, con người đã đến và mãi mãi đến với tình yêu. Đó là quy luật muôn đời. =>Yêu là tự nhận thức, là vươn tới miền bao la,vô tận. | |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu các khổ thơ còn lại**  **a) Mục tiêu:** Học sinh nắm được nội dung, nghệ thuật đoạn thơ  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - **GV** tổ chức thảo luận theo nhóm:  **+ Nhóm 1, 2 thảo luận khổ 3, 4 ?**  **GV:** Cái hay của đoạn thơ là sự đầu hàng của nhận thức, là sự bất lực của lí trí: *em cũng.....ta yêu nhau*.  **GV:** Thơ Xuân Diệu: *“Làm sao cắt nghĩa được tình yêu”*  Nhà toán học Pascan: “*trái tim có những lí lẽ riêng mà lí trí không thể nào hiểu nổi”*  ? Nỗi nhớ trong tình yêu được diễn tả như thế nào?  **+ Nhóm 3, 4 thảo luận khổ 5, 6, 7**  **GV:** Nỗi nhớ trong tình yêu là cảm xúc tự nhiên của con người, đã được miêu tả rất nhiều trong thơ ca xưa cũng như nay:  *Nhớ ai bổi hổi bồi hồi*  *Như đứng đống lửa, như ngồi đống than* (Ca dao)  *Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời* (Chinh phụ ngâm)  *Anh nhớ tiếng, anh nhơ hình, anh nhớ ảnh. Anh nhớ em, anh nhớ lắm. Em ơi!.* (Xuân Diệu)  ? Tìm các biện pháp tu từ được sử dụng để tác giả thể hiện nỗi nhớ?  **Nhóm 5,6:** cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu khổ 8, 9?  ? Em hiểu như thế nào về khổ thơ này?  *Cuộc đời tuy dài thế*  *................................*  *Mây vẫn bay về xa*  ? Lo âu, trăn trở tất yếu dẫn đến khát khao gì ở XQ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  Kết quả mong đợi:  **\* Nhóm 1, 2**  Hai khổ 3, 4:  Nghĩ về sóng và cội nguồn tình yêu lứa đôi.  +Điệp từ: “em nghĩ” và câu hỏi: “Từ nơi nào sóng lên”  🡪 quay về lòng mình, nhu cầu tìm hiểu, phân tích, khám phá tình yêu  - Khổ 4: Đi tìm câu hỏi tu từ cho câu hỏi ở khổ 3:  Câu hỏi tu từ:  *Gió bắt đầu từ đâu?*  *Khi nào ta yêu nhau?*  🡪 XQ dựa vào quy luật tự nhiên để truy tìm khởi nguồn của tình yêu nhưng nguồn gốc của sóng cũng như tình yêu đều bất ngờ, đầy bí ẩn, không thể lí giải.  **Nhóm 3, 4 :**  -Vẫn bắt đầu cảm xúc và suy nghĩ từ hình tượng sóng để nói về em.  -Tình yêu bao giờ cũng được thử thách trong sự xa cách trong không gian và trong thời gian. Và nỗi nhớ thương, trăn trở, khao khát được gặp gỡ là phẩm chất đặc biêt thường trực của tình yêu.  -Cái hay của khổ thơ là lại liên hệ đến sóng, nhân hoá sóng: con sóng nào cũng thao thức vỗ mãi suốt đêm ngày vì nhớ bờ không nguôi, không ngủ.  -Còn nỗi nhớ của em còn hơn thế: cả trong mơ còn thức.  -Nỗi nhớ thường trực, không khi nào chịu yên. Cách nói nhấn mạnh đến cái phi lí trong tâm lí mà có lí trong tình em: nhớ cả trong mơ, càng trong mơ càng dậy lên nỗi nhớ.  -Nhớ và hướng về anh, thuỷ chung như nhất với anh. Phẩm chất tình cảm này của em được diễn tả bằng cách nói tưởng chừng phi lí: xuôi bắc, ngược nam và cái phương anh đã chứng minh tấm lòng son sắt của trái tim cô gái đang yêu thời hiên đại..  -Sóng nào chẳng cố hướng vào bờ để tìm sự ngơi nghỉ, dừng chân? cũng như tình em chỉ hướng về anh, chỉ nghĩ về anh, không biết mêt mỏi, không nghĩ về mình, đầy sự chia sẻ, hi sinh.  **Nhóm 5,6:**  - Từ những suy nghĩ về tình yêu, hi sinh, và chung thuỷ suốt đời, nhà thơ mở rộng hơn, nghĩ về mối quan hê giữa cái hữu hạn và cái vô hạn, giữa cuộc đời mỗi người, tình yêu mỗi lứa đôi và cuộc đời chung, và thiên nhiên vũ trụ và thời gian vô cùng.  - Câu hỏi day dứt thể hiên khao khát tình yêu cao cả và bất tử và tìm cách thực hiên chính là mong muốn được tan ra, được hoá thân và hoà nhâp thành trăm ngàn con sóng nhỏ giữa biển lớn tình yêu của nhân dân và nhân loại.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **b. Sóng là đối tượng để suy tư về nguồn gốc và nỗi nhớ trong tình yêu đôi lứa**:  - Khổ 3: Suy tư về tình yêu  🡪 quay về lòng mình, nhu cầu tìm hiểu, phân tích, khám phá tình yêu  - Khổ 4: Đi tìm câu hỏi tu từ cho câu hỏi ở khổ 3:  => Đây là cách cắt nghĩa tình yêu rất chân thành và đầy nữ tính.  - Khổ 5: Nỗi nhớ của sóng và em  + Bao trùm cả không gian : *dưới lòng sâu, sóng trên mặt nước*  + Thao thức trong mọi thời gian: *ngày đêm không ngủ được*  🡪 Phép đối, phép điệp, nhân hóa, giọng thơ dào dạt, náo nức, mãnh liệt: diễn tả nỗi nhớ da diết, không thể nào nguôi, cứ cuồn cuộn, dào dạt như sóng biển triền miên.  + Sóng nhớ bờ mãnh liệt, tha thiết, còn em nhớ anh đắm say hơn bội phần :  *Lòng em nhớ đến anh*  *Cả trong mơ còn thức*  🡪 Cách nói cường điệu nhưng hợp lí: nhằm tô đậm nỗi nhớ (choáng ngợp cõi lòng không chỉ trong ý thức mà thấm sâu vào trong tiềm thức).  => Bày tỏ tình yêu một cách chân thành, tha thiết mà mạnh dạn, mãnh liệt.  - Khổ 6: Lòng chung thuỷ  + Cách nói khẳng định :  ++em : dẫu xuôi - phương bắc; dẫu ngược - phương nam,  ++em : vẫn *Hướng về anh một phương*  → Lời thề thủy chung tuyệt đối trong tình yêu : dù đi đâu về đâu vẫn hướng về người mình đang thương nhớ đợi chờ.  + Các điệp ngữ : *dẫu xuôi về, dẫu ngược về*  + điệp từ  *phương*, cách nói ngược *xuôi Bắc, ngược Nam*  🡪 Diễn tả hành trình vất vả của sóng nhằm khẳng định niềm tin đợi chờ trong tình yêu.  - Khổ 7 : Bến bờ hạnh phúc .  + Mượn hình ảnh của sóng :  *« Ở ngoài kia đại dương » - « Con nào chẳng tới bờ »*  🡪 quy luật tất yếu.  + Sóng tới bờ dù cách trở: Tình yêu là sức mạnh giúp em và anh vượt qua gian lao, thử thách để đạt đến bến bờ hạnh phúc.  => XQ thể hiện **cái tôi** của một con người luôn có niềm tin mãnh liệt vào tình yêu.  **3. Những suy tư, lo âu, trăn trở trước cuộc đời và khát vọng tình yêu:**  - cuộc đời tuy dài >< năm tháng vẫn đi qua.  - Biển dẫu rộng >< mây vẫn bay về xa.  -> Đó là sự nhạy cảm và lo âu, trăn trở của XQ về sự hữu hạn của đời người và sự mong manh của hạnh phúc.  + *Làm sao* ….. khao khát sẻ chia và hòa nhập  *Thành trăm* vào cuộc đời.  + *Giữa biển* ….. khát vọng được sống mãi  *Để ngàn* ….. trong TY, bất tử với TY  => khát vọng khôn cùng về tình yêu bất diệt | |
| **Hoạt động 4: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** Học sinh nắm được nội dung, nghệ thuật bài thơ  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  *? Hãy chỉ ra ý nghĩa của văn bản?*  *? Đánh giá về nghệ thuật của bài thơ ? Nhận xét về thể thơ, nhịp thơ và hình tượng “sóng” ?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật :**  - Thể thơ 5 chữ truyền thống; cách ngắt nhịp, gieo vần độc đáo, giàu sức liên tưởng.  - Xây dựng hình tượng ẩn dụ, giọng thơ tha thiết.  **2. Ý nghĩa văn bản:**  Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu hiện lên qua hình tượng sóng: tình yêu thiết tha, nồng nàn, đầy khát vọng và sắt son chung thủy, vượt lên mọi giới hạn của đời người. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** Tập thơ nào dưới đây không phải của [Xuân Quỳnh?](file:///C:\Users\Administrator\AppData\Roaming\Microsoft\AppData\Local\frntpg%206\Chan%20dung%20nha%20van%2012-Tap%20I\ke%20chuyen%20Xuan%20quynh.htm) a. Tơ tằm - Chồi biếc b. Hoa dọc chiến hào **c. Bài thơ cuộc đời** d.Lời ru trên mặt đất.  **Câu hỏi 2:** [Bài thơ Sóng](file:///C:\Users\Administrator\AppData\Roaming\Microsoft\AppData\Local\frntpg%205\Van%20ban%20Ngu%20van%2012-I\Bai%20tho%20Song.htm) được in trong tập thơ nào ? a. Gió Lào cát trắng . **b. Hoa dọc chiến hào** c. Lời ru trên mặt đất. d. Tơ tằm - Chồi biếc  **Câu hỏi 3:** Qua bài thơ Sóng, nhà thơ Xuân Quỳnh muốn bày tỏ điều gì ? a. Đời sống nội tâm phong phú và đa dạng của người phụ nữ b. Âm điệu dữ dội và sự phong phú của những con sóng trên biển cả. **c. Những trạng thái tâm trạng, những cung bậc tình cảm khác nhau trong trái tim người phụ nữ đang rạo rực yêu đương.** d. Những cung bậc đa dạng, phong phú của tình yêu.  **Câu hỏi 4:** Yếu tố nào dưới đây làm nên nét độc đáo trong âm điệu bài thơ? a. Thể thơ năm chữ b. Cách ngắt nhịp, phối âm linh hoạt, phóng túng. c. Phương thức tổ chức ngôn từ, hình ảnh **d. Cả 3 ý trên.**  **Câu hỏi 5:** Dòng nào dưới đây **chưa** nói đúng về ý nghĩa của hình ảnh Sóng trong bài thơ Sóng? a. Là hình ảnh tả thực trong tự nhiên. b. Là hình ảnh ẩn dụ cho tâm trạng người con gái đang yêu. **c. Là hình ảnh về người yêu của người con gái đang yêu.** d. Là hình ảnh so sánh với người con gái đang yêu.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  1. Ý chính của đoạn thơ :  - Từ việc khám phá các trạng thái khác nhau của sóng, tác giả diễn tả các cung bậc của người phụ nữ đang yêu và thể hiện một quan niệm mới mới về tình yêu .  - Mượn quy luật muôn đời của sóng, tác giả khẳng định khát vọng của tình yêu thường trực trong trái tim tuổi trẻ.  2. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đối lập : ***dữ dội***hoà quyện với ***dịu êm, ồn ào***đan xen với ***lặng lẽ; ngày xưa-ngày nay*** , nhân hoá : *Sông không hiểu nổi mình-Sóng tìm ra tận bể* , ẩn dụ : sóng chính là em :  -Tình yêu tha thiết, chân thành không chịu chấp nhận sự tầm thường, nhỏ hẹp, đơn điệu, một chiều mà nó phải là sự hoà hợp, sự đan xen của nhiều yếu tố, thậm chí là những yếu tố đối cực nhau: vừa mâu thuẫn, vừa thống nhất, vừa xung đột, vừa hài hoà.  -Tình yêu của con người, luôn khao khát vươn tới sự lớn lao đích thực.  - Khẳng định một điều có tính quy luật về sự tồn tại bất diệt của khát vọng tình yêu trong trái tim người con gái  3. Đoạn thơ thể hiện quan niệm về tình yêu của nhà thơ Xuân Quỳnh :  – Yêu là tự nhận thức, là vươn tới cái cao rộng, lớn lao…  - Tình yêu mãi là khát vọng muôn đời của con người, nhất là đối với tuổi trẻ.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:** *Dữ dội và dịu êm*  *Ồn ào và lặng lẽ*  *Sông không hiểu nổi mình*  *Sóng tìm ra tận bể*  *Ôi con sóng ngày xưa*  *Và ngày sau vẫn thế*  *Nỗi khát vọng tình yêu*  *Bồi hồi trong ngực trẻ*  (*Ngữ Văn 12 Nâng cao*, Tập một, tr.122 – 123, NXB Giáo Dục – 2008)  Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:  1. Nêu ý chính của đoạn thơ.  2. Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đối lập, nhân hoá, ẩn dụ trong đoạn thơ.  3. Đoạn thơ thể hiện quan niệm gì về tình yêu của nhà thơ Xuân Quỳnh ?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)  - Tìm những bài thơ sử dụng hình ảnh Sóng và biển để diễn tả tình yêu.  - Bài thơ được kết cấu theo cách triển khai hai hình tượng sóng đôi là Sóng và em. Hãy nhận xét về ý nghĩa của kết cấu ấy. |
| - Chuẩn bị bài: vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận. |

**Tuần 13**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 38,39:***

**LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Xác định các phương thức biểu đạt trong văn bản

Giải thích được khái niệm về phương thức biểu đạt

Nhận diện được tính phù hợp và hiệu quả của việc vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong một số văn bản.

- Yêu cầu và tầm quan trọng của việc vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận.

- Cách vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan các phương thức biểu đạt

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản để phát hiện các phương thức biểu đạt .

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân có sử dụng các phương thức biểu đạt.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận những vấn đề trong cuộc sống

- Năng lực phân tích, so sánh các phương thức biểu đạt.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Những ngữ liệu tiêu biểu để nhận biết các phương thức biểu đạt

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  Từ bậc THCS, chúng ta đã học những phương thức biểu đạt nào?Phân biệt sự khác nhau của các kiểu văn bản trên? Các kiểu văn bản trên có thể thay thế cho nhau được không? Tại sao?Các phương thức biểu đạt trên có thể được phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể hay không? Tại sao? Nêu một vì dụ để minh hoạ.  **- HS** thực hiện nhiệm vụ:  - **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **HS** kể 6 phương thức biểu đạt;  - Các kiểu văn bản trên khác nhau ở hai điểm chính là:Thứ nhất, khác nhau về phương thức biểu đạt.Thứ hai, khác nhau về hình thức thể hiện.  - Các kiểu văn bản trên không thể thay thế cho nhau được, vì:Phương thức biểu đạt khác nhau;Hình thức thể hiện khác nhau;Mục đích khác nhau..  Các phương thức biểu đạt trên có thể phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể, vì: Trong văn bản tự sự có thể sử dụng phương thức miêu tả, thuyết minh, nghị luân... và ngược lại.  ***Vào bài:*** *Trong một văn bản nghị luận, người viết tuỳ theo yêu cầu mà có thể kết hợp nhiều phương thức biểu đạt. vậy sự kết hợp này thể hiện như thế nào?* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS luyện tập trên lớp**  **a) Mục tiêu:** Hiểu cách kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS theo dõi SGK và thảo luận theo nhóm:*  \* **Nhóm 1**  Vì sao trong một bài văn nghị luận chúng ta có những lúc cần vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt : tự sự, miêu tả, biểu cảm ?  \* **Nhóm 2**  Muốn cho việc vận dụng các phương thức biểu đạt có kết quả cao thì chúng ta cần chú ý điều gì ? Cho ví dụ ?  \* **Nhóm 3**  Đọc đoạn trích trong SGK để trả lời câu hỏi.  \* **Nhóm 4**  Viết bài nghị luận ngắn theo chủ đề SGK nêu ra (chú ý thực hiện theo những gợi ý trong SGK).    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  \* **Nhóm 1**  Trong bài văn nghị luận có lúc cần vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả và biểu cảm vì :  - Khắc phục hạn chế của văn nghị luận đó là sự khô khan, thiên về lý tính khó đọc.  + Yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm đem lại sự cụ thể, thuyết phục cho văn nghị luận .  Tạo sự hấp dẫn cho văn nghị luận.  \* **Nhóm 2**  Yêu cầu của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận:  - Bài văn phải thuộc một kiểu văn bản chính, ở đây kiểu văn bản chính dứt khoát phải là văn nghị luận.  - Kể, tả, biểu cảm chỉ là những yếu tố kết hợp. Chúng không được làm mất làm mờ đi đặc trưng nghị luận của bài văn.  - Các yếu tố kể, tả, biểu cảm trong bài văn nghị luận phải chịu sự chi phối và phải phục vụ quá trình nghị luận, bàn bạc  \* **Nhóm 3**  - Trong đoạn trích, người viết muốn khẳng định về sự cần thiết của chi tiêu GNP (bên cạnh GDP) .  Để làm làm cho bài viết của mình thuyết phục ngoài việc sử dụng các thao tác lập luận, người viết còn vận dụng thao tác thuyết minh, giới thiệu một cách rõ ràng, chính xác về chỉ số GDP và GNP ở Việt Nam.  \* **Nhóm 4**  Chủ đề : Nhà văn mà tôi hâm mộ.  (Văn bản mẫu : tham khảo bài viết về nhà văn Thạch Lam của Nguyễn Tuân).  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | I. **Luyện tập trên lớp**  *Bài tập 1*  a) Trong bài văn nghị luận có lúc cần vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả và biểu cảm  b) Yêu cầu của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận:  *Bài tập 2*  Vận dụng kết hợp phương thức biểu đạt thuyết minh trong văn nghị luận  - Thuyết minh là thao tác giới thiệu, trình bày chính xác, khách quan về tính chất, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.  - Tác dụng, ý nghĩa của việc sử dụng thao tác thuyết minh.  + Hỗ trợ đắc lực cho sự bàn luận của tác giả, đem lại những hiểu biết thú vị .  + Giúp người đọc hình dung vấn đề một cách cụ thể và hình dung về mức độ nghiêm túc của vấn đề.  *Bài tập 3 : Viết bài văn nghị luận* |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS luyện tập ở nhà**  **a) Mục tiêu:** Hiểu cách kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV:** - Hướng dẫn luyện tập ở nhà.  Yêu cầu HS về nhà viết bài nghị luận theo chủ đề : Gia đình trong thời hiện đại. Yêu cầu : bài viết phải vận dụng kết hợp ít nhất là một trong 4 phương thức biểu đạt đã học  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Luyện tập ở nhà**  *Bài tập 1:*  Cả 2 nhận định đều đúng vì :  - Một bài văn nghị luận chỉ hấp dẫn khi sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt nếu không nó rất dễ xa vào trừu tượng, khô khan....  - Tác phẩm nghị luận chỉ vận dụng một phương pháp sẽ rơi vào đơn điệu, nhàm chán, khô cứng.  *Bài tập 2 :*  Viết bài theo chủ đề : Gia đình trong thời hiện đại. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  Lập bảng tổng hợp về các phương thức biểu đạt:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Kiểu văn bản | Phương thức biểu đạt | Ví dụ về hình thức văn bản cụ thể | | 1 | Văn bản tự sự |  |  | | 2 | Văn bản miêu tả |  |  | | 3 | Văn bản biểu cảm |  |  | | 4 | Văn bản thuyết minh |  |  | | 5 | Văn bản nghị luân |  |  | | 6 | Văn bản điều hành (hành chính - công vụ) |  |  |   *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Kiểu văn bản** | **Phương thức biểu đạt** | **Ví dụ về hình thức văn bản cụ thể** | | 1 | Văn bản tự sự | Trinh bày các sự việc (sự kiên) có quan hê nhân quả dẫn đến két cục, biểu lô ý nghĩa  Mục đích: Biểu hiện con người, quy luật đời sống, bày tỏ tinh cảm, thái đô | Bản tin báo chí  Bản tường thuật, tường trinh  Tác phẩm lịch sử  Tác phẩm văn học nghệ thuật: truyện, tiểu thuyết, kí sự... | | 2 | Văn bản miêu tả | Tái hiện các tính chất, thuộc tính sự vật, hiện tượng làm cho chúng hiển hiện  Mục đích: Giúp con người cảm nhận và hiểu được chúng | Văn tả cảnh, tả người, tả sự vật  Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự  sự | | 3 | Văn bản biểu cảm | Bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tinh cảm, cảm xúc của con người đối với con người, thiên nhiên, xã hội, sự vật.  Mục đích: Bày tỏ tinh cảm và khơi gợi sự đồng cảm. | Điện mừng, lời thăm hỏi, chia buồn. văn tế, điếu văn.  Thư từ biểu hiện tinh cảm giữa người với người.  Tác phẩm văn học; thơ trữ tinh, tuỳ bút, bút kí... | | 4 | Văn bản thuyết minh | Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả, tính có ích hoặc có hại của sự vât, hiên tượng.  Mục đích: Giúp người đọc có tri thức khách quan và có thái độ đúng đắn đối với chúng. | Bản thuyết minh sản phẩm hàng hoá.  Lời giới thiêu di tích, thắng cảnh, nhân vât.  Văn bản trinh bày tri thức và phương pháp trong khoa học tự nhiên và xã hội. | | 5 | Văn bản nghị luân | Trinh bày tư tưởng, quan điểm đối với tự nhiên, xã hội, con người và tác phẩm văn học bằng các luân điểm, luân cứ và cách lâp luân.  Mục đích: Thuyết phục mọi người tin theo cái đúng, cái tốt, từ bỏ cái sai, cái xấ'u. | Cáo, hịch, chiếu, biểu.  Xã luân, binh luân, lời kêu gọi.  Sách lí luân.  Lời phát biểu trong hội thảo về khoa học xã hội.  Tranh luân về một vấ'n đề chính trị, xã hội, văn học. | | 6 | Văn bản điều hành (hành chính - công vụ) | Trình bày theo mẫu chung và chịu trách nhiêm pháp lí về các ý kiến, nguyên vọng của cá nhân, tâp thể đối với cơ quan quản lí; hay ngược lại, bày tỏ yêu cầu, quyết định của người có thẩm quyền đối với người có trách nhiêm thực thi, hoặc thoả thuận giữa công dân với nhau về lợi ích và nghĩa vụ.  Mục đích: Đảm bảo các quan hê binh thường giữa người và người theo quy định và pháp luât. | Đơn từ, Báo cáo, Đề nghị, Biên bản, Tường trinh, Thông báo, Hợp đồng, Quảng cáo, Bản tin... | | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tự sự | Miêu tả | Biểu cảm | Nghị luận | Thuyết minh | | Có sử dụng bốn phương thức còn lại  Ngoài ra, tự sự còn có thể kết hợp với miêu tả nội tâm, đối thoại và độc thoại nội tâm (có vai trò quan trọng của người kể và ngôi kể) | - Có sử dụng các phương thức tự sự, biểu cảm, thuyết minh | - Có sử dụng các phương thức tự sự, miêu tả, nghị luân | - Có sử dụng các phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh | - Có sử dụng các phương thức miêu tả, nghị luận |   *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và trả lời.*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)  Kết hợp luyện tập trên lớp và luyện tập ở nhà để phát triển kĩ năng làm văn nghị luận. |
| - Chuẩn bị bài: ĐÀN GHI TA CỦA LORCA |

**Tuần 14**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 40, 41:***

**ĐÀN GHI TA CỦA LORCA**

**(THANH THẢO)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

- Hình tượng cao cả, đẹp đẽ của nhà thơ-chiến sĩ Lor-ca .

- Hình thức biểu đạt mang phong cách hiện đại của Thanh Thảo.

- Cảm nhận được tình cảm tri ân sâu sắc pha nỗi xót xa ân hận muộn màng của nhà thơ đối với người bà đã khuất.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan thơ hiện đại Việt Nam sau 1975

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam từ sau 1975

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thơ hiện đại Việt Nam

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của thơ hiện đại Việt Nam từ sau 1975 so với các giai đoạn trước đó; so sánh thơ siêu thực Việt Nam với thơ siêu thực nước ngoài.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Sưu tầm tranh, ảnh về Thanh Thảo, đàn ghi ta, đấu bò tót, băng bài hát: Tiếng đàn ghi-ta của Lor-ca (phổ thơ Thanh Thảo);

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  - **GV** yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài thơ bằng cách cho HS:  - Xem chân dung Lor-ca, nhà thơ Thanh Thảo  - Xem một đoạn videoclip về văn hoá Tây Ban Nha ( đấu bò tót, đàn Tây Ban Cầm)  - Nghe một đoạn bài hát *Nếu tôi chế hãy chôn tôi với cây đàn ghi ta*  - **HS** thực hiện nhiệm vụ:  - **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Mỗi dân tộc trên thế giới có một nền văn hoá riêng. Với đất nước Tây Ban Nha xa xôi, bản sắc văn hoá của họ chính là tiếng đàn ghi ta, cảnh đấu bò tót …Hôm nay, chúng ta sẽ được học một bài thơ liên quan đến điều này qua bài thơ của nhà thơ Thanh Thảo. | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **a) Mục tiêu:** Tìm hiểu tác giả, tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *-* **GV đặt câu hỏi:**  *? Nêu những nét chính về nhà thơ Thanh Thảo?*  *? Nêu những đặc điểm thơ Thanh Thảo?*  *? Nêu xuất xứ của bài thơ và những hiểu biết về Lorca?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  Tác giả Thanh Thảo (1946):Hồ Thành Công (Quảng Ngãi)- một trong những nhà thơ nổi tiếng thời chống Mĩ với các tập trường ca và tập thơ có những khám phá đổi mới trong tư duy thơ và hình thức thể loại.  + HS đọc kĩ và tự tóm tắt mục Tiểu dẫn trong SGK, tr.162 - 163.  Tập thơ Khối vuông ru bích (1985) với bài thơ Đàn ghi-ta của Lor-ca.  + HS đọc chú thích (1), (2), SGK tr.162 để hiểu về cây đàn ghi-ta; con người và sự nghiệp của nhà thơ - nhạc sĩ Tây Ban Nha.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  + **GV** nhấn mạnh và giải thích câu thơ đề từ - lời của chính Phê-đê-ri-cô Gác-xi-a Lor-ca: Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn. với những ý nghĩa khác nhau. | ***I- Tìm hiểu chung:***  **1- Tác giả:**  - Thanh Thảo là một trong những gương mặt tiêu biểu cho các nhà thơ trưởng thành trong k/c chống Mĩ.  - Ngòi bút hướng nội giàu suy tư, trăn trở về cuộc sống của nhân dân, đất nước và thời đại; luôn tìm tòi những hình thức biểu đạt mới.  **2- Tác phẩm:**  - In trong tập “Khối vuông ru bích”- 1985, là một trong những sáng tác tiêu biểu cho kiểu tư duy thơ tượng trưng.  - Đàn ghi ta (Tây Ban Cầm) có 6 dây, một nhạc cụ truyền thống của Tây Ban Nha.  - Lor-ca (1898 - 1936): nhà thơ thiên tài của TBN, người có khát vọng tự do và cách tân nghệ thuật mãnh liệt, bị chính quyền phản động thân phát xít bắt giam và giết hại. | |
| **Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản/ Tìm hiểu hình tượng Lor-ca qua cảm nhận của nhà thơ**  **a) Mục tiêu:** Hiểu được hình tượng Lor-ca qua cảm nhận của nhà thơ  **b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- GV hướng dẫn đọc:*  + Chú ý giọng điệu phóng khoáng, khi cô đơn, khi đau đớn, khi tha thiết, câu thơ mô phỏng tiếng hát, tiếng đàn: li-la-li-la-li-la cần đọc nhanh, âm thanh ríu rít.  + **GV** cùng HS đọc toàn văn bài thơ. Nhận xét cách đọc và kết quả đọc.  **+ GV tổ chức thảo luận nhóm:**  **Nhóm 1,3:**  *Hình ảnh Lor-ca nhà thơ - nhạc sĩ - nghê sĩ Tây Ban Nha hiên lên như thế nào trong tưởng tượng của Thanh Thảo?*  *Tiếng đàn ghi-ta li-la-li-la và được ví như bọt nước, hình ảnh áo choàng đỏ gắt, vầng trăng chếnh choáng, yên ngựa mỏi mòn... gợi cho em những liên tưởng gì?*  **Nhóm 2,4:**  *-Cái chết của người anh hùng đấu tranh cho tự do trong cảm nhận và suy tư của nhà thơ Việt nửa thế kỉ sau được diễn tả như thế nào?*  *-Những hình ảnh nào được nhắc lại và phát triển thêm? Dụng ý nghê thuật của tác giả?*  *-Em hình dung những hình ảnh ẩn dụ tả tiếng đàn: tiếng đàn nâu, tiếng đàn xanh, tiếng đàn tròn bọt nước vỡ tan...như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  ***Nhóm 1,3:***  - Hình ảnh so sánh ẩn dụ mới mẻ: tiếng đàn bọt nước thể hiên sự tinh tế mong manh của tiếng đàn mới mẻ, của ước vọng đổi mới nền âm nhạc Tây Ban Nha của nhà nghê sĩ thiên tài.  - Hình ảnh *áo choàng đỏ gắt* mang ý nghĩa khái quát biểu tượng một trong những đặc điểm văn hoá đặc trưng của đất nước này: những lễ hội, phong tục đấu bò tót trong những đấu trường đẫm máu với những dũng sĩ, đấu sĩ anh hùng khoác tấm choàng đỏ thắm để dụ và kích thích con bò.  - Câu thơ mô phỏng tiếng đàn ghi-ta vang lên như điệp khúc rộn ràng mà du dương. Trên cái nền âm thanh đặc biêt quyến rũ ấy là hình ảnh người nghê sĩ một mình một ngựa đi về những miền cô đơn. Trong cơn say chếnh choáng của khát vọng đổi mới, nhà thơ đã có những sáng tạo vượt thoát ra khỏi nền nghê thuật già nua đương thời.  ***Nhóm 2,4:***  + H**S** đọc 12 câu tiếp.  -Cái chết của nhạc sĩ thật đột ngột, đau đớn. Chàng bị nhà cầm quyền giết hại. Hình ảnh chiếc *áo choàng bê bết đỏ* gợi liên hệ đến những cuộc đấu bò đẫm máu mà đôi khi những đấu sĩ anh hùng cũng bị thương hoặc thiệt mạng dưới cặp sừng của con súc sinh.  -Hình ảnh Lor-ca đi ra bãi bắn như người mộng du trong tiếng ghi ta nâu, xanh, vỡ tan bọt nước, ròng ròng máu chảy là cách thể hiên mới mẻ, ấn tượng, chuyển đổi màu sắc - âm thanh trong cảm xúc và tưởng tượng của nhà thơ, gây ấn tượng mới và mạnh nơi người đọc.  + Tiếng ghi ta nâu -> trầm tĩnh, nghĩ suy.  + Tiếng ghi ta lá xanh -> thiết tha, hy vọng.  + Tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan -> bàng hoàng, tức tưởi.  + Tiếng ghi ta ròng ròng máu chảy -> đau đớn, nghẹn ngào.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | ***II- Đọc- hiểu văn bản:***  **1. Hình tượng Lor-ca qua cảm nhận của nhà thơ**  **a. Người nghệ sĩ tự do với khát vọng cách tân nghệ thuật:**  \* Với những hình ảnh tượng trưng:  - Tiếng đàn bọt nước.  - Áo choàng đỏ gắt -> gợi không gian đậm chất văn hoá Tây Ban Nha.  + Khát vọng dân chủ của công dân Lor-ca >< nền chính trị độc tài TBN.  + Khát vọng cách tân nghệ thuật >< nền nghệ thuật già nua TBN.  - Li-la li-la li-la.  - Vầng trăng chếnh choáng.  - Trên yên ngựa mỏi mòn.  -> Người nghệ sĩ - chiến sĩ tự do và cô đơn trong cuộc chiến đấu chống lại chế độ độc tài.  -> Hình ảnh Lor-ca được giới thiệu chỉ bằng vài nét chấm phá -> ảnh hưởng của trường phái ấn tượng.  **b- Cái chết bất ngờ với Lor-ca:**  - Lor-ca bị bắt và hành hình:  + Áo choàng bê bết đỏ.  + Lor-ca bị điệu về bãi bắn.  + Chàng đi như người mộng du.  -> Lor-ca đến với cái chết một cách hiên ngang và bình thản.  - Hình ảnh tượng trưng diễn tả nỗi lòng của Lor-ca:  => Hình ảnh Lor-ca với cái chết bất ngờ, oan khuất, bi phẫn bởi những thế lực tàn ác.  - Nghệ thuật khắc họa tiếng đàn:  + Phép điệp: “tiếng ghi ta” và nâng cấp độ âm thanh bằng những thanh T gieo vào tiếng cuối.  + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác qua hệ thống âm thanh (ghi ta) vỡ ra thành màu sắc (nâu, xanh) thành hình khối (tròn bọt nước vỡ tan) thành hình ảnh động (ròng ròng máu chảy).  => Tiếng đàn là nỗi lòng, là tình yêu đối với cái đẹp của Lor-ca. Cái chết đã biến Lor-ca thành hình tượng bất tử, là lời tuyên chiến mạnh mẽ của người nghệ sĩ chân chính trong môi trường bạo lực thống trị. |
| **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS đọc** - **hiểu Tâm trạng của tác giả**  **a) Mục tiêu:** Hiểu được tâm trạng của tác giả  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** Tại sao Thanh Thảo lại viết: “Không ai chôn cất tiếng đàn /tiếng đàn như cỏ mọc hoang”?  **Nhóm 2:**  Theo em, Lor-ca muốn nhắn gửi thông điệp gì qua câu nói *“khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn”*?  **Nhóm 3:** Giải mã các h/ả “giọt nước mắt , đường chỉ tay, dòng sông, lá bùa, chiếc ghi ta màu bạc…”.  **Nhóm 4:**  Suy nghĩ về cách giải thoát và giã từ của Lor-ca? Tiếng “Li la- li la- li la” trong bài thơ có ý nghĩa gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  \* **Nhóm 1**  + Nỗi xót thương cho cái chết của một thiên tài  + Là nỗi xót tiếc hành trình cách tân dang dở không chỉ của Lor-ca mà còn với nền văn chương TBN.  \* **Nhóm 2**  -chính nhà thơ, trong câu thơ đề từ lại mong muốn hâu thế sẽ vượt qua mình.  -Chôn tôi với cây đàn không chỉ là vì không thể thiếu được, xa được cây đàn ngay cả khi đã chết mà còn hàm ý nghệ thuật của Lor-ca sẽ nhất định được phát triển và thay thế bằng nghệ thuật mới của lớp trẻ, hay hơn, giá trị hơn, hiện đại hơn...  \* **Nhóm 3**  giọt nước mắt: sự thương tiếc , đường chỉ tay, dòng sông, lá bùa, chiếc ghi ta màu bạc…: gợi số mệnh đã an bài.  \* **Nhóm 4**  -Lor-ca cưỡi trên chiếc ghi-ta màu bạc, ném lá bùa vào xoáy nước, ném trái tim mình vào lặng yên bất chợt, bơi qua dòng sông mênh mông - biên giới của 2 cõi - thanh thản, vĩnh bịêt những hệ luỵ trần gian, trong tiếng đàn ghi-ta vẫn văng vẳng li-la-li-la... gợi cho người đọc nỗi buồn và tình yêu, ngưỡng vọng thấm thía.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **2- Tâm trạng của tác giả:**  - Đồng cảm với nguyện vọng của Lor-ca (Qua lời di chúc của Lor-ca)  - Câu thơ:*“không ai chôn cất tiếng đàn, tiếng đàn như* *cỏ mọc hoang*”:  -> Nghệ thuật thành thứ cỏ mọc hoang - Cái đẹp không thể huỷ diệt, sẽ sống truyền lan giản dị mà kiên cường.  - Trân trọng Lor-ca và đã hoàn thành tâm nguyện của ông: để Lor-ca thực sự được giải thoát:  + *Lor-ca bơi sang ngang.*  *+ ném lá bùa.*  *+ ném trái tim vào xoáy nước, vào cõi lặng yên*  -> đều mang ý nghĩa tượng trưng cho sự giã từ và giải thoát, chia tay thực sự với những ràng buộc và hệ luỵ trần gian.  => Cái chết không thể tiêu diệt được tâm hồn và những sáng tạo nghệ thuật của Lor- ca. Nhà cách tân vĩ đại của đất nước TBN đã trở thành bất tử trong chính cuộc giã từ này. |
| **Hoạt động 3: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** nắm được nội dung, nghệ thuật bài thơ  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- GV yêu cầu HS tổng kết nội dung, nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **III. Tổng kết:**  1/ **Nghệ thuật:** Thể thơ tự do, không dấu câu, không dấu hiệu mở đầu, kết thúc sử dụng hình ảnh, biểu tượng - siêu thực có sức chứa lớn về nội dung; tạo ra màu sắc Tây Ban Nha rất đậm nét trong bài thơ ; kết hợp hai yếu tố thơ và nhạc.  **2) Ý nghĩa văn bản:**  Ngợi ca vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn và tài năng của Lor-ca – nhà thơ, nhà cách tân vĩ đại của văn học Tây Ban Nha và thế giới thế kỉ XX. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** *Nỗi đau xót sâu sắc trước cái chết bi thảm của Lor – ca được thể hiện rõ nét và ấn tượng nhất ở hình ảnh thơ nào?* a. Áo choàng bê bết đỏ. **b. Giọt nước mắt vầng trăng – long lanh trong đáy giếng.**  c. Lor- ca bơi sang ngang.  d. Chàng ném là bùa cô gái Di – gan vào xoáy nước    **Câu hỏi 2:** *Hình ảnh tiếng đàn trong bài thơ có nét gần gũi với cách thể hiện của văn học thời kì nào?* a. Văn học dân gian.  b. Văn học cổ điển Việt Nam.  **c. Văn học hiện đại phương Tây.**  d. Văn học cổ điển Trung hoa.    **Câu hỏi 3:** *Nhân vật trữ tình hiện lên trong bài thơ có đặc điểm như thế nào?* a. Là một nghệ sĩ tài hoa, lãng mạng. b. Một con người yêu tự do. c. Một tráng sĩ dũng cảm **d. Cả A, B và C.**  **Câu hỏi 4:** *Ý kiến nào về bài thơ Đàn ghi ta của Lor – ca là* ***chưa*** *chính xác?* **a. Đậm đà màu sắc Đường thi.** b. Chịu ảnh hưởng mạnh của thuyết tương giao. c. Nhuốm màu sắc tượng trưng và siêu thực. d. Ngôn từ hết sức mới mẻ hiện đại.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  1. Ý chính của đoạn thơ :  **- Hình ảnh của Lorca, chàng nghệ  sĩ, người chiến sĩ cách mạng có lí tưởng cao đẹp nhưng số phận bất hạnh.**  **- Cái chết đầy bi phẫn của Lor-ca, người nghệ sĩ đấu tranh cho tự do đã bị bọn phát xít Phrăng-cô dẫn ra pháp trường sát hại**  2. Hiệu quả nghệ thuật các từ láy “đơn độc ”, “chếnh choáng”, “mỏi mòn ” trong đoạn thơ : Lor-ca hiện ra như một ca sĩ dân gian cô đơn , một kị sĩ lãng du phóng khoáng yêu tự do nhưng thầm lặng, Anh là người tiên phong trong cuộc đấu tranh cách tân nghệ thuật và khát vọng tự do.  3. Hiệu quả nghệ thuật của phép điệp cấu trúc :“tiếng ghi-ta ” trong đoạn thơ:  Thanh Thảo đã lặp lại 4 lần cụm từ *tiếng ghi ta* thể hiện cảm xúc mãnh liệt và cảm nhận đa chiều của tác giả về cái chết của Lor-ca. Thủ pháp chuyển đổi cảm giác góp phần tạo nên những cảm nhận rất mới, phù hợp với những nỗ lực và khát vọng cách tân của người nghệ sĩ Lor-ca.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**  *những tiếng đàn bọt nước ……………..*  *máu chảy*  Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:  1. Nêu ý chính của đoạn thơ ?  2. Nêu hiệu quả nghệ thuật các từ láy “đơn độc ”, “chếnh choáng”, “mỏi mòn ” trong đoạn thơ?  3. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp cấu trúc :“tiếng ghi-ta ” trong đoạn thơ.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)**  -Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ này là ở tính hiện đại của nó.Em có đồng ý với nhận xét này không? Thử chứng minh.  -Đọc kĩ và ghi nhớ nội dung mục Ghi nhớ tr.165. |
| - Chuẩn bị bài: Đọc thêm: - Bác ơi!  - Tự do. |

**Tuần 14**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 41:***

**Đọc thêm: *BÁC ƠI (Tố Hữu)-Tự do ( Ê lya)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

Hiểu được nỗi đau đớn, tiếc thương vô hạn của nhà thơ của nhân dân khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời.; giá trị của tự do

- Nỗi đau đớn, tiếc thương vô hạn của nhà thơ và dân tộc ta khi Bác qua đời. Ngọi ca tình yêu thương con người, tấm gương đạo đức sáng ngời của Bác. Lời hứa quyết tâm đi theo con đường Người đã chọn

- Cách lựa chọn từ ngữ, hình ảnh giản dị sáng tạo, giọng thơ chân thành, gây xúc động mạnh cho người đọc.

- Khát vọng tự do của con người ( bài Tự do)

**2. Năng lực:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về bài thơ

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Hình ảnh , phim ảnh về đám tang của Hồ Chí Minh

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

- Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  -  **GV** yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về 2 bài thơ bằng cách cho HS:  - Xem chân dung nhà thơ Tố Hữu, P.Eluya  - Xem một đoạn videoclip về đám tang HCM  - Nghe một đoạn bài hát *Miền Nam nhớ mãi ơn Người* ( Nhạc: Lưu Cầu)  Đồng thời đoán hình tác giả, tác phẩm.  **- HS** thực hiện nhiệm vụ:  - **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu dưới dạng đọc thêm 2 bài thơ: Bác ơi ( Tố Hữu) và Tự do( P.Eluya) | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **a) Mục tiêu:** Hiểu cách kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS theo dõi SGK và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ Bác ơi?*  *- GV yêu cầu đọc thơ và chia bố cục, nêu đại ý từng phần.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Tìm hiểu khái quát:**  **1. Hoàn cảnh ra đời:**  Ngày 02/9/1969, Bác Hồ từ trần, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho cả dân tộc Việt Nam. Trong hoàn cảnh ấy, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ “Bác ơi”.  ***2. Bố cục:*** chia 3 phần:  *- Bốn khổ đầu*: Nỗi đau xót trước sự kiện Bác qua đời.  *- Sáu khổ tiếp*: Hình tượng Bác Hồ.  *- Ba khổ cuối*: Cảm nghĩ khi Bác qua đời. |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc văn bản**  **a) Mục tiêu:** Hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV: Nhóm 1:**  HS tìm hiểu 4 khổ thơ đầu  + Nỗi đau xót lớn lao khi Bác qua đời được thể hiện như thế nào? (Cảnh vật? Lòng người?) Giữa cảnh vật và con người có gì tương đồng?  + Nhận xét, khái quát ý cho HS nắm  **Nhóm 2:**  HS tìm hiểu 6 khổ tiếp theo  +Hình tượng Bác Hồ được thể hiện như thế nào?  (GV gợi mở: về tình thương yêu, lý tưởng, lẽ sống...)  + Nhận xét, khái quát ý  **Nhóm 3:**  HS tìm hiểu 3 khổ cuối  + Hãy cho biết cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi?  + Nhận xét, khái quát ý  - Trên cơ sở những gợi ý và phân công về nhà, dưới sự hướng dẫn của GV, trình bày ý kiến theo nhóm  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II/ Đọc – hiểu văn bản:**  ***1) Bốn khổ đầu***: Nỗi đau xót lớn lao trước sự kiện Bác qua đời.  a. Lòng người:  - Xót xa, đau đớn: chạy về, lần theo lối sỏi quen thuộc, bơ vơ đứng nhìn lên thang gác.  - Bàng hoàng không tin vào sự thật: “*Bác đã đi rồi sao Bác ơi*”  b. Cảnh vật:  - Hoang vắng, lạnh lẽo, ngơ ngác (phòng im lặng, chuông không reo, rèm không cuốn, đèn không sáng...)  - Thừa thãi, cô đơn, khi không còn bóng dáng của Người.  c. Không gian thiên nhiên và con người như có sự đồng điệu “ Đời tuôn nước mắt/ trời tuôn mưa”→ Cùng khóc thương trước sự ra đi của Bác.  ⇒ Nỗi đau xót lớn lao bao trùm cả thiên nhiên đất trời và lòng người.  ***2) Sáu khổ tiếp:*** Hình tượng Bác Hồ.  a. Giàu tình yêu thương đối với mọi người.  b. Giàu đức hy sinh.  c. Lẽ sống giản dị, tự nhiên, khiêm tốn.  ⇒ Hình tượng Bác Hồ cao cả, vĩ đại mà giản dị, gần gũi.  ***3) Ba khổ cuối***: Cảm nghĩ của mọi người khi Bác ra đi:  a. Bác ra đi để lại sự thương nhớ vô bờ  b. Lý tưởng, con đường cách mạng của Bác sẽ còn mãi soi đường cho con cháu.  c. Yêu Bác→ quyết tâm vươn lên hoàn thành sự nghiệp CM.  ⇒ Lời tâm nguyện của cả dân tộc Việt Nam.  **III/ Tổng kết**:  1. Bài thơ là tình cảm ngợi ca Bác, đau xót, tiếc thương khi Bác qua đời. Đó cũng là tấm lòng kính yêu Bác Hồ của Tố Hữu, cũng là của cả dân tộc Việt Nam  2. Bài thơ tiêu biểu cho giọng thơ tâm tình, ngọt ngào, tha thiết của thơ Tố Hữu. | |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc văn bản Tự do**  **a) Mục tiêu:** Hiểu được nội dung, nghệ thuật văn bản.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **1. GV đặt câu hỏi:** *Dựa vào TD, em hãy tóm lược những nét cơ bản nhất về tác giả và tác phẩm ?*  **2.** . GV hướng dẫn cách đọc: giọng tha thiết, bồi hồi; nhấn giọng ở câu kết mỗi khổ thơ và từ TỰ DO.  GV đặt câu hỏi tìm hiểu bài:  ? Em hãy nêu ngắn gọn ấn tượng chung nhất của mình sau khi đọc bài thơ ?  (Về hình thức, về nhân vật ***em***, về tứ thơ ?)  ? Dựa vào đặc điểm hình thức và nội dung bài thơ, em hãy chia đoạn và gọi tên các đoạn thơ ?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **I. Tiểu dẫn**.  **1. Tác giả:**  - Pôn Ê-luy-a (1895-1952) là nhà thơ lớn nước Pháp.  - Từng tham gia trào lưu siêu thực. Trong chiến tranh thế giới lần thứ 2, ông thoát ly chủ nghĩa siêu thực, cùng nhân dân Pháp kháng chiến chống chủ nghĩa phát xít.  - Thơ ông mang đậm chất trữ tình chính trị, hơi thở của thời đại  **2. Bài thơ "Tự do**":  - Hoàn cảnh sáng tác: Được viết vào mùa hè 1941, lúc nước Pháp đang bị phát xít Đức xâm lược.  - Xuất xứ: Bài thơ được in trong tập "Thơ ca và chân lý, 1942" (1942).  **II. Hướng dẫn đọc hiểu .**  Em = TỰ DO (nhân hóa)  Tứ thơ bao trùm: **Khát vọng tự do.**  **1. Nội dung.**  a, 11 khổ đầu: Tôi viết tên em- Tự Do.  - Từ "trên" thể hiện cả không gian và thời gian:  + Chỉ địa điểm - không gian( tôi viết Tự Do ở đâu, vào đâu) + Chỉ thời gian ( tôi viết Tự Do khi nào)  - Tôi viết tên em lên mọi không gian bao la, lên mọi thời gian; Viết tên em lên những vật cụ thể hữu hình và cả những cái vô hình.  → Hình ảnh được liên tưởng ngẫu hứng. Tình yêu, khát vọng tự do cháy bỏng của nhà thơ  b, Khổ cuối: Tôi gọi tên em - Tự Do.  - Tự do- sức mạnh nhiệm màu.  - Tự do- tái sinh những cuộc đời  → Tình yêu tự do cũng là lời kêu gọi hy sinh vì tự do.  **2. Nghệ thuật**:  - Trùng điệp thủ pháp liệt kê, nhân hóa, lặp từ ngữ, cấu trúc ... qua các khổ thơ.  - Hiệu quả: Nhạc điệu thơ gợi mạch cảm xúc hướng về tự do tuôn trào, triền miên, mạnh mẽ.  **III. Kết luận.**  - Chủ đề: Khát vọng tự do cũng là lời kêu gọi hành động vì tự do của nhà thơ (và của cả dân tộc Pháp) khi đất nước bị phát xít xâm lăng.  - Không thể sống trong nô lệ, Tự Do trở thành mệnh lệnh của cuộc sống, là lương tâm của thời đại.Vì thế, bài thơ được xem là thánh ca của thơ kháng chiến Pháp. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  Cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ là xót xa, tiếc nuối khi Bác đã về với thế giới của người hiền. Đồng thời, tác giả còn thể hiện cảm hứng ngợi ca lãnh tụ. Bác ra đi, trong khi đó ở ngoài kia đang là trời đầu thu, đang là chiến thắng và hi vọng. Khung cảnh và lòng người trở nên tương phản, đối lập, gợi bao nỗi day dứt về tính chất phi lí, không thể chấp nhận được của sự mất mát. Cuộc đời càng đẹp đẽ, hấp dẫn thì sự ra đi của Bác càng gợi bao đau xót, nhức nhối tâm can.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV giao nhiệm vụ:**  Cảm xúc của tác giả Tố Hữu trong đoạn thơ sau:  *Bác đã đi rồi sao, Bác ơi! Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội Rước Bác vào thăm, thấy Bác cười!*  *Trái bưởi kia vàng ngọt với ai Thơm cho ai nữa, hỡi hoa nhài! Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm Quanh mặt hồ in mây trắng bay...*  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
|  | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **Câu 1.** Đoạn thơ trên  thuộc  thể thơ tự do  **Câu 2.** Hai biện pháp tu từ: điệp từ (trên, tôi, em);  lặp cấu trúc (ở hai dòng thơ Tôi viết tên em…) hoặc nhân hóa (gọi tự do là em)…  **Câu 3.**  Đoạn thơ bộc lộ tình yêu Tự do tha thiết, mãnh liệt của tác giả  **Câu 4.**  Tác giả viết hoa từ TỰ DO ở cuối bài nhằm mục đích:  -Thể hiện sự thiêng liêng, cao cả của hai tiếng TỰ DO  - Nhấn mạnh đề tài của bài thơ,  giải thích  tình cảm gắn bó, khao khát, tôn thờ,  … của tác giả dành trọn cho TỰ DO. TỰ DO là tất cả những gì ông  mong mỏi, mơ ước mọi lúc, mọi nơi  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**  *Đọc đoạn thơ trong bài “Tự do” SGK ngữ văn 12  và trả lời các câu hỏi:*  Trên những trang vở học sinh  Trên bàn học trên cây xanh  Trên đất cát và trên tuyết  Tôi viết tên em    …Trên sức khỏe được phục hồi  Trên hiểm nguy đã tan biến  Trên hi vọng chẳng vấn vương  Tôi viết tên em    Và bằng phép màu một tiếng  Tôi bắt đầu lại cuộc đời  Tôi sinh ra để biết em  Để gọi tên em  TỰ DO  ( Tự do – Pôn Ê-luy-a – SGK Ngữ văn 12, cơ bản, tập 1,tr. 120)  Câu 1. Cho biết đoạn thơ trên  thuộc  thể thơ nào?  Câu 2. Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên .  Câu 3. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên .  Câu 4. Anh/chị hãy  giải thích  ngắn gọn mục đích của tác giả khi viết từ  TỰ DO  ở cuối bài thơ bằng chữ in hoa?.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và trả lời.*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| **Họat động 3: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)**  -Nêu những phẩm chất đáng quý của Hồ Chí Minh ?  - Học thuộc bài thơ, nắm vững nội dung bài học. |
| - Chuẩn bị bài: Luyện tập vận dụng, kết hợp các thao tác lập luận. |

**Tuần 14**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 42:***

**LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Giải thích được khái niệm các thao tác lập luận

Nhận diện được tính phù hợp và hiệu quả của việc vận dụng kết hợp các thao tác lập luận trong một số văn bản.

- Yêu cầu và tầm quan trọng của việc vận dụng kết hợp các thao tác nghị luận trong bài văn nghị luận.

- Cách vận dụng kết hợp các thao tác nghị luận trong bài văn nghị luận.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan các thao tác lập luận

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản để phát hiện các thao tác lập luận .

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân có sử dụng các thao tác lập luận

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận những vấn đề trong cuộc sống

- Năng lực phân tích, so sánh các thao tác lập luận

- Năng lực tạo lập văn bản lập luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Những ngữ liệu tiêu biểu để nhận biết các thao tác lập luận ;

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  - **GV** yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm: Từ bậc THCS, chúng ta đã học những phương thức biểu đạt nào?Phân biệt sự khác nhau của các kiểu văn bản trên? Các kiểu văn bản trên có thể thay thế cho nhau được không? Tại sao?Các phương thức biểu đạt trên có thể được phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể hay không? Tại sao? Nêu một vì dụ để minh hoạ.  -  **HS** thực hiện nhiệm vụ:  - **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **HS** kể 6 phương thức biểu đạt;  - Các kiểu văn bản trên khác nhau ở hai điểm chính là:Thứ nhất, khác nhau về phương thức biểu đạt.Thứ hai, khác nhau về hình thức thể hiện.  - Các kiểu văn bản trên không thể thay thế cho nhau được, vì:Phương thức biểu đạt khác nhau;Hình thức thể hiện khác nhau;Mục đích khác nhau..  Các phương thức biểu đạt trên có thể phối hợp với nhau trong một văn bản cụ thể, vì: Trong văn bản tự sự có thể sử dụng phương thức miêu tả, thuyết minh, nghị luân... và ngược lại.  ***Vào bài:***Trong một văn bản nghị luận, người viết tuỳ theo yêu cầu mà có thể kết hợp nhiều phương thức biểu đạt. vậy sự kết hợp này thể hiện như thế nào? | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS luyện tập trên lớp**  **a) Mục tiêu:** Hiểu cách kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV* Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK. HS có thể hoạt động tập thể theo nhóm, tổ hoặc cá nhân.  - GV đưa ra một số gợi ý:  - Hãy nhắc lại những tao tác lập luận mà anh (chị) đã học cùng những đặc trưng cơ bản của từng thao tác.  - Đối với các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, GV cần có những giải thích thật thấu đáo. Vì những yếu tố này tưởng là xa lạ với văn nghị luận nhưng kỳ thực nếu biết vận dụng hợp lý chúng sẽ làm văn nghị luận bớt khô khan, trừu tượng.    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  **HS trả lời: 6 thao tác.**  **(giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích, so sánh, bác bỏ).**  - Thao tác lập luận phân tích: chia đối tượng ra thành nhiều yếu tố, bộ phận nhỏ để có thể nhận biết đối tượng một cách cặn kẽ, thấu đáo.  - Thao tác lập luận so sánh : Làm rõ thông tin về sự vật bằng cách đem nó đối chiếu với đối tượng sự vật khác quen thuộc hơn, cụ thể hơn để chỉ ra sự giống nhau và khác nhau giữa chúng  - Thao tác lập luận giải thích : là giảng giải về các vấn đề liên quan đến đối tượng một cách cụ thể, rõ ràng cho người nghe, người đọc hiểu tường tận.  - Thao tác lập luận chứng minh : Mục đích của chứng minh là làm người ta tin tưởng về những ý kiến, nhận xét có đầy đủ căn cứ từ trong những sự thật hoặc chân lý hiển nhiên  - Thao tác lập luận bác bỏ : Chính là dùng lý lẽ và chứng cứ để gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác từ đó nêu ý kiến đúng của mình để thuyết phục người nghe.  - Thao tác lập luận bình luận : Nhằm đề xuất và thuyết phục người đọc tán đồng với nhận xét đánh giá, bàn luận của mình về một hiện tượng trong đời sống hoặc trong văn học.+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Luyện tập trên lớp**  1. Ôn tập về các thao tác lập luận và những đặc trưng cơ bản của thao tác lập luận  - Thao tác lập luận phân tích :  - Thao tác lập luận so sánh :  - Thao tác lập luận giải thích :  - Thao tác lập luận chứng minh :  - Thao tác lập luận bác bỏ :  - Thao tác lập luận bình luận :  - Tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh : những yếu tố này có thể đem lại sự cụ thể, sống động cho văn nghị luận. |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS luyện tập tổng hợp các thao tác lập luận**  **a) Mục tiêu:** Hiểu cách kết hợp các các thao tác lập luận  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV:** Tổ chức luyện tập vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.  - **GV** yêu cầu HS xem xét một đoạn văn bản trong SGK và trả lời câu hỏi, yêu cầu chỉ ra cụ thể từng thao tác, đưa ra dẫn chứng cho từng thao tác (không phải trả lời một cách chung chung).  3. **GV** hướng dẫn HS thực hành, viết văn bản có sự kết hợp các thao tác nghị luận.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  **Kết quả mong đợi:**  - Các thao tác lập luận trong đoạn trích *Tuyên ngôn độc lập*  + Thao tác lập luận phân tích.  + Thao tác lập luận chứng minh.  + Thao tác lập luận bình luận.  + Thao tác tự sự miêu tả, biểu cảm.  - Các thao tác này được vận dụng tổng hợp, kết hợp rất linh hoạt trong đoạn trích.  3. - HS đọc kỹ đề bài  - HS viết bài dựa trên gợi ý của SGK (trong khoảng 15 - 20 phút).  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **2. Luyện tập vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.**  - Các thao tác lập luận trong đoạn trích Tuyên ngôn độc lập  - Các thao tác này được vận dụng tổng hợp, kết hợp rất linh hoạt trong đoạn trích.  3. Viết bài văn nghị luận vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận  Tham khảo bài viết trong SGK | |
| **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS luyện tập ở nhà**  **a) Mục tiêu:** Hiểu cách kết hợp các các thao tác lập luận  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- Hướng dẫn luyện tập ở nhà**  Bài tập 1 : Sưu tầm 2 đoạn văn (hoặc bài văn hay) trong đó tác giả đã sử dụng kết hợp các thao tác lập luận.  Bài tập 2 : Viết bài văn nghị luận có vận dụng tổng hợp ít nhất 3 thao tác lập luận khác nhau theo chủ đề : Một tác phẩm văn học mới ra đời và đang được nhiều người quan tâm bàn luận.  Bài tập 3 : Đọc văn bản đọc thêm Mấy nhận xét nhỏ về nghệ thuật viết tiểu thuyết (Nguyễn Đình Thi) để nắm về việc vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  *-Bài tập 1 : Sưu tầm trong sách báo nhất là các sách nghiên cứu, phê bình văn học.*  *-Bài tập 2 : HS tự viết ở nhà*  *-Bài tập 3 : Đọc và phân tích, rút ra bài học kinh nghiệm*  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm báo cáo vào tiết sau.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. |  | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** Chia vấn đề cần bàn luận ra thành các bộ phận (các phương tiện các nhân tố),để có thể xem xét một cách cặn kẽ và kĩ càng là thuộc thao tác nào? a. So sánh **b. Phân tích.** c. Tổng hợp d.Giải thích.  **Câu hỏi 2:** Kết hợp các phần (bộ phận),các mặt(phương diện),các nhân tố của vấn đề cần bàn luận thành một chỉnh thể thống nhất để xem xét là thuộc thao tác nào? a. Bình luận. b. Nêu phản đề. **c. Tổng hợp.** d. Vấn đáp.  **Câu hỏi 3:** Hãy chọn phương án điền vào chỗ trống sao cho phù hợp:  …là từ cái riêng suy ra cái chung,từ những sự vật cá biệt suy ra nguyên lý phổ biến.  a. Diễn dịch.  **b. Quy nạp.** c. Giải thích. d. Tổng hợp.  **Câu hỏi 4:** Từ tiền đề chung suy ra kết luận về những sự vật, hiện tượng riêng.  Đó là thao tác nghị luận nào?  a. Chứng minh. b. Bình Luận. c. Quy nạp  **d. Diễn Dịch.**  **Câu hỏi 5:** Ý kiến nào sau đây là chính xác nhất? a. Một bài văn nghị luận thường có sự kết hợp sử dụng nhiều thao tác nghị luận. **b.Một bài văn Nghị luận thường có sự kết hợp sử dụng nhiều thao tác nghị luận ,trong đó có một số thao tác chính yếu.** c.Một bài văn nghị luận chỉ sử dụng một thao tác nghị luận nhất định. d.Một bài văn nghị luận thường chỉ sử dụng từ một đến hai thao tác nghị luận nhất định,trong đó có một thao tác đóng vai trò là thao tác nghị luận chính.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  - Đoạn văn (1) dùng lập luận phân tích;  - Đoạn văn (2) dùng lập luận chứng minh.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**  **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**  **Xác định các thao tác lập luận trong văn bản sau:**  BÀI TOÁN TỔNG HỢP CỦA CUỘC ĐỜI  (1)Nguyên tố cơ bản của sinh mệnh là thời gian. Thời gian là một chuỗi con số khô khan đơn điệu nhưng lại thần kì. Muốn đem chuỗi số này đến một môi trường tốt để phát huy tới cực điểm, đòi hỏi phải học được cách giải tổng hợp.  Từ phép cộng trừ nhân chia bậc tiểu học tới phép phân giải nhân thức bậc trung học, lại tới phép hàm số và vi tích phân của bậc đại học, khái niệm toán học đã được thăng cấp, tuổi tác của bản thân cũng tăng lên, sự lí giải cuộc đời cũng dần dần phức tạp. Hằng số và biến số của cuộc đời dù khó giải và nắm vững, nhưng con đường đời nói chung đều phải dựa vào viêc vận dụng phép giải tổng hợp bốn phép tính cộng trừ nhân chia.  (2) Chúng ta hãy suy nghĩ nghiêm túc về biểu thức toán học sau:  [80 x 365 - (15 + 15) x 365] x 1|3 = 6083 (ngày).  Ý nghĩa của biểu thức này là: giả dụ một người có thể sống tới 80 tuổi, trừ đi 15 năm chưa hiểu biết gì và 15 năm già nua cuối đời, lại trừ đi khoảng 2|3 thời gian phải dùng vào viêc ăn, ngủ, sinh hoạt... thì thời gian của một đời người thực sự có ích, thực sự học tâp và làm viêc, cống hiến... cũng chỉ có 6083 ngày mà thôi! Thời gian sống có ích của mỗi đời người là rất ngắn! Một nhân vât dù kiêt xuất đến đâu chăng nữa cũng bị câu thúc bởi khoảng thời gian có hạn này. Vì vây, ai nhân thức được điều này thì người ấy có cơ hội thành công và ngược lại, kẻ nào đủng đỉnh rong chơi thì đó chính là hành động tự vứt bỏ những cơ hội trời cho! Một gợi ý khác của biểu thức này là, trong khoảng thời gian hữu hạn này, một người không thể thành công trong nhiều lĩnh vực, mà nhất thiết phải biết lựa chọn những lĩnh vực hoặc nghề nghiêp thích hợp và phải biết loại bỏ những sở đoản. Chỉ có như vây, con người mới thành công.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và trả lời.*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)**  Kết hợp luyện tập trên lớp và luyện tập ở nhà để phát triển kĩ năng làm văn nghị luận. |
| - Chuẩn bị bài: QUÁ TRÌNH VĂN HỌC VÀ PHONG CÁCH VĂN HỌC |

**Tuần 15**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 38,39:***

**QUÁ TRÌNH VĂN HỌC VÀ PHONG CÁCH VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Một số khái niệm về quá trình VH, trào lưu VH, phong cách nghệ thuật.

- Hiểu nội dung cụ thể của quá trình VH, trào lưu VH, phong cách nghệ thuật.

**2. Năng lực:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Hình ảnh, biểu đồ tóm tắt quá trình văn học, trào ưu văn học Việt Nam và thế giới, phong cách của một số tác giả tiêu biểu.

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản khoa học xã hội.

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về lí luận văn học.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Hình ảnh, biểu đồ tóm tắt quá trình văn học, trào ưu văn học Việt Nam và thế giới, phong cách của một số tác giả tiêu biểu.

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng cách cho HS: ôn lại một số kiến thức văn 11, 12 liên quan đến bài học  1. Tác phẩm nào được xếp vào trào lưu lãng mạng?  a/ Chí Phèo ( Nam Cao)  b/ Vội vàng ( Xuân Diệu)  c/ Chữ người tử tù( Nguyễn Tuân )  d/ Từ ấy ( Tố Hữu)  2. Tác phẩm nào sau đây thể hiện phong cách thơ có bút pháp cổ điển và tinh thần hiện đại?  a/ Chân quê( Nguyễn Bính)  b/ Vội vàng ( Xuân Diệu)  c/ Chiều tối( Hồ Chí Minh )  d/ Từ ấy ( Tố Hữu)  -  **HS** thực hiện nhiệm vụ:  **- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **Gợi ý trả lời: 1b;2c**  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu được xếp vào trào lưu văn học lãng mạn; bài thơ Chiều tối của HCM thể hiện phong cách độc đáo: bút pháp cổ điển và tinh thần hiện đại. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu một bài học mang tính LLVH liên quan đến trào lưu văn học và phong cách nghệ thuật | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1:**  **Tổ chức tìm hiểu quá trình văn học**  **a) Mục tiêu:** Hiểu cách kết hợp các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV hướng dẫn:**  1. Hướng dẫn HS tìm hiểu khái niệm quá trình văn học.  *(Trước khi yêu cầu Hs đưa ra khái niệm : Quá trình văn học, GV yêu cầu HS nhắc lại các khái niệm : văn học là gì ? và tiến trình phát triển của văn học có mối quan hệ như thế nào với các thời kỳ lịch sử, lấy ví dụ cụ thể về mối quan hệ giữa tiến trình phát triển văn học và các thời kỳ lịch sử, sau đó yêu cầu HS rút ra khái niệm: Quá trình văn học).*  - Quá trình văn học luôn tuân theo những quy luật chung nào?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  - Quá trình văn học luôn tuân theo những quy luật chung.  + Thứ nhất : văn học gắn bó với đời sống, thời đại nào văn hoá ấy, những chuyển biến của lịch sử xã hội thường kéo theo những biến động trong lịch sử phát triển của văn học.  + Thứ hai : Văn học phát triển trong sự kế thừa và cách tân : văn học dân gian là cội nguồn của văn học viết, người sau kế thừa giá trị văn học của người trước và tạo nên giá trị mới.  + Thứ ba : Văn học một dân tộc tồn tại vận động trong sự bảo lưu và tiếp biến. Là một dòng chảy của văn học thế giới.  ***\* HS trả lời cá nhân***  - Hoạt động nổi bật của quá trình văn học.  - Hiện tượng văn học có tính chất lịch sử ra đời và mất đi trong một khoảng thời gian nhất định.  - Một phong trào sáng tác văn học, tập hợp những tác giả, tác phẩm gần gũi nhau về cảm hứng, đề tài, chủ đề, nguyên tắc và phương pháp sáng tác, tạo thành một dòng rộng lớn trong đời sống văn học của một dân tộc, một thời đại.  Ví dụ: văn học Phục hưng, văn học Ánh sáng, chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn...  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Quá trình văn học**  1. Khái niệm quá trình văn học  - Văn học là một ngoại hình nghệ thuật, một hình thái ý thức xã hội đặc thù luôn vận động biến chuyển.  - Tiến trình phát triển văn học như một hệ thống chỉnh thể với sự hình thành, tồn tại, thay đổi có mối quan hệ khăng khít, chặt chẽ, hữu cơ với thời kỳ lịch sử.  - Quá trình văn học là diễn biến hình thành tồn tại, phát triển, thay đổi của văn học qua các thời kỳ lịch sử.  - Quá trình văn học luôn tuân theo những quy luật chung.  + Văn học gắn bó với đời sống.  + Bảo lưu và tiếp biến. |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu trào lưu văn học**  **a) Mục tiêu:** Hiểu các trào lưu văn học  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV:** Thảo luận nhóm  **\* Nhóm 1:**  **-VH thời phục hưng**  **- Chủ nghĩa cổ điển**  ***\* Nhóm 2 :* Chủ nghĩa lãng mạn.**  ***\* Nhóm 3 :***  **- Chủ nghĩa hiện thực phê phán**  **- Chủ nghĩa hiện thực XHCN**  **\* Nhóm 4 :**  **- Chủ nghĩa siêu thực**  **- Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo**  (Yêu cầu HS xác định đặc trưng cơ bản của văn học phục hưng chủ nghĩa cổ điển, lãng mạn, hiện thực phê phán, chủ nghĩa hiện thực XHCN - những tác giả và tác phẩm tiêu biểu của mỗi trào lưu, khuynh hướng)  - GV có thể nói thêm một số trào lưu văn học nổi bật trên thế giới như : Chủ nghĩa siêu thực, chủ nghĩa hiện thực huyền ảo,...  -HS nhắc lại các khái niệm : văn học là gì ? và tiến trình phát triển của văn học có mối quan hệ như thế nào với các thời kỳ lịch sử, lấy ví dụ cụ thể về mối quan hệ giữa tiến trình phát triển văn học và các thời kỳ lịch sử  -HS rút ra khái niệm: Quá trình văn học).  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  **\* Nhóm 1:**  Văn học thời phục hưng :  + Xuất phát : Châu Âu thế kỷ XV,XVI  + Đặc trưng : coi văn hoá cổ đại là hình mẫu lý tưởng, luôn đề cao lý trí, sáng tác theo quy luật chặt chẽ  ***\* Nhóm 2 :***  Chủ nghĩa lãng mạn :  + Hình thành : ở các nước Tây Âu sau cách mạng 1789.  + Đặc trưng : đề cao những nguyên tắc chủ quan, lấy đề tài trong thế giới tưởng tượng của nhà văn.  ***\* Nhóm 3 :***  -Chủ nghĩa hiện thực phê phán  + Thời điểm ra đời : Thế kỷ XIX  + Đặc trưng : Thiên về những nguyên tắc khách quan, đề tài lấy từ cuộc sống hiện thực.  - Chủ nghĩa hiện thực XHCN :  + Thời điểm ra đời : Thế kỷ XX.  + Đặc trưng : miêu tả cuộc sống trong quá trình phát triển cách mạng, đề cao vai trò lịch sử của nhân dân.  **\* Nhóm 4 :**  - Chủ nghĩa siêu thực: thế giới trên hiện thực mới là mảnh đất sáng tạo của nghệ sĩ.  - Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo : coi thực tại bao gồm cả đời sống tâm linh, niềm tin tôn giáo, các huyền thoại, truyền thuyết .  - HS nói tóm tắt về các trào lưu văn học ở Việt Nam, ở mỗi trào lưu kể ra các tác giả tiêu biểu.  ( ở Việt Nam, trào lưu đầu tiên xuất hiện khoảng từ những năm 30 của thế kỷ XX.  + Trào lưu lãng mạn  + Trào lưu hiện thực phê phán  + Trào lưu văn học hiện thực XHCN)  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức => Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **2. Trào lưu văn học**  - Hoạt động nổi bật của quá trình văn học là các trào lưu văn học  - Trào lưu văn học là một hiện tượng có tính chất lịch sử, ra đời và mất đi trong một khoảng thời gian nhất định. Đó là một phong trào sáng tác tập hợp những tác giả, tác phẩm gần gũi nhau về cảm hứng, tư tưởng tạo thành một dòng rộng lớn có bề thế trong đời sống văn học của một dân tộc.  - Văn học thời phục hưng :  + Xuất phát :  + Đặc trưng  - Chủ nghĩa lãng mạn :  + Hình thành :  + Đặc trưng:  - Chủ nghĩa hiện thực phê phán  + Thời điểm ra đời :  + Đặc trưng :  - Chủ nghĩa hiện thực XHCN :  + Thời điểm ra đời :  + Đặc trưng :  - Chủ nghĩa siêu thực:  - Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo :  - ở Việt Nam, trào lưu đầu tiên xuất hiện khoảng từ những năm 30 của thế kỷ XX.  + Trào lưu lãng mạn  + Trào lưu hiện thực phê phán  + Trào lưu văn học hiện thực XHCN  **HẾT TIẾT I** | |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu phong cách văn học**  **a) Mục tiêu:** Hiểu các trào lưu văn học  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **1. GV:** hướng dẫn HS tìm hiểu về khái niệm phong cách văn học.  Chúng ta vẫn thường nói phong cách Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Hồ Chí Minh, phong cách Tố Hữu, Nguyễn Tuân; phong cách Lí Bạch, Đỗ Phủ, Puskin, Sêxpia...Vậy, phong cách nghê thuật của một nhà văn là gì?  **2. GV** đặt câu hỏi: *Có phải đã là nhà văn là có phong cách nghê thuật?*  **3. GV** yêu cầu HS khi nêu mỗi biểu hiện cần lấy ví dụ cụ thể  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  2. Phong cách nghê thuật bắt nguồn từ :  -Nảy sinh do chính những nhu cầu của cuộc sống: luôn đòi hỏi những nhân tố mới mẻ, không lặp lại.  - Do nhu cầu sáng tạo nghê thuật, nhu cầu khẳng định bản lĩnh, nhu cầu tìm tòi cái mới của nhà văn.  - Tìm hiểu lí do nào khiến cho phong cách văn học xuất hiện nảy sinh ?  - Nêu mối quan hệ của phong cách văn học và quá trình văn học? Lấy ví dụ cụ thể.  **3.** Đặc điểm chủ yếu của phong cách nghê thuật:  - Cách nhìn, cách cảm thụ mang tính khám phá, giọng điệu riêng: là biểu hiên đầu tiên, quan trọng nhất.  -Sự sáng tạo các yếu tố' thuộc nội dung tác phẩm: chọn đề tài, chủ đề, xây dựng nhân vật, cốt truyên, tứ thơ, cốt kịch,...  - Hệ thống các phương thức biểu hiện, các thủ pháp kĩ thuật mangdấu ấn riêng.  - Thống nhất trong bản chất cốt lõi nhưng triển khai lại đa dạng, đoi mới.  - Có tính thẩm mĩ cao, giàu tính nghệ thuật .  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức => Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II. Phong cách văn học**  **1. Khái niệm phong cách văn học**  - Phong cách văn học là sự độc đáo, riêng biệt của các nghệ sĩ biểu hiện trong các tác phẩm của họ.  - Phong cách văn học nảy sinh do chính những nhu cầu của cuộc sống, vì cuộc sống luôn đòi hỏi sự xuất hiện những cái mới, những cái không lặp lại bao giờ, nảy sinh do nhu cầu của quá trình sáng tạo văn học.  - Quá trình văn học được đánh dấu bằng những nhà văn kiệt xuất với phong cách độc đáo của họ.  - Phong cách in đậm dấu ấn dân tộc và thời đại.  **2. Những biểu hiện của phong cách văn học.**  - Biểu hiện ở cách nhìn, cách cảm thụ có tính chất khám phá, ở giọng điệu riêng biệt của tác giả.  - Biểu hiện ở hệ thống hình tượng.  - Thể hiện ở các phương diện nghệ thuật | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Câu hỏi 1:** *Khái niệm quá trình văn học được hiểu như thế nào là đúng nhất?* a. Là diễn tiến hình thành, tồn tại, thay đổi cuả văn học qua một thời kì lịch sử. b. Là diễn tiến phát triển của văn học qua các thời kì lịch sử. **c. Là diễn tiến hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển của văn học qua các thời kì lịch sử.** d.Là diễn tiến hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển của văn học một thời kì lịch sử.  **Câu hỏi 2:** *Quá trình văn học là để chỉ phương diện nào sau đây?* a. Gồm tất cả các tác phẩm văn học. b. Gồm tất cả các hình thức tồn tại của văn học từ truyền miệng, đến chép tay, in ấn. c. Gồm tất cả các thành tố của đời sống văn học. **d. Cả A, B và C.**  **Câu hỏi 3:** *Quá trình văn học tuân theo quy luật nào sau đây?* a. Văn học gắn bó với đời sống, thời đại nào văn học ấy. b. Văn học phát triển trong sự kế thừa và cách tân. c. Văn học tồn tại, vận động trong sự bảo lưu và tiếp biến: giữ gìn, phát huy tinh hoa của truyền thống và tiếp thu cải biến cho phù hợp những tinh hoa của văn học thế giới. **d. Cả A, B và C.**  **Câu hỏi 4:** *Ý nào sau đây* ***chưa*** *nói đúng về trào lưu văn học?* a. Đó là một phong trào sáng tác tập hợp những tác giả, tác phẩm gần gũi nhau về cảm hứng, tư tưởng, nguyên tắc miêu tả hiện thực, tạo thành một dòng rộng lớn trong đời sống văn học của một dân tộc. b. Một trào lưu văn học có thể có nhiều khuynh hướng hoặc trường phái văn học. **c. Cũng có khi trào lưu văn học lại là sự tập hợp các tác phẩm, tác giả hoàn toàn đối lập nhau về mọi mặt.** d. Cũng có khi nền văn học của một dân tộc không có trào lưu văn học mà chỉ có các khuynh hướng, trường phái văn học khác nhau.  **Câu hỏi 5:** *Kiệt tác “Đôn Ki-hô-tê” của Xéc-van-tec là thuộc trào lưu văn học nào sau đây?* a. Chủ nghĩa cổ điển. **b.Văn học thời Phục hưng.** c.Chủ nghĩa hiện thực. d.Chủ nghĩa lãng mạn  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **Dựa vào bài Tác giả HCM -Tố Hữu để nêu phong cách**  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời: Trình bày phong cách sáng tác của Hồ Chí Minh, Tố Hữu?**  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và trả lời.*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)**  - Nắm vững các khái niệm trong bài học  - Ôn lại phong cách văn học của các tác giả đã học: Hồ Chí Minh-Tố Hữu- Quang Dũng-Nguyễn Khoa Điềm... |
| - Chuẩn bị bài: **TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 3** |

***TIẾT THỨ 45/*** Tuần: 15

**TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 3**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**I- Mục tiêu cần đạt**

1. Củng cố kiến thức về nghị luận văn học rút kinh nghiệm cách viết một bài nghịluận văn học.

2. Nhận ra những ưu - nhược điểm về kiến thức về kiến thức và khả năng viết bài nghị luận về thơ trữ tình.

3. Rút kinh nghiệm để phát huy những ưu điểm và hạn chế nhược điểm để chuẩn bị cho bài làm văn số 4.

**II- chuẩn bị**

1. HS chuẩn bị dàn ý bài viết (ở nhà).

2. GV chấm chữa bài, chuẩn bị nhận xét chung và nhận xét cụ thể.

III- Các nội dung dạy – học cơ bản

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò*** | ***Nội dung cần đạt*** |
| **Hoạt động 1 - Tổ chức phân tích đề**  1. **GV** tổ chức cho HS ôn lại cách phân tích đề (Khi phân tích một đề bài, cần phân tích những gì ?) HS áp dụng để phân tích đề bài viết số 3.- HS nhớ lại kiến thức phân tích đề, áp dụng phân tích đề bài số 3.  - **GV** định hướng, gạch dưới những từ ngữ quan trọng để chỉ ra các yêu cầu của đề. | **I. Phân tích đề**  1. Khi phân tích một đề bài, cần phân tích :  - Nội dung vấn đề.  - Thể loại nghị luận và những thao tác lập luận chính.  - Phạm vi tư liệu cần sử dụng cho bài viết.  2. Phân tích đề bài viết số 3  - Yêu cầu kiểu bài Đọc hiểu và Nghị luận về 1 đoạn thơ kết hợp ý kiến bàn về văn học  - Yêu cầu nội dung :  - Yêu cầu về phương thức diễn đạt, vận dụng thao tác phân tích là chính kết hợp thao tác lập luận, giải thích, so sánh, bình luận. |
| **Hoạt động 2 - Tổ chức xây dựng đáp án (dàn ý)** | **II. Xây dựng đáp án (dàn ý)** |
| **GV** tổ chức cho HS xây dựng dàn ý chi tiết cho đề bài viết số 3 (**GV** nêu câu hỏi để hướng dẫn HS hoàn chỉnh dàn ý (đáp án) làm cơ sở để HS đối chiếu với bài viết của mình). | ( Xem phụ lục ở dưới) |
| **Hoạt động 3 - Tổ chức nhận xét, đánh giá bài viết**  - **GV** cho HS tự nhận xét và trao đổi bài để nhận xét lẫn nhau.  - **GV** nhận xét những ưu, khuyết điểm. |  |
| **Hoạt động 4 - Tổ chức sửa chữa lỗi bài viết**  **GV** hướng dẫn HS trao đổi để nhận thức lỗi và hướng sửa chữa, khắc phục. | IV. Sửa chữa lỗi bài viết  Các lỗi thường gặp :  + Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí.  + Sự kết hợp các thao tác nghị luận chưa hài hòa, chưa phù hợp với từng ý.  + Kĩ năng phân tích, cảm thụ còn kém.  + Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp,… |
| **Hoạt động 5 - Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm**  GV tổng kết và nêu một số điểm cơ bản cần rút kinh nghiệm | V. Tổng kết rút kinh nghiệm  Nội dung tổng kết và rút kinh nghiệm dựa trên cơ sở chấm, chữa bài cụ thể. |

**PHỤ LỤC:**

**Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 3 :

*…Nay ở trong thơ nên có thép*

*Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

( Trích Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”-Hồ Chí Minh)

Câu 1. Một bạn học sinh cho rằng văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học. Ý kiến đó đúng hay sai? Vì sao? (1,0đ)

Câu 2. Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ trong câu: “Nay ở trong thơ nên có thép”.(1,0đ)

Câu 3. Văn bản trên giúp anh/chị nhận biết nội dung gì liên quan đến quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh?(1,0đ)

**Phần II. Làm v**ă**n (7,0** đ**i**ể**m)**

Phân tích đoạn thơ sau: *Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm*

*……………………………………………*

*Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.*

(Trích *Tây Tiến*- Quang Dũng)

Từ đó, bình luận ngắn gọn cảm hứng lãng mạn thể hiện qua đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung.

**HƯỚNG DẪN CHẤM, BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Phần | Câu | Nội dung | Điểm |
| I |  | ĐỌC HIỂU | **3.0** |
| 1 | - Ý kiến sai ( 0.25)  - Lí giải:( 0.75)  + Văn bản là hai câu thơ trích trong tác phẩm *Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”* của Hồ Chí Minh. Trong đó, nhà thơ đã dùng ngôn ngữ giàu tính biểu cảm, hình tượng đa nghĩa và mang màu sắc cá thể hoá cao độ;  +Trong khi đó, văn bản khoa học được sử dụng trong lĩnh vực khoa học, mang tính khái quát trừu tượng, tính lí trí, lô gích và tính phi cá thể. Như vậy, văn bản này không phải là văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học, mà là văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. | 1,0 |
| 2 | -Biện pháp tu từ trong câu: “Nay ở trong thơ nên có thép”: ẩn dụ (*thép)(0,5)*  -Hiệu quả nghệ thuật: Biện pháp tu từ ẩn dụ làm cho câu thơ gợi hình ảnh cụ thể, khẳng định tính chiến đấu của thơ ca và văn học nghệ thuật *(0,5)* | 1,0 |
| 3 | Văn bản trên giúp nhận biết nội dung liên quan đến quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh: Hồ Chí Minh coi văn học là một vũ khí chiến đấu lợi hại, phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận. | 1,0 |
| II |  | LÀM VĂN | **7,0** |
|  |  | Phân tích đoạn thơ trích từ “*Tây Tiến*” – Quang Dũng. Bình luận ngắn gọn cảm hứng lãng mạn thể hiện qua đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung. |  |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận | 0,5 |
| Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. |  |
| b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận | 0,5 |
| Phân tích đoạn thơ trích từ “*Tây Tiến*” – Quang Dũng. Bình luận ngắn gọn cảm hứng lãng mạn thể hiện qua đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung. |  |
| c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác phân tích, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng. | 5,0 |
| c.1/ Giới thiệu về tác giả, tác phẩm; nêu vấn đề cần nghị luận | *1,00* |
| c.2/ Phân tích nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ:  - Đoạn thơ trong bài Tây Tiến là hồi ức của nhà thơ về con đường hành quân dữ dội mà thơ mộng, người lính Tây Tiến can trường, hào hoa.  *+ Về nội dung(2.0)*  ++Bốn câu đầu: thiên nhiên hiện ra với mọi sắc độ khắc nghiệt, dữ dội hoặc mênh mang của nó. Con đường hành quân nhiều dốc. Người lính vượt dốc chịu đựng gian khổ nhưng tâm hồn lại thanh thản, nhẹ nhàng ( *dẫn thơ – phân tích )*  ++Hai câu tiếp: Hiểm nguy không chỉ là núi cao dốc thẳm, không chỉ là mưa lũ thác ngàn mà còn có tiếng gầm của cọp beo nơi rừng thiêng nước độc, nơi đại ngàn hoang vu.( *dẫn thơ – phân tích )*  ++Hai câu tiếp: nói đến sự hy sinh của đồng đội trên những chặng đường hành quân .( *dẫn thơ – phân tích )*  ++Hai câu cuối: Nhớ hình ảnh người lính khi dừng chân ở Mai Châu ( *dẫn thơ – phân tích )*  - Cả đoạn thơ :  + Bức tranh thiên nhiên núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội, bí hiểm mà thơ mộng, trữ tình.  +Hình ảnh người lính trên chặng đường hành quân đầy gian nan, nguy hiểm; tuy vất vả, hi sinh nhưng vẫn ngang tàng, trẻ trung, lãng mạn.  ***+* *Về nghệ thuật:****(0,50):* thể thơ thất ngôn mang đậm chất nhạc và chất thơ, kết hợp hài hoà giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn; ngôn ngữ giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu; biện pháp tu từ đặc sắc… | *2,50* |
| c.3/ Bình luận ngắn gọn cảm hứng lãng mạn thể hiện qua đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung  - Giải thích: Cảm hứng lãng mạn trong văn học được hiểu là xu thế vươn lên, vượt lên trên thực tại khách quan bằng cảm xúc chủ quan của người nghệ sĩ, thể hiện những khát vọng mạnh mẽ hướng về những vẻ đẹp khác lạ trong thế giới của mơ ước, tưởng tượng, ở tương lai hay quá khứ.  - Sự thể hiện cảm hứng lãng mạn trong đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung: thể hiện trên hai phương diện: nội dung cảm hứng (hình tượng thiên nhiên; hình tượng người lính Tây Tiến); nghệ thuật thể hiện (bút pháp tương phản, giọng điệu trữ tình và bi tráng của tác phẩm,...).  -Bình luận ý nghĩa:  +Cảm hứng lãng mạn giúp tác giả khắc hoạ vẻ đẹp hào hùng, hào hoa, sự hi sinh bi tráng của người lính Tây Tiến cùng vẻ đẹp hùng vĩ, thơ mộng của thiên nhiên miền Tây, tạo nên một tác phẩm độc đáo trong thơ ca thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.  + Cảm hứng lãng mạn và sự thể hiện phong cách của tác giả: nét hồn nhiên, tinh tế, vẻ đẹp hào hoa, phóng khoáng, đậm chất lãng mạn của hồn thơ Quang Dũng. | *1,50* |
| d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận. 0,5 | |
| e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. 0,5 | |
| ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm. | |

**IV-HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:Soạn bài NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ (Nguyễn Tuân )**

**Tuần 13**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 38,39:***

**Người lái đò sông Đà**

**( Trích )**

**- Nguyễn Tuân –**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

- HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích tác phẩm kí *Người lái đò Sông Đà* - Nguyễn Tuân,

- Hiểu một số đặc điểm và sự đóng góp của thể loại kí Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến kí hiện đại Việt Nam.

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm kí hiện đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về kí văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm kí văn học .

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các thể loại tuỳ bút-bút kí-hồi kí

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim *về Sông Đà, ;*

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  - **GV** yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về HCM bằng cách cho HS:   * Xem chân dung Nguyễn Tuân * Xem một đoạn videoclip về Sông Đà   - **HS** thực hiện nhiệm vụ:  - **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Có một nhà văn từng quan niệm: Văn chương trước hết phải là phải là văn chương, nghệ thuật trước hết phải là nghệ thuật. Và đã là nghệ thuật thì phải có phong cách độc đáo. Nhà văn ấy chính là Nguyễn Tuân. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ được tiếp xúc với tác giả này qua tùy bút Người lái đò sông Đà.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **a) Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS theo dõi SGK và trả lời:*  - Cho biết thể loại và xuất xứ tác phẩm?  **-** *Người lái đò sông Đà* được sáng tác trong hoàn cảnh nào?  - Tuỳ bút là gì?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  - Nguyễn Tuân( 1910-1987) là người trí thức, giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc  - Ông là nhà văn tài hoa và uyên bác  -Nguyễn Tuân là người có cá tính mạnh mẽ và phóng khoáng. Với cá tính của mình, ông tìm đến thể tuỳ bút như một thể tất yếu.  **Tích hợp kiến thức Lí luận văn học: Tuỳ bút**  - Vừa giàu tư liệu thực tế  - Vừa mang tính chủ quan, tự do, phóng túng, biến hoá linh hoạt, giàu hình ảnh, nhạc điệu, từ ngữ phong phú, nhiều cách so sánh liên tưởng…  - Thể loại giúp Nguyễn Tuân thăng hoa cảm xúc và tư tưởng của mình.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  ***\*GV Tích hợp kiến thức Địa lí, Lịch sử Việt Nam những năm 60 hướng dẫn học sinh tìm hiểu tên gọi Sông Đà và hoàn cảnh ra đời tuỳ bút của Nguyễn Tuân***  **Tích hợp kiến thức địa lí:**  **- Sông Đà** (còn gọi là **sông Bờ** hay **Đà Giang**) là [phụ lưu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BB%A5_l%C6%B0u) lớn nhất của [sông Hồng](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B4ng_H%E1%BB%93ng). Sông bắt nguồn từ tỉnh [Vân Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%A2n_Nam), [Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c) chảy theo hướng tây bắc - đông nam để rồi nhập với sông Hồng ở Phú Thọ.  **Tích hợp kiến thức lịch sử:**  - Năm 1960 là thời kì miền Bắc xây dựng CNXH. Vì thế, nhà văn rất quan tâm đến người lao động | ***I/ Tìm hiểu chung:***  **1. Tác giả NT**: (Xem lại phần TD bài *Chữ người tử tù,* SGK Ngữ văn 11, tập I, tr 107).  **2. Tuỳ bút “Sông Đà”**  a. Hoàn cảnh sáng tác: ra đời năm 1960, gồm 15 tuỳ bút, là kết quả chuyến đi thực tế của tác giả năm 1958 ở vùng Tây Bắc.  **b. Xuất xứ:** Bài tùy bút được in trong tập *Sông Đà* (1960).  **c. Thể loại** Tuỳ bút:  - Tuỳ bút thuộc thể kí  -Thể hiện tính chủ quan, chất trữ tình rất đậm. Nhân vật chính là *cái tôi* của nhà văn;  -Ngôn ngữ giàu hình ảnh và chất thơ.  **d. Nội dung:**  - Phông cảnh Tây Bắc vừa hung bạo hùng vĩ, vừa thơ mộng trữ tình.  - Con người Tây Bắc dũng cảm, cần cù. | |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản/ Tìm hiểu hình tượng con sông Đà**  **a) Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật trong văn bản  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **1. GV:** Gv hướng dẫn HS cần đọc kĩ, vừa đọc vừa suy ngẫm và cảm nhận mạch văn, giọng điệu, ngôn ngữ cực kì biến hoá của Nguyễn Tuân  - Sau khâu đọc, GV gọi 1 vài HS phát biểu cảm nhận chung về các hình tượng nổi bật trong đoạn trích, về văn phong Nguyễn Tuân.  ***\*GV Tích hợp kiến thức Tiếng Việt ( từ Hán Việt), làm văn ( thao tác so sánh) hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm độc đáo của con sông Đà.***  Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng con sông Đà hung bạo:  Gọi HS đọc các đoạn văn ở trang 186,187.  **2.** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1:** Tìm những dẫn chứng tiêu biểu liên quan đến hình ảnh con sông Đà hung bạo?  **Nhóm 2:** Trong thiên tùy bút, tác giả đã dùng những biện pháp nghệ thuật nào để khắc họa một cách ấn tượng hình ảnh con sông Đà hung bạo?  ***\*GV Tích hợp kiến thức âm nhạc, hội họa, quân sự, Tiếng Việt ( biện pháp tu từ về từ), hướng dẫn học sinh tìm hiểu đặc điểm độc đáo trong tài năng nghệ thuật của tác giả qua một đoạn văn tiêu biểu:*** *…Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. …hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này.*  Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng con sông Đà trữ tình:  Gọi 1 HS đọc các đoạn văn ở trang 190, 191.  **Nhóm 3:** Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình? Dẫn chứng minh hoạ? (Câu 3, SGK)  **Nhóm 4:** Qua hình tượng sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình cảm gì đối với thiên nhiên đất nước ?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  \* **Nhóm 1** trình bày kết quả thảo luận:  - Tả vách thành  -Tả ghềnh Hát Loóng  -Tả cái hút nước  -Tả thác  -Tả *thạch thuỷ trận*  Cụ thể : Cảnh đá *dựng thành vách*, những đoạn đá *chẹt* dòng sông như cái yết hầu; cảnh *nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió cuồn cuộn luồng gió gùn ghè*; những hút nước sẵn sàng nhấn chìm và đập tan chiếc thuyền nào lọt vào; những thạch trận, phòng tuyến sẵn sàng *ăn chết* con thuyền và người lái đò;…  \* **Nhóm 2** trình bày kết quả thảo luận:  - *Tác giả vận dụng ngôn ngữ , kiến thức của các ngành, các bộ môn trong và ngoài nghệ thuật để làm nên hàng loạt so sánh liên tưởng, tưởng tượng kì lạ, bất ngờ.*  -Chứng minh:  Trong đoạn văn *Còn xa lắm…*, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều biện pháp tu từ về từ. Đó là :  - So sánh : *thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo..*  - Nhân hoá: *oán trách , van xin, khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo.., rống lên , mai phục ,nhổm cả dậy ,ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó …*  Tác dụng của hình thức nghệ thuật này là : gợi hình ảnh con sông Đà hùng vĩ, dữ dội. Không còn là con sông bình thường, Sông Đà như có linh hồn, đầy tâm địa, nham hiểm. Qua đó, ta thấy được phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân.  - Nguyễn Tuân đã sử dụng tổng hợp tri thức của nhiều ngành . Cụ thể :  - âm nhạc : tả âm thanh tiếng thác : *nước réo gần mãi lại, réo to mãi lên…*  - Hội hoạ : vẽ bộ mặt của Đá : *nhăn nhúm méo mó*  - Quân sự: *mai phục*  Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng đó là : thể hiện phong cách tài hoa, uyên bác của Nguyễn Tuân khi tả dòng sông Đà. Con sông được nhìn ở nhiều góc độ, trở nên sống động, mạnh mẽ, ấn tượng, thể hiện tình yêu thiên nhiên sâu đậm của nhà văn.  - Trong đoạn văn tả *thạch thuỷ trận*:  + Ngôn ngữ bóng đá : đá xếp hàng *tiền vệ...*  + Ngôn ngữ quân sự : đánh *vu hồi, đánh hồi lùng, pháo đài đá*  \* **Nhóm 3** trình bày kết quả thảo luận:  *-Tác giả viết những câu văn mang dáng dấp mềm mại, yên ả, trải dài*  + Sông Đà nhìn từ trên cao  + Sau chuyến đi dài ngày  + Khi đi thuyền trên sông Đà  Cụ thể :  -Dòng chảy uốn lượn của con sông như mái tóc người thiếu nữ Tây Bắc diễm kiều (Câu văn *"Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân”*khá dài, chỉ có một dấu phẩy, đòi hỏi người đọc phải đọc một hơi. Bằng lối viết này, phải chăng tác giả muốn nói với người đọc rằng dù ông có nói đến cạn hơi cũng không hết những nỗi niềm cảm xúc mà con sông Đà đã gợi lên.  ; nước sông Đà biến đổi theo mùa, mỗi mùa có một vẻ đẹp riêng;  - Cảnh vật hai bên bờ sông Đà vừa hoang sơ nhuốm màu cổ tích, vừa trù phú, tràn trề nhựa sống  \* **Nhóm 4** trình bày kết quả thảo luận:  -Qua hình tượng sông Đà, Nguyễn Tuân thể hiện tình yêu mến thiết tha đối với thiên nhiên đất nước. với ông, thiên nhiên cũng là một tác phẩm nghệ thuật vô song của tạo hóa.  -Cảm nhận và miêu tả sông Đà, Nguyễn Tuân đã chứng tỏ sự tài hoa, uyên bác và lịch lãm. Hình tượng sông Đà làm phông nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của người lao động trong chế độ mới.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | ***II/ Đọc - hiểu văn bản:***  **A. Nội dung:**  **1. Hình tượng con sông Đà:**  **a. Lai lịch con sông:**  - “Chung thuỷ giai Đông tẩu; Đà giang độc Bắc lưu” (mọi con sông đều chảy theo hướng Đông, chỉ có sông Đà theo hướng Bắc)  - Thơ Ba Lan: Đẹp vậy thay tiếng hát dòng sông  - Ý nghĩa: Sông Đà như một nhân vật có diện mạo, có cá tính độc đáo.  **b. Một con sông hung bạo, dữ dằn:**  - *Quan sát công phu, tìm hiểu kĩ càng để* *khắc họa sự hung bạo trên nhiều dạng vẻ:*  + Trong phạm vi 1 lòng sông hẹp, như chiếc yết hầu bị đá bờ sông chẹt cứng.  + Trong khung cảnh mênh mông hàng cây số của một thế giới đầy gió gùn ghè, đá giăng đến chân trời và sóng bọt tung trắng xóa đòi *nợ xuýt*( từ độc đáo)  + Những cái hút nước xoáy tít lôi tuột mọi vật xuống đáy sâu.  + Những trùng vi thạch trận sẵn sàng nuốt chết con thuyền và người lái.  + Âm thanh luôn thay đổi: oán trách nỉ non 🡪 khiêu khích, chế nhạo 🡪 rống lên.  - *Vận dụng ngôn ngữ , kiến thức của các ngành, các bộ môn trong và ngoài nghệ thuật để làm nên hàng loạt so sánh liên tưởng, tưởng tượng kì lạ, bất ngờ.*  + Hình dung một cảnh tượng rất đỗi hoang sơ bằng cách liên tưởng đến hình ảnh của chốn thị thành, có hè phố, có khung cửa sổ trên “cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện”.  + Tả cái hút nước quãng Tà Mường Vát:   * nước thở và kêu như cửa cống cái bị sặc. * ***ặc ặc*** lên như vừa rót dầu sôi vào. ( âm thanh-âm nhạc độc đáo)   + Lấy hình ảnh “ô tô sang số nhấn ga” trên “quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực” để ví von với cách chèo thuyền …  + Tưởng tượng về cú lia ngược của chiếc máy quay từ đáy cái hút nước🡪 cảm thấy có một cái thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày. ( ngôn ngữ điện ảnh)  + Dùng lửa để tả nước.  ->Biểu tượng về sức mạnh dữ dội và vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên đất nước.  ->Bậc kì tài trong lĩnh vực sử dụng ngôn từ (sự phá cách mà ngoại trừ các tay bút thực sự tài hoa, không ai làm nổi)  **c. Một con sông Đà trữ tình:**  - *Viết những câu văn mang dáng dấp mềm mại, yên ả, trải dài như chính dòng nước*: con sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình,...  - *Dụng công tạo ra một không khí mơ màng, khiến người đọc có cảm giác như được lạc vào một thế giới kì ảo.*  + Con sông giống như một cố nhân lâu ngày gặp lại.  + Nắng cũng “giòn tan” và cứ hoe hoe vàng mãi cái sắc Đường thi “yên hoa tam nguyệt”  + Mũi thuyền lặng lẽ trôi trên dòng nước lững lờ như thương như nhớ.  + Con hươu thơ ngộ trên áng cỏ sương như biết cất lên câu hỏi không lời.  + Bờ sông hoang dại và hồn nhiên như một bờ tiền sử, phảng phất nỗi niềm cổ tích.   * Sự tài hoa đã đem lại cho áng văn những trang tuyệt bút.   Tạo dựng nên cả một không gian trữ tình đủ sức khiến người đọc say đắm, ngất ngây. |
| **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông Đà hung bạo**  **a) Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật trong văn bản  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS theo dõi SGK và trả lời:*  **1. GV** gọi HS đọc đoạn miêu tả 1 quãng thuỷ chiến ở mặt trận sông Đà.  **2.** Tổ chức cho HS thảo luận câu 4 SGK: Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến với con sông Đà hung bạo?  **Nhóm 1:** Tìm những dẫn chứng tiêu biểu liên quan đến hình ảnh ông đò có vẻ đẹp là người giàu trải nghiệm?  ***GV tích hợp kiến thức Tiếng Việt (so sánh tu từ, nhân hoá), ngôn ngữ quân sự (binh pháp, phục kích).***  **Nhóm 2:** Tìm và phân tích dẫn chứng tiêu biểu diễn tả cuộc chiến giữa người và sông qua 3 vòng *trùng vi*?  ***GV tích hợp kiến thức Tiếng Việt (so sánh tu từ, nhân hoá, tương phản, dùng hàng loạt động từ mạnh), ngôn ngữ thể thao (đô vật, đánh miếng đòn độc), quân sự( chiến thuật, trận địa).***  **Nhóm 3:** Tìm những dẫn chứng tiêu biểu liên quan đến hình ảnh ông đò có vẻ đẹp của một tâm hồn nghệ sĩ?  **Nhóm 4:** Hãy cắt nghĩa vì sao, trong con mắt của Nguyễn Tuân, thiên nhiên Tây Bắc quý như *vàng* nhưng con người Tây Bắc mới thật xứng đáng là *vàng mười* của đất nước ta?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  **Đại diện nhóm 1 trả lời:**  -“trí nhớ ông được rèn luyện cao độ bằng cách lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào lòng tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở. Sông Đà, đối với ông lái đò ấy, như một trường thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc đến cả những cái chấm than chấm câu và những đọan xuống dòng ”.  - “ông lái đã nắm chắc được binh pháp của thần sông, thần đá. Ông đã thuộc qui luật phục kích của lũ đá”.  **Đại diện nhóm 2 trả lời:**  + Ở **trùng vi thứ nhất,** vừa vào trận, sóng nước, đá sông hò la vang dậy, ùa vào bẻ gãy cán chèo võ khí, đá trái thúc vào bụng, vào hông thuyền. Nước như đô vật túm thắt lưng ông đò rồi đánh miếng đòn độc, đánh vào chỗ hiểm. Nhưng ông đò cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt cuống lái, mặt méo bệch đi. Trên con thuyền sáu bơi chèo vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy ngắn gọn và tỉnh táo của người cầm lái, ông đò thực là một chiễn sĩ dũng cảm, rất bình tĩnh nén mọi đau đớn để chiến thắng kẻ thù.  +Sang **trùng vi thứ hai**, không một phút ngừng tay nghỉ mắt, ông đò thay đổi chiến thuật. Rất nham hiểm, xảo quyệt, ***sông Đà tăng thêm cửa tử, bố trí cửa sinh lệch sang bên phải để đánh lừa ông lái. Như thú dữ, dòng thác hùm beo hồng hộc tế mạnh. Bọn thủy quân xô ra định kéo thuyền vào tập đoàn cửa tử. Với khí thế cưỡi đến cùng như cưỡi hổ, nắm chặt bờm sóng, ông đò  ghì cương bám chắc lấy luồng nước đúng, phóng nhanh vào cửa sinh mà lái miết một đường chéo***. Hành động của ông lão thành thạo, chính xác, dũng mãnh trong từng động tác, đúng là tay lái ra hoa, điêu luyện của người nghệ sĩ. Bằng trí dũng, nghị lực kiên cường, người lái đò đã đánh bại dòng thác hùm beo đang hồng hộc tế mạnh.  **+Trùng vi thứ ba *ít cửa hơn, nhưng bên phải bên trái đều là cửa tử.*** Luồng sống ở ngay giữa bọn đá hậu vệ. ***Như một lão tướng, dày dạn kinh nghiệm, dũng cảm, nhanh gọn, dứt khoát, ông đò bình tĩnh tiến vào trận địa, rồi bất ngờ phóng thẳng, chọc thủng cửa giữa. Con thuyền như một mũi tên lao vút xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa lái được, lượn được qua cổng đá cánh mở cánh khép. Thế là qua luồng chết, thế là hết cửa tử, ra đến cửa sinh***,... dòng sông vặn mình vào một bến cát có hang lạnh. Ông đò uy nghi rạng rỡ trở về từ cõi chết. Ông đã chiến thắng thiên nhiên làm chủ cuộc đời. Cuối cùng thiên nhiên phải khuất phục dưới sự tài ba và lòng dũng cảm tuyệt vời của con người.  **Đại diện nhóm 3 trả lời:**  *- Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá , nướng ống cơm lam , và tòan bàn tán về cá anh vũ , cá dầm xanh … Cũng chẳng thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua ”.* Ông đò bộc lộ 2 phẩm chất của người nghệ sĩ: lối sống giản dị và đức tính khiêm tốn  **Đại diện nhóm 4 trả lời:**   * Thiên nhiên:*vàng* vì sông Đà vừa có vẻ đẹp hùng vĩ, vừa có vẻ đẹp thơ mộng * Cong người: *vàng mười* vì con người đẹp hơn tất cả, đẹp nhất từ trong lao động, trở thành anh hùng và nghệ sĩ.   -Họ có nhiều nét khác nhau vì họ xuất hiện trong hai thời kỳ khác nhau của lịch sử đất nước. Song cả hai đều giống nhau ở chất nghệ sĩ, chất chiến sĩ vẻ đẹp thăng hoa của con người trong vị trí xã hội, trong công việc cụ thể khi làm người và một nét chung nữa, ông đò cũng như ông Huấn đều rạng ngời phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân: tài hoa, uyên bác đầy sáng tạo bất ngờ trong dùng từ, viết câu và nồng ấm một tình yêu con người.  -Hình ảnh ông lái đò cho thấy Nguyễn Tuân đã tìm được nhân vật mới: nhưng con người đáng trân trọng, ngợi ca, khong thuộc tầng lớp đài các *vang bóng một thời*  mà là những người lao động bình thường-chất *vàng mười của Tây Bắc*. Qua đây, nhà văn mốn phát biểu quan niệm: người anh hùng không chỉ có trong chiến đấu mà còn có trong cuộc sống lao động thường ngày.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | |  |
| **Hoạt động 4: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật trong văn bản  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV: Nêu thành công nghệ thuật và ý nghĩa văn bản của đoạn trích tuỳ bút?*Người lái đò sông Đà* ngợi ca điều gì?Qua tác phẩm, em có thể rút ra được điều gì về tác giả Nguyễn Tuân?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV** bổ sung cho HS kiến thức liên quan đế lai lịch và ngoại hình ông đò, ***tích hợp kiến thức Tiếng Việt ( so sánh tu từ, từ láy, liệt kê,…)***  +Bước vào cái tuổi 70, đầu tóc bạc trắng, thân hình ông lái đò vẫn đẹp như một pho tượng tạc bằng đá cẩm thạch. Nước da ánh lên chất sừng chất mun. Cánh tay rắn chắc trẻ tráng “Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh như kẹp lấy một cuống lái tưởng tượng”  + những dấu tích trên thân thể và mỗi dấu tích là một thành tích, một sự kiện lịch sử của cuộc đời ông lão đã thầm lặng lập lên. Trên ngực của ông nổi lên một số "củ nâu" thương tích trên "chiến trường Sông Đà" – một "thứ Huân chương lao động siêu hạng".  **GV** hướng dẫn học sinh vận dụng phép so sánh *Người lái đò sông Đà* với *Chữ người tử tù* viết trước cách mạng ở phương diện khắc họa con người.  ***GV*** tích hợp kiến thức làm văn ( thao tác phân tích, bình luận, so sánh) để hướng dẫn HS phát hiện nét giống và khác nhau giữa nhân vật Huấn Cao và ông đò.  GV chốt lại: Anh hùng và nghệ sĩ là cái Đẹp ở ông đò mà nhà văn đã tìm kiếm được, không cần phải đi tìm ở  *một thời vang bóng* xa xôi ( như nhân vật Huấn Cao) mà phát hiện cái đẹp ngay trong cuộc sống hiện tại, trong con người bình thường và trong cái nghề bình thường. | | ***III. Tổng kết***  **1. Nghệ thuật:**  - Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị.  - Từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao.  - Câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình…  ***2. Ý nghĩa văn bản:***  - Giới thiệu, khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc.  - Thể hiện tình yêu mến, sự gắn bó thiết tha của Nguyễn Tuân đối với đất nước và con người Việt Nam. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- GV giao nhiệm vụ: trả lời câu hỏi TN**  **Câu hỏi 1:** *Thông tin nào về tập “Sông Đà” của* [Nguyễn Tuân](file:///C:\Users\Administrator\AppData\Roaming\Microsoft\AppData\Local\frntpg%206\Chan%20dung%20nha%20van%2012-Tap%20I\gioi%20thieu%20nguyen%20tuan.htm) *là* ***chưa chính xác****?* a. Tác phẩm được xuất bản vào năm 1960 và là kết quả của nhiều dịp Nguyễn Tuân đến với Tây Bắc trong kháng chiến chống Pháp và đặc biệt là chuyến đi thực tế năm 1958. b. Tác phẩm gồm 15 bài tùy bút và bài thơ ở dạng phác thảo. **c. Tác phẩm chủ yếu hướng tới ngợi ca nhân dân Tây Bắc trong cuộc kháng chiến chống Pháp.** d.Tác phẩm vừa mang yếu tố truyện,vừa thoải mái bàn bạc, nghị luận, triết luận..  **Câu hỏi 2:** *Dòng nào dưới đây* ***chưa*** *nói đúng đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm Sông Đà ?* a. Ngôn ngữ đôi chỗ kiểu cách cầu kì quá mức. b. Tinh tế, hiện đại, vừa trí tuệ lại vừa giàu cảm xúc thẩm mĩ. **c. Vừa đậm màu sắc cổ điển, vừa rất giàu chất hội họa.** d. Vừa đậm chất thơ, vừa giàu chất tạo hình.  **Câu hỏi 3:** *Cảm hứng sáng tạo của tập tùy bút “Sông Đà” được khơi gợi chủ yếu từ hiện thực nào ?* a. Hiện thực cuộc kháng chiến hào hùng ở Tây Bắc. **b. Thực tiễn xây dựng cuộc sống mới ở Tây Bắc.** c. Hình ảnh con Sông Đà. d. Hình ảnh thiên nhiên Tây Bắc.  **Câu hỏi 4:** *Ý đồ nghệ thuật chủ yếu của Nguyễn Tuân qua tùy bút “Người lái đò Sông Đà”?* a. Tô đậm vẻ hung bạo dữ dội của thiên nhiên như một đe dọa nguy hiểm mà con người phải vượt qua. **b. Thể hiện tình yêu thiên nhiên đất nước và sự tôn vinh người lao động.** c. Thể hiện niềm cảm thông đối với người lao động bởi phải đối diện với thiên nhiên hung bạo. d. Khẳng định một tương lai tươi sáng của cuộc sống người lao dộng Tây Bắc.  **Câu hỏi 5:** *Trong tùy bút Người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân khẳng định tài nguyên quý nhất của Tây Bắc là gi?* a. Các mỏ quặng dưới lòng đất. b.Dòng nước Sông Đà. c.Các cánh rừng hai bên bờ sông. **d.Con người bản địa và con người miền xuôi lên góp phần xây dựng Tây Bắc.**  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức miêu tả là chính. Tác dụng : tạo nên hình ảnh một sông Đà với nhiều sắc vẻ độc đáo vào hai thời điểm là mùa xuân và mùa thu, giúp cho bức tranh về dòng sông trở nên sống động và chân thật.  **2.** Nội dung chính của đoạn văn bản trên: Miêu tả vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của sông Đà khi nhìn từ trên cao.  3. Câu văn *Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân :*  - Biện pháp tu từ so sánh :  *Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình*  - Phối thanh : đa số là thanh Bằng ( B)  Hiệu quả nghệ thuật: So sánh sông Đà với áng tóc trữ tình và phối thanh nhiều thanh bằng, Nguyễn Tuân đã gợi vẻ đẹp trữ tình, thơ mộng của dòng sông, tràn đầy sức sống của một thiếu nữ đang độ xuân thì, vừa kiều diễm, vừa hoang dại, man sơ. Qua đó, tác giả thể hiện cái nhìn yêu mến tha thiết vẻ đẹp của thiên nhiên Việt Nam.  4. Ý nghĩa từ láy được sử dụng trong đoạn văn bản : Từ láy *lừ lừ* mang sắc thái của một con người trầm mặc, tính cách tĩnh lặng, được nhà văn miêu tả như mặt một người đang bầm đi vì rượu bữa hay giận dữ, bực bội khi thu về. Cách dùng từ như vậy khiến dòng sông không chỉ là vật thể tĩnh lặng mà còn có sắc thái cảm xúc như con người.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**  *(…) Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà.   Mùa xuân dòng   xanh ngọc bích, chứ  nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm, Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về (…)*  ( Trích Tuỳ bút Sông Đà-Nguyễn Tuân)  1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chính là gì? Phương thức đó có tác dụng gì trong việc thể hiện tư tưởng chủ đạo của đoạn trích ?  2. Nêu nội dung chính của đoạn văn bản trên ?  3. Câu văn *Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân* sử dụng biện pháp tu từ về từ như thế nào ? Việc phối thanh có gì đặc biệt ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép tu từ và việc phối thanh đó ?  4. Phân tích ngắn gọn ý nghĩa từ láy  *lừ lừ*  được sử dụng trong đoạn văn bản trên ?  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và trả lời.*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)** |
| - Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân và hình tượng sông Đà hung bạo, trữ tình ; ông đò anh hùng và nghệ sĩ.  - Dặn dò: Chuẩn bị bài Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận  + Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm *Người lái đò sông Đà;*  + Liệt kê dẫn chứng và phân tích hiệu quả vài biện pháp nghệ thuật mà nhà văn đã sử dụng để khắc họa hình tượng sông Đà;  + Phân tích hình ảnh người lái đò trong cảnh vượt thác./. |

**Tuần 13**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 38,39:***

**CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận ra lỗi trong quá trình lập luận trong văn nghị luận

- Nguyên nhân của lỗi lập luận

- Hiểu được các lỗi trong quá trình lập luận

**2. Năng lực:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản có mặc lỗi trong khi diễn đạt

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản nghị luận;

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân sao cho các diễn đạt trôi chảy, trong sáng.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Những ngữ liệu có dấu hiệu sai khi lập luận;

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  -  **GV** yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng cách chọn và bài làm của HS có mắc lỗi về diễn đạt để hướng dẫn các em sửa lỗi.  - **HS** thực hiện nhiệm vụ:  - **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong quá trình viết văn nghị luận, chúng ta thường mắc nhiều lỗi về cách nêu luận điểm, luận cứ và luận chứng. Bài học hôm nay chúng ta sẽ đi vào tìm hiểu các lỗi thường gặp để tìm cách phân tích và sửa chữa khi viết văn nghị luận.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS Tổ chức tìm hiểu và chữa lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm.**  **a) Mục tiêu:** Hiểu cách chữa lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV nêu nhiệm vụ:*  1. Tìm hiểu những đoạn văn SGK và cho biết việc nêu luận điểm mắc lỗi là gì ?  2. GV hướng dẫn HS chữa lại những đoạn văn trên cho đúng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  1. HS chỉ ra lỗi nêu luận cứ ở ví dụ 1 và sửa lại cho đúng.  2. HS chỉ lỗi nêu luận cứ ở ví dụ 2 và sửa chữa lại.  3. HS tìm ra cái sai của việc nêu luận cứ và sửa chữa cho đúng.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | | **I. Lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm**  1. Bài tập 1  Lỗi nêu luận điểm :  a) Đoạn văn a : Việc nêu luận điểm chưa logic, phù hợp với luận cứ : luận điểm nêu ra “cảnh vật trong bài thơ thu điếu của Nguyễn Khuyến thật là vắng vẻ” không logic với luận cứ nêu ra : ngõ trúc quanh co, sóng nước gợn tý...  b) Đoạn văn b : luận điểm nêu ra dài dòng, rườm rà, không rõ ràng : Luận điểm “Người làm trai thời xưa... để mở mày, mở mặt với thiên hạ” dài dòng, không nêu được trọng tâm của luận điểm.  c) Đoạn văn c : Luận điểm không rõ ràng, chưa logic với luận cứ nêu ra : giữa luận điểm: “VHDG ra đời từ... phát triển” với luận cứ tiếp theo “Nhắc đến nó... cuộc sống” rời rạc không có sự thống nhất về nội dung và liền mạch về liên kết đoạn văn. Hành văn chưa mạch lạc, thống nhất.  2. Bài tập 2  - ở đoạn văn a nên thay từ “vắng vẻ” bằng một tính từ khác để phù hợp với các luận cứ ( gần gũi, bình dị với cảnh làng quê Việt Nam)  - ở đoạn văn b, luận điểm chỉ cần ngắn gọn “Người làm trai thời xưa luôn mang theo bên mình món nợ công danh”. Các luận điểm phần lớn có nội dung khái quát và phần lớn là câu chủ đề trong đoạn văn.  - ở đoạn văn c, luận điểm cần sửa lại là : VHDG là kho tàng kinh nghiệm của cha ông được đúc kết từ xưa.  **II . Lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ**  *Bài tập 1*  - Lỗi nêu luận cứ : dẫn thơ sai, luận cứ đưa ra không chuẩn, chưa chính xác.  - Gv cho Hs tham khảo đoạn đã sửa chữa đúng.  *Bài tập 2*  - Lỗi nêu luận cứ : Luận cứ đưa ra không phù hợp với luận điểm : Các luận cứ “Hai Bà Trưng....” chưa làm rõ luận điểm “trong lịch sử chống ngoại xâm ... thời nào cũng có”.  *Bài tập 3*  - Lỗi luận cứ : lộn xộn, không theo một trình tự logic. |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu lỗi liên quan đến việc vận dụng các phương pháp luận.**  **a) Mục tiêu:** Hiểu các lỗi liên quan đến việc vận dụng các phương pháp luận.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV nêu yêu cầu:**  1. **GV** yêu cầu HS phân tích lỗi về phương pháp luận và sửa chữa lại cho đúng.  2. **GV** yêu cầu HS phân tích lỗi và sửa chữa đoạn.  3. **GV** yêu cầu HS tìm lỗi của đoạn và sửa chữa đoạn văn.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Lỗi liên quan đến việc vận dụng các phương pháp luận**  *Bài tập 1*  - Lỗi về phương pháp luận : luận cứ không phù hợp với luận điểm.( Văn bản không thống nhất, mang rõ đặc điểm “ râu ông nọ cắm cằm bà kia”  (tham khảo đoạn văn mẫu)  *Bài tập 2*  - Lỗi : Luận cứ không phù hợp với luận điểm : các luận cứ đều nói về cái đói và những nhân vật gắn với cái đói nhưng luận điểm nêu ra lại là “Nam Cao về nông thôn”. Bởi vậy chỉ cần sửa lại luận điểm là : “Nam Cao viết nhiều về miếng ăn và cái đói”. Cách sửa là có thể viết lại luận điểm cho phù hợp với luận cứ, hoặc các luận cứ phải làm rõ ý của luận điểm để tạo nên tính thống hất của một văn bản.  *Bài tập 3*  - Lỗi : luận điểm và luận cứ lộn xộn, không phù hợp.Hoạt động | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:**  **Câu hỏi 1:** *Đoạn văn nào sau đây* ***không*** *phạm lỗi về lập luận?* a. Lão Hạc có tình thương bao la. Lão thương con chó Vàng của lão: “ Tao ăn gì, mày cũng ăn cái ấy…Sau này tao chết, này ở với ai?”. Lão thà chết chứ không tiêu vào số tiền của con trai và nhất định không bán nhà. Lão ăn củ chuối thay cơm và cuối cùng, khi không còn gì để ăn nữa, lão đã tự tử và chết một cách đau đớn, vật vã. b.Lão Hạc có tình thương bao la. Lão thương con chó Vàng của lão: “ Tao ăn gì, mày cũng ăn cái ấy…Sau này tao chết, này ở với ai?”. Lão thà chết chứ không tiêu vào số tiền của con trai và nhất định không bán nhà. **c.Lão Hạc có tình thương bao la. Lão thương con chó Vàng của lão: “ Tao ăn gì, mày cũng ăn cái ấy…Sau này tao chết, này ở với ai?”. Lão thà chết chứ không tiêu vào số tiền của con trai và nhất định không bán nhà. Những việc làm ấy của lão đều xuất phát từ lòng thương con, muốn giữ vốn cho con.** d.Lão Hạc có tình thương bao la. Lão thương con chó Vàng của lão: “ Tao ăn gì, mày cũng ăn cái ấy…Sau này tao chết, này ở với ai?”. . Lão ăn củ chuối thay cơm và cuối cùng, khi không còn gì để ăn nữa, lão đã tự tử và chết một cách đau đớn, vật vã.  **Câu hỏi 2:** *Đoạn văn nào sau đây* ***không*** *phạm lỗi về lập luận?* a. Trước hết, ta thấy nàng Kiều là một con người sống lương thiện, có lòng nhân ái. Cuộc đời của nàng Kiều có tài, có sắc, con người có tình, đa sầu đa cảm, có đạo đức. Đáng lẽ con người này phải được sống sung sướng nhưng nàng Kiều đã nếm trải tất cả nỗi khổ đau của người phụ nữ do xã hội cũ gây nên.  **b.Tìm hiểu toàn diện các chức năng của văn học, chúng ta hoàn toàn tán thành với nhận định của nhà viết kịch Đức, Béc-tôn Brếch: “Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên trái đất”.** c. Hình tượng người nông dân trong văn học hiện thực phê phán có nét đẹp truyền thống. Nếu đặt họ bên những nhân vật phản diện như Nghị Lại, Nghị Quế thì hoàn toàn đối lập với bản chất kệch cỡm, nhố nhăng, tàn ác của bọn quan lại. Chị Dậu không như Thúy Kiều hay Kiều Nguyệt Nga khi gặp hoạn nạn thì tìm vào cõi phập để hưởng chút bình an, mà chị đã đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm. d.  Qua bài thơ, ta thấy được sự chiến thắng của phong trào Thơ mới thật là một thành tựu đáng quý vì trong vòng hơn mười năm nó đã đi hết một vòng đời của mình, vừa hình thành, phát triển, vừa suy yếu, tan rã.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **- Lỗi không đồng vị ngữ**  **- Sửa:** Tôi bị hai vết thương, một vết ở mắt, một vtế ở bàn tay.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và trả lời.*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)** |
| - Xác định lỗi trong quá trình lập luận  - Dặn dò: Chuẩn bị bài Ai đã đặt tên cho dòng sông |

**Tuần 17**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 38,39:***

**AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?**

***(Trích- Hoàng Phủ Ngọc Tường)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm.

- HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích tác phẩm kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông-* Nguyễn Tuân

- Hiểu một số đặc điểm và sự đóng góp của thể loại kí Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.

**2. Năng lực:**

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm kí hiện đại Việt Nam.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về kí văn học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm kí văn học .

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các thể loại tuỳ bút-bút kí-hồi kí

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài bút kí bằng cách cho HS:   * Xem chân dung nhà văn Hoàng Phủ NGọc Tường * Xem một đoạn videoclip về Sông Hương * Nghe một đoạn bài hát *Dòng sông ai đã đặt tên.*   - **HS** thực hiện nhiệm vụ:  - **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  **GV** v*ào bài: Rất nhiều người trong chúng ta khắc sâu hình ảnh quê hương bằng dòng sông với muôn màu vẻ khác nhau, nhất là các nhà thơ, nhà văn. Dòng sông trong tim Tế Hanh là hình ảnh Nước gương trong soi tóc những hàng tre…, trong Hoàng Cầm là Xanh xanh bãi mía bờ dâu… Một dòng sông vừa hung bạo vừa trữ tình và đẹp như một người đàn bà kiều diễm làm chúng ta không thể nào quên được Nguyễn Tuân –nhà văn nổi tiếng với thể tùy bút. Hoàng Phủ Ngọc Tường, người con của xứ Huế cũng có những cảm xúc vừa sâu lắng, mãnh liệt, vừa tha thiết, chân thành về dòng sông Hương quê hương ông qua bút kí “Ai đã dặt tên cho dòng sông ?”. Chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu bút kí đó của Hoàng Phủ Ngọc Tường.* | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**  **a) Mục tiêu:** Biết được các thông tin về tác giả và tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS theo dõi Tiểu dẫn SGK và trả lời câu hỏi:*  - **GV** gọi 1 HS đọc lại phần *Tiểu dẫn* và trình bày những nét chính về tác giả, tác phẩm *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* và vị trí đoạn trích. GV cũng nên khuyến khích HS trình bày những kiến thức vể tác giả, tác phẩm mà các em đọc được ngoài SGK.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  ***Kết quả mong đợi:***  -Cuộc đời của Hoàng Phủ Ngọc Tường gắn bó sâu sắc với xứ Huế (sinh ra tại thành phố Huế, học Đại học Huế, dạy học tại Trường Quốc học Huế, tham gia phong trào cách mạng tại Huế và trở thành một trí thức yêu nước, một chiến sĩ trong phong trào đấu tranh chống Mĩ — Nguỵ ở Thừa Thiên - Huế).  - Hoàng Phủ Ngọc Tường là người có vốn hiểu biết sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, nhất là lịch sử, địa lí, văn hoá Huế.  - Hoàng Phủ Ngọc Tường là nhà vãn chuyên vẻ thể loại bút kí.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **GV** nhấn mạnh:  - Nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của HPNT: có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với duy tả đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực, lối viết hướng nội, xúc tích, mê đắm và tài hoa tạo cho thể loại bút kí một phong cách riêng, đem đến những đóng góp mới cho nền văn xuôi Việt Nam hiện đại  - Trên lớp, GV kiểm tra việc đọc tác phẩm ở nhà của HS. Có thể tiến hành bằng cách yêu cầu HS cho biết bố cục đoạn trích, xác định thuỷ trình của dòng sông qua sự miêu tả của nhà văn và nêu cảm nhận của bản thân về đoạn văn mà anh (chị) thích nhất. | | I. TÌM HIỂU CHUNG  **1. Tác giả**  - Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trí thức yêu nước, là nhà văn gắn bó mật thiết với xứ Huế nên tâm hồn, tình cảm thấm đẫm văn hoá của mảnh đất này.  - Chuyên về bút kí với đề tài khá rộng lớn, đó là cảnh sắc và con người khắp mọi miền đất nước nhất là những bài viết về Huế.  - Nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của HPNT  **2. Tác phẩm:**  - *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* được viết tại Huế ngày 04/01/1981, in trong tập sách cùng tên (NXB Thuận Hoá 1986)  - Bài kí gồm 3 phần, đoạn trích gồm phần thứ nhất và đoạn kết. |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản**  **a) Mục tiêu:** nắm được thuỷ trình của sông Hương  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV:** yêu cầu HS đọc (đọc thầm) lại một lần nữa đoạn văn đầu tiên rồi tìm hiểu xem nhà văn đã miêu tả sông Hương ở thượng nguồn như thế nào.  **GV:**yêu cầu HS thảo luận nhóm  **Nhóm 1:**Nhà văn đã gọi sông Hương bằng tên gọi nào ? Đã ví nó với ai ? Đã sử dụng những thủ pháp nghệ thuật nào để làm nổi bật vẻ đẹp và đặc tính của con sông ?)  **Nhóm 2:**  - **GV** dẫn dắt và nêu câu hỏi : Nhà văn đã hình dung vể sông Hương như thế nào khi nó còn ở “giữa cánh đổng Châu Hoá đầy hoa dại” ? Từ đó, hãy phát hiện điều thú vị trong cách cảm nhận của Hoàng Phủ Ngọc Tường về thuỷ trình của con sông khi nó bắt đầu vể xuôi?  - **GV** lưu ý HS phân tích những đặc sắc trong cách miêu tả của nhà văn qua nghệ thuật sử dụng từ ngữ, cách hành vần và các biện pháp nghệ thuật khác...  **Nhóm 3:**  - **GV** gợi ý thảo luận, tìm hiểu : Cuối cùng thì sông Hương cũng đã đến được thành phố thân yêu của mình. So với trước khi vào thành phố, sông Hương đã có thêm những vẻ đẹp mới, độc đáo và hiếm thấy ở các dòng sông khác trên thế giới. Ai có thể chứng minh điểu đó qua việc phân tích các góc độ cảm nhận và miêu tả sông Hương của Hoàng Phủ Ngọc Tường ?  **Nhóm 4:** *Vẻ đẹp của sông Hương trước khi từ biệt Huế thể hiện như thế nào?*  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  Kết quả mong đợi:  **Đại diện nhóm 1 trả lời:**  - Sông Hương mang vẻ đẹp của một sức sống mãnh liệt, hoang dại, được thể hiện qua những so sánh và những hình ảnh đầy ấn tượng:  - là “bản trường ca của rừng già” -> Nhấn mạnh Sức sống mãnh liệt, vừa hùng tráng vừa trữ tình, như bản trường ca bất tận của thiên nhiên;  - là “cô gái Digan phóng khoáng và man dại” -> nhấn mạnh vẻ đẹp hoang dại nhưng tình tứ của dòng sông. Tác giả nhân hoá con sông khiến nó hiện lên như một con người có cá tính và tâm hồn;  - là “người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở” -> sông Hương như một đấng sáng tạo góp phần tạo nên, gìn giữ và bảo tồn văn hoá..  + “rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn”.  **Đại diện nhóm 2 trả lời:**  - Dưới ngòi bút tài hoa của Hoàng Phủ Ngọc Tường:  + Sông Hương như người gái đẹp bừng tỉnh sau một giấc ngủ dài: vóc dáng mới, sức sống mới đầy khát khao và lãng mạn.  - Nghệ thuật: + Lối hành văn uyển chuyển, ngôn ngữ đa dạng, giàu hình ảnh tg đã diễn tả một cách sinh động và hấp dẫn từng bước đi của sông Hương  + Những câu văn giàu chất hoạ, giàu cảm xúc và liên tưởng.  **Đại diện nhóm 3 trả lời:**  *+Sông Hương — ”điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế”*  Miêu tả dòng sông giữa lòng thành phố, Hoàng Phủ Ngọc Tường chọn cho mình kênh tiếp cận là âm nhạc. Ở góc độ này, sông Hương chính là “điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế”.  **Đại diện nhóm 4 trả lời:**  - Sông Hương giống như “người tình dịu dàng và chung thủy”.  - Con sông dùng dằng như “nàng Kiều trong đêm tình tự” trở lại tìm Kim Trọng để nói một lời thề trước lúc đi xa  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN  **A/ Nội dung:**  **1. Thủy trình của Hương giang:**  *a) Sông hương nơi khởi nguồn:*  - là “bản trường ca của rừng già”  - là “cô gái Digan phóng khoáng và man dại”  - là “người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở”  - “rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn”.  -> Sự tài hoa của ngòi bút HPNT: liên tưởng kì thú, ngôn từ gợi cảm, câu văn dài, chia làm nhiều vế liên tục gợi dậy dư vang của trường ca; thủ pháp điệp cấu trúc + động từ mạnh tạo âm hưởng mạnh mẽ của con sông giữa rừng già  *b) Đến ngoại vi thành phố Huế:*  - sông Hương được ví “như người con gái đẹp nằm ngủ mơ màng” được “người tình mong đợi” đến đánh thức.  - Vẻ đẹp trầm mặc như triết lí, như cổ thi  - Nghệ thuật:  => Thủy trình của sông Hương khi bắt đầu về xuôi tựa “một cuộc tìm kiếm có ý thức” người tình nhân đích thực của một người con gái đẹp trong câu chuyện tình yêu lãng mạn nhuốm màu cổ tích, gắn với những thành quách, lăng tẩm của vua chúa thuở trước.  *c) Đến giữa thành phố Huế:*  - Sông Hương gặp thành phố như đến với điểm hẹn tình yêu, nó như tìm được chính mình nên vui tươi và đặc biệt chậm rãi, êm dịu, mềm mại như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu.  - Nó có những đường nét tinh tế: “uốn một cánh cung rất nhẹ sang cồn Hến”.  - “điệu chảy lặng tờ” của con sông khi ngang qua thành phố đẹp như “điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế”.  - Phải rất hiểu sông Hương, tác giả mới cảm nhận thấm thía vẻ đẹp con sông lúc đêm sâu. Đó là lúc mà âm nhạc cổ điển Huế được sinh thành. Khi đó, trong không khí chùng lại của dòng sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya.  *d) Trước khi từ biệt Huế:*  - Sông Hương giống như “người tình dịu dàng và chung thủy”.  - Con sông dùng dằng như “nàng Kiều trong đêm tình tự” trở lại tìm Kim Trọng để nói một lời thề trước lúc đi xa. | |
| **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản**  **a) Mục tiêu:** hiểu được giá trị của dòng sông Hương  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV đặt câu hỏi:**Trong lịch sử và trong đời thường, thi ca, sông Hương đã hiện lên với những vẻ đẹp đáng trân trọng và đáng mến. Nhà văn đã phát hiện và lí giải về những vẻ đẹp đó của Hương giang như thế nào ?  **- GV** nêu vấn để : Vì sao sông Hương lại có thể trở thành dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho người nghệ sĩ ?  **- GV đặt câu hỏi:** Tác giả đã lí giải về tên của dòng sông như thế nào? Cách lí giải ấy cho hiểu thêm điều gì về tính cách và tâm hồn người Huế?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  Kết quả mong đợi:  => lịch sử: hùng tráng và đời thường: giản dị, sông Hương tự biết thích ứng với từng hoàn cảnh, không gian và thời gian khác nhau -> dòng sông trở nên mới mẻ trong càm nhận của mọi người và có thêm vẻ đẹp mới  - Sông Hương còn là dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ. Tác giả cho rằng có một dòng thi ca về sông Hương. Đó là dòng thơ không lặp lại mình:  + “Dòng sông trắng - lá cây xanh”(*Chơi xuân*-Tản Đà)  + “Như kiếm dựng trời xanh”( *Trường giang như kiếm lập thanh thiên*-Cao Bá Quát).  + “Con sông dùng dằng, con sông không chảy  Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu”(Thơ của Thu Bồn)+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **2. Dòng sông của lịch sử và thi ca:**  - Trong lịch sử, sông Hương mang vẻ đẹp của một bản hùng ca ghi dấu bao chiến công oanh liệt của dân tộc “...”.  - Trong đời thường, sông Hương mang vẻ đẹp giản dị của “một người con gái dịu dàng của đất nước”.  - Sông Hương còn là dòng sông thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ.  ***\* Ai đã đặt tên cho dòng sông?***  - Tên của dòng sông được lí giải bằng một huyền thoại mĩ lệ: đó là chuyện về cư dân hai bên bờ sông nấu nước của trăm loài hoa đổ xuống dòng sông cho làn nước thơm tho mãi mãi. Huyền thoại về tên dòng sông đã nói lên khát vọng của con người ở đây muốn đem cái đẹp và tiếng thơm để xây đắp văn hoá, lịch sử, địa lý quê hương mình. | |
| **Hoạt động 4: Tổng kết**  **a) Mục tiêu:** hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV đặt câu hỏi: GV :** Về phương diện nghệ thuật, những yếu tố nào đã làm nên vẻ đẹp và **sự hấp dẫn của bài bút kí đặc sắc này ?**  -Từ đoạn văn anh (chị) hiểu thêm điều gì về thể loại bút kí ? Thể loại này có gì giống và khác với thể loại tuỳ bút ?  (So sánh với tuỳ bút của Nguyễn Tuân)  **GV:** Nêu ý nghĩa văn bản?  **GV :** Tóm lại, một bài kí đặc sắc như vậy chỉ có thể là kết quả, là tổng hoà của những tình cảm và phẩm chất nào ở Hoàng Phủ Ngọc Tường ?  **HS** đọc, phát hiện và lí giải .  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  - Văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế và tài hoa.  **-** Sức liên tưởng kì diệu, sự hiểu biết phong phú về kiến thức địa lý, lịch sử, văn hoá nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân  **-** Ngôn ngữ phong phú, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều phép tu tư như: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, ...  **-** Có sự kết hợp hài hoà cảm xúc, trí tuệ, chủ quan và khách quan. Chủ quan là sự trải nghiệm của bản thân. Khách quan là đối tượng miêu tả - dòng sông Hương.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  **-** Thể loại bút kí  - Văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế và tài hoa.  **-** Sức liên tưởng kì diệu, sự hiểu biết phong phú về kiến thức địa lý, lịch sử, văn hoá nghệ thuật và những trải nghiệm của bản thân  **-** Ngôn ngữ phong phú, giàu hình ảnh, giàu chất thơ, sử dụng nhiều phép tu tư như: So sánh, nhân hoá, ẩn dụ, ...  **-** Có sự kết hợp hài hoà cảm xúc, trí tuệ, chủ quan và khách quan. Chủ quan là sự trải nghiệm của bản thân. Khách quan là đối tượng miêu tả - dòng sông Hương.  ***2. Ý nghĩa văn bản:***  Thể hiện những phát hiện, khám phá sâu sắc và độc đáo về sông Hương; bộc lộ tình yêu tha thiết, sâu lắng và niềm tự hào lớn lao của nhà văn đối với dòng sông quê hương, với xứ Huế thân thương. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Giáo viên đặt câu hỏi:**  Xét đến cùng, điều cốt lõi nào đã làm nên sức hấp dẫn của đoạn trích tác phẩm *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường ?  a/Vì tình yêu, sự gắn bó thiết tha và thái độ trân trọng của nhà văn đối với sông Hương, với nền văn hoá Huế.  b/Vì đặc điểm hết sức tự do, phóng khoáng và đậm màu sắc trữ tình của một bài bút kí văn học.  **c/Vì *cái tôi* tài hoa, uyên bác, giàu tình cảm và trí tưởng tượng phong phú, độc đáo, ỉãng mạn của tác giả.**  d/Vì sự hiểu biết tường tận, sâu rộng của nhà văn về sông Hương và cảnh sắc thiên nhiên cũng nhự con người xứ Huế.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | |
|  | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  1. Ý chính của văn bản: Tác giả ca ngợi sông Hương là dòng sông của thi ca, là nguồn cảm hứng bất tận cho các văn nghệ sĩ.  2. Các từ ngữ gạch chân *tinh tế , khí phách, nỗi quan hoài vạn cổ , thắm thiết tình người* có hiệu quả diễn đạt : vừa ca ngợi sông Hương là nguồn cảm hứng của thi ca, đồng thời phát hiện ra phong cách nghệ thuật độc đáo của mỗi nhà thơ khi viết về sông Hương  **+ Bài tập viết đoạn văn:**  Viết đoạn văn ngắn trả lời câu hỏi *Ai đã đặt tên cho dòng sông?...*  Trả lời :  Câu hỏi *Ai đã đặt tên cho dòng sông?...*có ý nghĩa : không phải để hỏi nguồn gốc của một danh xưng địa lý thông thường mà là một sự nhấn mạnh, ẩn chứa niềm tự hào sâu sắc về dòng sông quê hương. Tác giả gợi mở cho người đọc những hướng trả lời khác nhau bằng trải nghỉệm văn hóa của bản thân. Tên riêng của một dòng sông có thể do một cá nhân nào đó đặt ra, qua năm tháng, danh xưng của tác giả bị mai một, nó trở thành tài sản chung của cộng đồng, Tuy nhiên, cái tên đích thực của dòng sông phải là danh từ gắn với biểu tượng văn hóa, tinh thần, chiều sâu lịch sử của một dân tộc. Ở khía cạnh này, chính những người dân bình thường – những người sáng tạo ra văn hóa, văn học, lịch sử là những người “ đã đặt tên cho dòng sông”.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**  - HS thực hiện nhiệm vụ:  *Có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ. Mỗi nhà thơ đều có một khám phá riêng về nó: từ xanh biếc thường ngày, nó bỗng thay màu thực bất ngờ, “dòng sông trắng - lá cây xanh” trong cái nhìn tinh tế của Tản Đà, từ tha thiết mơ màng nó chợt nhiên hùng tráng lên “như kiếm dựng trời xanh” trong khí phách của Cao Bá Quát; từ nỗi quan hoài vạn cổ với bóng chiều bãng lãng trong hồn thơ Bà Huyện Thanh Quan, nó đột khởi thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn, trong thơ Tố Hữu. Và ở đây, một lần nữa, sông Hương quả thực là Kiều rất Kiều, trong cái nhìn thắm thiết tình người của tác giả Từ ấy.*  *Có một nhà thơ từ Hà Nội đã đến đây, tóc bạc trắng, lặng ngắm dòng sông, ném mẩu thuốc lá xuống chân cầu, hỏi với trời, với đất, một câu thật bâng khuâng: Ai đã đặt tên cho dòng sông?...*  (Trích Bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?...Hoàng Phủ Ngọc Tường)*  Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau :  1. Nêu ý chính của văn bản?  2. Các từ ngữ gạch chân *tinh tế , khí phách, nỗi quan hoài vạn cổ , thắm thiết tình người* có hiệu quả diễn đạt như thế nào?.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và trả lời.*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)** |
| **Hướng dẫn tự học:**  + Tìm đọc trọn vẹn tác phẩm,. Viết cảm nghĩ đoạn văn yêu thích nhất ;  + Tìm và phân tích những cách ví von, so sánh độc đáo của HPNT trong đoạn trích./.  **Chuẩn bị bài: NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA NƯỚC VIỆT NAM MỚI** |

**Tuần 17**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 49, 50:***

ĐỌC THÊM: **NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA NƯỚC VIỆT NAM MỚI**

*(Trích Những năm tháng không thể nào quên)*

Võ Nguyên Giáp

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Cảm nhận được nỗ lực to lớn của Đảng, chính phủ Bác Hồ và nhân dân ta trong những ngày đầu sau Cách mạng tháng Tám để giữ vững nền độc lập, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, khẳng định ví thế của nước Việt Nam mới.

những dòng viết vừa khách quan vừa dạt dào cảm xúc, tái hiện chân thật những người thực việc thực, những sự kiện lịch sử quan trọng ở vào những thời điểm trọng đại, một giai đoạn đầy khó khăn và vinh quang của đất nước.

- Những khó khăn ban đầu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, những quyết sách đúng đắn và sáng suốt của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ CHí Minh.

- Mối quan hệ khăng khít giữa đất nước và nhân dân, giữa lãnh tụ và quần chúng

- Cảm hứng tự hào, giọng văn chân thành , giản dị.

**2. Năng lực:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả Võ Nguyên Giáp

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Hình ảnh , phim ảnh về cách mạng tháng Tám năm 1945.

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng cách cho HS:   * Xem chân dung Võ Nguyên Giáp * Xem một đoạn videoclip về cách mạng tháng Tám   - **HS** thực hiện nhiệm vụ:  - **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Đại tướng Võ Nguyên Giáp là nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng việt nam. Cuộc đời ông gắn liền với những năm tháng không thể nào quên của cách mạng. Đoạn trích “ Những ngày đầu của nước Việt nam mới” trích trong tập hồi kí “ Những năm tháng không thể nào quên” của ông ghi lại những nỗ lực của Đảng, chính phủ, Bác Hồ và nhân dân ta trong những ngày đầu sau cách mạng tháng Tám để giữ vững nền độc lập, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, khẳng định vị thế của nước Việt nam mới.*- Các kiểu văn bản trên không thể thay thế cho nhau được, vì:Phương thức biểu đạt khác nhau;Hình thức thể hiện khác nhau;Mục đích khác nhau.. | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **a) Mục tiêu:** Biết các thông tin về tác giả, tác phẩm  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS theo dõi SGK và thảo luận theo nhóm:*  + Giới thiệu đôi nét về tác giả, kể tên những tập hồi kí của tác giả.  + Giới thiệu đôi nét về thể loại hồi kí  + Tóm tắt nội dung của “NNTKTNQ”  + Đọc đoạn trích NNĐCNVNM và phân chia bố cục nêu nội dung của từng đoạn  + Theo em điểm nhìn của tác giả là bối cảnh của Đất nước ta năm nào?, tình hình Đát nước lúc đó như thế nào  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  \* Đoạn 1: Từ đầu -> ập vào miền bắc. Tư thế đứng hiên ngang của dân tộc thời chống Mĩ, hồi tưởng về giờ phút hiểm nghèo của đất nước việt nam mới.  \* Đoạn 2: Tiếp theo->thêm trầm trọng. Những khó khăn của đất nước-“ ngàn cân treo sợi tóc”  \* Đoạn 3: Tiếp theo -> ba trăm bảy mươi kí lô gam vàng. Những biện pháp của chính quyền mới và tinh thần quyết tâm vượt khó khăn của toàn Đảng toàn dân ta.  \* Đoạn 4 : còn lại. hình ảnh Bác Hồ  - Điểm nhìn trần thuật: bối cảnh đất nước ta năm 1970- cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I/ Giới thiệu chung:**  **1/ Tác giả:**  - Võ Nguyên Giáp sinh năm 1911, quê Quảng Bình. Là nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng việt nam, đảm đương nhiều chức trách quan trọng.  - Các tác phẩm hồi kí: Những năm tháng không thể nào quên( 1970), Chiến đấu trong vòng vây( 1978), Điện Biên Phủ điểm hẹn lịch sử(1994),...  **2/ Vài nét về tập hồi kí “ TKTNQ””**  a)Thể loại hồi kí: +Ghi chép những gì xảy ra trong quá khứ trên cơ sở hồi tưởng  + Tác giả: nổi tiếng  +Hình thức: tự kể hoặc có người khác ghi lại và thể hiện.  + Nội dung: cuộc đời mình, những sự kiện lịch sử tiêu biểu, những biến động xã hội rộng lớn.  + nghệ thuật: tính xác thực cao.  => có giá trị văn học và xã hội, lịch sử.  **b) Nội dung của “ NNTKTNQ”:**  - Hướng tới tái hiện những sự kiện trọng yếu, những biến cố có tính chất bước ngoặt trong lịch sử việt nam từ những ngày sục sôi trước cách mạng tháng tám đến những ngày gay go ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, khắc hoạ hình ảnh những con người tiêu biểu của thời đại.  - Nhân vật : người bình thường vô danh và những người lãnh đạo đất nước  => Tái hiện lịch sử ở những nét lớn, những bức tranh toàn cảnh, có sự đánh giá, bình luận ở tầm khái quát  **c) Đoạn trích “ Những ngày đầu của nước việt nam mới”**  - Vị trí: Thuộc chương 12 do nhà văn Hữu Mai thể hiện.  - Bố cục: 4 đoạn |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản:**  **a) Mục tiêu:** Hiểu được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV:** yêu cầu HS thảo luận theo nhóm theo 4 nhóm  **- Câu hỏi 1 :** Cảm nghĩ cụ thể của tác giả về NNĐCNVNM như thế nào? Được thể hiện bằng hình thức nghệ thuật gì?  **Câu hỏi 2 :** NVNM vừa mới khai sinh đã phải đương đầu với bao khó khăn, nguy nan nào?  **- Câu hỏi 3 :** Để đưa Đất nước vượt qua những khó khăn nguy nan ấy Đảng và Chính phủ đã có những quyết sách đúng đắn và sáng suốt như thế nào?(những dẫn chứng cụ thể nào là tiêu biểu)  **- Câu hỏi 4 :** Hình ảnh Bác Hồ được tác giả ghi lại trong đoạn trích này đã giúp em hiểu thêm gì về Bác trong những ngày mới khai sinh ra Nước VNDCCH?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **II/TÌM HIỂU VĂN BẢN:**  1)Cảm nghĩ của tác giả:  - Năm 1945 là thời kì làm mưa làm gió của chủ nghĩa đế quốc gần hai chục vạn quân Tưởng từ mấy ngả ập vào miền Bắc; còn bây giờ mọi cách tô son trát phấn của đế quốc Mĩ với bọn ngụy quyền tay sai ở miền nam đều hoài công vô ích.  - Năm 1945 nước việt nam chưa có tên trên bản đồ thế giới, cả đông dương chỉ mang tên Indo - China thuộc Pháp; còn bây giờ là nước Nước Việt nam dân chủ cộng hòa  => qua lối so sánh thể hiện tình cảm tự hào ngợi ca dân tộc tổ quốc  2)Hình ảnh nước Việt nam mới:  a) Những khó khăn khi nước Việt nam mới ra đời:  - Nhận định: “ nằm giữa bốn bể hùm sói, phải tự dốc mình đấu tranh dũng cảm, mưu trí, phải tìm mọi cách để sống còn”  - cụ thể: \* Đảng hoạt động bí mật, đảng viên công tác dưới danh nghĩa Việt minh. Chính quyền mới “ chưa được nước nào công nhận”  \* Kinh tế: ruộng đất vẫn trong tay địa chủ, bão lụt hạn hán liên miên, buôn bán với nước ngoài đình trệ, kho bạc chỉ còn có 1 triệu bạc rách.  \* Chính trị: nạn tất nghiệp tăng, nạn đói, dịch tả phát sinh và thực dân Pháp xâm lược  => khó khăn “ càng thêm trầm trọng”, là thách thức quá lớn đối với chính quyền cách mạng còn non trẻ  b)Những quyết sách đúng đắn và sáng suốt của Đảng và chính phủ:  - Củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng  - Giải tán chính quyền cũ, xây dựng bộ máy chính quyền mới, từ chính quyền cơ sở như HĐND, UB hành chính đến TW là quốc dân Đại hội, toàn dân đóng góp ý kiến cho dự án hiến pơhaps  - Thi hành một số chính sách mới như : địa chủ phải giảm tô 25%, xóa nợ cho nông dân, tòa dân tăng cường học chữ quốc ngữ, học tập thi cữ đều miễn phí, động viên tinh thần đóng góp trong nhân dân, lập quỹ độc lập, kêu gọi đồng bào hưởng ứng “tuần lễ vàng”  => Nội lực của Nước Việt Nam mới được nâng lên nhanh chóng.  c) Hình ảnh Bác Hồ-Người cầm lái con thuyền cách mạng vượt qua sóng to gió lớn:  - Toàn tâm, toàn ý vì dân, vì nước : “Ở Người, ...trong tình cảm”  - Chủ trương xây dựng mối quan hệ giữa những người làm việc trong bộ máy chính quyền mới với nhân dân.  - Đề ra 3 mục tiêu quan trọng : Diệt giặc đói, diệt giặc dôt, diệt giặc ngoại xâm(dựa vào lực lượng và tinh thần của dân).  - Lý tưởng và tấm lòng của Người được tác giả khái quát :  + Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập không có nghĩa lý gì.  + Hạnh phúc cho dân đó là mục đích của việc giành lấy chính quyền và giữ vững chính quyền ấy.  => tác giả kết luận : “Đồng bào ta đã nhận thấy ở Bác Hồ hình ảnh tượng trưng cao đẹp nhất của dân, của Nước, của cách mạng |
|  | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV:** yêu cầu HS  ? Rút ra giá trị về nội dung và nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | **III/ Tổng kết** :  **1) Về nội dung** : Những nỗ lực lớn của Đảng, các quyết sách kịp thời, thông minh và đầy hiệu quả. Lý tưởng và lòng yêu nước lớn lao của Bác.  **2) Về nghệ thuật :** Diểm nhìn trần thuật của một người đại diện cho bộ máy lãnh đạo Đảng và Chính phủ, do đó các sự kiện được kể lại mang tính chất toàn cảnh, tổng thể, phát họa những nét lớn, tạo án tượng sâu sắc vớ nhiều người, làm cho tác phẩm này không phải là sách tự thuật về một cuộc đời mà gần như là cuốn biên niên sử của cả một dân tộc. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **ĐÁP ÁN**  [1]='c'  [2]='b'  [3]='d'  [4]='c'  [5]='a'  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***- GV đặt câu hỏi:***  **Câu hỏi 1:** Trong đoạn trích *Những ngày đầu của nước Việt Nam mới* , tác giả không nhắc đến khó khăn trên lĩnh vực nào dưới đây ? a. Kinh tế b.Chính trị c.Văn hoá  d.Hoạt động ngoại giao.  **Câu hỏi 2:** Chính phủ thành lập Quỹ độc lập vào ngày nào ? a. Ngày 2 tháng 9 b. Ngày 4 tháng 9 c. Ngày 10 tháng 9 d. Cả ba đều sai.  **Câu hỏi 3:** Ai là người được Hồ Chí Minh nêu trong thư để lấy ví dụ về tư tưởng lấy dân làm gốc ? a. Trần Hưng Đạo b. Nguyễn Trãi  c. Nguyễn Bỉnh Khiêm d. Gồm a và b  **Câu hỏi 4:** Dòng nào dưới đây nêu nét đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm? a. Tác phẩm mang đậm dấu ấn cá nhân trong cách bình luận, đánh giá.  b.Cách miêu tả các sự kiện linh hoạt, sinh động, lôi cuốn người đọc  c.Trần thuật mọi sự kiện qua điểm nhìn mang tầm khái quát, phác hoạ những nét lớn, những cái gây ấn tượng sâu sắc với mọi người.  d. Tác phẩm không mang màu sắc chủ quan trong trần thuật và đánh giá.  **Câu hỏi 5:** Quê hương của Võ Nguyên Giáp ở đâu? a. Quảng Bình b.  Hà Nội c. Thừa Thiên  d. Quảng Nam  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **Câu 1.** Nhan đề: Lấy dân làm trọng/ Vì dân/ Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh.  **Câu 2.** Phần trích trình bày ý theo trình tự thời gian: ngày xưa –ngày nay.  **Câu 3.** Tác giả đưa những nhân vật lịch sử như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Hồ Quý Ly vào đoạn văn thứ nhất nhằm làm nổi bật những điểm kế thừa và khác biệt với truyền thống trong tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh – được nói đến ở đoạn văn thứ hai.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**  ***Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 3:***  *Ngày xưa, Trần Hưng Đạo khuyên vua chước giữ nước hay hơn cả là “lúc bình thời, khoan sức cho dân để kế sâu rễ, bền gốc”. Nguyễn Trãi chê Hồ Quý Ly để mất nước vì chỉ biết ngăn sông cản giặc, mà không biết lấy sức dân làm trọng. Các đấng anh hùng dân tộc đều lập nên công lớn, đều rất coi trọng sức dân để giữ nước, chống giặc.*  *Ngày nay, Hồ Chủ Tịch kêu gọi: “Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm”. Người nói: phải “dựa vào lực lượng của dân, tinh thần của dân”. Khác với người xưa, Hồ Chủ Tịch chỉ rõ: Làm những việc đó là “để mưu cầu hạnh phúc cho dân”.*  **Câu 1.** Đặt nhan đề cho phần trích trên?  **Câu 2**. Phần trích trình bày ý theo trình tự nào?  **Câu 3.** Tác giả đưa những nhân vật lịch sử như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Hồ Quý Ly vào đoạn văn thứ nhất để tạo hiệu quả lập luận như thế nào? Trả lời trong khoảng 4-6 dòng.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và trả lời.*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| **Họat động 3: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)** |
| 1/Củng cố: Bài tập về nhà:  - Tìm đọc thêm tập hồi kí NTNKTNQ  - Thử so sánh hình ảnh Bác Hồ ở Tuyên ngôn độc lập và NNĐVNM  **2/Hướng dẫn tự học:**  Suy nghĩ về mối quan hệ giữa lãnh tụ và nhân dân qua đoạn trích.  3/ Soạn bài : ÔN TẬP VĂN HỌC |

**Tuần 17**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 51:***

**ÔN TẬP PHẦN VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nắm được một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam và văn học nước ngoài trong chương trình Ngữ văn 12, tập I. Vận dụng linh hoạt và sáng tạo những kiến thức đó.

- Rèn luyện năng lực phân tích văn học theo từng cấp độ : sự kiện, tác giả, tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ văn học.

**-** Phong cách và các quan điểm nghệ thuật của các tác giả văn học đã học.

- Nội dung cơ bản, đặc sắc nghệ thuật của các tác phẩm văn học.

- Kiến thức về lí luận văn học ở hai phạm trù thể loại và phong cách văn học.

**2. Năng lực:**

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả , tác phẩm văn học hiện đại

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Hình ảnh , phim ảnh về các tác giả, tác phẩm tiêu biểu

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng cách cho HS:   * Xem chân dung một số nhà thơ, nhà văn đã học ở HKI * Xem một đoạn videoclip về kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ   - **HS** thực hiện nhiệm vụ:  **- HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Như vậy, các em đã học xong phần VHVN từ sau 1945 đến hết thế kỉ XX, trong đó nổi bât là văn chính luận và phần thơ. Hôm nay, chúng ta cùng ôn tập để hệ thống lại toàn bộ kiến thức đã học. | | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS hệ thống hoá kiến thức**  **a) Mục tiêu:** Nắm được những kién thức cơ bản đã học.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS theo dõi SGK và thảo luận theo nhóm:*  **HS hoạt động nhóm theo hướng dẫn của GV:**  **+ Nhóm 1:** Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954.  **+ Nhóm 2:** Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1955 đến năm 1964.  **+ Nhóm 3:** Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975.  **Nhóm 4:** Thành tựu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  ***Kết quả mong đợi:***  **+ Nhóm 1:**  Chặng đường 1945 - 1954  - Văn học phản ánh được không khí hồ hởi vui sướng đặc biệt của nhân dân ta khi Đất Nước vừa giành được độc lập.  Từ cuối năm 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống Pháp. Văn học gắn bó với đời sống cách mạng và kháng chiến, tập trung khám phá sức mạnh và phẩm chất tốt đẹp của quần chúng nhân dân, thể hiện ở niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.  + Truyện ngắn và ký, tiêu biểu : Một lần tới thủ đô và Trận phố Ràng của Trần Đăng, Đôi mắt, Nhật ký ở rừng của Nam Cao, Làng của Kim Lân, Vùng mỏ của Võ Huy Tâm, Xung kích của Nguyễn Đình Thi, Đất nước đứng lên của Nguyên Ngọc.  + Thơ ca : Cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Lên núi của Hồ Chí Minh, Bên kia sông Đuống của Hoàng Cầm, Tây Tiến của Quang Dũng, Nhớ của Hồng Nguyên, Cá nước, Việt Bắc của Tố Hữu...  + Kịch : Bắc Sơn của Nguyễn Huy Tưởng, Chị Hoài của Học Phi.  **+ Nhóm 2:**  Chặng đường 1955 - 1964  + Văn xuôi mở rộng đề tài, bao quát nhiều vấn đề, phạm vi trong xã hội. Các tác phẩm tập trung khai thác đề tài kháng chiến chống Pháp và hiện thực đời sống trước cách mạng tiêu biểu : Tranh tối tranh sáng của Nguyễn Công Hoan Sống mãi với thủ đô của Nguyễn Huy Tưởng,... Viết về đề tài xây dựng CNXH : Sông Đà của Nguyễn Tuân, Bốn năm sau của Nguyễn Huy Tưởng,...  + Thơ ca : Gió lộng của Tố Hữu, ánh sáng và phù sa của Chế Lan Viên...  + Kịch : Ngọn lửa của Nguyễn Vũ, Chị Nhàn của Đào Hồng Cẩm...  **+ Nhóm 3:**  Chặng đường từ 1965 - 1975  - Chủ đề : Yêu nước, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng tiêu biểu như “Người mẹ cầm súng” của Nguyễn Thị, “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành...  + Truyện kí : Nguyễn Tuân, Nguyễn Thành Long,... khuynh hướng mở rộng và đào sâu hiện thực đồng thời bổ sung và tăng cường chất suy tư, chính luận như Ra trận, Máu và hoa của tố Hữu, Hoa ngày thường, chim báo bão của Chế Lan Viên, Đầu súng trăng treo của Chính Hữu,... xuất hiện những đóng góp của một số nhà thơ trẻ thời chống Mĩ như Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm,...  **+ Nhóm 4:**  Chặng đường từ 1975 đến hết thế kỉ XX  + Đổi mới thơ ca tiêu biểu như Chế Lan Viên. Hiện tượng mở rộng thơ ca sau năm 1975 là một trong những thành tựu nổi bật của thơ ca giai đoạn này : Những người đi tìm tới biển của Thanh Thảo, Đường tới thành phố của Hữu Thỉnh, Trường ca sư đoàn của Nguyễn Đức Mậu,...  + Một số cây bút bộc lộ ý thức muốn đổi mới cách viết mới về chiến tranh, cách tiếp nhận hiện thực đời sống : Đất trắng của Nguyễn Trọng oánh,...  Từ năm 1986, văn học gắn bó với cuộc sống hằng ngày. Phóng sự xuất hiện đề cập văn xuôi thực sự khởi sắc với tập truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa, Cỏ lau của Nguyễn Minh Châu...  - Từ sau năm 1975 kịch nói phát triển mạnh mẽ như Hồn trương ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ, Mùa hè ở biển của Xuân Trình...+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Nội dung ôn tập**  1. Quá trình phát triển của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỷ XX  a) Chặng đường 1945 - 1954  b) Chặng đường 1955 - 1964  c) Chặng đường từ 1965 - 1975  d) Chặng đường từ 1975 đến hết thế kỉ XX | | |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS ôn lại ba đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 - 1975**  **a) Mục tiêu:** HS nắm được ba đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 - 1975  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV đặt câu hỏi:** Nêu đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 – 1975?  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  a) Văn học vận động theo khuynh hướng cách mạng hoá, mang đậm tính dân tộc sâu sắc.  Đây là một đặc điểm nói lên bản chất của văn học Việt Nam (1945 - 1975) văn học giai đoạn này thống nhất về nhiều mặt phụng sự kháng chiến và có tinh thần nhân dân sâu sắc.  b) Văn học gắn bó mật thiết với vận mệnh chung của đất nước  Văn học tập trung vào 2 đề tài chính đó là : Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội  Đây cũng là một đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam (1945 - 1975). Văn học giai đoạn này gắn bó với vận mệnh chung của Đất Nước của cộng đồng dân tộc. Đề tài bao trùm của văn học là Tổ Quốc và chủ nghĩa xã hội  c) Văn học phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển của cách mạng  Kết hợp giữa khuynh hướng sử thi và khuynh hướng lãng mạn.  Đây là một đặc điểm thể hiện khuynh hướng thẩm mỹ của văn học Việt Nam những năm 1945 - 1975. Văn học giai đoạn này mang đậm tính sử thi và chất lãng mạn, thấm đượm chất anh hùng ca, tạo nên vẻ đẹp riêng, mang đậm tính thời đại. Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn đã đáp ứng được yêu cầu phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển của văn học giai đoạn này.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | 2. **Đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 - 1975**  a) Văn học vận động theo khuynh hướng cách mạng hoá, mang đậm tính dân tộc sâu sắc.  b) Văn học gắn bó mật thiết với vận mệnh chung của đất nước  c) Văn học phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển của cách mạng |
| **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS ôn tập về quan điểm sáng tác văn học của HCM**  **a) Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản đã học.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV đặt câu hỏi:** Nêu quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh? Chứng minh mối quan hệ có tính nhất quán của quan điểm sáng tác với sự nghiệp văn học của người  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  - Hồ Chí Minh coi nghệ thuật là thứ vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng : Quan điểm này bộc lộ rõ trong Tuyên ngôn nghệ thuật :  *Nay ở trong thơ nên có thép*  *Nhà thơ cũng phải biết xung phong*  (Cảm tưởng đọc thiên gia thi)  Sau này trong Thư gửi của hoạ sỹ nhân dịp triển lãm hội hoạ năm 1951 Người lại khẳng định : “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sỹ trên mặt trận ấy”.  - Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính chân thật của văn chương, Người coi tính chân thật như một thước đo giá trị của văn chương nghệ thuật. Người nhắc nhở người nghệ sĩ “Nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc và đề cao sự sáng tạo, chớ gò bó họ vào khuôn làm mất vẻ sáng tạo”.  - Khi cầm bút, Hồ Chí Minh bao giờ cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm văn học. người luôn tự đặt câu hỏi : “Viết cho ai?”(đối tượng) “Viết để làm gì ?”( mục đích). Sau đó mới quyết định “Viết cái gì ?”(nội dung) và viết “Như thế nào” (hình thức). Chính vì chú ý từ một cách toàn diện từ đối tượng tiếp nhận, mục đích sáng tác đến nội dung và hình thức của tác phẩm nên sáng tác của Người chẳng những có tư tưởng sâu sắc nội dung thiết thực mà còn có hình thức nghệ thuật sinh động, phong phú đa dạng.  Chứng minh mối quan hệ có tính chất nhất quán giữa quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh với sự nghiệp văn học của Người :  VD : Chẳng hạn truyện ngắn Vi hành được Người sáng tác vào đầu năm 1923 nhằm vạch trần tội ác của tên vua bù nhìn Khải Định trong chuyến đi Pháp nhục nhã của hắn, năm 1922 dự cuộc đấu xảo thuộc địa ở Macxây.  Lấy việc tố cáo lật tẩy tính chất bù nhìn, tay sai dơ dáy của nhân vật nói trên làm mục đích, cho nên tinh thần châm biếm, đả kích đã trở thành linh hồn của tác phẩm. Tinh thần ấy thấm vào toàn bộ tác phẩm (từ giọng văn khắc hoạ hình tượng nhân vật, đến mọi chi tiết của tác phẩm).  Tác phẩm được viết ra nhằm mục đích hướng tới độc giả người Pháp và những người biết tiếng Pháp cho nên phải viết bằng một bút pháp Châu Âu hiện đại.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | 2. **Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Nguyễn ái Quốc- Hồ Chí Minh.** |
| **Hoạt động 4: Hướng dẫn HS** ôn tập 1 số tác phẩm đã học  **a) Mục tiêu:** Nắm được những kién thức cơ bản đã học.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **1. Ôn tập Tuyên ngô độc lập**  **GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:**  \* **Nhóm 1** : Câu 4-SGK  Về mục đích và đối tượng của văn bản Tuyên ngôn độc lập (căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể khi Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập) ?  - Phân tích nội dung và hình thức của tác phẩm để làm rõ Tuyên ngôn độc lập vừa là một áng văn chính luận mẫu mực, vừa là một áng văn chan chứa những tình cảm lớn ?  \* **Nhóm 2** : câu 5 SGK  **2. Tổ chức ôn tập về thơ Tố Hữu**  - Vì sao nói Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị. Phân tích khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ Tố Hữu.  \* **Nhóm 3**: câu 6-SGK  **3. Tổ chức ôn tập bài thơ Việt Bắc**  Phân tích những biểu hiện của tính dân tộc trong bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu.  \* **Nhóm 4**: câu 7-SGK  **4. Tổ chức ôn tập bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng.**  - Phân tích vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ Tây tiến của Quang Dũng (so sánh với hình tượng người lính trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu)  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  \* **Nhóm 1**  a) Mục đích đối tượng của “Tuyên ngôn độc lập  - Mục đích  + Khẳng định quyền lợi tự do độc lập của dân tộc Việt Nam  + Cuộc tranh luận ngầm vạch trần luận điệu xảo quyệt của kẻ địch và dư luận quốc tế  - Đối tượng hướng đến của bản tuyên ngôn  + Nhân dân thế giới  + Đồng bào cả nứơc  + Bọn đế quốc Anh, Mĩ, thực dân Pháp.  b) Làm rõ Tuyên ngôn độc lập vừa là một áng văn chính luận mẫu mực vừa là một áng văn chan chứa tình cảm lớn.  - Tuyên ngôn độc lập là một áng văn chính luận mẫu mực :  + Lập luận chặt chẽ trong toàn bài :  Trích dẫn 2 văn bản tuyên ngôn của Pháp, Mĩ đồng thời suy rộng ra vấn đề độc lập dân tộc bên cạnh quyền con người và quyền công dân.  + Luận điểm xác đáng có sức thuyết phục. Tố cáo sự chà đạp chân lí đó của thực dân ở Việt Nam, đặc biệt là lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái. Lên án sự phản bội trắng trợn, đê hèn, vong ân bội nghĩa của chúng, khẳng định quyền tự chủ chính đáng của nhân dân Việt Nam.  + Lời lẽ đanh thép, giọng văn hùng biện  Sức mạnh của lí lẽ chính là sự thật. Tác giả đã dùng hàng loạt thực tế lịch sử để chứng minh thực dân Pháp “đã không bảo hộ” được Việt Nam, thực dân Pháp đã phản bội Việt Nam, TD Pháp đã reo rắt nhiều tội ác với nhân dân Việt Nam.  Dùng thực tế để khẳng định : Sự độc lập của Việt Nam phù hợp với lẽ phải và công lý và đạo lý.  - Tuyên ngôn độc lập còn là một áng văn xúc động lòng người. Chất văn của tác phẩm được bộc lộ qua tấm lòng của Bác đối với nước nhà, dân tộc gây xúc động sâu sắc tới người nghe. Đó là lòng yêu nước nồng nàn và lòng tự hào dân tộc mãnh liệt, khát vọng độc lập, tự do với ý thức quyết tâm giữ vững quyền tự do, độc lập ấy. Tất cả đã được thể hiện trên từng câu chữ nhất là giọng văn vừa thiết tha, vừa hùng hồn, đanh thép.  + Ngôn ngữ chính xác, giàu sắc thái biểu cảm, từ ngữ chọn lọc súc tích. Dùng hàng loạt động từ chính xác giàu sắc thái biểu cảm, điệp từ, điệp ngữ có tính khẳng định nhấn mạnh.  \* **Nhóm 2**  Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị  - Tố Hữu là một thi sỹ - chiến sĩ, một kiểu mẫu nhà văn - chiến sĩ thời đại cách mạng.  - Thơ ông trước hết nhằm phục vụ cuộc đấu tranh cách mạng, cho những nhiệm vụ chính trị cơ bản của mỗi giai đoạn cách mạng.  - Tố Hữu đã đem đến cho dòng thơ cách mạng một tiếng nói trữ tình mới với những cảm xúc, tình cảm mang tính cụ thể, trực tiếp nói cái tôi cá thể bừng sáng và thức tỉnh sâu sắc lí tưởng cách mạng. Một cái tôi riêng tư có sự hoà hợp với cái chung - một con người ở giữa mọi người trong cuộc đời.  - Thơ Tố Hữu chủ yếu khai thác cảm hứng từ đời sống chính trị của Đất Nước, từ tình cảm chính trị của bản thân nhà thơ, ông là nhà thơ của lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người cách mạng và cuộc sống cách mạng. ở những bài thơ hay nhất của Tố Hữu thường có sự kết hợp cả 3 chủ đề : Lẽ sống cách mạng, niềm vui lớn và ân tình cách mạng. Trong thơ Tố Hữu chủ yếu là cái tôi dân tộc và cách mạng.  - Thơ Tố Hữu cũng rất tiêu biểu cho cảm hứng lãng mạn. Đó là cảm hứng lãng mạn cách mạng. Thơ ông tập trung thể hiện vẻ đẹp lí tưởng của con người và cuộc sống mới, thể hiện niềm tin vững chắc vào tương lai tươi sáng của cách mạng, của Đất Nước, dẫu hiện tại còn nhiều khó khăn, hi sinh gian khổ.  \* **Nhóm 3**  Nghệ thuật biểu hiện của bài thơ Việt Bắc đậm đà bản sắc dân tộc  - Tố Hữu đã phát huy được nhiều thế mạnh của thể thơ lục bát truyền thống.  + Cấu tứ : Là cấu tứ của ca dao với hai nhân vật trữ tình “ta” và “mình”, người ra đi và người ở lại hát đối đáp với nhau.  + Nhà thơ rất chú ý sử dụng kiểu tiểu đối của ca dao, có tác dụng nhấn mạnh ý thơ, tạo ra nhịp thơ uyển chuyển cân xứng, hài hoà làm cho lời thơ dễ nhớ, dễ thuộc thấm sâu vào tâm tư :  *- Mình về rừng núi nhớ ai*  *Trám bùi để rụng, măng mai để già*  - Về ngôn ngữ thơ :  Tố Hữu chú trọng lời ăn tiếng nói của nhân dân rất giản dị, mộc mạc nhưng cũng rất sinh động để tái hiện lại một thời cách mạng và kháng chiến đầy gian khổ mà dạt dào tình nghĩa. Đó là : ngôn ngữ rất giàu hình ảnh cụ thể, ngôn ngữ rất giàu nhạc điệu, thơ Tố Hữu sử dụng rất nhuần nhuyễn phép trùng điệp của ngôn ngữ dân gian.  Tất cả tạo ra giọng điệu trữ tình nghe tha thiết, êm ái, ngọt ngào như âm hưởng lời ru đưa ta vào từng kỉ niệm và nghĩa tình thuỷ chung.  \* **Nhóm 4**  Người lính hiện về trong hồi tưởng như một biểu tượng xa vời trong thời gian và không gian hoài niệm không dứt một nỗi nhớ thương mênh mang (nhớ về, nhớ chơi vơi….)  - Người lính được miêu tả rất thực trong những sinh hoạt cụ thể hằng ngày, trong những bước đi nặng nhọc trên đường hành quân với những đói rét bệnh tật với những nét vẽ tiều tụy về hình hài song vẫn phong phú trong đời sống tâm hồn với những khát vọng tuổi trẻ.  Liên hệ so sánh với người lính trong Đồng chí để thấy được nét tương đồng của người lính vệ quốc.  - Tác giả phát hiện ra vẻ đẹp trong đời sống tâm hồn của người lính.  Nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên núi rừng với những cảnh sắc độc đáo rất tinh tế : (hùng vĩ, dữ dội, phi thường và duyên dáng trữ tình thơ mộng).  + Cháy bỏng khát vọng chiến công, Ôm ấp về giấc mơ đẹp về tình yêu tuổi trẻ.  Vẻ đẹp tâm hồn của người lính : lãng mạn, đa tình. So sánh với người lính trong “đồng chí” (là nông dân chất phác, bình dị gắn bó với làng quê nghèo…) để làm nổi bật nét riêng tài hoà , đa tình lãng mạn của người lính Tây Tiến.  - Người lính hiện lên chân thực, thơ mộng lãng mạn đồng thời cũng rất hào hùng.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. | | **4. Tuyên ngôn Độc lập**  a) Mục đích đối tượng của “Tuyên ngôn độc lập  - Mục đích  - Đối tượng hướng đến của bản tuyên ngôn  b) Làm rõ Tuyên ngôn độc lập vừa là một áng văn chính luận mẫu mực vừa là một áng văn chan chứa tình cảm lớn.  - Tuyên ngôn độc lập là một áng văn chính luận mẫu mực  - Tuyên ngôn độc lập còn là một áng văn xúc động lòng người.  **5. Tố Hữu**  Tố Hữu là một trong số những nhà thơ lớn của nền thơ hiện đại Việt Nam. Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị  **6. Bài thơ Việt Bắc**  Nghệ thuật biểu hiện của bài thơ Việt Bắc đậm đà bản sắc dân tộc.  **7. *Tây Tiến* của Quang Dũng** |
| **Hoạt động 5: Hướng dẫn HS ôn tập về đề tài quê hương đất nước**  **a) Mục tiêu:** Nắm được những kién thức cơ bản đã học.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm**  \* **Nhóm 1,3**  Những khám phá riêng của nhà thơ về đất nước quê hương qua bài thơ Đất nước (Nguyễn Đình Thi  \* **Nhóm 2,4**  Những khám phá riêng của nhà thơ về đất nước quê hương qua đoạn trích Đất nước trong trường ca Mặt đường khát vọng (Nguyễn Khoa Điềm)  **Nhóm 5, 6:**  Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ cùng tên của Xuân Quỳnh. Anh (chị) cảm nhận được gì về tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu của bài thơ này?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Các nhóm lần lượt trình bày  ***Kết quả mong đợi:***  \* **Nhóm 1,3**  Khám phá riêng từ quê hương đất nước  a) Nguyễn Đình Thi  - Hình ảnh đất nước qua hai mùa thu (Mùa thu xưa : đẹp, buồn/ Mùa thu nay : đẹp, vui)  - Đất nước hào hùng trong chiến đấu.  - Đất nước vinh quang trong chiến thắng.  Tóm lại, Nguyễn Đình Thi tự hào, ngợi ca đất nước vất vả đau thương, bất khuất, anh hùng trong chiến thắng chống Pháp.  \* **Nhóm 2,4**  Đất nước bắt nguồn từ những gì gần gũi nhất, thân thiết nhất và bình dị nhất trong đời sống vật chất và đời sống tâm linh của con người.  - Đất nước được cảm nhận từ phương diện địa lí và lịch sử thời gian và không gian.  - Đất nước là nơi thống nhất các yếu tố lịch sử, văn hoá, phong tục.  - Từ sự cảm nhận ấy dẫn đến một thái độ đầy trách nhiệm ấy của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Một sự cảm nhận riêng mang tầm thời đại. Tư tưởng đất nước của nhân dân.  Tóm lại, Nguyễn Khoa Điềm thức tỉnh tuổi trẻ và mỗi người nhận biết về cội rễ và nguồn mạch chính của Đất Nước. Khám phá truyền thống "đất nước của nhân dân". Cảm xúc lắng sâu trong nhận thức và trách nhiệm, cảm xúc lắng sâu trong nhận thức và trách nhiệm, hình ảnh thơ được khơi nguồn trong ca dao thần thoại  ***Nhóm 5, 6:***  a)Phân tích hình tượng sóng :  - Sóng là hình ảnh ẩn dụ của người con gái đang yêu, là sự hoá thân, phân thân của cái tôi trữ tình của nhà thơ. Cùng với hình tượng sóng bài thơ còn có một hình tượng nữa là em-cái tôi trữ tình của nhà thơ. “Em” và “Sóng” có lúc phân đôi để soi chiếu lại hoa nhập vào (để tạo nên sự âm vang cộng hưởng).  - Hình tượng sóng trước hết được gợi ra từ âm hưởng dào dạt, nhịp nhàng của bài thơ. Đó là nhịp của những con sóng trên biển liên tiếp triền miên. Đó còn là nỗi lòng đang tràn ngập, đang khao khát tình yêu vô hạn, đang đồng điệu với sóng biển.  - Qua hình tượng sóng, Xuân Quỳnh đã diễn tả vừa cụ thể vừa sinh động nhiều trạng thái tâm trạng những cung bậc tình cảm khác nhau trong trái tim của người phụ nữ đang rạo rực khát khao yêu đương.  + Mỗi trạng thái tâm hồn cụ thể của người phụ nữ đang yêu đều có thể tìm thấy sự tương đồng của nó với một khía cạnh, một đặc tính nào đó của cuộc sống.  + Dùng hình tượng sóng để biểu hiện cũng chưa đủ chưa hết, chưa thoả cái tôi trữ tình của nhà thơ nhiều khi trực tiếp nói lên tình cảm tha thiết mãnh liệt của mình.  - Xuân Quỳnh đã mượn hình tượng sóng để nói và nghĩ về tình yêu.  + Đó là cuộc hành trình khởi đầu, là sự từ bỏ cái chật chội, nhỏ hẹp để tìm đến một tình yêu bao la rộng lớn và cuối cùng là khát vọng được sống hết mình trong tình yêu vĩnh viễn hoá tình yêu của mình.  + Những ý nghĩ này có vẻ tự do tản mạn nhưng từ chiều sâu của thi thứ vẫn có sự vận động nhất quán.  b) Phát biểu cảm nhận của mình.  - Qua hình tượng sóng và cả bài thơ, chúng ta có thể cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu. Người phụ nữ ấy mạnh bạo chủ động bày tỏ những khát khao yêu đương mãnh liệt và những rung động rạo rực trong lòng mình.  Tâm hồn phụ nữ giàu khao khát, không yên lặng. Đó là tâm hồn trong sáng thuỷ chung vô hạn.  -> Quan niệm tình yêu như vậy rất gần gũi với mọi người có gốc rễ trong tâm hồn của dân tộc.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.  - GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện các câu 10, 11, 12.  - So sánh *Chữ người tử tù* (Ngữ văn 11, tập Một) với *Người lái đò Sông Đà*, nhận xét những điểm thống nhất và khác biệt của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945?  + GV lưu ý thêm cho HS vì sao lại có sự khác biệt đó trong phong cách sáng tác của Nguyễn Tuân. | | 8. Đề tài quê hương đất nước qua Đất nước (Nguyễn Đình Thi), đoạn trích Đất nước trong trường ca Mặt đường khát vọng (Nguyễn Khoa Điềm)  Khám phá riêng từ quê hương đất nước  a) Nguyễn Đình Thi  b) Nguyễn Khoa Điềm:  Nhận xét: Hai bài thơ ra đời trong hai thời điểm khác nhau, hai nhà thơ có tiếng nói thời đại khác nhau và họ đã có những bản thông điệp khác nhau về đất nước từ những góc nhìn văn hóa khác nhau. Nhưng điểm gặp gỡ và hội tụ là tình yêu quê hương đất nước và ý thức trách nhiệm phải giữ gìn, bảo vệ non sông đất nước.  9. Bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh  a)Phân tích hình tượng sóng :  b) Phát biểu cảm nhận của mình.  Câu 12: Điểm thống nhất và khác biệt của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945 qua truyện ngắn *Chữ người tử tù* và tùy bút *Người lái đò Sông Đà*:  - Những điểm thống nhất:  + Có cảm hứng mãnh liệt trước những cảnh tượng độc đáo, tác động mạnh vào giác quan nghệ sĩ.  + Tiếp cận thế giới thiên về phương diện thẩm mỹ, tiếp cận con người thiên về phương diện tài hoa nghệ sĩ.  + Ngòi bút tài hoa, uyên bác.  - Những điểm khác biệt:  + Nếu trong *Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân đi tìm cái đẹp trong quá khứ “vang bóng một thời”, thì trong *Người lái đò Sông Đà*, nhà văn đi tìm cái đẹp trong cuộc sống hiện tại.  + Trong *Chữ người tử tù*, Nguyễn Tuân đi tìm chất tài hoa nghệ sĩ ở tầng lớp những con người thực sự là những nghệ sĩ. Còn trong *Người lái đò Sông Đà*, ông đi tìm chất tài hoa nghệ sĩ trong đại chúng nhân dân. Cái đập mạnh vào giác quan nghệ sĩ của ông giờ đây là những thành tích của nhân dân trong lao động. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: Chọn kiến thức cơ bản để điền vào ô trống.  **d) Tổ chức thực hiện:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Văn xuôi | Thơ ca | Kịch | | Từ 1945 đến 1954 | …… | ….. | ….. | | Từ 1955 đến 1964 | ……. | …… | …… | | Từ 1965 đến 1975 | …….. | ……. | ……. | | Từ 1975 đến hết thế kỉ XX | ……. | ……. | ……. |   *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**  Yêu cầu HS lập bảng so sánh nét riêng của hình tượng người lính trong *Tây Tiến* của Quang Dũng và *Đồng chí* của Chính Hữu để dễ ghi nhớ:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Tây Tiến | Đồng chí | | Xuất thân | ……. | ……. | | Bút pháp miêu tả | ……. | ……. | | Khung cảnh | ……. | ……. | | Tính chất hình tượng | ……. | ……. |   *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và trả lời.*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | | | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)  -Lập bảng hệ thống tác giả, tác phẩm đã học trong văn học Việt Nam 1945 đến hết thế kỉ XX |
| - Chuẩn bị bài: THỰC HÀNH CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN |

**Tuần 18**

Ngày soạn: …./…./….

Ngày dạy: …./…./….

***Tiết 52:***

**THỰC HÀNH CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Nhận ra lỗi trong quá trình lập luận trong văn nghị luận

Nguyên nhân của lỗi lập luận

Vận dụng hiểu biết về lỗi lập luận để sửa câu sai

Hiểu được các lỗi trong quá trình lập luận

**2. Năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan các phương thức biểu đạt

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản để phát hiện các phương thức biểu đạt .

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân có sử dụng các phương thức biểu đạt.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận những vấn đề trong cuộc sống

- Năng lực phân tích, so sánh các phương thức biểu đạt.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

**3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Những ngữ liệu có dấu hiệu sai khi lập luận;

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/*Trò*

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  - GV giao nhiệm vụ:  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng cách cho HS làm bài trắc nghiệm:  *Đoạn văn sau phạm lỗi gì về lập luận?*  Qua bài thơ Tràng giang, nhà thơ Xuân Diệu đã khẳng định: “ Tràng giang là bài thơ dọn đường cho lòng yêu giang sơn tổ quốc”, bởi vì bài thơ đã bộc lộ được tâm trạng cô đơn buồn tẻ của lớp thanh niên cũng như của tác giả.  a. Luận điểm không rõ ràng. b. Luận cứ không chuẩn xác, không đáng tin cậy. c. Luận cứ và luận điểm không phù hợp nhau. d. Cả A, B và C.  - **HS** thực hiện nhiệm vụ:  -  **HS** báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **phương án c**  Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Chúng ta đã có một tiết tìm hiểu bài Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận. Hôm nay, chúng ta tiếp tục thực hành bài học đó. | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn HS luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Hiểu các kiến thức đã học.  **b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *1. GV yêu cầu HS:* - GV yêu cầu một HS nhắc lại những lỗi lập luận thường gặp (đã tìm hiểu trong bài *Chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận*).  *2.* - GV hướng dẫn HS chia nhóm HS (hai bàn thành một nhóm) thảo luận phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn và thực hành chữa lại đoạn văn để lập luận chặt chẽ, lôgíc và có sức thuyết phục.  **+ Nhóm 1:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **a** và chữa lỗi.  **+ Nhóm 2:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **b** và chữa lỗi.  **+ Nhóm 3:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **c** và **d** rồi chữa lỗi.  **+ Nhóm 4:** phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong các đoạn văn **e** và chữa lỗi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  + HS lần lượt trả lời từng câu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | I. Lỗi liên quan đến việc nêu luận điểm  II . Lỗi liên quan đến việc nêu luận cứ  III. Lỗi liên quan đến việc vận dụng các phương pháp luận  **1. Đoạn văn a:**  - Lỗi lập luận: Ví dụ đưa ra không phù hợp với nội dung của câu trước đó, không làm toát lên được ý “tác động mạnh mẽ đến tâm hồn con người”.  - Gợi ý sửa lỗi: *Giá trị quan trọng nhất của VHDG là giá trị nhận thức ... vừa tác động mạnh mẽ đế tâm hồn con người. Ví dụ như câu: “Thân em như tấm lụa đào – Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai”. Câu ca dao cho người đọc thấy sự ý thức của người phụ nữ về vẻ đẹp, về giá trị của mình. Đồng thời, người đọc cũng thấy được nỗi đau về thân phận bị phụ thuộc và hạnh phúc bấp bênh ở họ. Họ đáng trân trọng và cũng đáng thương.*  **2. Đoạn văn b:**  - Lỗi lập luận: Nội dung câu kết không phù hợp với các câu trên.  - Sửa lỗi: bỏ đi câu cuối.  **3. Đoạn văn c:**  - Lỗi lập luận: Các câu văn diễn đạt ý rời rạc, không phù hợp với nhau, thiếu mạch lạc.  - Sửa lại: *Truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân đã cho ta thấy sức mạnh của tình người trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống. Trong cái đói gay gắt, họ đạ biết nương tựa vào nhau, chia sẻ cho nhau. Đó chính là biểu hiện của giá trị nhân đạo trong tác phẩm.*  **4. Đoạn văn d:**  - Lỗi lập luận: Câu 3 và 4 có nội dung không phù hợp với nhau.  - Sửa lỗi: *Nếu ai đã từng đi ra biển thì hẳn phải cảm nhận được vẻ đẹp kì diệu và sức mạnh của những con sóng miên man vỗ bờ. Những con sóng luôn biến đổi khôn lường, lúc thì êm ả dịu dàng, lúc lại sôi sục, dữ dội. Chính vì thế XQ đã ví tình yêu của mình như những con sóng để nói lên tình yêu của mình.*  **5. Đoạn văn e:**  - Lỗi lập luận: Câu chốt đầu đoạn đúng nhưng các câu sau không tập trung làm sáng rõ được, hơn nữa còn mắc lỗi khác ngoài lỗi lập luận.  - Sửa lỗi: *Lòng thương người của ND bao trùm lên toàn bộ tác phẩm “Truyện Kiều”. ND viết truyện thơ này như có “máu chảy trên đầu ngọn bút” (Mộng Liên Đường Chủ nhân). Đó chính là nỗi xót xa vô hạn trước kiếp hồng nhan bạc mệnh mà tiêu biểu là Thúy Kiều. Chính vì thế mà nhà thơ Tố HỮu đã khái quát rất đúng khi viết: Tố Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều’.*  **6. Đoạn văn g:**  - Lỗi lập luận:  + Câu trích dẫn đưa ra không phù hợp với ý kiến đưa ra: “Hình ảnh những thế hệ cây xà nu cũng gợi lên sự tiếp nối của thế hệ những người dân Xô Man” không phù hợp với trích dẫn: “Có những cây non vừa lớn...lông vũ”.  + Có những câu tối nghĩa.  - Sửa lỗi: *Cây xà nu là một cây họ thông ..ở Tây Nguyên. Xà nu là loài cây gỗ quý và đặc biệt có sức sống rất mãnh liệt. Rừng xà nu là biểu tượng cho người dân Xô Man. Hình ảnh những thế hệ cây xà nu gợi lên sự nối tiếp của các thế hệ người dân nơi đây trong cuộc chiến không cân sức với kẻ thù hung bạo là đế quốc Mĩ.*  **7. Đoạn văn h:**  - Lỗi lập luận: Đưa ra những câu có ý nghĩa không ăn nhập với nhau: “Các tác phẩm VHDG đề hướng con người tới “chân, thiện, mĩ”. Không một ai là không biết đến truyen5 cổ tích “Tấm Cám”; ...  - Sửa lỗi: *Chính vì ra đời từ rất sớm và gắn liền với cuộc sống nhân dân lao động nên VHDG có giá trị trong việc bảo tồn và nuôi dưỡng tâm hồn nhân dân, hướng tới cái “chân, thiện, mĩ”. Qua nhiều tác phẩm, ta đều thấy nhân dân luôn luôn khát khao cho cái thiện thắng cái ác, ở hiền gặp lành. Không những thế, văn học dân gian còn có rất nhiều giá trị nghệ thuật đặc sắc trên các thể loại. Ta thử tìm hểu điều ấy qua truyện cổ tích “Tấm Cám”.* |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.  **b) Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi  **c) Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV giao nhiệm vụ:**  **Câu hỏi 1:** Dòng nào dưới đây nêu không đúng yếu tố chính của lập luận trong bài văn nghị luận ? **a. Luận đề** b.Luận điểm  c.Luận chứng  d.Luận cứ  **Câu hỏi 2:** Dòng nào dưới đây nêu đúng nhất cách hiểu về luận chứng? a. Là những ý kiến xác định của người viết về vấn đề được bàn luận  b.Là việc vận dụng các phép suy luận logic, tổ chức kết hợp các lí lẽ, dẫn chứng để tăng thuyết phục cho luận điểm  **c. Là các tài liệu, các dẫn chứng được dùng làm cơ sở để thuyết minh cho luận điểm,** d. Là những vấn đề triển kai từ luận điểm, góp phần sáng tỏ vấn đề được bàn luận  **Câu hỏi 3:** Dòng nào dưới đây nêu không đúng những lỗi thường gặp trong lập luận của một bài văn nghị luận? a. Nêu luận điểm trùng lặp  **b. Đưa ra dẫn chứng không phù hợp**  c. Nêu luận cứ thiếu chính xác  d. Lập luận mâu thuẫn    **Câu hỏi 4:** Trong khi lập luận , cần chú ý điều gì ? a.Xác định rõ luận điểm cần trình bày  b.  Dùng các phương tiện ngôn ngữ phù hợp c. .Chú ý tính logic, nhất quán của các luận điểm , luận cứ  **d.Cả 3 ý kiến trên đều đúng**  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*  *- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.* | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức  **b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau  **c) Sản phẩm:** Kết quả của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  **GV yêu cầu HS trả lời:**  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận và trả lời.*  *- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.* | |

## 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.( 5 phút)

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ ( 5 PHÚT)** |
| **1/Hướng dẫn tự học:**  Nhận diễn lỗi trong lập luận và cách sửa  2/ Dặn dò : THI HỌC KÌ I |